

TRUNG TÂM NHẬP THẤT CHÙA TỊNH LUẬT
Phật Lịch 2546

**KINH
ĐẠI THỪA
NHẬP LĂNG GIÀ**

Phụng dịch theo bản đời Đường của Ngài Thiệt Xoa Nan Đà.
Tham Khảo các bản dịch đời Ngụy, Tống và bản dịch Anh
Ngữ của Suzuki. THÍCH NỮ TRÍ HẢI 1969.
- TÁI HIỆU CHÍNH 1997 -

MUC LUC

LỜI TỰA	3
QUYỂN MỘT	5
CHƯƠNG I - VUA LĂNG GIÀ THƯA HỎI	5
CHƯƠNG II - THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP	19
<i>Tiết I</i>	19
QUYỂN HAI	39
<i>Tiết II - THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP</i>	39
QUYỂN BA	67
CHƯƠNG II	67
<i>Tiết III - TU TẬP HẾT THẢY PHÁP</i>	67
QUYỂN BỐN	101
CHƯƠNG III - VÔ THƯỜNG	
(ANITYATIPARIVATRO MAMATTRIYAH)	101
<i>Tiết I</i>	101
QUYỂN NĂM	135
CHƯƠNG III - VÔ THƯỜNG	135
CHƯƠNG IV - HIỆN CHỨNG	153
CHƯƠNG V - NHƯ LAI THƯỜNG HAY VÔ THƯỜNG	157
CHƯƠNG VI - SÁT NA PHẨM	159
QUYỂN SÁU	173
CHƯƠNG VII - PHẨM BIẾN HÓA	173
CHƯƠNG VIII - CẤM ĂN THỊT	177
CHƯƠNG IX - ĐÀ LA NI	187
CHƯƠNG X - KỆ TỤNG I	189
QUYỂN BẢY	223
CHƯƠNG X - KỆ TỤNG II	223

LỜI TỰA

Kinh Lăng Già là bộ kinh có tầm quan trọng của Phật giáo Đại Thừa, vì chứa đựng những học thuyết về Duy Tâm, Như Lai Tạng, A Lại Da Thức, và cả văn học Phật Giáo thiền. Nghĩa lý kinh văn rất thâm sâu vi diệu, khó hiểu. Khó ở chỗ có nhiều cách để hiểu hoàn toàn về ý nghĩa, và cả hoàn cảnh lịch sử của nó.

Yếu chỉ kinh Lăng Già là dùng nghĩa Duy Thức để phá kiến chấp của các tôn giáo khác, và chỉ rõ cảnh giới chứng ngộ của người tu Phật.

Kinh Lăng Già có ba bản dịch từ Phạn văn (Sanskrit) sang Hán văn: Tống dịch, Ngụy dịch, và Đường dịch. Bản đang phổ biến và thanh hành nhất hiện nay là Tống dịch do ngài Tam Tạng Sa Môn Cầu Bạt Đà La (người Thiên Trúc) dịch.

Phần Việt dịch hiện có những bản:

Sư Bà Diệu Không dịch bản sơ giải của ngài Hàm Thị (1970)

H.T. Thích Thanh Từ dịch bản sơ giải của ngài Hàm Thị (1975)

Đ.Đ. Thích Chơn Thiện dịch từ nguyên tác Anh ngữ của ngài Daisetz Teitaro Suzuki (1992)

H.T. Thích Duy Lực dịch bản của ngài Tam Tạng Sa Môn Cầu Bạt Đà La (1994)

Nay chúng tôi có thiện duyên nhận được bản Kinh Lăng Già của Ni Sư Trí Hải phụng dịch theo bản Đường dịch của ngài Thật Xoa Nan Đà, cùng tham khảo các bản Ngụy, Tống dịch và bản Anh ngữ của ngài Suzuki (1969).

Dịch giả Ni Sư Trí Hải với nhiều kinh nghiệm dịch thuật, và nhiều năm nghiên cứu kinh tạng. Riêng tôi đọc những bản

dịch, nhận thấy bản của Ni Sư Trí Hải dễ hiểu nhất trong những bản kể trên. Lời văn giản dị, trong sáng, ít dùng Hán văn. Hy vọng đọc giả khai thông khi đọc dịch phẩm giá trị này.

Tôi xin nhất tâm và tha thiết giới thiệu cùng quý thiện tín. Mong rằng quý vị y kinh này ngộ được thật tướng của các pháp, và thẳng đến quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cuối cùng xin hồi hướng công đức ấn tống kinh này đến tất cả quý phật tử đã phát tâm cúng dường. Nguyên hồng âm Tam Bảo gia hộ cho kẻ còn người mất, tất cả pháp giới chúng sanh sớm thành phật đạo.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Xuân Mậu Dần 1998.

Tỳ Kheo Thích Tịnh Trí.

QUYỂN MỘT

CHƯƠNG I VUA LĂNG GIÀ THỬA HỎI

Như vậy tôi nghe, vào thời gian Phật cùng chúng đại tỳ kheo và đại Bồ tát ở trong thành Lăng già trên đỉnh núi Ma la đà bên biển lớn. Các vị này đều đã thông đạt năm pháp, ba tự tính, tám thức, hai vô ngã, hiểu rõ nghĩa cảnh giới do tự tâm hiện, dạo chơi trong vô số tam muội, tự tại, mười lực và sáu thần thông. Tuy hiện đủ loại hình và phương tiện để điều phục chúng sinh, kỳ thực các Ngài xuất thân từ các cõi Phật, được chư Phật lấy nước cam lộ rưới đầu. Bồ tát Đại Huệ là bậc thượng thủ.

Bấy giờ đức Thế Tôn thuyết pháp trong cung vua Rồng biển đã quá bảy ngày. Ngài từ trong biển lớn đi ra, có vô lượng trời rồng, Phạm vương, Đế Thích - những vị hộ trì thế gian-cung đón. Đức Như lai đưa mắt nhìn thành Lăng già trên đỉnh Ma la đà sơn, mỉm cười nói: "Các bậc Ứng chính đẳng giác ngày xưa cũng đều ở trong thành này diễn nói Pháp mà thánh trí đã chứng. Đó không phải cảnh giới ngoại đạo có thể suy lường, không phải cảnh giới của thanh văn duyên giác. Nay Như lai cũng khai thị pháp này cho La bà vương (Ràvana)." Khi ấy La bà na, vua loài Dạ xoa, nhờ thần lực Phật, nghe được âm thanh lời ngài, từ xa biết Như lai đã ra khỏi cung vua Rồng biển, có các vị hộ thế trời, rồng, Phạm vương, Đế Thích vây quanh. Nhìn sóng biển, Như lai quán sát A lại gia thức của chúng sinh không khác gì biển lớn bị gió hoàn cảnh thổi động, làm cho sóng thức nổi dậy. La bà na lòng vui mừng nói:

"Ta hãy đến thỉnh đức Như lai vào thành Lăng già, để ta cùng các loài trời, người trong đêm tối dài được lợi ích lớn." Nói xong cùng quyến thuộc đi xe hoa đến chỗ Phật, đến nơi xuống xe nhiều quanh Phật ba vòng, trỗi các thứ âm nhạc để cúng dường Như lai. Các nhạc khí đều nạm ngọc nhân đà la màu xanh, ngọc lưu ly..., được bọc trong các thượng y vô giá. Âm thanh vi diệu mỹ lệ, tiết điệu hòa nhịp theo lời kệ ca ngợi Phật:

Tâm Phật là kho tàng chân lý
Vô ngã, lìa kiến chấp nhiễm ô
Nguyện Phật vì chúng con diễn nói
Chỗ sở tri thánh trí đã tường
Báo thân do thiện pháp tích thành
Trí giác ngộ nên thường an lạc
Ngưỡng mong đấng Biến hóa tự tại
Vào thành Lăng già diễn pháp sâu
Chư Phật cùng Bồ tát xưa lâu
Cũng từng ở thành này nói pháp
Chúng con loài dạ xoa hết thủy
Nguyện một lòng nghe Pháp cao sâu

La bà na, chúa tể thành Lăng già, sau khi đã ca bài tán Phật theo âm điệu Đô ta ka (Totaka), còn hát bài tụng như sau:

Thế Tôn trong bảy ngày
Ở trong biển Ma kiệt
Sau ra khỏi Long cung
Ung dung lên bờ này
Con và các thế nữ
Cùng quyến thuộc dạ xoa
Thân đà, Xa Thích na
Cùng các vị thông tuệ

Đều sẽ dùng thần lực
 Mà đến chỗ Như lai
 Lần lượt xuống xe báu
 Lễ kính đức Thế tôn
 Lại nhờ uy thần Phật
 Trước Phật xưng tên mình:
 Con là vua La sát
 La bà na mười đầu
 Nay đi đến chỗ Phật
 Xin Phật thấu nhận con
 Và tất cả chúng sinh
 Ở trong thành Lăng già
 Vô lượng Phật quá khứ
 Đều lên đỉnh núi báu
 Trong thành Lăng già này
 Mà nói pháp sở chứng
 Thế tôn cũng nên vậy
 Ở núi báu trang nghiêm
 Chúng bồ tát vây quanh
 Xin nói pháp thanh tịnh
 Chúng con nhân ngày nay
 Cùng chúng ở Lăng già
 Một lòng cung kính nghe
 Pháp tự chứng lý ngôn
 Con nhớ đời quá khứ
 Vô lượng các đức Phật
 Có Bồ tát nhiều quanh
 Cũng nói kinh Lăng già
 Kinh nhập Lăng già này
 Phật xưa đều khen ngợi

Nguyên Phật nay cũng thế
 Vì chúng sinh khai diễn
 Xin Phật vì xót thương
 Vô lượng chúng Dạ xoa
 Hãy vào thành nghiêm báu
 Nói pháp môn vi diệu
 Thành Lăng già đẹp này
 Trang hoàng bằng châu báu
 Vách không bằng đất, đá
 Lưới giăng bằng trân bảo
 Các chúng Dạ xoa đây
 Xưa từng cúng dường Phật
 Tu hành lìa các lỗi
 Thường rõ chỗ chứng tri
 Các dạ xoa nam nữ
 Khao khát pháp đại thừa
 Tự tin theo Pháp ấy
 Và thích khiến người tin
 Nguyên xin đấng vô thượng
 Vì các chúng La sát
 Và quyến thuộc Lung nhĩ
 Mà đến nơi thành này
 Con từ xưa đến nay
 Siêng cúng dường chư Phật
 Nguyên nghe pháp tự chứng
 Đạo đại thừa cứu cánh
 Xin Phật thương xót con
 Và các chúng Dạ xoa
 Cùng các hàng con Phật
 Mà vào trong thành này

Đây cung điện thể nữ
 Và các chuỗi anh lạc.
 Vườn vô ưu khả ái
 Xin Phật thương nạp thọ
 Để phụng Phật, Bồ tát
 Không gì con không xả
 Ngay cả đến thân này
 Xin Phật thương nạp thọ.

Đức Thế Tôn nghe lời trên, liền dạy: "Này Dạ xoa vương, các đấng đại đạo sư đời quá khứ đều thương xót người, nhận lời thỉnh cầu của người mà đến núi báu này, nói pháp tự chứng. Chư Phật đời vị lai cũng thế. Đây là chỗ ở của những bậc tu thiền quán sâu xa đã biến hiện ra pháp lạc. Ta và các bồ tát vì thương xót sẽ nhận lời cầu thỉnh của người." Nói xong, Phật ngồi im lặng. Vua La bà na liền đem xe kết hoa đẹp của mình để cúng Phật. Phật ngồi lên xe, vua và các bồ tát tuần tự theo sau. Có vô lượng thể nữ ca hát tán thán để đón mừng Phật vào thành. Sau khi vào thành, vua La bà na cùng quyến thuộc lại dùng các thứ vi diệu để cúng dường. Đồng nam đồng nữ trong chúng Dạ xoa lấy lưới báu cúng dường Phật, vua La bà na cúng Phật và Bồ tát các chuỗi anh lạc đeo cổ. Sau khi nhận các phẩm vật cúng dường, chư vị Bồ tát lần lượt nói cảnh giới cao thâm mà các ngài đã thân chứng. La bà na vương và quyến thuộc lại cúng dường bồ tát Đại huệ và khuyến thỉnh như sau:

Tôi và các đại sĩ
 Muốn hỏi đức Thế Tôn
 Các cảnh giới tự chứng
 Của tất cả Như lai
 Tôi cùng chúng dạ xoa

Và các bồ tát này
 Một lòng nguyện xin nghe
 Nên đồng thanh khuyến thỉnh
 Ngài là bậc tối thắng
 Trong các bậc tu hành
 Và thuyết pháp lợi sinh
 Tôi một lòng cung kính
 Xin ngài vì chúng tôi
 Mà thỉnh vấn như lai
 Pháp tự chứng thanh tịnh
 Cứu cánh vào Phật địa
 Liệt tất cả lầm lỗi
 Của ngoại đạo, nhị thừa.

Bấy giờ trong núi ấy, đức Thế Tôn dùng thần lực hóa ra muôn ngàn núi báu, lại dùng trăm ngàn vạn ức báu vật của chư thiên mà trang hoàng. Trên đỉnh mỗi ngọn núi đều có thân Phật hiện, trước mỗi thân Phật đều có vua La bà na và hội chúng. Tất cả cõi nước trong mười phương đều xuất hiện, trong mỗi cõi nước đều có đức Như lai, trước mỗi đức Phật đều có vua La bà na cùng quyến thuộc, vườn A du già, thành Lăng già trang nghiêm... Mỗi nơi đều có bồ tát Đại huệ thưa hỏi Phật. Phật khai thị cảnh giới tự chứng cho chúng hội. Sau khi dùng muôn ngàn âm thanh vi diệu để diễn nói kinh này, Phật cùng chúng Bồ tát tan biến vào hư không. Khi chỉ thấy còn lại một mình mình trong cung điện, vua La bà na nghĩ: "Vậy, người đang nhìn mọi sự đây là ai? Ai đã nghe thuyết pháp? Ai thấy? Thấy gì? Phật và rừng núi báu trong thành biến đi đâu? Đây là mộng chăng? Hay là ảo giác? Hay cảnh biến hóa của loài càn thất bà? Hay vì ta nhắm mắt? Hay là nằng quán đèn lòa? Đây là ảo mộng, như con của thạch nữ?"

Như ảo giác vòng lửa quay?" Lại nghĩ: "Bản tính của vạn pháp đều như vậy, chỉ là cảnh giới do tự tâm phân biệt. Kẻ phàm phu mê hoặc không thể hiểu thấu. Kỳ thực, không có thấy và bị thấy, không người năng thuyết cũng không pháp sở thuyết. Thấy Phật nghe Pháp đều là phân biệt. Những người thấy các pháp như trên không thể thấy được Phật, không sinh phân biệt mới gọi là thấy Phật." Khi ấy chúa tể thành Lăng già bỗng nhiên khai ngộ, lìa ô nhiễm của tự tâm, chứng được vạn pháp chỉ do tâm biến hiện; an trú cảnh giới vô phân biệt. Nhờ những thiện căn đã trồng lâu xa về trước, ông được cái thấy "như thật" đối với hết thảy pháp. Ông không còn lệ thuộc người khác để giác ngộ, có thể dùng trí quán sát các pháp một cách sáng suốt, xa lìa hết thảy ước đoán, tà giải, trở thành một bậc thầy trong các bậc đại tu hành. Có năng lực một thân hiện ra nhiều thân, thấy suốt các phương tiện, biết rõ đặc điểm từng giai đoạn tu hành (địa), thường ưa xa lìa tâm, ý, ý thức, cắt đứt ba kiến "tương tục", lìa chấp trước của ngoại đạo. Tự tâm ông biết mình đã vào kho tàng Như lai, hướng đến Phật địa. La bà na bỗng nghe giữa hư không trong cung điện có tiếng nói: "Hay thay, đại vương ! Như chỗ ông đã học, các bậc tu hành cũng học như thế, thấy như thế. Tất cả các đức Như lai cũng thấy như thế. Nếu thấy (các pháp) khác thế, là đoạn kiến. Ông phải xa lìa tâm, ý, ý thức, nên siêng quán sát hết thảy các pháp, nên tu nội hạnh, chớ đắm trước ngoại cảnh, chớ sa vào những pháp tu, những lối giải thích, những cảnh giới, những phép định của nhị thừa ngoại đạo. Chớ ham thích bàn chơi, đàm tiếu, chớ khởi các kiến chấp của phái Vi đà (chấp tự ngã), chớ say đắm an nhàn của vương vị, chớ ở trong những định thuộc về lục định v.v.. Làm như thế là thực hành hạnh của bậc chân tu, có thể phá biện luận của người khác, có

thể diệt trừ ác kiến, có thể xả bỏ hết thảy ngã kiến chấp trước, có thể dùng diệu tuệ để chuyển thức sở y, có thể tu đạo đại thừa của Bồ tát, có thể thâm nhập cảnh giới tự chứng của Như lai. Ông nên siêng tu học thêm như vậy, để các pháp sở đắc càng thêm thanh tịnh. Hãy khéo tu Tam muội và Tam ma bát để (samàpatti), chớ tham đắm cảnh giới mà nhị thừa, ngoại đạo cho là vui thù thắng, vì phân biệt theo phàm phu. Ngoại đạo chấp ngã kiến, có ngã tướng, vướng mắc Thật (dravya), Đức, (Cầu na, guna). Nhị thừa thấy thật có "vô minh duyên hành" nên từ "Tính không" sinh loạn tưởng phân biệt. Lăng già vương, Pháp này là đạo đại thừa rất thù thắng, có thể khiến ông thành tựu "Thánh trí tự chứng", được thọ đời tốt đẹp trong ba cõi. Lăng già vương, các ngoại đạo chấp trước ngã, lập các dị luận, không thể diễn nói xa lìa chấp trước, chỉ thấy nghĩa "hai" của thức tính. Hay thay, Lăng già vương, hãy tư duy nghĩa này như ông tư duy, tư duy như thế chính là thấy Phật."

Bấy giờ Lăng già vương lại nghĩ: "Xin cho còn lại được chiêm ngưỡng Như lai. Như lai Thế tôn vốn tự tại trong các phép quán, lìa pháp ngoại đạo, có thể diễn nói cảnh giới của Thánh trí tự chứng, vượt ngoài ứng thân hóa thân, an trú trong chính định của Như lai, chứng nhập được pháp lạc tam muội. Ngài là đấng "Đại quán hạnh sư", là đấng Đại ai mãn, đã đốt hết lửa phiền não và phân biệt, được các chúng Phật tử vây quanh, đấng hiểu thấu tâm chúng sinh, đấng Biến khắp các cõi, đấng Nhất thiết trí, xa lìa hết thảy sự tướng phân biệt. Con nay xin được thấy lại năng lực đại thần thông của Như lai. Khi được thấy Như lai, nguyện cho con đạt được pháp chưa đạt, không thối chuyển pháp đã đạt, lìa các phân biệt, an trú trong pháp lạc tam muội, tăng trưởng đầy đủ Như lai trí." Đức Phật biết

Lăng già vương sẽ chứng Vô sinh pháp nhẫn, vì thương xót nên lại thị hiện sắc thân, biến mọi vật trở lại như trước. Vua mười đầu thấy lại những gì đã từng thấy: rất nhiều sơn thành trang hoàng bằng đủ thứ châu báu, trong mỗi thành đều có đức Phật 32 tướng nghiêm thân, lại tự thấy thân mình và Đại huệ ở trước mỗi đức Phật, có chúng Dạ xoa vây quanh, đang nói các pháp sở hành của bậc Tự chứng trí, lại thấy cõi nước của mười phương Phật. Tất cả các sự vật đều hiện như trước không sai khác.

Bấy giờ đức Thế tôn từ xa dùng tuệ nhãn quan sát khắp hội chúng rồi bỗng vui mừng cười lớn như sư tử vương. Từ giữa đôi lông mày, đôi mắt, hông, lưng, cổ cho đến từ vai, cánh tay, đầu ngón tay, từ mỗi lỗ chân lông trên thân ngài, đều phóng muôn vàn hào quang đẹp, như ráng cầu vồng, như tia mặt trời, lại như ngọn lửa mạnh nổi lên vào thời kiếp tận. Lúc ấy trong hư không, Phạm vương, Đế Thích, Tứ thiên vương từ xa cũng thấy Như lai ngồi như núi Tu di trên đỉnh Lăng già sơn vui mừng cười lớn. Chư Bồ tát và các chúng loài trời đều nghĩ: "Như lai Thế Tôn vốn tự tại trước mọi pháp, nay bởi nhân duyên gì bỗng lại vui mừng cười lớn, thân tỏa hào quang, lặng im không động, an trú trong cảnh tự chứng, nhập pháp lạc tam muội, như sư tử vương nhìn quanh bốn hướng, nhìn La bà na, nghĩ đến các pháp như thật?" Khi ấy Bồ tát Đại huệ trước vì lời thỉnh của La bà na, sau vì biết rõ tâm các Bồ tát trong hội chúng, lại biết chúng sinh đời sau những kẻ bám vào ngữ ngôn văn tự, ôm giữ hạnh nhị thừa ngoại đạo sẽ mê lầm nghĩ: "Thế Tôn đã xa lìa cảnh giới của thức phân biệt, thế thì vì cớ gì mà vui mừng cười lớn?" Chính vì muốn trừ nghi hoặc cho hạng này, nên Bồ tát hỏi Phật. Phật đáp:

" Hay thay, Đại huệ! Hay thay, Đại huệ ! Ông quán sát thế gian, vì thương xót chúng sinh bị trói buộc trong các quan niệm sai lầm về ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, muốn cho chúng sinh được khai ngộ mà hỏi ta. Những người trí thường đặt câu hỏi vì lợi mình lợi người như vậy. Nay Đại huệ, Lăng già vương đây đã từng hỏi tất cả các đức Như lai trong quá khứ hai nghĩa Ứng cúng và Chính đẳng giác (A la hán và Phật), nay cũng muốn hỏi, và trong đời vị lai cũng thế. Các chỗ khác nhau giữa hai nghĩa ấy, hết thấy nhị thừa, ngoại đạo đều không thể suy lường." Đức Như lai biết Lăng già vương muốn hỏi nghĩa này nên dạy:

Này Lăng già vương, ông muốn hỏi gì cứ hỏi. Ta sẽ phân biệt giải thích cho ông, thỏa mãn mong cầu của ông, khiến ông hoan hỷ, có thể dùng trí tuệ tư duy quán sát để lìa phân biệt, biết rõ các giai đoạn tu hành. Ông sẽ tu tập đối trị các pháp, chứng nghĩa chân thật, nhập pháp lạc tam muội, được chư Phật nhiếp thọ, an trú trong pháp lạc xa ma địa (samapatthi), xa lìa lỗi lầm của định nhị thừa, an trú các cấp bậc Bồ tát: Bất động, Thiện huệ, Pháp vân. Ông sẽ như thật rõ biết các pháp vô ngã, sẽ được ngồi trong hoa sen báu, được chư Phật lấy nước tam muội tưới đầu, được vô số Bồ tát ở trong sen báu vây quanh, cùng chúng hội đều hướng nhìn ông. Các cảnh giới như thế không thể nghĩ bàn. Ông sẽ sinh khởi các hạnh Nhất hạnh và Nhất phương tiện. Ông quyết định sẽ đạt những điều bất tư nghì như thế trong quả vị Như lai, sẽ tùy cơ cảm chúng sinh mà ứng hiện thân tướng. Những gì ông sẽ đạt, hàng nhị thừa, ngoại đạo, Phạm vương, Đế Thích, Tứ thiên vương đều chưa từng thấy.

Được Phật cho phép, Lăng già vương rời chỗ ngồi trên đỉnh núi báu thanh tịnh trang nghiêm như hoa sen lớn đứng dậy, với

chúng thể nữ vây quanh, hóa ra vô lượng hoa đủ màu, các loại hương như hương bột, hương thoa, tràng phan, dù lọng, quang bôi (?), anh lạc cùng các đồ trang sức thắm diệu khác thế gian chưa từng nghe. Lại biến hóa ra rất nhiều nhạc khí mà dục giới có, các nhạc khí vượt hơn nhạc khí cõi trời, rồng, nhạc thần, cùng hết thảy thế gian, các nhạc khí mà chư Phật mười phương đều thấy. Lại hóa các lưới báu che khắp chư Phật, Bồ tát. Lại hiện các thứ y phục mỹ lệ, dựng tràng phan để cúng dường Như lai. Xong La bà na liền bay lên hư không cách bảy cây đa la, rưới xuống các lễ vật cúng dường, trỗi nhạc, rồi từ trên không xuống, ngồi ở đỉnh núi sen báu tỏa ánh sáng như mặt trời, vui mừng cung kính bạch: "Con nay muốn hỏi Như lai hai nghĩa. Hai nghĩa này con đã từng hỏi các đức Như lai Ứng chính đẳng giác trong quá khứ. Chư Phật xưa cũng đã nhân lời cầu thỉnh của con mà trình bày. Nay con muốn hỏi lại nghĩa ấy, xin đức Như lai nói rõ cho con. Bạch Thế tôn, hai nghĩa ấy được các đức Như lai biến hóa chứ không phải Phật căn bản (Phật Pháp thân) tuyên thuyết. Phật căn bản thì chỉ nói cảnh giới của pháp lạc tam muội chứ không nói những cảnh giới do hư vọng phân biệt. Hay thay đức Thế Tôn tự tại đối với các pháp, xin ngài rủ lòng thương xót nói hai nghĩa này, hết thảy hàng con Phật đều có lòng muốn nghe." Khi ấy đức Thế Tôn bảo vua :

Ông cứ hỏi, ta sẽ nói cho.

Vua Dạ xoa liền mang thêm các thứ mũ báu và anh lạc, các đồ trang sức để trang nghiêm thân rồi nói:

Như lai thường dạy : "Pháp còn phải xả, huống hồ phi pháp." Bạch Thế Tôn, làm sao xả hai thứ pháp ấy? Pháp là gì, phi pháp là gì? Làm sao có hai pháp để xả? Có hai pháp tức đã sa vào tướng phân biệt giữa hữu thể và vô thể (svabhàvàbhàva)

giữa thị và phi (abhautibhautika). Tất cả đấy đều là phân biệt, không thể biết được tướng vô sai biệt của A lại da thức. Như khi thấy vòng lông (mao luân) trong hư không mà cho có thật, (sự phân biệt) đó không phải là cảnh giới của tịnh trí. Pháp tính vốn như vậy, làm sao có thể xả (pháp hay phi pháp) ?

Phật dạy:

Lăng già vương, ông không thấy sự tán hoại vô thường của các vật như bình, v.v..hay sao ? Phạm phu thấy những pháp ấy liền sinh phân biệt. Ông không biết sự khác nhau giữa pháp và phi pháp sao ? Đấy là do phạm phu phân biệt, không phải là cái thấy của bậc chứng trí. Phạm phu sa vào sự phân biệt tướng, các bậc đã chứng thì không thế. Nay Lăng già vương, như khi thiêu đốt cung điện, vườn rừng, thấy các ngọn lửa, tính lửa vẫn là một, nhưng do sức cháy của các nơi phát ra ngọn lửa mà lửa có dài ngắn to nhỏ khác nhau. Sao ông không biết tướng sai biệt giữa pháp và phi pháp? Nay Lăng già vương, như một hạt giống sinh mộng, thân nhỏ, cành, lá cho đến hoa quả, sai biệt vô cùng; ngoại pháp như thế, nội pháp cũng vậy. Do vô minh làm duyên sinh uẩn, giới, xứ cùng hết thảy pháp trong ba cõi, thọ sinh vào các đường, có khổ lạc, tốt, xấu, nói, im, đi, nghỉ đều khác nhau. Lại như tướng của các thứ chỉ là một, song theo cảnh giới mà có trên, giữa, dưới, uế, sạch, thiện, ác v.v.. không đồng. Nay Lăng già vương, không những các pháp như trên có sai biệt, mà các bậc tu hành khi tu quán hạnh cũng thấy trong các hạnh nội chứng của mình có các tướng sai biệt, huống chi pháp với phi pháp mà không phân biệt hay sao? Nay Lăng già vương, pháp cùng phi pháp khác nhau, nên biết đấy là do phân biệt các tướng mà ra. Lăng già vương ! Pháp là gì? Ấy là những pháp mà nhị thừa ngoại đạo do hư vọng phân biệt cho là có, thật, làm nhân cho

các pháp. Những pháp như vậy cần phải xa lìa, chớ nắm giữ tướng để sinh phân biệt, thấy các pháp do tự tâm biến mà cho là thật. Thấy được pháp tính của tự tâm, ấy gọi là không chấp trước. Các vật như cái bình v.v.. mà phàm phu chấp vốn không tự tính, những người tu quán hạnh lấy tỷ bát xá na (vipassana-quán) như thật quán sát, gọi là xả các pháp. Nay Lăng già vương, phi pháp là sao? Ấy là các pháp không có tự tính, không tướng, lìa phân biệt; người thấy như thật thì cảnh giới dù có dù không đều không khởi quan niệm, ấy gọi là xả phi pháp. Lại nữa, phi pháp ấy là như sừng hổ, con của thạch nữ v.v.. đều không tính không tướng, không thể phân biệt, cần phải xa lìa. Phi pháp này tuy không tính không tướng, mà thế gian vẫn có danh từ, không phải như cái bình v.v.. có thể cầm nắm. Các pháp có tướng phân biệt như bình, và không tướng như lông rùa, đều phải xả bỏ, ấy gọi là xả pháp cùng xả phi pháp. Lăng già vương, những chỗ ông hỏi trước ta đã nói xong. Nay Lăng già vương, cái quá khứ ông nói đó chỉ là phân biệt, vị lai cũng là phân biệt, vì ta (hiện tại) cũng như các đức Như lai kia. Lăng già vương, pháp của chư Phật nói đều xa lìa phân biệt, đã ra khỏi hết thấy hí luận, không như sắc tướng có thể phân biệt, chỉ có trí mới chứng nhập được mà thôi. Chính vì muốn cho chúng sinh an vui mà chư Như lai mới diễn nói pháp, dùng trí vô tướng mà nói, gọi là Như lai. Bởi đức Như lai lấy trí làm thể, lấy trí làm thân, nên Như lai không phân biệt cũng không thể bị phân biệt. Không thể lấy tướng ngã, nhân, chúng sinh... mà phân biệt Như lai. Vì sao? Bởi vì ý thức do cảnh mà khởi rồi bám lấy sắc, hình, tướng. Cho nên (Như lai) xa lìa năng phân biệt cũng như sở phân biệt. Nay Lăng già vương, thí như chúng sinh trong bức tranh màu trên vách không có giác tri, chúng sinh ở thế gian cũng

vậy, không có nghiệp, báo. Pháp Phật cũng thế, không có nghe, không có nói. Nay Lăng già vương, chúng sinh ở thế gian cũng như cảnh biến hóa, phàm phu ngoại đạo không thấu đạt nghĩa này. Lăng già vương, thấy được như thế gọi là chính kiến, thấy khác gọi là phân biệt kiến, vì phân biệt nên bám giữ nhị nghĩa. Lăng già vương này, ví như có người tự thấy bóng mình trong gương nước, dưới ánh trăng, nghe tiếng mình âm hưởng trong hang núi, bèn sinh phân biệt mà khởi sự bám víu. Đây cũng vậy, pháp, phi pháp chỉ là phân biệt, vì phân biệt nên không thể xa lìa; chỉ tăng trưởng hư vọng, không được an tĩnh. An tĩnh ấy nghĩa là nhất duyên (ekàgra), nhất duyên ấy là tam muội tối thắng, từ đó có thể phát sinh Thánh trí tự chứng, lấy Như lai tạng làm cảnh giới.

**CHƯƠNG II
THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP**

Tiết I

Đại Huệ Bồ tát cùng Ma đế Bồ tát những vị đã viếng các cõi Phật, bấy giờ nương uy thần Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, gối phải quỳ xuống đất, chấp tay hướng Phật cung kính nói bài tụng:

Thế gian lia sinh diệt
Như hoa đốm hư không
Trí không chấp có, không
Hưng khởi tâm đại bi

Vạn pháp đều như huyễn
Xa lia tâm và thức
Trí không chấp có không
Hưng khởi tâm đại bi

Thế gian thường như mộng
Xa lia cả đoạn, thường
Trí không chấp hữu, vô
Hưng khởi tâm đại bi

Không có Phật niết bàn
Không Niết bàn cho Phật
Lìa biết và bị biết
Lìa hữu cùng phi hữu

Pháp thân như huyễn mộng
Có gì để ngợi khen
Biết vô tính vô sinh
Ấy mới là khen Phật

Phật không căn, cảnh, tướng
Không thấy là thấy Phật
Làm sao trước Mâu ni
Mà khởi sự khen chê

Ai ở trước Mâu ni
Sinh thanh tịnh, xa lia
Kẻ ấy đời này, sau
Lìa chấp, không chỗ thấy

Nói kệ tán Phật xong, Đại Huệ Bồ tát tự xưng tên:

Con tên là Đại Huệ
Thông đạt pháp đại thừa
Xin đem trăm tám nghìn
Kính hỏi đấng Vô thượng

Nghe lời ấy, đấng Thế gian giải nhìn khắp hội chúng rồi dạy rằng:

Các người hàng con Phật
Nay cứ tự do hỏi
Ta sẽ nói cho người
Cảnh giới đã tự chứng

Được Phật chấp thuận, Đại Huệ Bồ tát đánh lễ dưới chân ngài xong, thưa hỏi bằng kệ tụng như sau:

Do đâu suy lường sinh?
Làm sao sạch suy lường?

Do đâu mê hoặc sinh?
 Làm sao hết mê hoặc?
 Sao gọi là Phật tử
 Cùng thứ lớp vô ảnh (nirabhàsa)?
 Do đâu hóa cõi nước
 Các tướng và ngoại đạo?
 Giải thoát đến nơi nào?
 Ai bị trói, ai mở?
 Cảnh giới thiên ra sao?
 Tại sao có ba thừa?
 Nhân duyên gì sinh pháp?
 Cái gì nhân gì quả?
 Ai nói lia bốn nghĩa?
 Do đâu các cõi sinh?
 Sao gọi định vô sắc?
 Sao gọi Diệt tận định?
 Thế nào là tướng diệt?
 Làm sao từ định giác?
 Vì sao sinh hoạt động?
 Thân đi, đứng nắm giữ?
 Làm sao thấy sự vật?
 Làm sao vào các "địa"?
 Làm sao có Phật tử?
 Ai phá được ba cõi?
 Ở đâu, thân ra sao?
 Sinh và trú nơi nào?
 Làm sao đặng thân thông
 Tự tại và chính định?
 Tâm tam muội ra sao?
 Nguyên Phật vì con nói

Sao gọi là tàng thức?
 Sao gọi là ý thức?
 Làm sao các kiến khởi?
 Làm sao các kiến diệt?
 Tính, phi tính là gì?
 Vì sao nói duy tâm?
 Vì sao kiến lập tướng?
 Sao gọi là Vô ngã?
 Sao là không chúng sinh?
 Sao là tùy tục nói?
 Làm sao để khởi khởi
 Thường kiến và đoạn kiến?
 Sao Phật cùng ngoại đạo
 Tướng vốn không khác nhau?
 Làm sao đời vị lai
 Có các bộ phái sinh?
 Sao gọi là Tính không?
 Sao gọi sát na diệt?
 Thai tạng từ đâu sinh?
 Sao thế gian bất động?
 Vì sao bảo cuộc đời
 Như huyễn, lại như mộng
 Như thành Càn thát bà
 Như ánh nước sa mạc
 Như vừng trăng đáy nước?
 "Bồ đề phần" là sao?
 "Giác phần" từ đâu khởi?
 Vì sao cõi nước loạn?
 Vì sao hữu kiến sinh?
 Làm sao biết thế pháp?

Làm sao lìa văn tự?
 Sao là "như không hoa"?
 Không sinh cũng không diệt?
 Chân như có mấy loại?
 "Độ tâm" có mấy loại?
 Sao là như hư không?
 Sao là lìa phân biệt?
 Và thứ tự các "địa"?
 Sao là được vô ảnh?
 Sao là hai vô ngã?
 Sao là hết sở tri?
 Thánh trí có mấy loại?
 Có mấy loại giới pháp
 Phật chế cho chúng sinh?
 Ngọc báu đồng tôn quý
 Từ đâu mà xuất hiện?
 Ai sinh ra ngôn ngữ
 Chúng sinh và các vật?
 Năm minh và kỹ thuật
 Ai làm cho sáng tỏ?
 Kệ tụng (gàthà) có mấy loại?
 Trường hàng có mấy thứ?
 Đạo lý mấy bất đồng?
 Giải thích bao sai biệt?
 Ăn uống ấy ai làm?
 Ái dục vì sao khởi?
 Sao gọi Chuyển luân vương
 Cho đến các tiểu vương?
 Làm sao vua giữ nước?
 Chúng trời có mấy loại?

Đất, mặt trời, trăng, sao
 Các thứ ấy thế nào?
 Giải thoát có mấy loại?
 Mấy loại thầy tu hành?
 Sao gọi A xà lê?
 Đệ tử bao nhiêu hạng?
 Như lai có mấy loại?
 Chuyện tiền thân ra sao ?
 Chúng ma và dị giáo ?
 Mỗi thứ có bao nhiêu ?
 Tự tính bao sai biệt ?
 Tâm có bao nhiêu loại ?
 Giả lập nghĩa là gì ?
 Xin Phật giải thích cho
 Từ đâu sinh mây gió ?
 Niệm, trí vì sao có ?
 Bụi, bờ, cây hàng lớp
 Các thứ ấy ai làm ?
 Những thú vật voi ngựa
 Nhân gì bị bắt giữ ?
 Sao có người hèn xấu ?
 Xin Phật giải cho con
 Sao gọi là sáu thời ?
 Nhất xiển đề do đâu ?
 Gái, trai và bất nam ?
 Do đâu mà sinh khởi ?
 Sao là tu tiến bộ ?
 Sao là tu thụt lùi ?
 Thầy du già mấy hạng
 Dạy người tu pháp ấy?

Chúng sinh sinh các đường
 Hình sắc, tướng ra sao?
 Giàu có, rất an ổn
 Ấy là do nhân gì?
 Sao có dòng Thích ca?
 Sao có dòng Cam giá?
 Tiên nhân khổ hạnh lâu
 Ấy do ai chỉ giáo ?
 Làm sao Phật Thế Tôn
 Hiện thân khắp các cõi
 Chúng Phật tử vây quanh
 Đủ các loài sai biệt ?
 Vì sao không ăn thịt?
 Nhân gì dạy bỏ thịt?
 Các chúng sinh ăn thịt
 Do nhân gì mà ăn?
 Sao có các cõi nước
 Trông như hình trời trăng
 Tu di và hoa sen
 Chũ vạn, tượng sư tử?
 Sao có các cõi nước
 Như lưới trời Đế thích
 Lật úp hoặc nằm nghiêng
 Mà thành các món báu?
 Sao có các cõi nước
 Như nhật nguyệt không dơ
 Hoặc như hình hoa quả,
 Ống sáo, trống eo nhỏ?
 Phật Biến hóa là gì (Nirmànikabuddha)?
 Và phật Di thực sinh?(Vipàkajabuddha)

Cùng phật Chân như trí (Tathàtājnànbuddha)?
 Xin giải thích cho con.
 Vì sao ở Dục giới
 Không thành Đẳng chính giác?
 Sao ở Sắc cứu cánh (Akanistha)?
 Là nhiệm được trí tuệ ?
 Ai sẽ giữ chính pháp?
 Phật trụ thế bao lâu?
 Chính pháp trụ dài, ngắn?
 Tất đàn có mấy loại?
 Kiến chấp có bao nhiêu?
 Vì sao lập luận tạng?
 Cho đến các Tỳ kheo
 Hết thấy các Phật tử
 Độc giác và Thanh văn
 Làm sao chuyển các thức?
 Làm sao được vô tướng?
 Làm sao được Thế thông?
 Làm sao được xuất thế ?
 Lại vì nhân duyên gì
 Tâm ở trong bảy địa?
 Tăng già có mấy loại?
 Sao gọi là phá tăng?
 Làm sao vì chúng sinh
 Rộng nói phương cứu liệu?
 Cổ gì Đại mâu ni
 Nói lên lời như vậy:
 "Ca diếp, Câu lưu tôn
 Câu na hàm là ta?"
 Cổ gì nói đoạn thường?

Và nói ngã, vô ngã?
 Sao không thường nói thật:
 "Hết thấy do tâm tạo"?

Sao có rừng nam nữ
 Ha lê (Haritaki), am ma la (amalivana)?
 Kê la bà (Kailasa), Luân viên (Cakravàda)?
 Cho đến núi kim cương (vajrà)
 Trong các chỗ ấy có
 Vô lượng báu trang nghiêm
 Tiên nhân, càn thất bà
 Tất cả đều sung mãn
 Đấy do nhân duyên gì?
 Xin Phật vì con nói

Nghe những lời hỏi về pháp môn tối thượng, pháp môn đại
 thừa "tâm Phật" vì điều ấy, đức Thế Tôn liền bảo: "Hay thay,
 Đại huệ ! Hãy lắng nghe, lắng nghe. Như chỗ ông hỏi, ta sẽ
 lần lượt nói." Và ngài nói kệ tụng:

Sinh cùng với không sinh
 Niết bàn và vô tướng
 Lưu chuyển, vô tự tính
 Ba la mật, phật tử
 Thanh văn, Bích chi Phật
 Ngoại đạo, hạnh vô sắc
 Tu đi cùng biển núi
 Cù lao, các cõi đất
 Tinh tú và nhật nguyệt
 Chúng trời, a tu la
 Giải thoát và thần thông
 Thiên định và tam muội
 Diệt và các thần túc

Bồ đề phần, Bát chính
 Thiền cùng vô lượng tâm
 Các uẩn cùng đến, đi
 Cho đến diệt tận định
 Tâm sinh khởi nói năng
 Tâm, ý, thức, vô ngã
 Năm pháp, ba tự tính
 Phân biệt, bị phân biệt
 Hai loại kiến năng sở
 Cội nguồn của các thừa
 Vàng, ma ni, trân châu
 Dòng họ lớn, xiển đề
 Nước hỗn loạn, một Phật
 Trí, trí chướng, đắc hương
 Chúng sinh, có cùng không
 Voi, ngựa, thú, nhân gì
 Vì sao bị bắt giữ
 Vì sao nhân, thí dụ
 Tương ứng thành tất đàn ?
 Sở tác và năng tác
 Núi rừng và mê hoặc?
 Lý chân thật "như thị"
 Duy tâm, không cảnh giới ?
 Các địa không thứ lớp
 Không tướng, chuyển sở y?
 Y phương, các nghệ thuật
 Kỹ thuật, cùng năm minh ?
 Tu đi và núi, đất
 Biển, trời trăng bao lớn ?
 Chúng sinh thượng, trung, hạ

Mỗi thân bao vi trần ?
 Mỗi cung có mấy trữu?
 Câu lô xá mấy cung ?
 Nửa do tuần? Do tuần?
 Lông, thỏ và bụi cửa ?
 Mỗi thân bao vi trần ?
 Rận, lông dê, bột mạch?
 Nửa đấu và một đấu
 Gồm bao nhiêu hạt lúa?
 Một học và mười học
 Mười vạn và thiên ức
 Cho đến tâm bà la (Vimvara: 10 triệu)
 Mỗi món số bao nhiêu?
 Mấy trần (anu) thành giới tử (sarsapa)?
 Mấy giới tử thành thảo tử?
 Lại có mấy thảo tử
 Mới thành một hạt đậu (màsa)?
 Mấy hạt đậu thành thù (Dharana)?
 Mấy thù là một lượng (Karsa)?
 Mấy lượng thành một cân (pala)?
 Mấy cân thành tu di (meru)?
 Đấy những điều nên hỏi
 Vì sao hỏi chuyện khác?
 Thanh văn, Bích chi Phật
 Các Phật và Bồ tát
 Số lượng thân bao nhiêu?
 Mỗi thân mấy vi trần?
 Lửa, gió có mấy trần?
 Mỗi căn có mấy trần?
 Lông mày, lỗ chân lông

Mấy trần thành mỗi thứ?
 Các sự việc như thế
 Sao không đem hỏi ta.
 Vì sao được giàu có?
 Sao là chuyển luân vương?
 Làm sao vua giữ nước?
 Làm sao được giải thoát?
 Thế nào là Trường hàng?
 Dâm dục và ăn uống?
 Thế nào rùng nam nữ?
 Các núi, kim cương sơn?
 Như huyễn, mộng, ảo ảnh?
 Mây do từ đâu sinh?
 Thời tiết làm sao có?
 Nhân gì có mùi vị?
 Nam, nữ và bất nam
 Phật, bồ tát trang nghiêm?
 Sao có các núi đẹp
 Tiên càn thất trang hoàng?
 Giải thoát đến chỗ nào?
 Ai bị trôi? Ai mở?
 Sao là cảnh giới thiên?
 Biến hóa và ngoại đạo?
 Sao là vô nhân tác?
 Sao là hữu nhân tác?
 Sao là chuyển các kiến?
 Sao là khởi suy lường?
 Làm sao sạch suy lường?
 Hoạt động từ đâu sinh?
 Sao gọi là chuyển khứ?

Sao là dứt các tướng?
 Sao là sinh tam muội?
 Phá ba cõi là ai?
 Chỗ nào, thân ra sao?
 Sao gọi là không ngã?
 Sao là theo tục nói?
 Ông hỏi tướng ra sao?
 Sao gọi là phi ngã?
 Sao gọi là thai tạng
 Cùng các chi phần khác?
 Sao là thấy đoạn thường?
 Sao là tâm một cảnh?
 Sao là trí ngôn thuyết?
 Giới, dòng họ, Phật tử?
 Lý luận và giải thích?
 Sao là thầy, đệ tử?
 Tính chúng sinh sai khác?
 Ăn uống và hư không?
 Thông minh, ma, giả lập?
 Vì sao hàng cây bầy?
 Các câu hỏi như thế
 Nhân gì hết thủy nước
 Các loại tướng không đồng?
 Có cõi hình ống tiêu
 Trống eo cùng hoa quả
 Có chỗ không ánh sáng
 Tiên nhân khổ hạnh lâu
 Hoặc có giòng họ quý
 Khiến chúng sinh tôn trọng
 Hoặc có kẻ hạ tiện

Bị người khác khinh khi?
 Vì sao trong cõi dục
 Tu hành khó thành Phật?
 Ở cõi sắc cứu cánh
 Mới thành đẳng chính giác?
 Vì sao người thế gian
 Lại có được thần thông?
 Sao gọi là tỳ kheo?
 Sao gọi là Tăng già?
 Sao là Hóa, Báo Phật?
 Phật trí tuệ chân như?
 Làm sao khiến tâm mình
 An trú trong bảy "địa"?
 Nghĩa này và các nghĩa
 Ông nay đều hỏi ta
 Như Phật trước đã nói
 Đủ một trăm tám câu
 Mỗi mỗi tương tương ứng
 Xa lìa các lỗi chấp
 Lại lìa pháp thế tục
 Do ngôn ngữ mà thành
 Ta nay vì ông nói
 Phật tử khá lắng nghe.

Khi ấy Bồ tát Đại huệ bạch Phật :

Bạch Thế Tôn! Sao là 108 câu?

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Cái gọi là sinh cú (mệnh đề về sinh) phi sinh, thường phi thường, tướng phi tướng, trú dị phi trú dị, sát na phi sát na, tự tính phi tự tính, không phi không, đoạn phi đoạn, tâm phi tâm, trung phi trung, duyên phi duyên, nhân phi nhân,

phiền não phi phiền não, ái phi ái, phương tiện phi phương tiện, thiện xảo phi thiện xảo, thanh tịnh phi thanh tịnh, tương ứng phi tương ứng, thí dụ phi thí dụ, đệ tử phi đệ tử, sư phi sư, chủng tính phi chủng tính, tam thừa phi tam thừa, vô ảnh tượng phi vô ảnh tượng, nguyện phi nguyện, tam luận phi tam luận, tiêu tướng phi tiêu tướng, hữu phi hữu, vô phi vô, câu phi câu, tự chứng thánh trí phi tự chứng thánh trí, hiện pháp lạc phi hiện pháp lạc, sát phi sát, trần phi trần, nước phi nước, cung phi cung, dòng giống lớn phi dòng giống lớn, xú lậu phi xú lậu, thân thông phi thân thông, hư không phi hư không, mây phi mây, mỹ thuật phi mỹ thuật, kỹ thuật phi kỹ thuật, gió phi gió, đất phi đất, tâm phi tâm, giả lập phi giả lập, thể tính phi thể tính, uẩn phi uẩn, chúng sinh phi chúng sinh, giác phi giác, Niết bàn phi Niết bàn, hiểu biết phi hiểu biết, ngoại đạo phi ngoại đạo, hỗn loạn phi hỗn loạn, huyễn phi huyễn, mộng phi mộng, lửa phi lửa, ảnh tượng phi ảnh tượng, vòng lửa phi vòng lửa, Càn thành phi Càn thành, trời phi trời, ăn uống phi ăn uống, dâm dục phi dâm dục, thấy phi thấy, đáo bỉ ngạn phi đáo bỉ ngạn, thành phi thành, nhật nguyệt tinh tú phi nhật nguyệt tinh tú, đế phi đế, quả phi quả, diệt phi diệt, diệt khởi phi diệt khởi, y phương phi y phương, tướng phi tướng, chi phần phi chi phần, thiên phi thiên, mê phi mê, hiện phi hiện, hộ phi hộ, dòng họ phi dòng họ, tiên phi tiên, vua phi vua, nhiếp thọ phi nhiếp thọ, quý phi quý, ký ức phi ký ức, nhất xiển đề phi nhất xiển đề, nữ nam bất nam phi nữ nam bất nam, mùi vị phi mùi vị, tác phi tác, thân phi thân, suy lường phi suy lường, động phi động, căn phi căn, hữu vi phi hữu vi, nhân quả phi nhân quả, sắc cứu cánh phi sắc cứu cánh, thời tiết phi thời tiết, cây dây phi cây dây, sự vật phi sự vật, diễn thuyết phi diễn thuyết, quyết định phi quyết định, luật tạng phi

luật tạng, tỳ kheo phi tỳ kheo, trụ trì phi trụ trì, văn tự phi văn tự. Nay Đại huệ ! 108 nghĩa này đều là những gì Phật quá khứ đã nói.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Các thức có mấy thứ sinh trú diệt ?

Phật dạy:

- Đại huệ, các thức có hai thứ sinh trú diệt, không phải dùng suy lường đo tính mà biết được. Ấy là tương tục sinh và tướng sinh, tương tục trú và tướng trú, tương tục diệt và tướng diệt. Các thức có ba tướng: chuyển tướng, nghiệp tướng, chân tướng. Đại huệ ! Thức nói rộng có 8 thức, lược nói thì có hai: hiện thức và phân biệt sự thức. Đại huệ ! Như trong gương sáng các hình sắc đều hiện rõ, hiện thức cũng thế. Đại huệ ! Hiện thức và phân biệt sự thức, hai thức này không khác nhau, chúng làm nhân cho nhau. Hiện thức lấy sự biến hóa "bất tư nghì huân" làm nhân, phân biệt sự thức lấy sự phân biệt cảnh giới và tập khí hý luận từ vô thủy làm nhân. Đại huệ ! Những tập khí hư vọng phân biệt của thức a lại da diệt thì hết thủy căn thức diệt, ấy gọi là tướng diệt. Đại huệ ! Tương tục diệt ấy là nhân sở y diệt cùng sở duyên diệt thì tương tục cũng diệt. Nhân sở y là tập khí hý luận hư vọng, sở duyên là cảnh giới do tự tâm thấy và phân biệt thành. Đại huệ ! Thí như nắm bùn và vi trần không khác nhau, cũng không phải là một. Vàng và đồ trang sức cũng thế. Đại Huệ, nếu bùn và vi trần khác nhau thì đáng lẽ bùn không do vi trần hợp thành, nên nói không khác. Nếu nắm bùn và vi trần không khác, thì đáng ra không thể phân biệt nắm bùn với vi trần. Đại huệ ! Chuyển thức và tạng thức nếu khác nhau, thì tạng thức không thể làm nhân cho các chuyển thức. Nếu không khác thì khi chuyển thức diệt, lẽ ra tạng thức cũng diệt luôn, song kỳ thật chân

tướng của tạng thức không diệt. Đại huệ ! Chân tướng của tạng thức không diệt, chỉ có nghiệp tướng của nó diệt. Nếu chân tướng diệt thì tạng thức cũng diệt hay sao? Nếu tạng thức diệt, thì không khác gì thuyết đoạn diệt của ngoại đạo. Đại huệ ! Ngoại đạo lập thuyết thế này: cái thức tương tục nắm giữ cảnh giới diệt thì thức tương tục từ vô thủy cũng diệt. Đại huệ ! Những người ngoại đạo bảo thức tương tục do một tác giả tạo ra chứ không nói nhân thức do sắc, hình, ánh sáng hòa hợp mà sinh; chỉ nói tác giả làm nhân sinh ra. Tác giả ấy là gì? Họ kể ra Thắng tính (Pradhàna), trượng phu (purusa), Tự tại (Ìs'vara), Thời (kàla) và vi trần (anu) là những pháp năng tác. Lại nữa, này Đại huệ! có bảy món tự tính, ấy là Tập (Samudaya), Tính (Bhàva), Tướng (Laksana), Đại chủng (Mahàbhàta), nhân (hetu), duyên (pratyaya), Thành (nispatti). Và nữa, này Đại huệ, có bảy thứ đệ nhất nghĩa, là: Tâm sở hành (cittagocara), Trí sở hành (Jnànagocara), nhị kiến sở hành (Drstidvayagocara), siêu nhị kiến sở hành (Drstidvayàtikràntagocara), siêu tử địa sở hành, Như lai sở hành, Như lai tự chứng thánh trí sở hành (Tathàgatasyapratyàtma- gatigocarāh). Này Đại huệ, ấy là pháp tự tại, tâm đệ nhất nghĩa của tất cả Như lai Ứng Chính đẳng giác trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, dùng tâm này mà thành tựu các pháp tối thượng của Như lai ở thế gian và xuất thế gian, dùng tuệ nhãn của bậc thánh mà thể nhập các tự tướng và cộng tướng, thấy đều an lập. Những gì các bậc ấy an lập không đồng với chỗ lập thuyết của ngoại đạo ác kiến. Đại huệ ! Sao gọi là ác kiến ngoại đạo? Ấy là không biết rằng cảnh giới vốn do tự tâm phân biệt mà hiện, đối tự tính đệ nhất nghĩa mà chấp có, không, khởi ra ngôn thuyết. Đại huệ ! Ta nay sẽ nói, nếu biết rõ cảnh giới là như huyễn, do tự tâm

hiện, thì sẽ diệt khổ vì vọng tưởng ba cõi, diệt các vô tri, ái, nghiệp, duyên. Đại huệ, có những bà la môn và sa môn vọng chấp cái vốn không và cho rằng những pháp hiện ở ngoài y theo nhân quả, thời gian mà trú, hoặc cho rằng uẩn giới xứ theo duyên mà sinh, trú, sau khi hiện hữu thì hoại diệt. Đại huệ ! Quan niệm của những người kia đối với các pháp như tương tục, tác dụng, sinh diệt, hiện hữu, Niết bàn, đạo, nghiệp, quả, đế ... đều là lý luận phá hoại, đoạn diệt. Vì sao? Bởi vì họ không đạt được hiện pháp (pratyaksa), không thấy căn bản. Đại huệ ! Thí như chiếc bình vỡ không thể làm được việc của nó, lại như hạt giống cháy không thể sinh mầm, đây cũng thế. Nếu các pháp uẩn giới xứ đã hiện sẽ diệt, nên biết đấy tất không phải tương tục sinh, vì chúng không có nhân, chỉ có tự tâm hư vọng thấy thành. Lại nữa, Đại huệ ! Nếu thức vốn không, do ba duyên hợp mà sinh, thì đáng lẽ rùa cũng sinh lông, cát sẽ sinh dầu; như vậy Tôn (pratijñà) của người hồng, vì trái với nghĩa quyết định (niyama); những gì lập ra tất sẽ thành vô dụng. Đại huệ ! Ba pháp hợp làm duyên là do tính nhân quả mà nói, và như vậy có (những pháp như) hiện tại quá khứ vị lai, hữu và vô. Nếu họ cứ ở trên lập trường lý giáo (yuktyàgama) ấy, thì những gì họ chứng minh sẽ là do luận lý, lý giáo của họ, vì ký ức những quan niệm sai lầm sẽ mãi mãi huân tập họ (theo bản Suzuki). Đại huệ ! Kẻ phàm phu ngu dốt bị ác kiến cắn rủa, tà kiến mê hoặc, vô trí mà vọng nói là Nhất thiết trí. Đại huệ ! Lại có các sa môn, bà la môn, quán hết thấy pháp không tự tính, như mây giữa hư không, như vòng lửa quay, như thành biến hóa của loài Càn thát bà, như huyễn hóa, như ảo ảnh, như trăng dưới nước, như cảnh chiêm bao, tất cả đều không ngoài tâm, chỉ vì cái thấy hư vọng từ vô thủy mà chấp thật có cảnh giới bên ngoài. Quán như thế rồi, họ bật dứt

các duyên phân biệt, xa lìa danh nghĩa mà vọng tâm ôm giữ, biết rằng thân, tài sản và nhà cửa, tất cả đều là cảnh giới tạng thức, không có năng sở, không có sinh, trụ, diệt, họ thường tư duy như thế không rời. Đại huệ ! Những đại Bồ tát ấy không lâu sẽ xem bình đẳng giữa sinh tử và Niết bàn (samsàranirvāna), được hạnh đại bi phương tiện không cần dụng công, quán sát chúng sinh như huyễn như hóa, như hình ảnh theo duyên mà sinh, biết ngoài tâm không có các cảnh giới. Các vị ấy sẽ thực hành đạo vô tướng, dần tiến lên các "địa", an trú trong chính định, hiểu rõ ba cõi do tâm, chứng được định Như huyễn (Māyopamasamādhī), tuyệt dứt các ảnh tượng, thành tựu trí tuệ, chứng pháp vô sinh, nhập định kim cương dụ (vajravimbopama), sẽ được Phật thân (Tathāgatakāya). Nhưng vị ấy sẽ thường trú trong Như như (Tathāta) mà khởi các thân thông biến hóa, trang sức bằng tự tại, trí tuệ, phương tiện để dạo chơi các cõi Phật, xa lìa các ngoại đạo. Tâm, ý, thức, lần lượt chuyển y mà thành tựu thân Như lai. Đại huệ ! Các vị đại Bồ tát muốn được thân Phật, phải xa lìa uẩn giới xứ, vì đấy là các pháp do nhân duyên sinh, xa lìa các pháp sinh, trú, diệt, phân biệt, hí luận. Chỉ nên chú tâm quán sát ba cõi là do tập khí hư vọng từ vô thủy khởi lên, tư duy Phật địa vốn vô tướng, vô sinh, là thánh pháp tự chứng. Như thế sẽ được tâm tự tại, hạnh không cần dụng công, như ngọc ma ni hiện đủ thứ hình sắc, đạt lý duy tâm, tuần tự nhập vào các địa. Bởi thế, này Đại huệ, các bậc đại Bồ tát nên siêng tu học chân lý tự chứng này.

QUYỂN HAI

Tiết II - THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP

Bấy giờ Bồ tát Đại huệ lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì con nói về các pháp môn vi diệu : Tâm, ý, ý thức (cittamanomanovijñāna), 5 pháp, ba tự tính (Svabhāvas), tướng (Laksanas). Đây là những gì mà chư Phật, Bồ tát - những vị đã thâm nhập cảnh giới tự tâm, là các hành tướng - xem là nghĩa chân thật, là nòng cốt của Phật giáo. Xin Thế Tôn thuận theo chư Phật quá khứ, vì chúng Bồ tát trong núi này mà diễn nói cảnh giới của pháp thân, như những làn sóng của biển tạng thức.

Phật bảo Bồ tát Đại huệ :

Có bốn loại nhân duyên chuyển nhãn thức. Bốn nhân duyên ấy là gì? Ấy bởi không biết sự vật do tự tâm hiện nên khởi sự nắm giữ; bởi tập khí hư vọng từ vô thủy chấp trước sắc tướng, bởi bản tính của thức vốn như vậy, bởi ưa nhìn sắc tướng. Đại huệ! Vì bốn duyên ấy nên thức a lại da giống như nước lũ sinh những luồng sóng thức. Về các thức khác cũng vậy. Ở nơi tất cả căn, vi trần, lỗ chân lông v.v.. chuyển thức hoặc sinh liền, như gương sáng hiện sắc hình, hoặc sinh từ từ, như gió mạnh thổi trên biển lớn. Biển Tâm cũng vậy, bị gió cảnh giới thổi làm nổi dậy những làn sóng thức, nổi nhau không cùng. Đại huệ ! Nhân, sở tác và tướng không phải một cũng không phải khác; nghiệp tướng cùng sinh tướng tương quan ràng buộc chặt chẽ. Vì không biết tự tính của sắc (thanh hương vị xúc) nên nắm chuyển thức hoạt động. Đại huệ ! Cùng với năm thức này, do nhận thức các cảnh tướng khác

nhau mà ý thức sinh khởi. Nhưng các thức ấy không nghĩ "Chúng ta đồng thời làm nhân cho nhau" mà lại khởi các cảnh giới do tự tâm hiện, rồi phân biệt chấp trước đồng thời phát sinh, chứ thật ra không có những tướng riêng biệt tự rõ biết đối tượng của mình. Đại huệ ! Các bậc tu hành nhập chính định, vì sức mạnh tập quán nổi lên một cách vi tế khó biết, nên nghĩ là "Ta đã nhập tam muội diệt các thức." Song kỳ thực họ nhập tam muội chưa diệt các thức, vì chưa diệt các tập khí; chỉ vì họ không chấp lấy các cảnh nên họ gọi là thức diệt. Đại huệ, hành tướng của tạng thức rất vi tế, trừ chư Phật và Bồ tát đã an trú trong các địa, ngoài ra năng lực định, tuệ của nhị thừa ngoại đạo không thể biết. Chỉ có những bậc tu hành như thật, dùng trí tuệ biết rõ tướng các giai đoạn tu hành, thông đạt nghĩa lý, rộng tu các thiện căn ở vô lượng cõi Phật, không lầm phân biệt những cảnh do tự tâm thấy... mới có thể biết được. Đại huệ ! Các bậc tu hành ưa ở chỗ núi rừng, tu các bậc cao, vừa, hay thấp, có thể thấy hành tướng của tự tâm, được chư Phật với Tam muội tự tại thần thông lấy nước cam lộ rưới đầu, Bồ tát vây quanh, biết rõ các cảnh giới do tâm, ý, ý thức làm nên, vượt được biển lớn vô trí (ajnāna), sinh tử, ái nghiệp. Bởi thế các ông nên gần gũi chư Phật Bồ tát, các vị thiện tri thức tu hành như thật." Thế Tôn lại nói bài kệ:

Như ba đào biển lớn
 Đều do gió mạnh thổi
 Sóng lớn khua biển, ngời
 Không lúc nào dừng nghỉ
 Biển Tạng thức thường bị
 Gió cảnh giới lay động
 Khiến những luồng sóng thức
 Múa nhảy mà chuyển sinh

Các màu xanh cùng đỏ
 Muối, mật và thạch nhũ
 Hoa, trái, ánh trời, trăng
 Không khác, không không khác
 Nên biết cũng như thế
 Ý và bảy loại thức
 Như biển cùng ba đào
 Do tâm hòa hiệp sinh
 Thí như nước biển động
 Chuyển các luồng sóng lớn
 Tạng thức cũng như thế
 Sinh ra các loại thức
 Tâm ý cùng ý thức
 Là nói về mặt tướng
 Tướng tám thức không khác
 Không năng tướng sở tướng
 Như biển cùng ba đào
 Hai thứ không khác nhau
 Các thức tâm cũng thế
 Cũng không thể khác được
 Tâm hay chứa các nghiệp
 Ý tập hợp đủ thứ
 Liễu biệt gọi ý thức
 Đối hiện cảnh có năm.
 Khi ấy Bồ tát Đại huệ hỏi Phật bằng bài tụng:

Đức Thế Tôn đáp :

Các sắc tượng xanh đỏ
 Trong sóng vốn không có
 Nói tâm khởi các tướng
 Để khai ngộ phàm phu
 Chứ thật vốn không khởi
 Tâm vốn lìa "nắm giữ"
 Năng thủ và sở thủ
 Cũng như sóng nước kia
 Thân, nhà cửa, tư tài
 Hiện nơi thức chúng sinh
 Nên thấy có sinh khởi
 Cùng sóng không sai khác

Đại huệ lại nói bài tụng:

"Tính sóng" của biển cả
 Cuồn cuộn để phân biệt
 Tạng thức khởi như thế
 Vì sao không hay biết?

Thế Tôn đáp:

A lại gia như biển
 Chuyển thức như sóng lớn
 Là ví dụ khai diễn
 Cho phàm phu vô trí

Đại huệ lại nói bài tụng:

Thí như mặt trời hiện
 Trên dưới đều soi chiếu
 Phật ngọn đèn của đời
 Cũng nên vì bọn ngu
 Nói nghĩa lý chân thật

Đã hay mở bày pháp
Vì sao không nói thẳng?

Thế Tôn đáp:

Nếu nói nghĩa chân thật
Tâm kia không chân thật
Ví như sóng đại dương
Bóng trong gương, cảnh mộng
Đồng thời mà hiển hiện
Cảnh giới tâm cũng thế
Vì điều kiện không đủ
Nên tuần tự chỉ ra
Mạt na chấp hiện thức
Ý thức nhận thức ý
Năm thức rõ hiện cảnh
Không thứ lớp nhất định
Thí như người họa sư
Và học trò họa sư
Hòa màu vẽ các hình
Ta dạy cũng như thế
Họa không có trong màu
Trong bút hay trong vải
Vì làm vui chúng sinh
Tạo các hình tươi đẹp
Nói ra tất biến đổi
Chân lý là văn tự
Thật pháp ta an trú
Để nói cho bậc tu
Chỗ tự chứng chân thật
Là phân biệt năng sở

Đấy vì Bồ tát nói
Người ngu khởi phân biệt.
Các pháp đều như huyễn
Đối tượng không thể có
Nói những thứ như vậy
Tùy việc mà biến đổi
Giáo lý không phù hợp
Không phải là giáo lý
Ví như đối bệnh nhân
Lương y tùy cho thuốc
Như lai vì chúng sinh
Tùy căn cơ nói pháp
Chỗ chứng trí sở hành
Của đáng đời nương tựa
Không phải cảnh ngoại đạo
Hay của hàng Thanh văn.

Lại nữa, Đại huệ ! Nếu Bồ tát đại hữu tình muốn biết rõ cảnh giới phân biệt năng thủ sở thủ đều do tự tâm hiện, thì hãy xa lìa sự huyên não, hôn trầm, ngủ gật; đầu đêm giữa đêm và cuối đêm nên siêng gia công tu tập, xa lìa tụ hội, nghe tà luận ngoại đạo và các pháp nhị thừa, phân biệt các tướng do tự tâm bày đặt. Lại nữa, này Đại huệ ! Khi bậc đại Bồ tát đã an trú trong tâm trí tuệ, hãy siêng tu học ba tướng của thánh trí cao cả. Ba tướng ấy là gì? ấy là tướng "vô ảnh tượng" (Nirabhāsakṣana), tướng "nhất thiết chư Phật nguyện trì" (Sarvabuddha-svapranidhāradhiṣṭhānalakṣana), tướng "Tự chứng Thánh trí sở thú" (pratyātmāyājñāna-gatilakṣana) (chỗ thú hưởng của bậc tự chứng thánh trí). Những vị tu hành khi đạt được các tướng ấy rồi, liền xả bỏ tướng "lừa què" của trí tuệ (khanjagardabha), vào địa thứ 8 của Bồ tát, đối với ba

tướng ấy tu hành không gián đoạn. Đại huệ ! Tướng vô ảnh tượng là sao? Là kết quả đạt được do tu tập các pháp nhị thừa ngoại đạo. Tướng "Hết thấy chư Phật nguyện trì" là sao? Là do bốn nguyện gia trì của chư Phật mà sinh. Tướng "Chỗ hướng đến của bậc tự chứng thánh trí" là sao? Là do không giữ hết thấy pháp tướng mà thành tựu các thân tam muội như huyễn, đạt đến Phật địa. Đại huệ ! ấy là ba tướng của Thánh trí cao thượng. Nếu được tướng ấy tức là đạt đến cảnh giới của Thánh trí tự chứng. Ông và các Bồ tát nên siêng tu học."

Khi ấy Đại huệ Bồ tát nhờ uy thần của Phật, biết được ý nghĩa của các Bồ tát trong hội chúng, liền bạch Phật:

Xin Thế Tôn vì chúng con nói rõ thánh trí đối với việc phân biệt 108 câu như thế nào? Hết thấy chư Như lai, Ứng cúng, chính biến giác đều vì các Bồ tát rơi vào tự tướng cộng tướng mà phân tích bản chất và sự sai biệt của những vọng chấp. Biết được nghĩa ấy rồi, tất sẽ thanh tịnh được hai phép quán vô ngã, sáng tỏ các giai đoạn tu hành, vượt trên pháp lạc của định nhị thừa ngoại đạo, thấy được cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Như lai. Khi ấy Bồ tát sẽ rất ráo xa lìa ba tự tính, năm pháp, dùng trí tuệ của pháp thân Phật mà tự trang nghiêm, thâm nhập cảnh giới như huyễn. Các vị ấy sẽ thành tựu thân Như lai ở các cõi Đâu suất đà (Tusitabhavana), Sắc cứu cánh (Akanis-thàlaya).

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Có một hạng ngoại đạo thấy vạn pháp theo nhân mà diệt, liền sinh phân biệt rằng thỏ không sừng, khởi "chấp không". Ví như sừng thỏ vốn không có, hết thấy pháp cũng thế. Lại có hạng ngoại đạo chấp "đại chủng" (bhùta), cầu na (guna) vi trần (anu) v.v.. hình lượng phân vị đều khác nhau, nên đã chấp thỏ không sừng, lại theo đó mà tưởng trâu

có sừng. Đại huệ ! Những kẻ ấy lạc vào nhị kiến, không rõ duy tâm, chỉ làm tăng trưởng sự phân biệt nơi tự tâm. Đại huệ ! Thân, tài sản, khí thế gian v.v.. tất cả đều do phân biệt mà hiện. Đại huệ ! Nên biết sừng thỏ vốn lìa có và không, các pháp khác cũng thế, chớ sinh phân biệt. Vì sao sừng thỏ lìa hữu vô ? Vì các nhân đối đãi nhau vậy. Phân chẻ sừng trâu cho đến thành vi trần để tìm thể tính của nó rốt cuộc vẫn không nắm được. Tư duy của Thánh trí xa lìa kiến chấp ấy, bởi thế không nên phân biệt.

Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Phải chăng vì vọng kiến khởi ra tướng, rồi những người (phàm phu) kia mới so sánh phỏng đoán, vọng chấp không?

Phật dạy:

Không phải vì đối với tướng do phân biệt khởi mà nói là không. Vì sao? Những người kia lấy phân biệt làm sinh nhân, lấy sự phân biệt sừng làm chỗ nương của nhân ấy. Chỗ nương cho nhân ấy vốn lìa khác và không khác. Không phải do đối đãi mà chứng minh rằng sừng thỏ không có. Đại huệ ! Nếu sự phân biệt kia khác với sừng thỏ, thì tất không phải do sừng làm nhân. Nếu nó không khác, tất phải do sừng khởi. Đại huệ ! Chia tách sừng trâu cho đến thành cực vi mà tìm sừng cũng không có, còn khác với sừng nói không sừng thì sự phân biệt ấy tất phi lý. Cả hai (sừng trâu và sừng thỏ) đều không, thì cái gì đối đãi với cái gì? Nếu sự đối đãi đã bất thành, chỉ đối với có mà nói sừng thỏ là không thì không nên phân biệt, vì không phải chính nhân vậy. Những người luận hữu, luận vô, chấp có chấp không, cả hai đều không thành. Đại huệ! Lại có những người ngoại đạo thấy sắc, hình trạng, hư không phân định rõ ràng nên sinh chấp rằng sắc khác hư không, khởi phân

biệt. Đại huệ ! Hư không chính là sắc, thuộc vào sắc. Đại huệ ! Sắc là hư không, vì nương sắc mà có hư không, nương hư không mà có sắc. Để lập ranh giới giữa sắc, không, nên biết như thế. Đại huệ! Khi các đại khởi sinh vũ trụ, tự tướng của chúng khác nhau, không ở trong hư không, không phải chúng không có hư không. Đại huệ ! Sừng thỏ cũng vậy, chính vì đối đãi với sừng trâu mà nói thỏ không sừng. Đại huệ ! Phân tích sừng trâu cho đến vi trần, lại tách chẻ vi trần kia ra thì tướng của vi trần cũng không hiện. Vậy đối đãi với cái gì mà nói vi trần là không? Với các vật khác cũng thế. Nay Đại huệ ! Hãy xa lìa những phân biệt về sừng thỏ sừng trâu, hư không cùng sắc... Ông và các đại Bồ tát nên thường quán sát các tướng phân biệt do tự tâm thấy, ở các cõi hãy vì Phật tử mà nói pháp tu quán sát tự tâm."

Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Vật tâm thấy vốn không
Chỉ do tâm mà khởi
Thân, tài vật, chỗ ở
Là bóng Tạng thức hiện
Tâm, ý, thức, tự tính
Năm pháp, hai vô ngã
Đều rốt ráo thanh tịnh
Đấy điều chư Phật nói
Dài ngắn cùng nương nhau
Xoay vần sinh lẫn nhau
Do có mà nói không
Nhân không mà nói có
Phân tích đến vi trần
Không khởi phân biệt sắc
Chỉ do tâm vọng lập

Kẻ ác kiến không tin
Đây không phải ngoại đạo
Hay Thanh văn đã nói
Mà chính đáng cứu đời
Nói cảnh đã thân chứng

Bấy giờ Bồ tát Đại huệ, vì muốn thanh tịnh tâm hiện lưu nên bạch Phật:

Làm sao thanh tịnh tự tâm hiện lưu (dòng tư tưởng tuôn chảy không ngừng) của chúng sinh? Sự thanh tịnh ấy có thứ lớp hay ngay tức thì?

Phật dạy:

- Nay Đại huệ! thanh tịnh dần dần, không phải tức khắc. Như trái am la (àmraphala, xoài) chín lần, không chín ngay. Chư Như lai làm cho dòng tâm thức chúng sinh thanh tịnh cũng thế, dần dần chứ không tức khắc. Như người thợ gốm làm các vật dần thành hình, không phải tức khắc. Chư Như lai tịnh dòng tâm thức chúng sinh cũng thế, tuần tự không tức thì. Như đất lớn sinh thảo mộc cũng sinh từ từ, không sinh lập tức, chư Phật thanh tịnh dòng tâm thức tuôn chảy nơi chúng sinh cũng thế, tuần tự không phải tức thì. Đại huệ! Thí như người học âm nhạc, đọc sách, vẽ, hoặc các thứ kỹ thuật, dần dần mà thành tài chứ không tức khắc, chư Phật thanh tịnh dòng tâm thức chảy xiết của chúng sinh cũng thế, không phải ngay tức thì. Ví như gương lớn hiện ngay các vật không phân biệt, chư Như lai làm thanh tịnh dòng tâm thức của chúng sinh cũng vậy, làm hiện tức khắc hết thấy cảnh giới vô tướng không phân biệt. Như vầng nhật nguyệt soi chiếu tất cả sắc hình tượng cùng một lúc, chư Phật làm thanh tịnh tập quán lỗi lầm nơi tự tâm chúng sinh cũng thế, lập tức vì chúng sinh thị hiện cảnh giới trí tuệ bất khả tư nghì của chư Như lai. Như tạng thức hiện ngay

một lúc hết thấy cảnh giới: quốc độ, thân, tài sản; Báo Phật cũng thế (nisyandabuddha) ở cõi Sắc cứu cánh, thường tức khắc thành tựu chúng sinh, khiến chúng tu các hạnh. Như Pháp tính Phật (Dharmatàbuddha) tức khắc hiện Báo Phật và ánh sáng quang minh của Hóa Phật (Nirmànbuddha); Thánh trí tự chứng cũng vậy, hiện ngay các pháp tướng làm ánh sáng chiếu soi, khiến lìa hết tà kiến về có và không. Lại nữa, Đại huệ, đức Phật từ pháp tính lưu xuất (dharmatànisyandabuddha) nói tự tướng cộng tướng của hết thấy pháp, các tướng do tập khí làm nhân (vàsanàhetu) do tự tâm hiện, các tướng do vọng chấp sinh... đều là các tướng huyễn hóa lệ thuộc lẫn nhau, không có tự tính. Những gì chúng sinh chấp thật có đều không thể nắm giữ (bất khả đắc). Lại nữa, Đại huệ ! Tính vọng kế (parikatantrasvabhàva) là do chấp trước vào tính duyên khởi mà sinh. Đại huệ ! Thí như thầy phù thủy dùng huyễn thuật lấy cỏ cây ngói gạch tạo ra bao nhiêu hình tượng chúng sinh, khiến cho người thấy liền phân biệt các sự vật, mà kỳ thật không có gì. Đại huệ ! Đây cũng vậy. Do thói quen cố chấp cảnh giới là thật, nên trong các pháp do duyên khởi lại có ra các tướng vì vọng chấp mà hiện, ấy gọi là phát sinh vọng kế. Đại huệ ! Đây là pháp tướng mà chư Phật pháp tính đã nói. Đại huệ, Phật Pháp tính kiến lập các cảnh giới của tự chứng trí, lìa tướng do tự tâm hiện. Đại huệ ! Hóa Phật nói các pháp: Bồ thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ, uẩn, giới, xứ, cùng các phương pháp giải thoát các hành tướng của thức, kiến lập sai biệt, vượt trên kiến chấp của ngoại đạo, siêu việt hạnh vô sắc. Lại nữa, Đại huệ ! Phật pháp tính không vin vào đầu cả, xa lìa hết thấy các tướng: sở duyên, sở tác, căn, lượng... không phải cảnh giới mà phạm phu, nhị thừa và ngoại đạo ưa chấp ngã

thường quan niệm. Bởi thế, Đại huệ, ông nên siêng tu học cảnh giới thù thắng của bậc Tự chứng Thánh trí, nên mau xa lìa các tướng do tự tâm hiện, do kiến chấp phân biệt. Lại nữa, Đại huệ ! Thanh văn thừa có hai tướng sai biệt, ấy là tướng Tự chứng Thánh trí thù thắng, và tướng phân biệt chấp trước tự tính. Sao gọi là tướng "Tự chứng Thánh trí thù thắng" (pratyàtmàyàdhi- gamavisesalaksana)? Ấy là nhân thấy rõ cảnh giới các đế khổ, không, vô thường, vô ngã, mà lìa ham muốn, trở nên vắng lặng; biết rõ một cách chân thật các tướng bất hoại ở ngoài uẩn, giới, xứ hoặc tự hoặc cộng, nên tâm trụ vào một chỗ. Khi tâm đã an trú vào một cảnh thì sẽ được các đạo quả thiên định, giải thoát, tam muội... mà được hạnh viên ly. Họ an trú trong pháp lạc của cảnh giới do Thánh trí tự chứng, song vẫn chưa lìa được tập khí và những hình thái "biến dị sinh tử" khó nghĩ bàn, nên gọi là tướng Tự chứng thánh trí của Thanh văn thừa. Các bậc đại Bồ tát tuy cũng được cảnh giới Thánh trí tự chứng ấy, nhưng vì thương xót chúng sinh, giữ tròn bản nguyện nên không thể chứng pháp môn tịch diệt cùng pháp lạc tam muội. Các đại Bồ tát không tu học pháp lạc tự chứng thánh trí ấy. Đại huệ ! sao gọi là tướng "phân biệt chấp trước tự tính"? Ấy là biết các pháp như cứng, ẩm, động, xanh, vàng, đỏ, trắng vv.. đều không do một tác giả sinh, nhưng lại y cứ vào sự giảng dạy, lý luận mà có tự tướng cộng tướng và khởi phân biệt chấp trước, ấy gọi là tướng phân biệt của Thanh văn. Các vị đại Bồ tát đối với các pháp ấy nên biết, nên xa lìa kiến chấp nhân vô ngã, nhập vào tướng "pháp vô ngã" dần dần an trú trong các địa vị tu hành.

Bồ tát Đại huệ bạch Phật

Bạch Thế Tôn ! Như lai nói cảnh giới đệ nhất nghĩa của Thánh trí tự chứng là "Thường còn, không thể nghĩ bàn", há

không giống với ngoại đạo bảo đấng Tạo hóa của họ cũng thường còn, không thể nghĩ bàn đầy hay sao?

Đại huệ ! Đấy không phải là tướng thường bất tư nghì mà đấng tạo hóa ngoại đạo có. Vì sao? Bởi vì, Đại huệ, tướng thường bất tư nghì của ngoại đạo là do tự tướng, không do nhân thành. Đã do tự tướng, thì lấy gì chứng minh cái thường bất tư nghì? Đại huệ ! Cái thường bất tư nghì của ngoại đạo nói nếu do tự tướng thì tất nó hữu thường, song vì lấy đấng tạo hóa làm nhân nên không thành thường bất tư nghì. Đại huệ ! Đệ nhất nghĩa thường bất tư nghì của ta, xa lìa có, không. Nó có đặc tính riêng của nó vì là cảnh giới do thánh trí tự chứng. Nó do đệ nhất nghĩa làm nhân nên có nhân. Nó lìa có, không, nên không phải là tác giả. Vì nó như hư không, tịch diệt của Niết bàn, nên thường bất tư nghì của ta nói không giống với chỗ tranh luận của ngoại đạo. Đại huệ này, cái thường bất tư nghì của ta là chân lý do thánh trí như lai tự chứng, nên Bồ tát hãy siêng tu học. Lại nữa, Đại huệ, nghĩa thường bất tư nghì của ngoại đạo là nhân trái với vô thường mà nói thường, không phải do tự tướng. Đại huệ ! Nghĩa thường bất tư nghì của ngoại đạo là do thấy các pháp sinh ra có rồi hoàn không, bởi đó vô thường, so đấy mà nói thường. Ta cũng thấy các pháp sinh ra có rồi lại không, bởi đó vô thường, nhưng không vì thế mà nói nghĩa thường. Đại huệ ! Nếu ngoại đạo lấy tướng nguyên nhân mà thành thường bất tư nghì, thì tướng nguyên nhân ấy vốn không có, cũng như sừng thỏ; cái thường bất tư nghì chỉ là phân biệt, chỉ có trên danh từ. Vì sao? Vì cái nhân ấy cũng như sừng thỏ, không có đặc tính của tự nhân vậy. Đại huệ ! Thường bất tư nghì của ta lấy tự chứng làm nhân, không lấy pháp bên ngoài có rồi hoàn không - vô thường - mà làm nhân. Ngoại đạo, trái lại, chưa từng biết

tướng của tự nhân thường bất tư nghì, mà thường ở bên ngoài cảnh giới của Thánh trí tự chứng.

Lại nữa, Đại huệ ! Các hàng Thanh văn vì sợ sinh tử, vọng tưởng, khổ (samsàravikalpadukkha) mà cầu Niết bàn, không biết tất cả tướng sai biệt giữa Niết bàn sinh tử đều do hư vọng phân biệt mà có, chứ thật vốn không. Thanh văn vọng chấp rằng trong tương lai các căn, cảnh đều diệt, cho đó là Niết bàn, mà không biết cảnh giới của trí tự chứng, là chuyển tạng thức bị hạn cuộc thành Đại Niết bàn. Những người ngu kia nói có 3 thừa, không nói ngoài tâm không cảnh. Những người ấy không biết cảnh giới tự tâm mà chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đều nói, lại chấp trước cảnh ngoài tâm, nên thường trôi lăn không cùng trong sinh tử. Lại nữa, Đại huệ ! Chư Như lai vì sao nói hết thảy pháp quá khứ hiện tại vị lai không sinh (anutpanna) ? Vì cảnh do tự tâm thấy đều không có tự tính, lìa có không, nên nói vô sinh, như sừng thỏ, sừng ngựa v.v.. mà phạm phu vọng chấp. Cảnh giới vô sinh này là cảnh của bậc Tự chứng trí, không phải của hạng ngu phu phân biệt nhị nguyên. Đại huệ ! Thân, tài sản, khí thể gian, v.v.. tất cả đều là bóng dáng của tạng thức, năng thủ sở thủ (grāhyagrāhaka) đồng hiện khởi. Hàng ngu phu theo hai kiến chấp về sinh, trú, diệt, mà vọng khởi phân biệt hữu, vô. Đại huệ ! Ông nên siêng năng tu học nghĩa này.

Lại nữa, này Đại huệ ! Có năm loại chủng tính là: Chủng tính Thanh Văn, chủng tính Duyên giác, chủng tính Như lai, chủng tính bất định và vô chủng tính. Đại huệ ! Sao biết được là chủng tính Thanh văn thừa? Những người khi nghe nói tự tướng, cộng tướng, uẩn, giới, xứ, hoặc biết hoặc chứng, thì lông tóc dựng ngược, khao khát tu tập; nhưng đối với lý duyên khởi thì không thích quán sát, nên biết đấy là chủng tính

Thanh văn thừa. Những người ấy khi đã thấy chỗ mình chứng được, ở vào địa thứ năm thứ sáu, thì dứt được trói buộc của phiền não song chưa đoạn được tập khí phiền não. Họ vẫn vướng vào "bất tử nghĩ tử" - cái chết không thể nghĩ bàn. Tiếng rống như sư tử của họ là: "Sinh đã tận, phạm hạnh đã hoàn thành, việc nên làm đã xong, không còn thọ thân sau." Họ tu tập "nhân vô ngã" sinh tâm cho mình đã đạt Niết bàn. Đại huệ ! Lại có chúng sinh cầu chứng Niết bàn, tự nói đã biết tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, cho đấy là Niết bàn. Lại có những người nói: Thấy các pháp thấy đều do nguyên nhân sinh ra, đó là Niết bàn. Đại huệ ! Những kẻ ấy không giải thoát, vì chưa thể thấy pháp vô ngã vậy. Đó là chủng tính Thanh văn thừa, ngoại đạo, chưa giải thoát mà cho mình đã giải thoát. Ông hãy siêng tu tập xả bỏ ác kiến này. Đại huệ ! Sao biết được chủng tính duyên giác thừa? Ấy là những người khi nghe nói 12 nhân duyên thì lông tóc dựng đứng, động lòng rơi lụy, xa lìa huyên não, không đam mê gì nữa. Khi nghe nói hiện các thứ thân hoặc tụ hoặc tán, các việc thần thông biến hóa, thì tâm họ tin chịu, không phản đối. Nên biết đấy là chủng tính Duyên giác; hãy nói pháp Duyên giác thừa cho họ. Đại huệ ! Các pháp mà chủng tính Như lai thừa chứng được thuộc ba loại: Ấy là pháp "tự tính vô tự tính", pháp "nội thân tự chứng Thánh trí" và pháp "thấy hết thấy các cõi Phật ở ngoài." Đại huệ ! Nếu có người nghe nói mỗi mỗi pháp này cho đến pháp "thân, nhà cửa, tài sản đều do tự tâm hiện," nghe nói cảnh giới không thể nghĩ bàn của thức a lại gia mà không sợ, không kinh khiếp hãi hùng, nên biết người ấy thuộc chủng tính Như lai. Đại huệ ! Bất định chủng tính là gì? Ấy là khi nghe nói về ba thừa trên đây đều có thể khởi phát lòng tin, muốn tu học. Đại huệ ! Ta vì các hạng người mà so sánh các

giai đoạn tu tập, nói các chủng tính, vì muốn khiến họ an trú trong cảnh giới vô ảnh tượng nên kiến lập như thế. Đại huệ ! Những người Thanh văn an trú trong pháp lạc tam muội, nếu chứng được thức bị duyên của mình, thấy được pháp vô ngã, sạch tập khí phiền não, thì rốt cuộc cũng sẽ được thân Như lai." Thế Tôn liền nói bài tụng:

Quả Dự lưu, Nhất lai
 Bất hoàn, A la hán
 Những thánh nhân như thế
 Tâm họ đều mê hoặc
 Ba thừa ta lập ra
 Một thừa đến không thừa
 Vì kẻ ngu trí nhỏ
 Vì bậc Thánh ưa tịch
 Pháp môn đệ nhất nghĩa
 Xa lìa cả hai chấp
 Trong chỗ vô cảnh giới
 Làm sao lập ba thừa?
 Các thiền cùng vô lượng
 Vô sắc tam ma đề (ārūpya samadhi)
 Cho đến diệt thọ tưởng
 Đều không ở ngoài tâm

Lại nữa Đại huệ, tại sao hạng Nhất xiển đề (Icchantika) đối với pháp giải thoát không sinh vui thích? Đại huệ ! Vì họ đã bỏ mất hết căn lành, hoặc vì từ vô thủy đã khởi nguyện độ chúng sinh. Sao gọi là bỏ mất hết căn lành? Ấy là những người chê bai các tạng kinh của Bồ tát, cho rằng không hợp với Khế kinh, với sự điều phục và giải thoát. Như vậy là đoạn hết căn lành, không nhập niết bàn được. Sao gọi là từ vô thủy vì chúng sinh khởi nguyện? Ấy là những Bồ tát dùng phương tiện

bản nguyện, nguyện cho hết thảy chúng sinh đều vào Niết bàn, nếu còn một chúng sinh chưa vào thì Bồ tát cũng không vào. Hạng này cũng ở trong đường của Nhất xiển đề, không có tướng của chủng tính Niết bàn.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Trong hai hạng đó rốt cùng ai không vào Niết bàn?

Phật dạy:

Những Bồ tát Nhất xiển đề kia vì biết rõ hết thảy pháp xưa nay vốn là Niết bàn, nên rốt cuộc không nhập. Song hạng Nhất xiển đề đã bỏ các thiện căn thì hoặc sẽ nhờ uy lực Phật, hoặc có khi phát sinh thiện căn. Vì sao? Vì Phật không bao giờ bỏ rơi một chúng sinh nào. Cho nên chỉ có Bồ tát Nhất xiển đề là không nhập Niết bàn. Lại nữa Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình nên biết rõ tướng của 3 tự tính (svabhāva). Ba tự tính ấy là gì? ấy là vọng kế, duyên khởi và viên thành. Đại huệ, vọng kế tự tính là do tướng sinh. Sao là do tướng sinh? Ấy là nương theo các sự tướng duyên khởi hiện ra các chủng loại mà sinh chấp trước, so đo. Đại huệ ! Sự kế trước ấy sinh hai thứ vọng kế tính, ấy là những gì chư Như lai diễn nói: danh tướng kế trước và sự tướng kế trước. Sự tướng kế trước là chấp các pháp trong và ngoài cho là thật có, danh tướng kế trước là đối các pháp trong và ngoài ấy, chấp có tự tướng cộng tướng. Ấy là hai thứ vọng kế. Đại huệ ! Do duyên sở y mà khởi lên, ấy gọi là tính duyên khởi. Sao gọi là viên thành tự tính? (Parnispannasvabhāva) Ấy là chân như mà đáng tự chứng Thánh trí đạt được, là hết thảy danh tướng, sự tướng. Đại huệ ! đấy là tự tính viên thành, Như lai tạng tâm.

Đức Thế Tôn bèn nói bài tụng:

Phân biệt danh tướng

Là tướng tự tính

Chính trí chân như

Là tính viên thành

Đại huệ ! đấy là pháp môn quán sát 5 pháp, hai tự tính, là cảnh giới của bậc Tự chứng thánh trí. Ông cùng các bồ tát đại hữu tình nên siêng tu học. Lại nữa, này Đại huệ, Bồ tát nên quán sát hai tướng vô ngã. Hai tướng ấy là gì? Là tướng nhân vô ngã, tướng pháp vô ngã. Đại huệ, sao gọi là tướng nhân vô ngã? Ấy là uẩn, xứ, giới, lia ngã, ngã sở, vì ngu si và ái nghiệp mà sinh các thức như nhãn v.v.. Do sắc, thanh... mà sinh chấp trước. Lại thân và khí thể gian mà tự tâm thấy đều do tạng tâm biến hiện, từng giây phút tiếp nhau biến hoại không ngừng. Như dòng sông, như hạt giống, như ánh đèn, như gió qua mau, như mây nổi. Nó động chuyển không an như vượn khỉ, ưa chỗ dơ uế như ruồi nhặng, không biết chán đủ như lửa mạnh. Nó lấy tập quán tà ác từ vô thủy làm nhân, nên trôi lăn các cõi không ngừng như bánh xe kéo nước, cuốn theo các loại thân hình, như thầy chết do mãnh lực bùa chú mà cử động, lại như người gỗ do máy mà chuyển động. Nếu biết rõ tướng của tự thân là như vậy, thì gọi là trí "nhân vô ngã" (Putgalarairātnyajnāra). Đại huệ ! Sao gọi là trí pháp vô ngã? Ấy là biết uẩn, giới, xứ là tính vọng chấp. Nguyên uẩn, giới, xứ vốn lia ngã, ngã sở, chỉ vì sợi dây trói buộc của ái và nghiệp tích tụ làm duyên cho nhau mà sinh khởi, không có tác giả. Uẩn giới xứ cũng thế, lia tự tướng cộng tướng. Những hiện tượng giả dối đủ loại hiện ra chỉ có phàm phu mới phân biệt, thánh giả thì không. Quan sát các pháp như vậy nên lia tâm, ý, ý thức, 5 pháp, 3 tự tính, ấy gọi là trí pháp vô ngã của Bồ tát đại hữu tình. Khi được trí ấy thì biết không có cảnh giới, hiểu rõ tướng các giai đoạn tu hành. Bồ tát liền nhập sơ

địa, tâm sinh vui mừng, tuần tự tiến dần lên đến bậc Thiện huệ và Pháp vân. Các việc phải làm đều thành tựu, ở địa vị ấy có hoa sen báu lớn cùng các báu trang nghiêm, trên hoa có cung điện báu hình hoa sen, do Bồ tát tu pháp môn như huyễn mà thành tựu. Bồ tát ngồi trên hoa sen được các Bồ tát đồng hàng vây quanh, được chư Phật từ các cõi Phật đưa tay rưới đầu bằng nước cam lồ như rưới cho con vua chuyển luân. Khi vượt qua giai đoạn cuối cùng của Bồ tát địa, Bồ tát thành tựu pháp thân tự tại của Như lai. Đại huệ ! ấy gọi là tướng "thấy pháp vô ngã". Ông và các Bồ tát nên siêng tu học.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn, xin vì con giảng nói tướng lập và phá (samàropàpavàda- laksana) khiến con cùng các Bồ tát lìa các kiến chấp ấy, mau được Vô thượng bồ đề. Khi ấy, con sẽ phá được sự chấp thường (lập) và chấp đoạn (phá), đối với chính pháp không sinh hủy báng.

Phật nhân lời thưa thỉnh của Đại huệ bồ tát mà nói bài kệ tụng như sau:

Thân, tài vật, chỗ ở
 Đều là bóng của tâm
 Phàm phu không biết được
 Khởi kiến lập, bác bỏ
 Mọi pháp do tâm khởi
 Lìa tâm không có được

Đức Thế Tôn muốn nói rõ lại nghĩa ấy, bảo bồ tát Đại huệ :
 Có 4 kiến lập (cho là có, những cái vốn là không), đó là không tướng lập có tướng, không kiến lập có kiến, không nhân lập có nhân, không tính lập có tính. Đại huệ ! Còn hủy báng (phá) là sao? Ấy là các pháp do tà kiến lập ra đều không tự tính, vì không khéo quán sát nên sinh hủy báng (chối bỏ). Đấy

là tướng kiến lập và hủy báng (xác định cùng phủ định). Nay Đại huệ ! Sao gọi là không tướng lập có tướng? Ấy là tự tướng, cộng tướng của uẩn, giới, xứ vốn không, mà lại sinh ra kế chấp cho nó như thế này, không thế khác. Những phân biệt ấy đều do ác tập từ vô thủy sinh ra. Đấy gọi là không tướng lập có tướng. Sao gọi là không kiến lập có kiến? Ấy là từ uẩn giới xứ, đặt ra các quan niệm ngã, nhân, chúng sinh v.v.. Sao gọi là không nhân lập có nhân? Ấy gọi là sơ thức (pràgvijnàna) trước kia vốn vô nhân, bất sinh, sơ thức ấy vốn không, mà sau vì mắt, sắc, ánh sáng, niệm v.v.. làm nhân như huyễn sinh, sinh rồi có, có rồi hoàn diệt. Ấy là không nhân lập có nhân. Sao gọi là không tính lập có tính? Ấy là chấp trước các pháp vốn vô tác như hư không, Niết bàn không phải thường diệt. Đại huệ ! Những pháp này lìa tính phi tính, hết thấy pháp đối với có và không chỉ như bụi lông, sừng thỏ, ngựa... Ấy là không tính lập có tính. Đại huệ ! Kiến lập và bác bỏ đều do kẻ phàm phu không hiểu duy tâm tạo, nên sinh phân biệt. Bậc thánh không làm thế. Các ông nên quán sát để xa lìa kiến chấp ấy. Nay Đại huệ, Bồ tát khi đã biết rõ tâm, ý, ý thức, 5 pháp, 3 tự tính, 2 vô ngã, thì sẽ vì chúng sinh, hiện các loại thân hình, như ngọc ma ni hiện các màu tùy tâm. Các Bồ tát ấy đi vào các Phật hội, nghe Phật dạy các pháp như huyễn như mộng, như bóng, như hình trong gương, như trăng đáy nước, xa lìa sinh diệt, đoạn thường. Không ở trong đường Thanh văn và Bích chi Phật, nghe xong chư bồ tát ấy thành tựu vô lượng trăm ngàn ức na do tha định. Được các định ấy rồi, họ du hành khắp các cõi Phật, cúng dường chư Phật, sinh lên các cõi trời để làm sáng tỏ ngôi Tam bảo. Họ hiện thân Phật vì đại chúng Thanh văn Bồ tát mà nói pháp duy tâm khiến xa lìa các chấp hữu, vô. Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Phật tử hay quán thấy
Thế gian không ngoài tâm
Hiện ra đủ loại thân
Việc làm không ngăn ngại
Sức thần thông tự tại
Tất cả đều viên thành

Bồ tát Đại huệ lại thỉnh Phật:

Xin Thế Tôn vì con nói tướng không, vô sinh, vô nhị, vô tự tính của vạn pháp. Con và các Bồ tát ngộ được tướng ấy, sẽ lìa phân biệt hữu vô, mau thành Vô thượng bồ đề.

Phật dạy:

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho ông. Đại huệ ! "Không" ấy là tính vọng chấp. Đại huệ ! Vì chấp trước, vọng kế nơi tự tính nên nói không, vô sinh, vô nhị, vô tự tính. Đại huệ ! Lược nói tính không có bảy: tướng không, tự tính không, vô hành không, hành không, nhất thiết pháp bất khả thuyết không, đệ nhất nghĩa thánh đế không, bỉ bỉ không. Tướng không là tự tướng cộng tướng của tất cả pháp đều không, chỉ xoay vần tích tụ đối đãi lẫn nhau mà hiện ra, nếu phân tích đến cùng thì không có gì. Không tự sinh, không tha sinh không vừa tự vừa tha, rốt ráo bất sinh. Tự tướng cộng tướng không sinh cũng không trú, nên gọi hết thảy pháp tự tướng vốn không. Sao gọi là tự tính không? Ấy là hết thảy pháp tự tính vốn không sinh, nên gọi là tự tính không. Sao gọi là vô hành không? Là các uẩn bản lai vắng lặng, không hành động tạo tác, nên gọi là vô hành không. Sao là hành không? Là các uẩn do nghiệp và nhân hòa hợp mà sinh, lìa ngã, ngã sở, nên gọi là hành không. Sao là nhất thiết pháp bất khả thuyết không? Là tự tính của hết thảy các vọng chấp không thể nói hết, nên gọi là bất khả thuyết không. Sao là đệ nhất nghĩa thánh trí đại không? Là khi được

tự chứng thánh trí, thì lìa được tất cả tập khí lầm lạc, kiến chấp. Ấy gọi là đệ nhất nghĩa thánh trí đại không. Sao là bỉ bỉ không? Là cái này không cái kia (emptiness of mutual non-existence - Suzuki). Thí như trong giảng đường không có quạ, ngựa, trâu, dê, v.v.. ta nói giảng đường kia không, không phải là không có chúng tỳ kheo. Đại huệ, không phải là phòng không có tự tính của phòng, không phải tỳ kheo không có tự tính của tỳ kheo, không phải các nơi khác không có quạ, ngựa, trâu, dê. Nay Đại huệ, tự tướng cộng tướng của các pháp đều nương nhau mà có, nhưng thực chất là không nên gọi là bỉ bỉ không.

Lại nữa Đại huệ, vô sinh là trí thể không sinh, chứ không phải là bất sinh, trừ khi ở trong định. Vì vô sinh nên theo ý nghĩa sâu xa chính là vô tự tính. Đại huệ, hết thảy pháp không tự tính, vì không sát na nào ở yên, vừa trông thấy, nó đã đổi khác, nên gọi là vô tự tính. Sao là không hai tướng? Đại huệ ! Như sáng tối, ngắn dài, đen trắng, đều đối đãi nhau mà lập, một mình thì không thành. Đại huệ ! Không phải ngoài sinh tử có Niết bàn, không phải ngoài Niết bàn có sinh tử, sinh tử và Niết bàn không phải là hai tướng đối nghịch. Như sinh tử và Niết bàn, hết thảy pháp đều như vậy, ấy gọi là không hai tướng. Đại huệ này, các tướng không, vô sinh, không hai, vô tự tính, ông nên siêng tu học. Khi ấy Thế Tôn lại nói bài tụng:

Ta thường nói pháp "không"
Xa lìa hẳn đoạn, thường
Sinh tử như huyễn mộng
Mà nghiệp cũng không tan
Hư không và Niết bàn
Hai diệt cũng như thế
Phàm phu vọng phân biệt

Thánh giả lia hữu, vô
 Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Đại huệ Bồ tát:
 Đại huệ ! Tướng không, vô sinh, không hai, vô tự tính ấy, có thể tìm thấy trong kinh của chư Phật nói. Đại huệ ! Kinh tùy thuận tâm chúng sinh mà nói, nhưng chân lý không nằm trong lời. Thí như những con thú bị quáng nắng tưởng thấy nước mà thật không có nước, những gì các kinh nói cũng thế, chỉ thuận theo phân biệt của ngu phu, khiến chúng sinh hoan hỷ, đều không phải là các pháp hiển bày chỗ chứng chân thật của Thánh trí. Đại huệ, hãy theo nghĩa, không nên bám vào lời.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch đức Thế Tôn ! Trong kinh nói bản tính Như lai tạng vốn thanh tịnh, hằng tồn không dứt, không biến dịch, đủ 32 tướng, ở trong tất cả thân chúng sinh, bị quán trong lớp áo dơ uế của uẩn giới xứ, bị ô nhiễm vì tham, nhuế, si... và sự phân biệt hư vọng, như ngọc vô giá bọc trong áo dơ. Ngoại đạo thì nói ngã là tác giả thường trú, lia câu na (guna, đức), tự tại, bất diệt. Như lai tạng mà Thế Tôn dạy không phải giống như Ngã của ngoại đạo sao?

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Như lai tạng do ta nói không giống ngã ngoại đạo nói. Đại huệ ! Như lai dùng các nghĩa tính không, thật tế, Niết bàn, bất sinh, vô tướng, vô nguyện v.v.. mà diễn tả Như lai tạng. Vì muốn ngu phu lia sợ hãi đối với vô ngã mà nói pháp môn Như lai tạng, vô phân biệt, vô ảnh tượng. Các Bồ tát vị lai, hiện tại không nên do đó mà chấp ngã. Đại huệ ! Thí như thợ gốm do đất sét, nhân công, nước gỗ, mà làm ra các vật dụng, Như lai cũng thế, vì để giảng dạy pháp môn viển ly hết thấy tướng phân biệt, vô ngã, mà phải dùng trí tuệ phương tiện khéo, sử dụng các danh từ khác nhau như khi thì

nói Như lai tạng, khi thì nói vô ngã v.v... Đại huệ ! Ta nói Như lai tạng là để nhiếp phục ngoại đạo chấp ngã, khiến lia tà kiến, thâm nhập 3 giải thoát, mau chứng Vô thượng Bồ đề. Vì thế Như lai tạng mà chư Phật nói không giống với Ngã của ngoại đạo. Muốn xa lia tà kiến ngoại đạo, ông nên biết nghĩa Như lai tạng là vô ngã. Khi ấy Thế Tôn nói bài tụng:

Uẩn tương tục và người

Các duyên và vi trần

Thẳng, tự tại, tác giả

Đều do tâm phân biệt

Bồ tát Đại huệ quán chúng sinh đời vị lai mà hỏi Phật rằng:

Bạch Thế Tôn, xin vì con nói pháp tu đầy đủ để thành tựu bậc đại tu hành như các Bồ tát đại hữu tình.

Phật dạy:

Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình đủ 4 điều kiện thì thành bậc đại tu hành, ấy là:

1. Quán sát cảnh tự tâm hiện.
2. Xa lia kiến chấp sinh, trú, diệt.
3. Biết rõ các pháp do tâm sinh vốn không có tự tính.
4. Chuyên cầu tự chứng thánh trí. Nếu các bồ tát thành tựu bốn pháp ấy thì gọi là bậc đại tu hành. Đại huệ ! Sao là quán sát cảnh tự tâm hiện? Là quán 3 cõi không ngoài tâm, lia ngã, ngã sở, không có hành động tạo tác, không đến đi, chỉ do tập khí chấp trước từ vô thủy thành. Bồ tát quán sát cảnh tự tâm hiện như thế. Đại huệ ! Sao gọi là lia cái thấy sinh trú diệt? Ấy là quán sát hết thấy pháp như huyễn mộng sinh, không tự sinh, không cộng sinh, không tự tha cùng sinh, chỉ do tự tâm hiện. Thấy ngoại vật không thực có, thấy các thức không sinh, các duyên không tích tụ, thấy do phân biệt mà có ra ba cõi. Quán sát như thế, hoặc ở trong hoặc ở ngoài, các pháp đều bất khả đắc, biết rõ không có thể tính chân thật, nên

xa lìa kiến chấp về sinh, chứng tính như huyễn. Khi ấy Bồ tát liền được vô sinh pháp nhẫn, an trú địa thứ 8, hiểu rõ tâm ý, thức, 5 pháp, 3 tự tính, 2 vô ngã, chuyển thức sở y, được thân ý sinh.

Đại huệ nói:

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là thân ý sinh?

Đại huệ ! Thân ý sinh nghĩa là, như ý đi rất mau, không bị chướng ngại, gọi là thân ý sinh. Nay Đại huệ ! Thí như tâm ý nhớ đến các sự vật đã thấy được trước kia ở cách ngoài vô lượng trăm ngàn do tuần, niệm niệm nối tiếp không dứt liền đi đến chỗ ấy, không bị thân và sông núi đá tường ngăn ngại. Thân ý sinh cũng thế, được năng lực "như huyễn tam muội" thần thông tự tại, các tướng trang nghiêm, nhớ đến lời nguyện thành tựu chúng sinh nên liền đi nhanh như ý mà sinh vào tất cả Thánh chúng. Ấy gọi là Bồ tát được xa lìa sinh, trú, diệt. Đại huệ ! Sao là quán sát các pháp bên ngoài đều không tính? Ấy là quán hết thấy pháp như ảo tượng, như chiêm bao, như mao luân. Do hí luận, chấp trước, tập khí hư vọng từ vô thỉ làm nhân. Quán sát tất cả pháp đều thế, rồi chuyên cầu Thánh trí tự chứng. Đại huệ! Ấy gọi là Bồ tát đủ 4 pháp thành bậc đại tu hành. Ông nên theo đó siêng năng tu học. Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Nguyện xin Thế Tôn vì con nói nhân duyên của hết thấy các pháp, khiến con và các Bồ tát liễu đạt nghĩa ấy, sẽ xa biên chấp hữu, vô, không vọng chấp các pháp sinh từ từ hay sinh lập tức.

Phật dạy:

Đại huệ ! Hết thấy các pháp do duyên sinh khởi. Có hai thứ duyên, trong và ngoài. Ngoài là các duyên như đất sét, nước, gậy, dây, nhân công v.v.. làm thành cái bình. Như bình làm

bằng đất sét, hay vải làm bằng sợi tơ, hay tấm thảm làm bằng cỏ, hay mầm sinh từ hạt giống, "gia ua" sinh từ sữa ... tất cả đều như vậy, gọi là duyên bên ngoài. Trong là vô minh, ái, nghiệp v.v.. sinh các pháp uẩn, giới, xứ ấy là duyên bên trong. Đây là do ngu phu phân biệt mà thành có. Đại huệ, nhân có 6 thứ : 1. Đương hữu, 2. Tương thuộc, 3. Tướng, 4. Năng tác. 5. Hiểu liễu, 6. Quán đãi. "Đương hữu" là các pháp trong ngoài làm nhân sinh ra quả. "Tương thuộc" là các pháp trong ngoài làm duyên sinh ra quả, các chủng tử uẩn v.v.. "Tướng" là làm cho các tướng không gián đoạn, sinh ra quả tương tục. "Năng tác" là nhân tối thắng để sinh quả như chuyển luân vương. "Hiểu liễu" là khi phân biệt sinh, làm cho cảnh tượng hiện rõ như đèn soi các vật. "Quán đãi" là khi hoại diệt thì tương tục cũng dứt, không còn sinh vọng tưởng. Đại huệ ! Đây là do ngu phu tự phân biệt, không phải sinh từ từ cũng không phải sinh tức khắc. Tại sao, nếu như sinh tức khắc thì thành ra năng tác và sở tác không khác nhau, không thể tìm tướng "nhân" của nó. Còn nếu sinh từ từ thì tìm cái thể của nó không được, như chưa sinh con sao gọi là cha? Người lý luận cho rằng vì các nhân duyên (hetipratyaya), sở duyên duyên (àrambanapratyaya) vô gián duyên (nirantarapratyaya), tăng thượng duyên (adhipatipratyaya) v.v.. sở sinh, năng sinh lệ thuộc lẫn nhau, nên theo thứ tự sinh dần. Lý ấy không vững, đều là vọng tình chấp trước. Đại huệ ! Dần dần hay tức khắc đều không sinh, chỉ có tâm hiện ra thân, tài sản v.v.. Ngoài tự tướng cộng tướng ra không có tính, chỉ vì các thức khởi, các kiến tự phân biệt mà thôi. Đại huệ, do đấy ông nên xa lìa các kiến chấp tiệm sinh hay đốn sinh, đối với các tướng do nhân duyên hòa hợp thành.

Khi ấy đức Thế Tôn nói bài tụng:

Hết thấy pháp không sinh
Lại cũng không có diệt
Trong các thứ duyên kia
Phân biệt tướng sinh diệt
Không ngăn các duyên hội
Diệt cùng sinh như thế
Mà phải dứt vọng tình
Của phàm ngu chấp trước
Hữu, vô của duyên sinh
Đều rốt ráo không sinh
Tập khí mê chuyển tâm
Do đó ba cõi hiện
Bản lai không vật sinh
Lại cũng không có diệt
Quán các pháp hữu vi
Đều như hoa đốm sinh
Lìa năng thủ sở thủ
Và kiến chấp sai lầm
Không năng sinh sở sinh
Lại cũng không nhân duyên
Chỉ thuận theo thế tục
Mà nói có sinh diệt

QUYỂN BA

CHƯƠNG II

Tiết III - TU TẬP HẾT THẢY PHÁP

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì con nói pháp môn tinh yếu của sự phân biệt ngôn thuyết, để con và chư Bồ tát đại hữu tình biết rõ điều ấy, thông đạt hai nghĩa năng thuyết sở thuyết, mau thành vô thượng bồ đề, khiến các chúng sinh được thanh tịnh đối với hai nghĩa ấy.

Phật dạy:

Đại huệ ! Có 4 thứ ngôn thuyết, ấy là: 1. Lời do tưởng, 2. Lời do mộng, 3. Lời do chấp trước lỗi lầm, 4. Lời do vô thỉ vọng tưởng. Đại huệ ! Lời do tưởng là lời nói do chấp văn tự và do phân biệt sắc tướng. Lời do mộng là lời nói do mộng thấy các cảnh, khi tỉnh nhớ lại, không theo cảnh thật có. Lời do chấp trước lỗi lầm là nhớ lại oán thù và những việc đã làm, rồi nói. Lời do vô thỉ vọng tưởng là lời nói do tập khí vọng chấp từ vô thỉ ưa hí luận. Đó là 4 thứ ngôn thuyết.

Đại huệ bạch:

Bạch Thế Tôn! Xin vì con nói các hành tướng của ngôn ngữ ở nơi nào, vì duyên cơ gì, tại sao khởi phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ ! Do đầu, ngực, yết hầu, lỗ mũi, môi, răng, lưỡi hòa hiệp khởi ra lời nói.

Đại huệ :

Bạch Thế Tôn! Ngôn ngữ là khác (anyà) hay không khác (anayà) với phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ ! Không khác cũng không không khác. Vì sao? Phân biệt làm nhân khởi ra ngôn ngữ vậy. Nếu khác, thì lời nói không thể làm nhân cho ngôn ngữ; nhưng nếu không khác, thì lời nói không thể diễn đạt ý nghĩa. Bởi thế mà nói không khác cũng không không khác.

Đại huệ :

Bạch Thế Tôn! Lời nói là đệ nhất nghĩa, hay cái được diễn đạt bằng lời là đệ nhất nghĩa?

Phật dạy:

Không phải lời cũng không phải cái được diễn bằng lời. Vì sao? Đệ nhất nghĩa là cảnh giới an lạc của bậc thánh, không thể chỉ do lời nói mà vào được, cho nên lời không phải là đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là cảnh mà Thánh trí tự chứng ở bên trong, không phải cảnh giới của lời và của trí phân biệt. Lời không thể chỉ rõ cảnh giới ấy. Đại huệ ! Lời nói là do nhân duyên sinh, có sinh diệt, giao động, xoay chuyển, cái gì do duyên sinh và có xoay chuyển thì không thể làm rõ đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa không có tướng tự tha, ngôn ngữ có tướng nên không thể chỉ rõ đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là chỉ có ở tự tâm, mọi tướng bên ngoài đều không, nên ngôn ngữ phân biệt không thể chỉ rõ. Bởi thế, này Đại huệ ! Ông nên xa lìa ngôn ngữ phân biệt.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Các pháp không tự tính
Cũng không có ngữ ngôn
Không thấy nghĩa không không
Nên ngu phu luân chuyển

Hết thấy pháp không tính
 Là ngôn ngữ phân biệt
 Các hữu là như huyễn
 Không sinh tử, Niết bàn
 Như vua cùng trưởng giả
 Vì khiến các con vui
 Trước chỉ cái tương tự
 Sau cho cái như thật
 Ta nay cũng như thế
 Trước nói pháp tương tự
 Về sau mới tuyên bố
 Pháp tự chứng, thật tế.

Bồ tát Đại huệ bạch:

Xin Phật vì con nói nghĩa lia nhất dị (ekatvanyatva), cùng không cùng (ubhayanobhaya), hữu vô (nastyastitva), phi hữu vô (naivāstīnāsti), thường vô thường (nityānitya) v.v.. Những điều mà các ngoại đạo không thể nói, những cảnh giới của Thánh trí tự chứng. Khi hiểu được, con sẽ viễn ly vọng chấp tự tướng cộng tướng, nhập cảnh giới chân thật đệ nhất nghĩa, tuần tự được các địa, vào quả vị Như Lai. Do nguyện lực con sẽ không cần dụng công mà hiện khắp vô biên cảnh giới như ngọc ma ni, vì liễu tri tất cả pháp đều do tự tâm phân biệt. Khi được nghe Phật dạy, con và các Bồ tát đối với những pháp ấy sẽ lia chấp tự tính, lia các kiến chấp tự tướng cộng tướng, mau chứng Vô thượng bồ đề, khiến chúng sinh được đầy đủ các công đức.

Phật dạy:

Đại huệ ! Hay thay, lành thay ! Ông vì thương xót chúng sinh mà hỏi ta nghĩa ấy, vì lợi ích nhiều người, vì an lạc nhiều người. Đại huệ ! Kẻ phàm phu vô trí không biết duy tâm, do

tập quán hư vọng mà chấp ngoại vật, phân biệt các tính một, khác, có, không, không có, không không, thường, vô thường v.v... Đại huệ ! Như con thú vì cơn khát hành hạ, do bóng nắng mà tưởng tượng nước, mê hoặc chạy theo, không biết đấy chẳng phải nước. Kẻ phàm phu cũng vậy, do huân tập hý luận phân biệt từ vô thí, do ba độc thiêu đốt tâm nên ưa cảnh giới sắc, thấy có sinh, trú, diệt, chấp thủ pháp trong ngoài, sa vào các chấp trước một, khác v.v.. Đại huệ ! Như thành Càn thất bà không phải thành cũng không phải phi thành, kẻ vô trí vì thói quen chấp trước vào hạt giống "thành" từ vô thí, nên tưởng có thành. Ngoại đạo cũng vậy. Vì vọng tưởng từ vô thí nung nấu, nên không hiểu rõ cảnh tự tâm hiện, bám vào các ngôn thuyết một, khác v.v.. Đại huệ ! Thí như có người nằm mộng thấy trai, gái, voi, ngựa, xe, kẻ bộ hành, thành ấp, vườn rừng ... các thứ trang nghiêm. Khi tỉnh nhớ lại cảnh kia vốn không phải chuyện thật. Đại huệ ! Ý ông thế nào? Người như thế có khôn ngoan không?

Bạch Thế Tôn không!

Đại huệ ! Ngoại đạo cũng thế. Do ác kiến ngón ngấu không rõ duy tâm, chấp trước các quan niệm một, khác, hữu, vô v.v.. Nay Đại huệ ! Thí như tượng vẽ không có chỗ cao, thấp, kẻ ngu lầm thấy tượng có cao thấp. Các ngoại đạo đời sau cũng vậy, do ác kiến huân tập, vọng tâm tăng trưởng, nên chấp một, khác v.v...mà tự hại, hại người. Đối với thuyết lia hữu vô, vô sinh thì xem là chuyện không tưởng, chúng bài bác nhân quả, triệt hết căn lành. Nên biết những kẻ phân biệt có, không, khởi các tướng tự, tha như thế sẽ đọa vào địa ngục. Muốn cầu pháp thù thắng, ông hãy xa lia. Đại huệ, thí như những người đau mắt thấy hoa đốm (mao luân) bèn gọi nhau: "Thật là việc hiếm có, đẹp tuyệt!" Kỳ thật hoa đốm ấy lia có

không, thấy và bị thấy. Ngoại đạo cũng thế, ác kiến phân biệt một, khác, cùng, không cùng v.v.. phỉ báng chính pháp, tự chôn mình, chôn người. Đại huệ, thí như vòng lửa thật không phải vòng, kẻ ngu mới chấp, không phải bậc trí. Ngoại đạo cũng thế, vì ác kiến chấp trước một, khác, cùng, không cùng...nên khởi sinh các pháp. Đại huệ ! Thí như bọt nước giống ngọc pha lê, kẻ ngu chấp thật chạy theo lợm nhật. Nhưng bọt nước kia vốn lia ngọc và phi ngọc. Nay Đại huệ ! Khi thành lập 3 lượng (hiện lượng, tỉ lượng và phi lượng) thì Thánh trí tự chứng xa lia được hai tự tính (y tha, biến kế). Đại huệ ! Người tu hành khi chuyển được tâm, ý, thức, năng thủ, sở thủ, an trú pháp tự chứng ở Như lai địa, thì không khởi các tướng có, không. Đại huệ ! Người tu hành nếu khởi những chấp hữu, vô tức đã chấp các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Đại huệ ! Hết thấy tự tướng và cộng tướng của các pháp đều do hóa thân Phật nói, không phải pháp thân Phật nói. Đại huệ ! Hóa thân Phật nói thì chỉ thuận theo kiến chấp của ngu phu, không phải khai thị pháp lạc tam muội của Thánh trí tự chứng. Đại huệ ! Thí như trong nước có bóng cây, bóng ấy không phải bóng hay phi bóng, không phải không bóng hay không phi bóng. Ngoại đạo cũng thế, vì ác tà kiến huân tập, không rõ tự tâm hiện, nên sinh các phân biệt một, khác v.v.. Đại huệ ! Thí như gương sáng không phân biệt, tùy duyên mà hiện các hình bóng, những bóng kia không phải bóng hay phi bóng, mà lại được thấy ra là bóng với phi bóng, là do người ngu phân biệt, sinh tướng về bóng. Ngoại đạo cũng thế, đối các hình bóng do tự tâm hiện, lại khởi chấp các tướng một, khác, cùng, không cùng. Đại huệ ! Thí như tiếng vang do các âm thanh của gió, nước, người v.v.. hòa hiệp mà có, tiếng vang ấy không có cũng không không, vì được nghe như tiếng

mà thực không phải tiếng. Ngoại đạo cũng thế, do sự huân tập phân biệt của tự tâm, nên khởi các kiến chấp một, khác, cùng, không cùng. Đại huệ ! Thí như ở trên đất không có cây cỏ, ánh trời chiếu làm nên những làn sóng nắng. Những làn sóng kia không phải có cũng không phải không, vì là đảo tưởng, không phải tướng. Kẻ phàm ngu cũng vậy, do tập khí sai lầm từ vô thủy, nên ở trong pháp tính do thánh trí chứng lại có sinh, trụ, diệt, một, khác, có, không, cùng, không cùng v.v.. Đại huệ ! Thí như người gõ hay thổi ma nhờ bùa lực của Tỳ xá xá (Pi'sàca) mà cử động chuyển xoay không ngừng, kẻ vô trí xem là thật. Phàm phu ngu si cũng thế, hòa theo ngoại đạo khởi ác tà kiến, vọng chấp một, khác v.v.. Bởi thế, Đại huệ ! Ông nên ở trong pháp Tự chứng xa lia hết thấy phân biệt sinh, trụ, diệt, hữu, vô, cùng, không cùng v.v..

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Các thức ấm có năm
 Như bóng cây trong nước
 Cái thấy như huyễn mộng
 Không nên vọng phân biệt
 Ba cõi như ảo tượng
 Huyễn mộng và mao luân (hoa đốm)
 Nếu quán được như thế
 Hoàn toàn được giải thoát
 Như bóng nắng mùa hè
 Kích động mê loạn tâm
 Thú khát chấp là nước
 Mà thật không phải nước
 Chủng tử thức cũng vậy
 Chuyển động thấy cảnh giới
 Như mắt thấy không hoa

Ngu phu sinh mê đắm
 Từ vô tử sinh tử
 Trói buộc trong chấp trước
 Nay phải nên xả bỏ
 Như người bị diệt tận
 Như vật huyễn, như máy
 Như mây, mộng, điện, chớp
 Quán sát đời như thế
 Dứt sạch ba tướng tục
 Trong ấy không có gì
 Như ảo tượng hư không
 Biết các pháp như thế
 Thì hết sở tri chướng
 Năm uẩn như hoa đốm
 Không nên vọng phân biệt
 Chỉ là tên bày đặt
 Tìm tướng bất khả đắc
 Như bức vẽ xóa tóc
 Như mộng, thành nhạc thần
 Vòng lửa và ảo tượng
 Thật không mà thấy có
 Như vậy thường, vô thường
 Một, khác, cùng, không cùng
 Do trói buộc vô tử
 Ngu phu vọng phân biệt
 Gương sáng, mắt pha lê
 Ma ni ngọc đẹp báu
 Trong đó hiện bóng hình
 Kỳ thật không gì có
 Tâm thức cũng như vậy

Hiện khắp các sắc tướng
 Như mộng, như bóng nước
 Lại như con Thạch nữ

Lại nữa Đại huệ ! Pháp chư Phật nói lia bốn cú nghĩa là lập
 bác, một khác, cùng không cùng, có không... Đại huệ ! Pháp
 Phật lấy tứ đế, duyên khởi, diệt đạo, giải thoát làm đầu,
 không tương ứng với những pháp như thắng tính (praktri), Tự
 tại (Isvara), Tác tác (không nhân), tự nhiên, vi trần v.v.. Đại
 huệ ! Pháp Phật nói là để thanh tịnh hai thứ chướng ngại là trí
 chướng và hoặc chướng, khiến dần an trú trong 108 cú về
 pháp vô tướng, mà phân biệt rõ các thừa cũng như thương chủ
 khéo hướng dẫn người. Lại nữa Đại huệ ! có 4 loại thiền : 1.
 Thiền ngu phu (Halopacàrikadhyàna). 2. Thiền quán sát nghĩa
 (Arthapravicayadhyàna). 3. Thiền phan duyên chân như
 (Tathatàlambanadhyàna). 4. Thiền như lai
 (Tathàgatadhyàna). Đại huệ ! Thiền ngu phu là những người
 tu hạnh thanh văn, duyên giác biết nhân vô ngã, thấy thân
 mình thân người chỉ là bộ xương ráp lại, đều là tướng vô
 thường, khổ, bất tịnh. Quán sát như thế kiên trì không bỏ, dần
 đạt đến định vô tướng diệt, ấy là thiền ngu phu. Sao là thiền
 quán sát nghĩa? Ấy là khi biết rõ nhân vô ngã trên phương
 diện tự tướng, cộng tướng rồi, còn xa lia chấp ngoại đạo cho
 mọi pháp là tự sinh tha sinh, tự tha sinh, thuận theo nghĩa pháp
 vô ngã của Bồ tát địa mà quán sát, ấy là thiền quán sát nghĩa.
 Sao gọi là thiền phan duyên chân như ? Ấy là, nếu phân biệt
 có hai vô ngã tức là vọng niệm, nếu biết như thật thì niệm kia
 không khởi, ấy gọi là thiền phan duyên chân như. Sao gọi là
 Như lai thiền? Ấy là pháp lạc tam muội khi vào Phật địa, an
 trú trong cảnh giới của Tự chứng thánh trí, vì chúng sinh mà

làm các việc không thể nghĩ bàn. Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Thiền của hàng ngu phu
 Thiền quán sát nghĩa tướng
 Thiền phan duyên chân như
 Thiền Như lai thanh tịnh
 Kẻ tu hành trong định
 Quán thấy bóng nhật nguyệt
 Ba đầu ma thâm hiểm (padmapàtala)
 Lửa hư không, tranh vẽ
 Các hình tướng như thế
 Liên sa pháp ngoại đạo
 Lại đọa vào cảnh giới
 Thanh văn, Bích chi Phật
 Xa lìa tất cả đấy
 An trú vô sở duyên
 Tức có thể thâm nhập
 Tướng như như chân thật
 Ở mười phương quốc độ
 Vô lượng các đức Phật
 Liên đưa tay quang minh
 Mà xoa đầu người ấy.

Bấy giờ Đại huệ bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Pháp Niết bàn mà chư Phật Như lai nói là những pháp gì?

Phật dạy:

Khi tập khí và tự tính của các thức cùng thói tà kiến của tạng thức, ý và ý thức được chuyển hoá, thì ta và chư Phật gọi đó là Niết bàn, tức là cảnh giới tính không của các pháp. Lại nữa này Đại huệ ! Niết bàn là cảnh giới của thánh trí tự chứng, xa

lìa đoạn, thường, hữu, vô. Sao gọi là phi thường? Là lìa phân biệt tự tướng cộng tướng. Sao là phi đoạn? Vì đấy là sở hành của hết thảy các bậc tự chứng thánh trí trong cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Lại nữa, Đại huệ ! đại Niết bàn không phải hoại không phải chết, nếu chết sẽ sinh lại, nếu hoại sẽ thành ra hữu vi. Cho nên Niết bàn không hoại không chết, đấy là chỗ những bậc tu hành đạt đến. Lại nữa, Đại huệ, Niết bàn không xả, không đắc, không đoạn, không thường, không một, không khác, nên gọi là Niết bàn. Lại nữa, Đại huệ ! Thanh văn duyên giác biết rõ tự tướng cộng tướng, xa lìa huyên não, không sinh diên đảo, không khởi phân biệt, do đó liền sinh tướng là Niết bàn. Lại nữa, Đại huệ ! Có hai loại tướng của tự tính, ấy là : 1. Tướng chấp trước tự tính ngôn thuyết. 2. Tướng chấp trước tự tính các pháp. "Tướng chấp trước tự tính ngôn thuyết" là do chấp trước hý luận, và tập khí ngôn thuyết từ vô thỉ mà khởi lên; "Tướng chấp trước tự tính các pháp" là bởi không biết vạn pháp do tự tâm hiện, mà khởi lên. Lại nữa, này Đại huệ ! Chư Phật có hai thứ gia trì để nâng đỡ các Bồ tát, khiến các Bồ tát này đánh lễ chân Phật thỉnh hỏi các nghĩa lý. Hai thứ gia trì ấy là khiến cho Bồ tát nhập tam muội, và hiện thân trước Bồ tát đưa tay lấy nước cam lộ rưới đầu. Đại huệ ! Chư Bồ tát sơ địa nhờ chư Phật nâng đỡ mà nhập định "Đại thừa quang minh". Nhập định ấy xong, chư Phật mười phương đều hiện thân trước mặt nói lời ủy dụ, như trường hợp Bồ tát Kim Cương Tạng và các đại bồ tát khác, những vị đã thành tựu đức tướng. Đại huệ ! Những Bồ tát ấy nhờ Phật nâng đỡ mà nhập tam muội xong, lại nhờ thiện căn tích tụ từ trăm ngàn đời kiếp mà tuần tự tiến lên các địa, thông đạt được cái gì nên làm cái gì không nên (dịch theo Suzuki). Bồ tát ấy lên bậc Pháp vân địa, ở trong cung điện

đẹp hình hoa sen lớn, ngồi trên tòa báu, được các Bồ tát đồng hàng vây quanh. Đầu vị ấy đội mào ngọc, thân tỏa ánh sáng như ánh vàng ròng của hoa chiêm bặc, như mặt trăng tròn, chiếu hào quang lớn. Chư Phật mười phương duỗi bàn tay hoa sen tới chỗ ngồi của những Bồ tát này mà rưới đầu với nước cam lộ. Như thái tử con vua chuyển luân nhờ được quán đảnh mà được tự tại, những bồ tát này cũng thế. Ấy là hai thứ gia trì. Các đại Bồ tát nhờ hai thứ gia trì này mà diện kiến được hết thầy chư Phật. Nếu không nhờ gia trì thì không diện kiến được. Lại nữa, Đại huệ ! các Bồ tát mà nhập được tam muội, hiện thần thông nói pháp, tất cả ấy đều nhờ hai lực gia trì của chư Phật. Đại huệ ! Nếu Bồ tát lìa sự gia trì của Phật mà thuyết pháp được, thì phàm phu cũng có thể nói pháp. Đại huệ! Nơi Như lai đến, nhờ lực gia trì của Như lai mà hết thấy núi rừng, cỏ cây, thành quách, cung điện và các nhạc khí đều phô diễn pháp âm, hướng chi loài hữu tình. Những kẻ điếc, mù, câm, ngọng, đều được lìa khổ mà giải thoát. Đại huệ ! Năng lực gia trì của Như lai có những tác dụng rộng lớn như vậy.

Đại huệ Bồ tát bạch:

Vì sao Như lai phải dùng năng lực gia trì để khiến các Bồ tát nhập tam muội, và đạt các địa vị cao ?

Phật dạy

Này Đại huệ ! Vì muốn khiến các Bồ tát xa lìa phiền não và nghiệp, khiến khỏi sa vào hàng thanh văn, khiến mau vào Như lai địa, khiến tăng trưởng các pháp đã chứng. Này Đại huệ! Nếu không có sự nâng đỡ của Như lai thì các bồ tát ấy sẽ sa vào ma cảnh của ngoại đạo, Thanh văn, không được Vô thượng bồ đề.

Đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

Như lai nguyện thanh tịnh

Có lực gia trì lớn

Ở sơ địa, thập địa

Cho tam muội, rưới đầu

Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Bạch Thế Tôn! Nghĩa Duyên khởi Phật nói là, các pháp do có sự xúc tác mà sinh khởi, không phải tự sinh khởi. Ngoại đạo cũng nói Thắng tính, Tự tại (Isvara), Thời (kala), ngã, vi trần, sinh ra các pháp. Như vậy, đức Thế Tôn chỉ dùng danh từ khác, chứ ý nghĩa có khác gì thuyết ngoại đạo? Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo nói do tác giả mà từ không sinh có, Thế Tôn cũng nói do nhân duyên mà hết thầy pháp vốn không nay sinh, sinh rồi hoàn diệt. Như chỗ Phật nói, vô minh duyên hành cho đến lão tử, thuyết này là thuyết không nhân, không phải thuyết hữu nhân. Theo như Thế tôn dạy: "Vì cái này có nên cái kia có," nếu đây là đồng thời tạo thành, không phải kế tục đối đãi nhau, thì nghĩa ấy không đúng. Cho nên thuyết của ngoại đạo hay hơn, không phải thuyết của Như lai hay hơn. Vì sao? Ngoại đạo nói nhân không do duyên sinh mà có sinh kết quả. Thế Tôn nói quả đối đãi với nhân, nhân lại đối đãi với nhân khác, xoay vần như thế, thành cái lỗi "vô cùng". Lại "Cái này có nên cái kia có" tức là không nhân.

Phật dạy:

Đại huệ ! Ta thấu rõ các pháp chỉ do tâm hiện, không năng thủ sở thủ, nên nói "Vì cái này có nên cái kia có", đây không phải là lỗi không nhân. Đại huệ ! Nếu không rõ các pháp đều do tâm hiện, cho là có năng thủ sở thủ, chấp trước cảnh ngoài hoặc có hoặc không, thì đấy là lỗi của kẻ chấp, không phải thuyết duyên sinh của ta.

Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Thế Tôn đã có ngôn thuyết tất phải có các pháp, nếu không có các pháp thì ngôn thuyết do đâu mà khởi?

Đại huệ ! Tuy không có pháp cũng có ngôn thuyết được. Vay ông không thấy lông rùa sừng thỏ, con của thạch nữ v.v.. thế gian vẫn nói. Đại huệ ! Những pháp kia phi có phi không, mà cũng có ngôn thuyết vậy. Đại huệ ! Như chỗ ông nói, vì có ngôn thuyết nên có các pháp, luận ấy không thành. Đại huệ ! Không phải hết thấy các cõi Phật đều có ngôn thuyết, ngôn thuyết chỉ là giả lập. Đại huệ ! Có cõi Phật trừng mắt mà khai thị pháp, hoặc ra dấu, hoặc nướng mày, hoặc động con người, hoặc mỉm cười, hoặc ngáp, hoặc tăng hấn, hoặc nhớ nghĩ, hoặc rùng mình... dùng những cách ấy mà khai thị pháp. Đại huệ ! Trong các cõi Phật, như cõi Bất thuận (animisalokadhātu), cõi Diệu hương (Gandhaskandha-dhātu), cõi Phổ hiền (Samantabhadra), chỉ nhìn trừng, không chớp mắt mà khiến các Bồ tát được vô sinh pháp nhẫn (anutpattikadharmaksanti) cùng các tam muội thù thắng. Đại huệ ! Không phải do ngôn ngữ mà các pháp trong thế giới này có; ruồi, kiến v.v.. sâu bọ, tuy không ngôn thuyết mà vẫn thành tựu được các công việc của chúng.

Thế Tôn lại nói bài tụng:

Như sừng thỏ, hư không
 Cùng con của Thạch nữ
 Không có mà có lời
 Pháp vọng chấp cũng vậy
 Trong nhân duyên hòa hợp
 Ngu phu vọng chấp sinh
 Không khéo rõ như thật
 Nên trôi lăn ba cõi

Khi ấy Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Thế Tôn dạy âm thanh là thường còn, do đâu mà nói như vậy? (Nityasatda)

Đại huệ ! Do nơi vọng pháp (bhranti) mà nói, vì các vọng chấp ấy Thánh nhân cũng có, nhưng Thánh nhân không điên đảo. Đại huệ, thí như bóng nắng, vòng lửa, tóc rừ, thành càn thất bà, mộng huyễn, bóng trong gương... Những người vô trí sinh giải thích điên đảo, người có trí thì không, nhưng không phải chúng không hiện. Đại huệ ! Khi vọng pháp hiện lên, có muôn sai ngàn biệt, nhưng không phải vô thường. Vì sao? Vì lia hữu vô vậy. Sao là lia hữu vô? Vì hết thấy ngu phu có đủ thứ sai biệt, như nước sông Hằng vừa được thấy vừa được không thấy: Ngạ quỷ không thấy nên không thể nói là có, những loài khác thấy, nên không thể nói là không. Bậc thánh đối các pháp hư vọng như thế xa lìa kiến chấp điên đảo. Đại huệ ! Vọng pháp là thường còn vì tướng nó không có sai biệt. Không phải các vọng pháp có tướng (sai biệt) mà vì phân biệt nên có sai khác. Bởi thế nên nói thể của vọng pháp là thường. Đại huệ ! Làm sao gọi là được chân thật của vọng pháp? Ấy là bậc thánh đối vọng pháp không khởi giác điên đảo, không điên đảo. Nếu có một ít lý tưởng nơi vọng pháp tất không phải là thánh trí, đấy là hí luận của ngu phu. Đại huệ ! Nếu phân biệt vọng pháp là điên đảo, không điên đảo, ấy là thành tựu hai thứ chủng tính : 1. Thánh chủng tính (āryagotra). 2. Phạm thiên chủng tính (Bālaprthagjanagotra). Đại huệ ! Thánh chủng tính lại có 3 : Thanh văn, duyên giác, Phật. Đại huệ ! Sao gọi là ngu phu phân biệt vọng pháp sinh ra chủng tính Thanh văn? Ấy là chấp tự tướng cộng tướng. Đại huệ ! Sao lại nói ngu phu phân biệt vọng pháp mà thành chủng tính Duyên giác? Ấy là khi chấp trước tự tướng, cộng tướng, rồi xa lìa huyên não. Đại huệ ! Sao là người trí phân biệt vọng pháp mà được thành tựu

chủng tính Phật thừa? Ấy là liễu đạt các pháp đều do tự tâm phân biệt, ngoài tâm không có pháp. Đại huệ ! Có những người ngu phân biệt các thứ sự vật của vọng pháp, rồi cả quyết thế này với không thế nọ, ấy là thành tựu chủng tính sinh tử. Đại huệ ! Các sự vật thuộc vọng pháp kia không phải thị vật cũng không phải phi vật. Đại huệ ! Những bậc trí, nhờ đã làm một cuộc cách mạng trong tâm, ý, thức, tập khí (tà ác), 3 tự tính, 3 pháp, nên nói các vọng pháp ấy tức là chân như. Cho nên nói chân như là tâm giải thoát. Ta nay khai thị rõ ràng nghĩa ấy; lìa phân biệt là lìa hết thảy các phân biệt.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, cái vọng pháp nói đó là có hay không?

Vọng pháp ấy cũng như cái huyễn vốn không có chấp trước, nếu nó có tướng chấp trước thì nó không thể chuyển được, và như vậy tức là lý duyên khởi không khác gì thuyết "tác giả sinh" của ngoại đạo.

Đại huệ lại nói:

Nếu các vọng pháp đồng với huyễn, tất nó sẽ làm nhân cho những vọng pháp khác.

Phật dạy:

Đại huệ ! Không phải các huyễn sự làm nhân cho vọng hoặc, vì các huyễn không sinh ra cái lỗi lầm, vì các huyễn sự không có tính phân biệt. Đại huệ ! Phàm huyễn sự là do bùa chú của người mà sinh, không phải do tập khí lỗi lầm của phân biệt mà sinh. Cho nên huyễn sự không sinh lỗi lầm. Đại huệ ! Những pháp mê lầm chỉ là chấp trước của tâm kẻ ngu, không phải pháp của bậc Thánh.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng :

Thánh không thấy vọng pháp
Trong đó cũng không thật

Vì vọng tức là chân
Trong ấy cũng chân thật
Nếu xa lìa vọng pháp
Mà có tướng sinh ra
Đấy lại tức là vọng
Như lửa, chưa thanh tịnh

Lại nữa, Đại huệ! Huyền không phải là không, vì nó tương tự với không huyễn nên nói tất cả pháp đều như huyễn.

Đại huệ nói:

Bạch Thế Tôn! Có phải do sự chấp trước các huyễn tướng mà nói hết thảy pháp như huyễn? Hay vì do nơi các tướng điên đảo của sự chấp trước ấy mà nói như huyễn? Bạch Thế Tôn! Không phải hết thảy các pháp đều như huyễn cả. Vì sao? Thấy các sắc tướng không có gì là không nhân. Bạch Thế Tôn, nếu hết thảy đều không do nhân mà hiện các sắc tướng, thì các tướng ấy mới như huyễn. Vậy nên, bạch Thế Tôn, không thể nói do chấp trước các huyễn tướng mà nói hết thảy pháp đều tương tự với huyễn.

Phật dạy:

Đại huệ ! Không phải do chấp các huyễn tướng mà nói hết thảy pháp như huyễn. Đại huệ ! Vì hết thảy pháp không thật, mau diệt như làn chớp nên nói là như huyễn. Đại huệ ! Thí như làn chớp vừa thấy đã mất, phàm phu ở thế gian đều thấy, cũng thế, tất cả pháp đều do tự tâm phân biệt tự tướng cộng tướng mà ra, vì không biết quán sát thật ra không có gì, mà lại vọng chấp các sắc tướng.

Khi ấy Thế Tôn nói bài tụng:

Hư huyễn, không tương tự
Cũng không có các pháp

Không thật, mau như chớp
Nên biết là như huyễn

Bồ tát Đại huệ lại bạch:

Bạch Thế Tôn, như Phật nói trước kia, hết thảy pháp đều không sinh. Nay lại nói như huyễn, có phải là trước sau nói có mâu thuẫn nhau chăng?

Đại huệ ! Không mâu thuẫn, vì sao? Ta biết rõ chỗ sinh chính là vô sinh, chỉ vì tự tâm thấy ra như thế. Tất cả pháp ngoài hoặc có hoặc không đều thấy là vô sinh, vì chúng vốn không sinh. Đại huệ ! Vì muốn xa lìa thuyết do nhân sinh của ngoại đạo nên ta nói các pháp không sinh. Đại huệ! Ngoại đạo thì nhau chấn hưng tà kiến, nói do có, không, sinh ra các pháp, không cho là do chính sự chấp trước phân biệt của mình. Đại huệ ! ta nói các pháp không có, vô sinh, nên gọi là vô sinh. Đại huệ ! Khi nói các pháp có là vì muốn khiến các đệ tử biết do nghiệp có sinh tử để ngăn ngừa đoạn kiến (cho rằng không có gì cả). Đại huệ! Như lai nói các tướng như huyễn là để khiến lìa chấp cho rằng các tướng có tự tính, vì phàm phu sa đọa vào ác kiến tham dục, không rõ các pháp đều do tự tâm hiện. Vì muốn chúng lìa chấp trước vào các tướng do nhân duyên sinh khởi, nên nói các pháp như huyễn như mộng. Các người ngu chấp trước ác kiến, lừa dối mình, người, không thể thấy rõ chỗ như thật trú (yathàbhùtāvasthàna) của hết thảy pháp. Đại huệ ! Thấy chỗ như thật trú của hết thảy pháp nghĩa là hiểu rõ "do tâm hiện".

Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Không tác nên không sinh
Có pháp có sinh tử
Hiểu rõ thấy đều huyễn
Đối tượng, không phân biệt

Lại này Đại huệ ! Nay ta sẽ nói tướng trạng của danh, cú, văn. Các Bồ tát quán tướng ấy, hiểu rõ nghĩa, sẽ mau thành tựu vô thượng bồ đề, lại có thể khai ngộ cho hết thảy chúng sinh. Đại huệ! Danh thân là gì ? Ấy là do sự đặt tên, tên tức là thân, nên gọi là danh thân. Cú thân có khả năng làm rõ nghĩa quyết định rất ráo. Văn thân là từ đó mà thành tên gọi và câu văn. Lại này Đại huệ ! Cú thân là sự đầy đủ ý nghĩa diễn đạt trong một câu. Danh thân là tên của các chữ khác nhau, như từ chữ a đến chữ ha (Akāra - Hakāra). Văn thân là dài ngắn cao thấp. Lại, cú thân là như dấu chân người, súc vật v.v.. để lại trên ngã tư đường, danh là thuộc vào 4 uẩn vô hình nên dùng tên gọi. Văn là tự tướng của danh, vì nhờ văn mà rõ. Ấy là thân của danh, cú văn. Ông hãy tu tập tướng của danh cú văn ấy.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

Thân của chữ và câu
Cùng thân văn sai khác
Phàm ngu chấp vào đấy
Như voi sa bùn sâu

Lại nữa, Đại huệ ! Trong đời vị lai có những hạng tà trí theo lối ngu ác, lìa pháp như thật, vì thấy các tướng một, khác, cùng, không cùng. Khi được người trí hỏi thì họ đáp: "Hỏi thế này không đúng: sắc v.v.. và vô thường là một hay khác?" Cũng thế, Niết bàn và các uẩn (skandhas), tướng, sở tướng, y, sở y, tạo, sở tạo, kiến, sở kiến, đất, vi trần, trí và kể trí... là một hay khác? Các câu hỏi như thế về những tướng sai khác của hiện hữu nối tiếp nhau dựa từ vấn đề này đến vấn đề khác không cùng tận. Những người bị hỏi về những vấn đề không thể nói như thế, sẽ trả lời rằng đức Như lai đã gạt qua

một bên những vấn đề đó, cho là bất khả thuyết. Tuy nhiên, những người mê lầm kia không thể hiểu ý nghĩa những gì họ nghe (từ Phật) vì họ thiếu trí giác. Các đức Như lai chính đẳng giác không giải thích những việc ấy cho tất cả, bởi vì muốn cho chúng khỏi kinh sợ. Đại huệ ! không nói những điều bất thuyết (vyàhritàni) là vì muốn cho những người ngoại đạo ra khỏi tà kiến về "Tác giả" . Đại huệ ! ngoại đạo chấp có tác giả, bảo rằng "Mạng với thân là một hay khác ?" Những lời như vậy gọi là lời vô ký (avyàktravàda). Các việc không thể diễn đạt mà ngoại đạo nói không phải là giáo lý ta, lia năng thủ sở thủ, không khởi phân biệt. Sao có sự gạt sang một bên? Nay Đại huệ ! Nếu có chấp năng thủ sở thủ, tức không hiểu mọi vật đều do tự tâm thấy, nên gạt sang một bên. Đại huệ ! Chư Phật Như lai dùng 4 ký luận để nói pháp cho chúng sinh. Đại huệ ! Có những luận ta sẽ nói vào một thời khác, vì căn cơ chúng sinh chưa thuần thục nên chưa nói.

Lại này Đại huệ ! Vì sao hết thấy pháp không sinh? Vì lia năng tác sở tác, không có tác giả. Vì sao hết thấy pháp không tự tính? Vì bậc thánh (chứng trí) quán tự tướng và cộng tướng đều không thể có. Vì sao hết thấy pháp không đến, đi ? Vì các tự tướng cộng tướng không từ đâu đến cũng không đi đến đâu. Sao lại hết thấy pháp không diệt? Vì hết thấy pháp không tính, tướng, bất khả đắc. Vì sao nói hết thấy pháp vô thường? Vì các tướng khởi lên đều có đặc tính vô thường. Vì sao nói hết thấy pháp thường? Vì các tướng khởi tức không khởi, không có gì cả. Cái tính vô thường vốn thường nên ta nói hết thấy pháp thường." Rồi Thế Tôn nói bài tụng :

Nhất hướng và phản vấn
Phân biệt cùng đáp thẳng
Bốn cách nói như thế

Phá phục các ngoại đạo
Số luận và thắng luận
Nói sinh từ có, không
Các thứ thuyết như vậy
Tất cả đều vô ký
Vì khi trí quán sát
Thể tính chúng không có
Bất khả thuyết như vậy
Nên nói không tự tính

Khi ấy Bồ tát Đại huệ bạch:

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì con nói về bậc Tu đà hoàn và những đặc tính của quả vị ấy. Con và các Bồ tát đại hữu tình nhờ nghe nghĩa ấy sẽ biết rõ các phương tiện để chứng những quả vị Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán. Biết nghĩa ấy rồi con sẽ diễn nói lại cho chúng sinh, khiến chúng chứng được hai vô ngã, trừ sạch hai chướng ngại, dần thông đạt đặc tính các địa, được cảnh giới trí tuệ không thể nghĩ bàn của Như lai, như ngọc ma ni nhiều màu, khiến khắp chúng sinh đều được lợi ích.

Phật dạy:

Đại huệ ! Hãy lắng nghe, ta sẽ nói.

Xin vâng, bạch Thế Tôn

Đại huệ ! Bậc Tu đà hoàn, và Tư đà hàm có 3 cấp bậc khác nhau, là hạ, trung, thượng. Bậc hạ là còn sinh lại trong các cõi bảy lần, bậc trung còn sinh ba lần, năm lần, bậc thượng thì ngay đời này đã nhập Niết bàn. Đại huệ ! Ba hạng người ấy đã cắt đứt 3 món kết sử (Samyojana) là thân kiến (sathàyadrsti) nghi (Vicikitsà), giới cấm thủ (silavratapasà mar'sa), lần lần tiến lên đắc quả A la hán. Đại huệ ! Thân kiến có hai loại, ấy là câu sinh và phân biệt. Phân biệt thân

kiến là, như do duyên khởi có vọng chấp về ba cõi. Đại huệ! Thí như do tính duyên khởi mà sinh các chấp trước vào vọng kế (tưởng tượng sai lầm). Các pháp ấy chỉ là tướng do phân biệt sai lầm sinh ra, chúng lia hữu và vô, cũng không phải là cũng có cũng không. Kẻ phàm phu ngu si chấp cần, như con thú khát tưởng tượng ra nước. Đại huệ ! Đây là kiến chấp về một cái ngã riêng biệt mà do không có trí tuệ, vị ấy đã tích tập từ lâu đời, đến khi thấy được nhân vô ngã thì xa lìa được. Đại huệ ! Câu sinh thân kiến là quan sát khắp thân mình và thân người, các tướng uẩn vô sắc như thọ, tưởng v.v.. và sắc do tứ đại tạo, các đại ấy làm nhân cho nhau, nên không có cái gọi là sắc uẩn (theo Suzuki trang 102) quán như vậy rồi thấy rõ quan niệm hữu, vô là một quan niệm phiến diện về chân lý, liền xa lìa hữu vô. Vì đã xả thân kiến nên không sinh tham dục. Đó gọi là tướng thân kiến. Đại huệ ! Nghi tướng là khi rõ thấy tướng các pháp sở chứng, và khi hai kiến chấp và phân biệt thân nói trên đã đoạn trừ, thì không còn sinh hoài nghi gì đối với chính pháp của Phật, lại cũng không có ý tưởng theo một bậc thầy nào khác vì (phân biệt) tịnh, bất tịnh. Đây gọi là nghi tướng (mà bậc Dự lưu từ bỏ được.) Đại huệ ! Vì sao Tu đà hoàn không giữ giới cấm? Vì đã thấy rõ tướng khổ của mọi chỗ thọ sinh, cho nên không giữ. Giữ giới là vì kẻ phàm phu ngu tham trước dục lạc thế tục ở trong các cõi cho nên mới khổ hạnh giữ giới nguyện sinh vào các cõi vui. Bậc tu đà hoàn không giữ tướng ấy, chỉ vì cầu chứng được pháp vô lậu, vô phân biệt, rất thù thắng mà tu hành các giới phẩm. Ấy gọi là tướng giới cấm thủ. Đại huệ ! Bậc Tu đà hoàn xả ba kết nên lìa tham sân si. Đại huệ Bồ tát bạch:

Tham có nhiều món. Xả những món tham nào?

Đại huệ ! Xả các tham dục triền miên về nữ sắc, vì thấy rõ cái vui hiện tại sẽ sinh các khổ về sau, lại vì đã được pháp lạc tam muội thù thắng, nên xả cái tham ấy, không phải xả cái tham Niết bàn. Đại huệ ! Sao gọi là quả Tư đà hàm? Ấy là vì không rõ tướng của sắc, khởi phân biệt về sắc, khi sinh trở lại một lần trong đời, khéo tu các thiền định, dứt các khổ mà thực hiện Niết bàn. Ấy gọi là Tư đà hàm. Đại huệ ! Sao gọi là quả A na hàm? Ấy là cũng thấy hữu, vô của các sắc tướng quá khứ, hiện tại, vị lai, nhưng các phân biệt lỗi lầm không do mắt mà khởi, vĩnh viễn xa lìa các ràng buộc, không trở lại, ấy gọi là A na hàm. Đại huệ ! A la hán ấy là, đã thành tựu tất cả thiền tam muội, giải thoát, các lực, thần thông, đã dứt trừ vĩnh viễn các phiền não, khổ, phân biệt, ấy gọi là A la hán.

Đại huệ bạch:

Bạch Thế Tôn! A la hán có 3 hạng là: Một mực cầu tịch, thối nguyện bồ đề, do Phật biến hóa. Đây Phật muốn dạy A la hán nào?

Đại huệ ! Đây nói về hạng A la hán cầu tịch diệt, không phải hai hạng kia. Nay Đại huệ ! Hai hạng kia là những người đã phát nguyện thực hành phương tiện thiện xảo và những người muốn trang nghiêm hội chúng của Phật mà hóa sinh. Nay Đại huệ ! Họ ở chỗ hư dối mà nói các pháp, nghĩa là họ đã lìa các việc như chứng quả, thiền, thiền giả cùng các các bậc thiền, và vì biết rằng thế giới này không gì khác hơn là do tâm thấy, họ giảng về quả đạt được (cho tất cả chúng sinh). Nay Đại huệ ! Nếu Tu đà hoàn nghĩ thế này: "Ta đã lìa các trói buộc", như vậy tức có hai lỗi, lỗi sa vào ngã kiến, và lỗi không đoạn các trói buộc. Lại nữa, nay Đại huệ ! Nếu vượt khỏi các bậc thiền, các món vô lượng và vô sắc giới, thì hãy xa lìa các tướng do tự tâm thấy. Đại huệ ! Diệt tướng định và diệt thọ

định không thể siêu việt được cảnh do tự tâm thấy, vì vẫn chưa lìa được tự tâm vậy.

Thế Tôn lại nói bài tụng:

Các thiền cùng vô lượng
 Vô sắc tam ma đề
 Cùng định diệt tướng thọ
 Ngoài tâm không thể có
 Quả Dự lưu, Nhất lai
 Bất hoàn, A la hán
 Các thánh nhân như thế
 Điều dưỡng tâm có
 Thiền giả duyên nơi thiền
 Dứt hoặc, thấy chân thường
 Đấy đều là vọng tưởng
 Biết rõ tất giải thoát

Lại này Đại huệ ! Có 2 món giác trí, ấy là : 1. Trí quán sát (pravicayabydhi) và 2. Trí thủ tướng phân biệt chấp trước kiến lập (vikalpalaksanagràhàbhinive'sapratisthàpika-budhi) Trí quán sát là quán hết thấy pháp lìa bốn câu, bất khả đắc. Bốn câu là gì? Ấy là một khác, câu bất câu, hữu vô, thường vô thường. Lìa bốn trường hợp ấy về các pháp gọi là lìa hết thấy pháp. Đại huệ ! Ông nên tu học quán các pháp như thế. Sao gọi là trí thủ tướng phân biệt chấp trước kiến lập? Ấy là đối với các đại cảnh, âm, ấm, động, bảm giữ tướng, chấp trước hư không, vọng phân biệt, dùng tôn, nhân, dụ (pratijna-hetu-drstanta) mà vọng cho là có, ấy là trí thủ tướng phân biệt chấp trước kiến lập. Đấy là hai món tướng giác trí. Bạc Bồ tát đại hữu tình biết các tướng ấy của trí, liền có thể thông đạt nhân pháp đều vô ngã, dùng trí vô tướng khéo quán sát các địa, giải và thành, nhập vào sơ địa, được 100 thứ định, dùng tam muội

thù thắng thấy được trăm Phật trăm Bồ tát, biết các chuyện trước và sau 100 kiếp, hào quang chiếu sáng 100 cõi Phật, khéo rõ biết tướng của các địa vị cao tột, dùng nguyện lực thù thắng mà biến hiện tự tại, đến cõi Pháp vân, được Phật quán đảnh, vào các cõi Phật theo 10 nguyện vô tận mà giáo hóa chúng sinh được thành tựu, làm các sự ứng hiện không ngừng, mà vẫn thường an trú trong pháp lạc tam muội thù thắng của cảnh giới Thánh trí tự chứng. Lại nữa, Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình nên rõ biết các sắc do tứ đại tạo. Rõ biết thế nào? Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình nên quán thế này: Các đại chủng kia thật ra vốn không sinh, vì ba cõi chỉ là phân biệt, chỉ có tâm hiện, không có ngoại vật. Quán sát như thế liền xa lìa tính của các sắc do tứ đại tạo, vượt ngoài tứ cú, lìa ngã, ngã sở, an trú chỗ như thật, thành tựu tướng vô sinh. Đại huệ ! các đại chủng kia làm sao tạo sắc? Đại huệ ! Ấy là đại chủng do hư vọng phân biệt cho là ướt, nảy sinh ra nước bên trong và bên ngoài, đại chủng được phân biệt là mãnh liệt sinh ra lửa bên trong và ngoài, đại chủng phân biệt là động sinh ra gió trong và ngoài, đại chủng được cho là phân đoạn các hình sắc sinh ra đất và không gian bên trong và ngoài. Lìa hư không, do chấp trước các tà đế nên có sự nhóm họp của năm uẩn, sinh ra các đại chủng và các sắc do đại chủng tạo. Đại huệ ! Thức là do sự chấp trước cảnh giới và ngôn thuyết làm nhân khởi, ở các cõi tiếp nối thọ sinh. Đại huệ ! Các đại tạo sắc v.v.. (được cho là) có các đại chủng làm nhân, tuy nhiên những đại chủng này là phi hữu. Bởi vì, Đại huệ ! Về những vật có hình tướng, chỗ ở, tác dụng, v.v.. người ta có thể nói chúng do sự phối hợp của nhiều phần tử sinh quả khác nhau, nhưng về những sự vật không hình tướng đặc biệt thì không thể nói. Bởi lẽ ấy Đại huệ, những đại chủng và sở tạo sắc đều là phân biệt của

ngoại đạo, không phải thuyết của ta. Lại nữa, Đại huệ ! Nay ta sẽ nói thể tướng của năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Đại huệ ! Sắc là 4 đại và sở tạo sắc. Những thứ này tướng đều khác nhau. Thọ v.v.. không có sắc. Đại huệ ! Nhưng các uẩn vô sắc không thể đếm được có bốn, vì nó như hư không. Đại huệ, ví như hư không vượt ngoài số đếm và tướng, nhưng do phân biệt mà nói đây là hư không, các uẩn vô sắc cũng thế, lia số đếm và tướng, lia hữu, vô v.v.. bốn cú. Số đếm là do phàm phu nói, không phải thánh giả. Các bậc thánh chỉ nói như huyễn làm ra, giả lập, lia khác và không khác, như mộng với bóng, không có tướng riêng biệt. Vì không hiểu cảnh giới của thánh trí nên thấy có các uẩn phân biệt trước mắt, ấy là tướng tự tính của các uẩn. Đại huệ ! những phân biệt như vậy ông nên xa lia, xa lia đó rồi liền nói các pháp tịch diệt thanh tịnh, được pháp vô ngã, nhập "viễn hành địa" (dùramyamà), thành tựu vô lượng tam muội tự tại, được thân "ý sinh", các định như huyễn, các lực thần thông tự tại đều đầy đủ, như đất lớn lợi ích khắp quần sinh. Lại này Đại huệ ! Niết bàn có 4 thứ. Bốn thứ ấy là gì? ấy là

Niết bàn các pháp tự tính vô tính
(Bhàvasvabhàvàbhàvanirvana)
Niết bàn các tướng tính vô tính
(Laksanavicitrabhàvàbhàvanirvana),
Niết bàn giác tự tướng tính vô tính
(Svalaksanabhàvàbhàvàvabodhanirvana)
Niết bàn đoạn tự tướng cộng tướng các uẩn.
(skandhànàmsvasàmànyalaksanasamtatiprabandhabyuccheda
nirvana)

Đại huệ ! Bốn thứ Niết bàn này là nghĩa của ngoại đạo, không phải do ta nói. Đại huệ ! Điều ta nói là, các thức phân biệt nóng v.v... diệt gọi là Niết bàn.

Đại huệ Bồ tát bạch:
Bạch Thế Tôn ! Vậy chớ Thế Tôn không lập có 8 thức đấy hay sao?
Ta có lập.
Nếu đã lập thì sao chỉ nói ý thức diệt mà không nói 7 thức kia diệt?
Đại huệ ! Do ý thức làm nhân cùng các sở duyên mà sinh 7 thức kia. Đại huệ ! Khi ý thức phân biệt khởi chấp trước, liền sinh các tập khí nuôi dưỡng tạng thức. Mạt na thức cùng ngã, ngã sở mà nó chấp trước tính toán đều nương tạng thức mà có, không có thể tướng riêng biệt. Tạng thức làm nhân và duyên cho nó, chấp trước các cảnh giới do tự tâm hiện, nên toàn thể hệ thống tâm thức đắp đổi làm nhân lẫn nhau. Đại huệ ! Thí như sóng biển, cảnh do tự tâm hiện cũng bị ngọn gió cảnh giới thổi mà có ra sinh diệt. Bởi thế, khi ý thức diệt thì bảy thức kia cũng diệt. Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Ta không chấp tự tính
Cùng các tướng đã làm
Hết phân biệt cảnh giới
Thế gọi là Niết bàn
Ý thức nhân của tâm
Tâm làm nhân, sở duyên
Cho cảnh giới của ý
Các thức từ đó sinh
Như thác nước tuôn chảy
Sóng lớn tất không khởi
Cũng thế ý thức diệt

Thì các thức không sinh

Lại nữa, Đại huệ ! Ta sẽ nói tướng sai biệt của tự tính vọng kế (parikalpitasvabhāvaprabhedanyalaksana) khiến ông và các Bồ tát biết nghĩa ấy mà vượt ngoài các vọng tưởng, chứng cảnh giới của Thánh trí, biết được các pháp ngoại đạo, xa lìa phân biệt năng thủ sở thủ, đối các tướng y tha khởi (paratantra), không còn sinh bám víu vọng chấp. Đại huệ ! Sao gọi là những tướng sai biệt của vọng kế? Ấy là phân biệt ngôn thuyết (abhilāpavikalpa), phân biệt sở thuyết (abhidheyavikalpa) phân biệt tướng (lakṣanavikalpa, phân biệt tài, phân biệt tự tính (svabhāva) phân biệt nhân (hetu), phân biệt kiến (drsti), phân biệt lý (yukti), phân biệt sinh (utpāda), phân biệt bất sinh (anutpāda), phân biệt tương thuộc (saṃbandha), phân biệt phược giải (bandhābandha). Đại huệ ! Ấy là các tướng sai biệt của vọng kế. Sao là phân biệt ngôn thuyết? Ấy là chấp trước các tiếng lời hay đẹp. Sao là phân biệt ý nghĩa? Là chấp rằng thật có những sự vật như đã được nói ra cho rằng đây là cảnh mà thánh trí đã chứng và theo đó mà nói, ấy là phân biệt sở thuyết (ý nghĩa). Sao gọi là phân biệt tướng? Ấy là chấp vào các sự vật đã được diễn đạt, như con thú khát tưởng tượng ra nước, phân biệt các tướng cứng, ẩm, ấm, động. Ấy là phân biệt tướng. Sao gọi là phân biệt tài? Là bám giữ các thứ tiền tài vàng bạc vv.. các thứ báu vật, mà nói ra ngôn thuyết. Sao là phân biệt tự tính? Ấy là dùng ác kiến mà phân biệt như thế này: đây là tự tính, nhất định không phải những cái khác. Sao gọi là phân biệt nhân? Là đối với nhân duyên, khởi phân biệt có không. Sao là phân biệt kiến? Ấy là sự chấp trước ác kiến của ngoại đạo, chấp có không, khác không khác, cùng không cùng v.v.. Sao là phân biệt lý? Ấy là chấp có tướng ngã, ngã sở mà sinh ngôn thuyết. Sao là

phân biệt sinh? Ấy là kể các pháp hoặc có hoặc không do nhân duyên mà sinh. Sao là phân biệt bất sinh? Ấy là chấp rằng tất cả bản lai không sinh. Sao gọi là phân biệt tương thuộc? Ấy là đây và đó y cứ vào nhau, hỗ tương hệ thuộc, như vàng và dây vàng. Sao là phân biệt phược giải? Ấy là chấp do có cái trói buộc mà có cái bị trói buộc, như dùng sợi dây mà cột rồi lại mở. Ấy là phân biệt trói mở. Đại huệ ! đấy là những tướng sai biệt của vọng kế, hết thấy phàm ngu đều chấp trước vào đó hoặc chấp có hoặc chấp không. Đại huệ, ở nơi pháp duyên khởi chấp các tự tính vọng kế, như thấy những huyễn vật khác nhau mà phân biệt vật này huyễn vật kia khác với huyễn (Suzuki 112). Đại huệ ! Huyễn và các vật không phải một cũng không phải khác. Nếu khác thì huyễn không làm nhân cho các sự vật. Nếu là một thì huyễn và các vật đáng lẽ không khác nhau, nhưng vì có khác nên biết không phải là một. Đại huệ ! Ông và các Bồ tát không nên do huyễn mà sinh chấp trước hữu vô. Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Tâm bị cảnh trói buộc
Do đó có giác tướng
Nơi vô tướng cao thượng
Trí tuệ bình đẳng sinh
Theo vọng kế thì có
Theo duyên khởi tất không
Vọng kế tức mê hoặc
Duyên khởi lìa phân biệt
Các thứ phân biệt sinh
Đều huyễn, không thành tựu
Các tướng trạng chỉ hiện
Vọng phân biệt, không chân
Các tướng ấy là lỗi

Do tâm trói buộc sinh
Kẻ vọng chấp không hiểu
Phân biệt pháp duyên khởi
 Các tính vọng kế ấy
 Đều tức là duyên khởi
 Vọng kế có nhiều loại
Trong duyên khởi phân biệt
 Thế tục, đệ nhất nghĩa
 Thứ ba không nhân sinh
 Vọng kế là thế tục
Dứt vọng tức thánh cảnh
 Như kẻ tu quán hạnh
 Nơi một, hiện các tướng
 Kỳ thật không có gì
Tướng vọng kế cũng vậy
 Như mắt bị đau mù
 Vọng tưởng thấy các màu
 Màu không sắc phi sắc
Không hiểu duyên khởi vậy
 Như vàng lia cấu bẩn
 Như nước lia bùn dơ
Như hư không không mây
Sạch vọng tưởng cũng thế
Vọng chấp vốn là không
Theo duyên khởi thì có
 Kiến lập và bác bỏ
 Đều do phân biệt sinh
 Nếu không tính vọng kế
 Mà có các duyên khởi
 Không pháp mà có pháp

Pháp có từ không sinh
do nhân nơi vọng kế
Mà có các duyên khởi
Tướng, nên thường theo nhau
 Mà sinh ra vọng kế
Vì duyên khởi nương vọng
 Rốt ráo không thật có
 Khi thanh tịnh hiển bày
 Gọi là đệ nhất nghĩa
 Vọng kế có mười hai
 Duyên khởi có sáu thứ
Cảnh tự chứng chân như
 thì không có sai biệt
 Chân lý là năm pháp
 Cùng với ba tự tính
 Người tu hành quán đấy
 Không làm trái chân như
Do nơi tướng duyên khởi
Vọng chấp các thứ danh
Tướng các vọng kế kia
 Có ra từ duyên khởi
 Trí tuệ khéo quán sát
Không duyên, không vọng kế
Trong chân như không vật
 Làm sao phân biệt sinh
 Trí viên thành nếu có
 Tất phải lia hữu vô
 Đã xa lia hữu vô
 Làm sao có hai tính
 Vọng kế thành hai tính

Hai tính do an lập
 Phân biệt thấy các tướng
 Thanh tịnh là thánh hạnh
 Các tướng của vọng kể
 Trong duyên khởi phân biệt
 Nếu phân biệt khác thế
 Là sa luận ngoại đạo
 Vì cái thấy sai lầm
 Vọng chấp vào cảnh vọng
 Là hai thứ chấp ấy
 Gọi là pháp chân thật.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn xin vì con nói các hành tướng tự chứng thánh trí và hành tướng của Nhất thừa, con và các Bồ tát được hiểu rõ chỗ ấy sẽ không còn tùy kể khác mà giác ngộ.

Phật dạy:

Ông hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình y nơi thánh giáo, không phân biệt, nên ở một mình chỗ vắng lặng tu quán nội tâm, không do kể khác mà ngộ, là kiến phân biệt, dần tiến lên Phật địa, tu hạnh như thế gọi là hành tướng của Tự chứng thánh trí. Sao gọi là hành tướng của nhất thừa? Ấy là chứng được đạo Nhất thừa vậy. Sao gọi là biết đạo nhất thừa? Là là phân biệt năng thủ sở thủ, an trú trong như thật. Đại huệ ! Đạo nhất thừa này ngoài Như lai, ngoại đạo, nhị thừa, phạm vương v.v.. không thể đạt đến.

Bạch Thế Tôn ! Vì sao nói có 3 thừa mà không nói một thừa?

Đại huệ ! Vì thanh văn, duyên giác không có pháp để tự Niết bàn, nên ta không nói một thừa, vì những kẻ kia thường nương

theo lời Như lai dạy mà hàng phục, xa lìa, nhờ tu hành như vậy mà được giải thoát, không phải tự chứng đắc. Lại những người kia chưa thể trừ được chướng ngại của trí và tập khí của nghiệp, chưa giác ngộ được pháp vô ngã, chưa thoát khỏi bất tư nghì biến dị tử, cho nên ta nói có 3 thừa. Nếu những kẻ kia hay trừ được hết các tập khí lỗi lầm, giác ngộ pháp vô ngã, liền xa lìa sự mê say trong định để giác ngộ cảnh giới vô lậu, ở trong các cảnh giới vô lậu cao thượng xuất thế gian mà tu các công đức, đầy đủ các phương tiện, được pháp thân tự tại không thể nghĩ bàn.

Bây giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Thiên thừa cùng phạm thừa
 Thanh văn, Duyên giác thừa
 Chư Phật Như lai thừa
 Các thừa mà ta nói
 Nếu còn chứa tâm khởi
 Các thừa chưa rốt ráo
 Khi tâm "bị chuyển" diệt
 Không có thừa, thừa giả
 (xe và người ngồi xe)
 Không có thừa độc lập
 Nên ta gọi nhất thừa
 Vì nhiếp phục kẻ ngu
 Nói các thừa sai biệt
 Giải thoát có ba thứ
 Là lìa các phiền não
 Cùng với pháp vô ngã
 Trí bình đẳng giải thoát.
 Thí như gỗ trong nước
 Theo làn sóng bỗng bênh

Tâm Thanh vẫn cũng thế
Bị gió tưởng thổi động
Tuy hết khỏi phiền não
Tập khí kia vẫn chuyển
Say vì rượu tam muội
Chấp trước cảnh vô lậu
Không phải đường cứu cánh
Lại cũng không thối chuyển
Được thân tam muội rồi
Hết kiếp vẫn chưa tỉnh
Như người say bí tử
Nhả rượu liền tỉnh ngộ
Thanh vẫn cũng như vậy
Giác rồi sẽ thành Phật.

QUYỂN BỐN

CHƯƠNG III

VÔ THƯỜNG (anīyatīparivatro Māmattīyah)

Tiết I

Bấy giờ Phật bảo Đại huệ Bồ tát đại hữu tình:

Nay ta sẽ vì ông nói các tướng sai biệt của thân do ý sinh.

Ông hãy nghe kỹ, khéo suy nghĩ.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Này Đại huệ ! Thân do ý sinh có 3 loại, ấy là: 1. Nhập tam muội ý sinh thân là thân do nhập pháp lạc tam muội mà thành. 2. Giác pháp tự tính ý sinh thân, là thân do biết rõ tự tính các pháp mà thành. 3. Chủng loại câu sinh vô tác hành ý sinh thân, là thân sinh ra theo đủ các loài nhưng không có tác hành. Các bậc tu hành nhập sơ địa rồi dần chứng được các thân ấy. Đại huệ ! Sao gọi là thân do nhập pháp lạc tam muội thành? Ấy là , ở các địa thứ 3, 4, 5, không tam muội là hết thấy phân biệt, tâm tịch nhiên bất động, biển tâm không khởi sóng chuyển thức, hiểu rõ các cảnh tượng đều do tâm hiện, thật ra không có gì, ấy là thân do nhập pháp lạc tam muội mà sinh. Sao là thân "Giác pháp tự tính"? Ấy là ở địa thứ 8 liễu tri các pháp như huyễn, không tướng, tâm chuyển các thức sở y, an trú định như huyễn và các định khác, có thể hiện vô lượng thần thông tự tại, như hoa nở, mau như ý khởi, như huyễn như mộng như bóng như hình, không phải do tứ đại tạo mà giống như do tứ đại tạo, các sắc tướng trang nghiêm đầy đủ, vào khắp các cõi Phật, hiểu rõ tự tính các pháp, ấy cũng là thân do

giác ngộ tự tính các pháp mà sinh. Sao gọi là thân "chủng loại câu sinh vô tác hành"? Ấy là hiểu rõ tướng các pháp do chư Phật chứng đắc. Đại huệ ! Ông nên siêng quán sát ba loại thân ấy. Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Đại thừa ta không thừa

Không tiếng cũng không lời

Không chân lý, giải thoát

Cũng không cảnh, vô tướng

Nhưng thừa ma ha diễn

Tam ma đề tự tại

Các loại thân ý sinh

Hoa tự tại trang nghiêm

Đại huệ lại bạch Phật

Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói có năm nghiệp vô gián (pancānantanya). Năm nghiệp ấy là gì, mà nếu làm thì đọa liền vào A tỳ địa ngục?

Ông hãy nghe, ta sẽ nói cho.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Năm tội vô gián là: giết mẹ, giết cha, giết A la hán, phá hòa hiệp tăng, ôm lòng ác độc gây đổ máu thân Phật. Đại huệ ! Sao gọi là mẹ chúng sinh? Ấy là ái dục đưa đến sinh sản cùng ham vui v.v.. đều như mẹ nuôi dưỡng tất cả. Cha là gì? Là vô minh khiến sinh vào sáu xóm làng (dục giới); cắt đứt hai cội gốc ấy gọi là giết cha mẹ. Sao là giết A la hán? Ấy là các tùy miên xem như kẻ thù, như độc của chuột sinh, tận diệt chúng gọi là giết A la hán. Sao là phá hòa hiệp tăng? Là các tướng khác nhau của các uẩn nhóm họp, đoạn trừ chúng gọi là phá hòa hiệp tăng. Sao gọi là ác tâm gây đổ máu thân Phật? Là thân 8 thức vọng sinh tư duy hiểu biết, thấy có tự tướng cộng tướng ngoài tâm, dùng tâm vô lậu, ba giải thoát mà diệt trừ

thân Phật 8 thức, ấy gọi là ác tâm đổ máu thân Phật. Đại huệ! ấy là năm tội vô gián bên trong, nếu có người làm, liền có sự vô gián của hiện chứng thật pháp. Lại nữa, Đại huệ này ! Ta sẽ nói cho ông năm tội vô gián ở ngoài, khiến ông và các Bồ tát nghe xong đời sau không sinh nghi hoặc. Sao gọi là năm vô gián ở ngoài? Là nghe các tội vô gián nói trong các kinh khác, nếu có tác giả, thì không thể hiện chứng được ba giải thoát, chỉ trừ Như lai, các đại Bồ tát và đại thanh văn. Thấy những người tạo nghiệp vô gián, vì muốn khiến họ sửa lỗi nên dùng thần thông chỉ ra các việc đồng như vậy. Những kẻ kia liền sám hối mà được giải thoát. Đấy đều là hóa hiện, không thật có. Nếu có kẻ thực sự tạo nghiệp vô gián, thì suốt đời Phật không hiện thân cho họ giải thoát, chỉ trừ khi họ giác ngộ được thân, tài sản, chỗ ở đều do tâm tạo, lia kiến chấp phân biệt ngã, ngã sở hoặc đời sau thọ sinh các nơi khác gặp thiện tri thức lia được lỗi lầm phân biệt.

Thế Tôn lại nói bài tụng:

Tham ái gọi là mẹ
 Vô minh ấy là cha
 Thức rõ nơi cảnh giới
 Thì đấy gọi là Phật
 Tùy miên là La hán
 Các uẩn, hòa hiệp tăng
 Đoạn các vô gián ấy
 Gọi là nghiệp vô gián

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn ! Xin vì con nói thể tính của chư Phật.

Đại huệ ! hiểu rõ hai vô ngã, trừ hai chướng ngại, lia hai chết, dứt hai phiền não, ấy là thể tính Phật. Đại huệ ! Thanh văn

duyên giác được các pháp ấy rồi cũng gọi là Phật. Ta vì nghĩa ấy mà chỉ nói một thừa.

Khi ấy Thế Tôn nói bài tụng:

Biết rõ hai vô ngã
 Trừ hai chướng ngại
 Cùng bất tư nghì tử
 Nên gọi là Như lai

Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Như lai do mật ý gì mà nói cùng đại chúng những lời này: Ta là hết thấy Phật quá khứ, và nói trăm ngàn chuyện tiền thân: Ta vào thời ấy làm vua Đảnh sinh, làm voi lớn, làm chim Anh vũ, Nguyệt quang, Diệu nhân v.v..

Đại huệ ! Đức Như lai ứng chính đẳng giá, do nơi bí mật tứ bình đẳng mà nói với đại chúng những lời như vậy: Ta thuở xưa làm Phật câu lưu tôn, Phật câu na hàm mâu ni, Phật ca điếp. Sao gọi là bốn? ấy là 1. Tự bình đẳng, 2. Ngữ bình đẳng, 3. thân bình đẳng, 4. pháp bình đẳng. Sao gọi là tự bình đẳng? Ấy là: Ta gọi là Phật, tất cả các đức Như lai cũng gọi là Phật. Danh tự không khác nên gọi là tự bình đẳng. Ngữ bình đẳng là, ta nói được 64 phạm âm, chư Như lai cũng vậy, phạm âm như tiếng Ca lăng tần già không tăng không giảm không sai biệt, nên gọi là ngữ bình đẳng. Thân bình đẳng là ta với chư Phật, pháp thân sắc tướng cùng các tướng tốt tướng phụ đều không khác, chỉ trừ khi vì điều phục các loài chúng sinh mà thị hiện các loại thân khác nhau, ấy là thân bình đẳng. Pháp bình đẳng là, ta và chư Phật đồng chứng 37 pháp bồ đề phần. Cho nên Như lai Ứng chính đẳng giác nói với đại chúng những lời như vậy. Khi ấy Thế Tôn nói bài tụng:

Ca điếp, Câu lưu tôn
 Câu na hàm là ta

Do bốn thứ bình đẳng
Mà nói lời như vậy.

Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Bạch Thế Tôn ! Thế tôn dạy: Khoảng thời gian từ đêm thành đạo cho đến khi nhập niết bàn ta không hề nói một chữ, không đã nói cũng không sẽ nói, vì không nói ấy mới là Phật nói".

Bạch Thế Tôn ! Do mật ý gì mà dạy lời ấy?

Do hai pháp bí mật mà nói lời ấy. Hai pháp ấy là gì? Là tự chứng pháp (pratyamadharma) và bản trú pháp (pauranasthitidharma). Sao gọi là tự chứng pháp? Ấy là pháp chư Phật chứng ta cũng chứng hết như vậy không thêm bớt, cảnh giới của tự chứng trí vốn là tướng ngôn thuyết, tướng phân biệt, tướng danh tự. Sao gọi là bản trú pháp? Ấy là, bản tính pháp giống như vàng trong mỏ, dù Phật có ra đời hay không có ra đời, pháp vẫn ở ngôi vị của pháp, pháp giới pháp tính đều thường trú. Đại huệ ! Thí như có người đi trong khoảng đồng rộng, thấy có con đường cũ bằng phẳng dẫn vào một ngôi cổ thành, liền theo đường ấy vào nghỉ ngơi vui thú. Đại huệ ! Ý ông nghĩ sao? người kia có làm ra con đường ấy và các thứ trong thành chăng?

Bạch Thế Tôn, không !

Đại huệ ! Chân như và pháp tính thường trú mà ta cùng các Phật chứng được cũng như vậy, cho nên nói từ khi thành Phật cho đến khi Niết bàn, ta không nói một lời nào, không đã nói cũng không sẽ nói.

Khi ấy Thế Tôn lại nói bài tụng:

Từ đêm thành chính giác
Đến đêm vào Niết bàn
Giữa hai thời gian ấy
Ta đều không nói gì

Pháp bản trú tự chứng
Nên nói mật ngữ này
Ta cùng chư Như lai
Không có chút sai biệt

Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Bạch Thế Tôn ! Xin nói tướng hữu vô của hết thấy pháp, khiến con và các Bồ tát lìa tướng ấy, mau được vô thượng chính đẳng chính giác.

Phật dạy:

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho.

Xin nghe, bạch Thế Tôn.

Đại huệ ! Đa số chúng sinh ở thế gian đọa vào hai kiến chấp là chấp có (astitvani'srita) và chấp không (nastitvani'srita). Vì đọa vào hai kiến chấp ấy nên không xuất ly mà tướng đã xuất ly. Hữu kiến là sao? Là chấp thật có nhân duyên sinh ra các pháp, không phải không thật có, thật có các pháp do nhân duyên sinh, không phải là không nhân duyên sinh. Đại huệ ! Nói như thế tức là nói không nhân. Sao là vô kiến? Ấy là nhân có tham, sân, si nhưng vọng chấp cái làm nhân cho tham v.v.. là phi thực (Suzuki,125). Đại huệ! Lại có kẻ phân biệt có tướng mà không nhận có các pháp. Có kẻ thấy Phật, duyên giác, thanh văn không có tính tham sân si nên chấp những tính ấy không thật có. Đại huệ ! Trong số đó ai là kẻ bị hoại (vaina'sika)?

Bạch Thế Tôn, ấy là kẻ công nhận có tính tham, sân, si nhưng sau lại chấp là không.

Hay thay ! Ông đã đáp đúng lời ta. Người ấy không những chỉ bị hoại vì quan niệm không có tham sân si, mà còn phá hoại Phật, thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì phiền não ở trong và ngoài đều bất khả đắc, vì thể tính của nó không khác cũng

không đồng. Đại huệ ! Tham sân si dù trong hay ngoài đều bất khả đắc, vì nó không có thể tính, không thể nắm bắt. Thanh văn, Duyên giác, Như lai bản tính là giải thoát, vì trong họ không có tính trói buộc hay làm nhân cho trói buộc. Đại huệ ! Nếu có tính trói buộc và làm nhân cho trói buộc tất là có cái bị trói buộc, nói như vậy gọi là kẻ phá hoại.

Đấy gọi là tướng vô và tướng hữu. Ta do mật ý ấy mà nói: Thà có ngã kiến to như núi tu di, không thà chấp không, ôm giữ tăng thượng mạn. Khởi chấp không như vậy là kẻ phá hoại, sa vào tự tướng cộng tướng, vui say trong kiến chấp ấy không hiểu các pháp do tự tâm hiện, vì không hiểu cho nên thấy có pháp ngoài, các tướng uẩn, giới, xứ sai biệt xoay chuyển sát na vô thường nối tiếp lưu chuyển rồi lại diệt. Vì hư vọng phân biệt, lia văn tự (lia kinh điển) cũng thành kẻ phá hoại. Thế Tôn lại nói bài tụng:

Hữu, vô là hai bên
 Cho đến tâm tạo tác
 Trừ sạch tạo tác ấy
 Tâm bình đẳng tịch diệt
 Không nắm giữ cảnh giới
 Không diệt, không có gì
 Có chân như diệu vật
 Như cảnh giới chư Thánh
 Vốn không mà có sinh
 Sinh rồi lại diệt mất
 Nhân duyên có cùng không
 Kẻ ấy không trú pháp (ta)
 Không do ngoại đạo, Phật
 Không do ta, chúng khác
 Do nơi duyên mà có

Làm sao mà được "không"
 Hữu do duyên mà thành
 Ai muốn được là không
 Ác kiến nói có sinh
 Vọng tưởng chấp có, không
 Nếu biết không gì sinh
 Cũng không có gì diệt
 Thấy thế gian rộng lặng
 Hữu vô đều xa lìa

Bấy giờ Bồ tát Đại huệ lại bạch:

Bạch Thế Tôn ! Xin Thế Tôn vì chúng con nói tướng của các tông thú, con và chư Bồ tát đạt được nghĩa ấy, sẽ không theo những giải thích sai lầm của ngoại đạo, mau được vô thượng chính đẳng chính giác.

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho ông.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Đại huệ ! Hết thủy hàng nhị thừa và Bồ tát có hai thứ tướng tông pháp, ấy là 1. Tông thú pháp tướng (siddhàntanayalaksana) 2. Ngôn thuyết pháp tướng (De'sanànyalaksana). Tông thú pháp tướng là tướng sở chứng thù thắng, lia phân biệt văn tự ngữ ngôn, nhập cảnh giới vô lậu, thành tựu các hạnh của địa vị mình, vượt lên trên hết thủy những tri giác bất chính, hàng phục ma, ngoại đạo, phát sinh ánh sáng trí tuệ. Ấy gọi là tông thú pháp tướng.

Ngôn thuyết pháp tướng là nói các giáo pháp thuộc 9 bộ loại, lia các tướng một, khác, có không, dùng phương tiện khéo léo tùy tâm chúng sinh mà làm cho họ hiểu được pháp này, ấy gọi là ngôn thuyết pháp tướng. Ông và các bồ tát nên siêng tu học. Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Tông thú cùng ngôn thuyết

Tự chứng và giáo pháp
 Nếu hay biết rõ được
 Không theo người giải bày
 Như kẻ ngu phân biệt
 Không phải tướng chân thật
 Kia há không cầu độ?
 Không một pháp có được
 Quan sát các hữu vi
 Sinh diệt và tương tục
 Tăng trưởng hai kiến chấp
 Điền đảo không biết gì
 Niết bàn lia tâm ý
 Chỉ một pháp đầy thật
 Quán thế gian hư dối
 Như huyễn, mộng, bẹ chuối
 Không có tham nhuế si
 Lại cũng không có người
 Do ái sinh các uẩn
 Như cảnh trong chiêm bao.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát ma ha tát lại bạch Phật rằng:
 Bạch Thế Tôn ! Xin vì con nói tướng "hư vọng phân biệt"
 (Abhùtapariokalpa), hư vọng phân biệt này vì sao sinh? Làm
 sao sinh? Cái gì và do ai sinh? Sao gọi là hư vọng phân biệt?
 Phật dạy:
 Đại huệ, hay thay ! hay thay ! Ông vì thương xót thế gian, trời,
 người mà hỏi nghĩa ấy, vì lợi ích cho nhiều người, vì an lạc
 cho nhiều người. Ông hãy lắng nghe kỹ, khéo suy nghĩ. Ta sẽ
 nói cho ông.
 Đại huệ bạch: "Xin vâng!"
 Phật dạy:

Này Đại huệ ! Hết thấy chúng sinh đối ngoại cảnh, không
 hiểu rõ tự tâm hiện, lại chấp năng thủ, sở thủ, chấp trước hư
 dối, khởi các phân biệt, sa vào các kiến chấp có và không;
 tăng trưởng tập khí vọng kiến của ngoại đạo. Khi tâm và các
 tâm sở tương ưng nhóm khởi, họ liền chấp các nghĩa bên
 ngoài đều có; chấp ngã, ngã sở; đó gọi là hư vọng phân biệt.

Đại huệ bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, nếu quả như Thế Tôn dạy, các pháp bên ngoài
 tính vốn lia có không, siêu việt các quan niệm (kiến chấp), thì
 đệ nhất nghĩa đế cũng vậy, lia các hạn lượng tông, nhân, dụ.
 Bạch Thế Tôn ! Vì sao với các pháp khác thì nói khởi phân
 biệt, mà với đệ nhất nghĩa thì lại không? Phải chăng lời Thế
 tôn dạy có trái lý, vì một nơi nói khởi, một nơi không nói khởi.
 Thế tôn lại nói cái thấy hữu, vô là sa vào hư vọng phân
 biệt. Ví như huyễn sự, không thật có; phân biệt cũng thế, lia
 các tướng hữu vô. Sao nói là đọa vào hai kiến? Thuyết này lại
 không đọa vào kiến chấp của thế gian đó sao?

Phật dạy:

Đại huệ ! Phân biệt không sinh không diệt. Vì sao? Vì không
 khởi tướng phân biệt có, không, vì các pháp thấy bên ngoài
 đều không có, vì hiểu rõ tự tâm hiện. Chỉ vì ngu phu phân biệt
 các pháp của tự tâm, bám vào các tướng, mà nói như thế,
 khiến họ biết những gì thấy đó đều là tự tâm, đoạn trừ các
 kiến chấp đăm trước ngã, ngã sở, lia các ác nhân duyên năng
 tác sở tác, giác ngộ duy tâm, chuyển được ý lạc (?)
 (cittàs'raya), hiểu rõ các địa vị, vào cảnh giới Phật, xả bỏ các
 kiến về 5 pháp, 3 tự tính. Do đó ta nói do hư vọng phân biệt
 chấp trước mà sinh các pháp tự tâm hiện và các cảnh giới.
 Nếu biết rõ "như thật" liền được giải thoát.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng

Các nhân cùng với duyên
 Do đó sinh thế gian
 Cùng bốn cú tương ứng
 Không biết pháp của ta
 Thế lia có, lia không
 Lia câu và bất câu
 Vì sao các người ngu
 Phân biệt nhân duyên khởi
 Không có cũng không không
 Không vừa không vừa có
 Quán thế gian như vậy
 Chuyển tâm, chứng vô ngã
 Hết thấy pháp không sinh
 Vì do duyên khởi vậy
 Kết quả của các duyên
 Kết quả thì không sinh
 Quả không tự sinh quả
 Có hai quả là sai
 Vì không có hai quả
 Không thể có tính có
 Quán các pháp hữu vi
 Lia năng duyên sở duyên
 Nhất định chỉ là tâm
 Nên ta nói tâm lượng
 Lượng là chỗ tự tính
 Xa cả hai duyên pháp
 Được cứu cánh thanh tịnh
 Nên ta nói tâm lượng
 Ngã là tên bày đặt
 Thật ra không thể có

Các uẩn là giả danh
 Cũng đều không phải thật
 Có bốn thứ bình đẳng
 Tướng, nhân cùng sở sinh
 Vô ngã là thứ bốn.
 Kể tu hành quán sát
 Lia hết thấy các kiến
 Cùng phân biệt năng sở
 Không được cũng không sinh
 Ta nói là tâm lượng (mind noun)
 Không có cũng không không
 Không, có đều xa lia
 Tâm xa lia cũng bỏ
 Ta nói là tâm lượng
 Chân như, không, thật tế
 Niết bàn cùng pháp giới
 Các loại thân ý sinh
 Ta nói là tâm lượng
 Vọng tưởng tập khí buộc
 Các pháp do tâm sinh
 Chúng sinh chấp ngoài có
 Ta nói là tâm lượng
 Cái thấy ngoài không có
 Chỉ tâm hiện các pháp
 Thân, tài sản, chỗ ở
 Ta nói là tâm lượng

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:
 Như lai có nói: Như ta đã nói, ông và các Bồ tát không nên
 căn cứ vào lời mà phải nắm lấy ý nghĩa. Bạch Thế Tôn ! Vì

sao không nên nương lời mà giữ nghĩa. Lời (ngữ) là sao? Nghĩa là sao?

Này Đại huệ ! Lời là do tập khí phân biệt làm nhân; do yết hầu, lưỡi môi, quai hàm mà phát ra các âm thanh, lời nói, đàm luận với nhau; ấy gọi là ngữ. Còn "nghĩa" là gì? Bồ tát đại hữu tình ở một mình nơi chỗ thanh tịnh, lấy trí tuệ văn tự tu, suy nghĩ quán sát hướng về Niết bàn, cảnh giới của tự trí, chuyển đổi các tập khí, thực hành các hành tướng của các địa, ấy gọi là nghĩa. Lại nữa, này Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình rành lời và nghĩa, biết lời và nghĩa không một không khác; và nghĩa đối với lời cũng lại như vậy. Nếu nghĩa khác lời; thì nó sẽ không nhân lời mà rõ nghĩa; nhưng do nơi lời mà thấy được ý, như đèn chiếu rõ hình sắc. Đại huệ ! Ví như có người cầm đèn soi các vật biết vật này như thế ở chỗ như thế. Bồ tát đại hữu tình cũng vậy; do ngọn đèn lời mà đi vào cảnh giới tự chứng, lia ngôn thuyết. Lại này Đại huệ ! Nếu có người y theo lời nói mà nắm ý nghĩa về Niết bàn bất sinh, bất diệt, về tam thừa, nhất thừa, 5 pháp, 8 thức, 3 tự tính v.v.. tất người ấy sẽ sinh kiến chấp hoặc có hoặc không, thấy có các sự vật khác nhau liền khởi phân biệt, như thấy huyền sự cho là thật. Ấy là cái thấy của phàm phu, không phải của bậc thánh hiền.

Khi ấy Thế Tôn lại nói bài kệ:

Nếu theo lời giữ nghĩa
Mà kiến lập các pháp
Vì những kiến lập ấy
Chết sa vào địa ngục
Trong uẩn không có ngã
Uẩn không phải là ngã
Không phân biệt như thế
Lại chẳng phải không có

Như kẻ ngu phân biệt
Hết thấy đều có tính
Nếu thấy được như vậy
Tức là thấy chân lý
Tất cả pháp nhiễm tịnh
Đều không có thể tính
Không như chúng được thấy
Cũng không phải là không

Lại nữa, Đại huệ ! Ta sẽ vì ông nói tướng tri thức (Jnānavijnanakajšana), ông cùng các Bồ tát đại hữu tình nếu hiểu rõ tướng của trí thức liền mau được vô thượng chính đẳng chính giác. Này Đại huệ ! Trí có ba loại, ấy là : 1. Thế gian trí (Lautikajnāna) 2. Xuất thế gian trí (Lokottarajnāna), 3. Xuất thế gian thượng thượng trí (Lokottaratamajnāna). Sao gọi là thế gian trí? Ấy là chấp hết thấy các pháp có, không của ngoại đạo, phàm ngu. Sao gọi là xuất thế gian trí? Ấy là các chấp trước tự tướng (ngã), cộng tướng (ngã sở, nhân sinh, vũ trụ) của hàng nhị thừa. Sao là xuất thế gian thượng thượng trí? Ấy là chư Phật Bồ tát quán tất cả pháp đều không tướng, không sinh, không diệt, không phải có, không phải không, chứng pháp vô ngã, nhập Như lai địa. Này Đại huệ ! Lại có ba loại trí, ấy là: 1. Tri tự tướng cộng tướng trí (svasānānyalaksanāvadjarakajnāna); Tri sinh diệt trí (utpādavauāvadhāarakajnāna); 3. Tri bất sinh bất diệt trí (Anutpādānirodhāvadhāarakajnāna). Lại này Đại huệ ! Sinh diệt là thức, không sinh diệt là trí, thức thì sa vào nhị nguyên tướng vô tướng, cùng các thứ sai biệt làm nhân cho nhau, trí thì lia tướng và vô tướng, lia nhân hữu, vô. Có các tướng tích tập ấy là thức, không tích tập tướng ấy là trí. Bám trước vào cảnh giới ấy là thức, không bám trước cảnh giới ấy là trí. Do

ba hòa hiệp tương ứng mà sinh là thức, vô ngại tự tính là trí. Tướng "có thể nắm được" là thức, tướng "không thể nắm được" là trí, vì đây là cảnh giới thánh trí tự chứng, như trăng trong nước không vào không ra vậy.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Nhóm chứa nghiệp là tâm
 Quán sát pháp là trí
 Tuệ hay chứng vô tướng
 Được tự tại uy quang
 Bị cảnh buộc là tâm
 Tướng "giác" sinh là trí
 Cảnh thù thắng, vô tướng
 Trí tuệ do đây sinh
 Tâm, ý cùng với thức
 Lìa các tướng phân biệt
 Được pháp vô phân biệt
 Bồ tát, phi thanh văn
 Nhấn thù thắng tịch diệt
 Trí Như lai thanh tịnh
 Hay sinh các thắng nghĩa
 Xa lìa các sở hành
 (samudàcàra - varijitam)
 Ta có ba loại trí
 Bậc thánh hay sáng rõ
 Phân biệt được các tướng
 Mở bày hết thấy pháp
 Trí ta lìa các tướng
 Siêu việt nơi nhị thừa
 Cùng các hạng thanh văn
 Trí Như lai vô cấu

Vì hiểu rõ duy tâm.

Lại nữa, này Đại huệ ! Các ngoại đạo có 9 loại kiến về chuyển biến, ấy là: 1. Hình chuyển biến. 2. tướng chuyển biến (Laksana), 3. Nhân chuyển biến (hetu), 4. Tương ứng chuyển biến (yukti), 5. Kiến chuyển biến (drsti), 6. Sinh chuyển biến (utpada) 7. Vật chuyển biến (Bhava) 8. Duyên minh liễu chuyển biến (pratyayabhivyakti), 9. sở tác minh liễu chuyển biến (kriyabhivyakti). Tất cả ngoại đạo do quan niệm ấy mà khởi các luận về chuyển biến dựa trên có và không. Hình chuyển biến là thấy hình thể thay đổi như vàng làm đồ trang sức; như các thứ vòng, xuyên, chuỗi đeo cổ không giống nhau, hình trạng có sai khác nhưng thể không khác. Hết thấy pháp biến đổi cũng như thế. Các pháp mà ngoại đạo chấp trước đều không "như vậy" cũng không "khác vậy". Nên biết chỉ do phân biệt mà các pháp biến hóa; như ván là do sữa, rượu là do trái chín. Ngoại đạo nói ở đây có biến hóa, mà kỳ thật không "có" cũng không "không", vì do tự tâm thấy, không có vật bên ngoài. Như thế đều là phạm phu mê muội, do tập khí phân biệt của mình sinh ra, chứ thật không có một pháp nào hoặc sinh hoặc diệt; như do mộng huyễn thấy có các sắc tướng, như nói con của người thạch nữ có sống chết.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Hình tùy thời biến chuyển
 Đại chủng cùng các căn
 Thân trung hữu (antarabhava) sinh dần
 Vọng tưởng, không minh trí
 Chư Phật không phân biệt
 Duyên khởi cùng thế gian
 Thế gian do duyên khởi

Như thành Càn thất bà

Lúc ấy Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Xin Như lai vì con giải nói nghĩa thâm mật (samdhyattha) cùng giải nghĩa tướng (parimocanàttha) nơi hết thấy pháp, khiến con cùng các Bồ tát đại hữu tình biết rõ sự sai biệt giữa trói buộc và giải thoát, chúng con sẽ biết những phương tiện thiện xảo về hai tướng ấy, và sẽ không còn chấp lời giữ nghĩa. Khi chúng con biết rõ nghĩa trói buộc (thâm mật) là gì và sự giải thoát của các pháp là gì, chúng con sẽ diệt trừ sự phân biệt lời và chữ; và nhờ trí tuệ, chúng con được nhập các cõi Phật và các hội chúng; được ấn thần thông, tự tại tổng trì, được giác tuệ, an trú trong mười nguyện vô tận, không cần dụng công biến hóa các thân, hào quang chiếu sáng như trời trăng, ngọc ma ni, đất nước lửa gió, an trú ở các địa, lia kiến chấp phân biệt; biết các pháp đều như huyễn, mộng; nhập quả vị Như lai, hóa độ khắp chúng sinh; khiến họ biết các pháp hư dối không thật, lia hữu vô, đoạn cái chấp sinh, diệt, không chấp trước vào ngôn thuyết, khiến chuyển thức sở y.

Phật dạy:

Hãy lắng nghe, ta sẽ nói cho ông. Nay Đại huệ ! Sự chấp trước ăn sâu (abhinivésasamdhi) đối với hết thấy các pháp y lời mà nắm ý thật là không cùng. Ấy là: chấp trước tướng (lakasanàbhivivésa); chấp trước duyên (pratya-yàbhi) chấp trước hữu phi hữu (bhàvàbhàbhinivesa); chấp trước sinh phi sinh, chấp trước diệt phi diệt chấp trước thừa phi thừa; chấp trước vi vô vi; chấp trước địa và tự tướng của địa, chấp trước vào chính sự phân biệt và vào cái hiện chứng (that arising from enlighthenment), chấp trước vào tướng hữu vô của các tông ngoại đạo, chấp trước 3 thừa, 1 thừa... Nay Đại huệ ! Các

loại chấp trước sâu xa ấy thật vô lượng, đều do phàm phu tự phân biệt rồi bám lấy. Những phân biệt ấy như tầm làm kén, lấy tơ vọng tưởng tự quán mình, quán người, chấp chặt hữu vô, ham muốn chẳng chịt kiên cố. Nay Đại huệ ! Nhưng thật ở đây không có tướng ăn sâu hay không ăn sâu; vì Bồ tát đại hữu tình thấy các pháp đều ở trong tịch tịnh, không phân biệt. Nếu rõ biết các pháp chỉ do tâm thấy (thì thấy) ngoại pháp hoặc không hoặc có đều đồng một tướng, rồi theo đó quán sát các chấp sâu xa phân biệt hoặc có hoặc không, thấy đều vắng lặng; nên nói không có tướng chấp sâu dày với không sâu dày. Đại huệ ! Ở đây không có sự trói buộc cũng không có sự giải thoát, chỉ những người không rõ chân thật mới thấy có trói buộc, có giải thoát. Vì sao? Vì hết thấy các pháp dù có dù không, thể tính của nó muốn tìm cũng không thấy được. Lại nay Đại huệ ! Kể phàm phu ngu muội có 3 thứ trói buộc thâm sâu, ấy là tham, sân, si, do đó mà có yêu thích đời sau cùng ham muốn, vui mừng. Sự ràng buộc thâm sâu này khiến chúng sinh tiếp tục sinh trong 5 đường; nếu dây ràng buộc này đứt, thì không thấy đâu là tướng ràng buộc hay không ràng buộc. Lại nữa, Đại huệ này ! nếu có sự chấp trước vào 3 duyên hòa hiệp, các thức bị ràng buộc sâu xa lần lượt khởi lên; và vì có chấp trước nên có trói buộc sâu xa. Nếu thấy 3 giải thoát, lia 3 thức hòa hiệp, thì hết thấy các trói buộc tất không sinh. Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng

Phân biệt cái không thật
Ấy là tướng buộc ràng
Nếu biết được như thật
Các trói buộc đều đứt
Phàm ngu không rõ được
Theo lời mà thủ nghĩa

Như tầm ở trong kén

Vọng tưởng tự buộc ràng

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Như Thế Tôn dạy, các pháp đều do phân biệt của tâm thức, không có tự tính; đấy chỉ là vọng kế (tưởng tượng sai lầm) mà thôi. Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ do vọng chấp, không thật có các pháp thì có phải các pháp nhiễm hoặc tịnh đều là không? (phải chăng không có gì nhiễm hay tịnh?)

Phật dạy:

Đại huệ ! Chính thế, chính thế ! Như ông nói, phàm phu phân biệt các pháp, nhưng pháp tính không có như vậy; đấy chỉ là vọng chấp, không gì có thật tính. Song các bậc thánh lấy tuệ nhãn của thánh mà thấy biết như thật có tự tính các pháp.

Đại huệ bạch :

Nếu các bậc thánh dùng tuệ nhãn của mình mà thấy có tự tính các pháp, không phải thiên nhãn hay nhục nhãn, không giống như chỗ phân biệt của hạng phàm ngu, thì bạch Thế Tôn, làm sao hạng này lại được phân biệt, vì họ không thể nào nhận biết thánh pháp (àryabhāvavastu)? Bạch Thế Tôn ! Những người kia không điên đảo cũng không không điên đảo. Vì sao? Vì họ không thấy những pháp mà thánh nhân thấy. Vì cái thấy của thánh nhân là tướng hữu vô, nên thánh cũng không phân biệt như sự phân biệt của phàm phu, vì không phải là cảnh giới của mình. Bậc thánh cũng thấy có tự tính các pháp - như vọng chấp mà hiện, vì không nói có nhân cùng không nhân, nên họ cũng sa vào kiến chấp tự tính các pháp vậy. Bạch Thế Tôn ! Các cảnh giới khác đã không đồng với cảnh này (của Thánh), như vậy thành lỗi "vô cùng", vì như thế cái gì lập thành tự tính các pháp hóa ra không thể biết được. Bạch Thế Tôn ! Những gì do phân biệt mà có, không thể là tự tính của

các pháp. Thế thì sao trong khi đã bảo sự vật có ra là do vọng chấp phân biệt, lại còn nói rằng chúng thật không phải như người ta phân biệt? (Tại sao tự tính các pháp đã nói là không do phân biệt, lại nói do phân biệt mà có các pháp?) Bạch Thế Tôn ! (Đã đành) sự phân biệt khác nhau nên các pháp cũng sai khác, vì nhân không giống nhau. Nhưng tại sao các pháp đều do phân biệt, mà chỉ cái phân biệt của phàm ngu là không "như thật". Và Thế Tôn lại còn nói: "Vì muốn khiến chúng sinh xả bỏ các phân biệt nên ta nói các pháp do phân biệt thấy, không phải là pháp "như thị". Bạch Thế Tôn! Vì sao đã muốn chúng sinh lìa các pháp do kiến hữu vô chấp trước, mà còn chấp cảnh giới của Thánh trí, sa vào hữu kiến? Vì sao không nói pháp tịch tịnh không vô, mà nói tự tính của thánh trí?

Phật dạy:

Đại huệ ! Không phải là ta không nói pháp tịch tịnh, cũng không phải ta sa vào hữu kiến vì đã nói tự tính của thánh trí. Ta vì chúng sinh từ vô thủy chấp trước nơi "hữu", nên nói có cảnh giới ở trong tịch tịnh, khiến chúng nghe rồi không sinh hoảng sợ, có thể như thật chứng pháp không tịch, lìa các mê loạn, đi vào lý duy thức, biết các pháp hữu vô ở bên ngoài đều do tâm thấy, ngộ được 3 giải thoát, được ấn như thật, thấy tự tính của pháp, rõ cảnh giới thánh, xa lìa hết thủy chấp trước hữu vô. Lại, này Đại huệ ! Các Bồ tát đại hữu tình không nên lập thuyết rằng "hết thủy pháp không sinh" lời ấy tự nó đã hỏng. Vì sao? Vì tôn kia có đối đãi mà sinh vậy. Lại vì tôn kia tức đã lọt vào trong số "hết thủy pháp", cái tướng không sinh cũng không sinh. Lại vì tôn kia do các phần làm thành. Lại vì các pháp hữu, vô của tôn kia cũng đều không sinh, tôn ấy lọt vào trong số các pháp, nên tướng hữu vô cũng

không sinh. Bởi thế "hết thấy pháp không sinh" thuyết ấy tự hổng, không nên lập như thế, vì có nhiều lỗi lầm trong các phần của tam đoạn luận, lại có nhiều nhân khác nhau lẫn lộn trong đó. Cũng như thuyết (các pháp) không sinh, thuyết cho rằng "các pháp đều không, vô tự tính" cũng lại như vậy. Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình nên nói hết thấy pháp như huyền như mộng, vì vừa được thấy cũng vừa không được thấy, vì hết thấy đều là mê loạn, trừ phi vì bọn ngu phu sợ hãi. Đại huệ! Kê phàm phu ngu muội sa vào kiến chấp hữu, vô, chớ nên làm cho chúng hoảng hốt xa lìa đại thừa."

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Không tự tính, không thuyết
 Không sự, không chỗ y (S. Alaya)
 Phàm ngu phân biệt quấy
 Ác giác như thầy ma
 "Hết thấy pháp không sinh"
 Do ngoại đạo thành lập
 Nhưng thuyết kia có sinh
 Vì không do duyên thành
 Hết thấy pháp không sinh
 Kê trí không phân biệt
 Tôn kia do nhân sinh
 Nói thế tức là hổng
 Ví như mắt có màn
 Vọng tưởng thấy hoa đốm
 Các pháp cũng như vậy
 Phàm ngu vọng phân biệt
 Ba cõi chỉ giả danh
 Mà không có thật thể
 Do giả ấy bày ra

Liên phân biệt suy lường
 Các sự tướng giả danh
 Làm loạn động tâm thức
 Con Phật tất vượt qua
 Đạo nơi vô phân biệt
 Không nước chấp có nước
 Đều do khát mà sinh
 Ngu thấy pháp cũng vậy
 Bạc thánh thì không thể
 Thánh nhân thấy thanh tịnh
 Sinh nơi ba giải thoát.
 Xa lìa cảnh sinh diệt
 Thường du cảnh vô tướng
 Kê tu cảnh vô tướng
 Thì cái "vô" cũng không
 Hữu vô đều bình đẳng
 Cho nên sinh quả thánh
 Làm sao hết "pháp hữu"
 Làm sao được bình đẳng
 Nếu tâm không rõ pháp
 Trong ngoài đều loạn động
 Rõ rồi liền bình đẳng
 Tướng loạn khi ấy diệt.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật
 Bạch Thế Tôn ! Như Phật đã dạy: Nếu biết cảnh giới chỉ là
 giả danh, đều bất khả đắc, tất không có sở thủ, vì không sở
 thủ nên cũng không có năng thủ, cả năng thủ sở thủ đều
 không, nên không khởi phân biệt, ấy gọi là trí . Bạch Thế
 Tôn! Vì sao mà trí kia không được cảnh? Có phải vì không rõ

nghĩa một, khác, tự tướng, cộng tướng của hết thấy pháp mà nói là "không được"? Hay vì các pháp tự tướng cộng tướng nhiều thứ không giống nhau, che lấp lẫn nhau mà "không được"? Hay vì núi cao tường đá, vì hàng rào, màn, rèm làm chướng ngại che lấp mà nói là "không được"? Hay vì quá xa, quá gần, quá già quá bé, các giác quan (căn) mù tối không đầy đủ mà gọi là "không được"? Nếu vì không rõ biết nghĩa một, khác, tự tướng cộng tướng của các pháp mà nói là không được, thì đấy không gọi là trí mà đúng là vô trí, vì có cảnh giới mà không biết được. Nếu vì các pháp có tự tướng cộng tướng không đồng, che lấp nhau mà "không được", thì đây cũng là phi trí (ajnàna); vì biết nơi cảnh giới mới gọi là trí chứ không phải không biết (mà gọi là trí). Nếu vì bị núi cao tường đá, hàng rào, rèm, màn che lấp hay vì quá xa quá gần, già, bé, mù, tối mà không biết, thì đó cũng là phi trí, vì có cảnh giới mà trí không đầy đủ nên không biết.

Phật dạy:

Đại huệ ! Cái thật trí ở đây không phải như ông nói. Chỗ ta nói không phải nói sự ẩn che; ta nói cảnh giới chỉ là giả danh bất khả đắc, vì biết rõ do tự tâm thấy, các pháp bên ngoài có hoặc không, trí tuệ hoàn toàn không chấp. Vì không chấp nên sở tri chướng không khởi, nhập vào ba giải thoát, trí và thể đều quên; không phải như hết thấy phàm phu vì tập khí hí luận từ vô thủy chấp trước pháp ngoài hoặc có hoặc không, chấp các hình tướng... Biết như thế gọi là không biết, không hiểu các pháp do tâm hiện, chấp ngã, ngã sở, trí phân biệt cảnh, không biết ngoại cảnh vừa có vừa không, vì tâm những kẻ ấy ở trong đoạn kiến. Vì khiến chúng xa lìa các phân biệt như thế, nên nói hết thấy pháp do tâm kiến lập.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Nếu có các sở duyên
Trí tuệ không quán thấy
Đấy là ngu, không trí
Ấy là vọng chấp trước
Vô biên tướng lấp nhau
Chướng ngại cùng xa, gần
Trí tuệ không thấy được
Đấy gọi là tà kiến
Già, bé, các căn tối
Mà thật có cảnh giới
Không thể sinh trí tuệ
Ấy gọi là tà kiến

Lại nữa, Đại huệ ! Kẻ ngu si phàm phu bị mê hoặc từ vô thủy vì sự hư dối, tà kiến, phân biệt, không hiểu pháp như thật và ngôn ngữ bàn về pháp ấy, chấp trước vào các tướng ở ngoài tâm và những lời thuyết pháp phương tiện; không thể tu tập pháp chân thật thanh tịnh lìa tứ cú.

Đại huệ bạch:

Chính thế, bạch Thế Tôn, chính như Thế Tôn dạy. Nguyện xin Thế Tôn vì con nói pháp như thật (siddhàntanaya) và pháp ngôn thuyết (désanàntanaya), khiến con cùng các Bồ tát đại hữu tình hiểu rành rẽ hai pháp này, không bị lung lạc vì ngoại đạo và nhị thừa. Phật dạy:

Ông hãy lắng nghe, lắng nghe. Ta sẽ nói cho ông. Nay Đại huệ ! Chư Như lai trong ba đời có hai thứ pháp, ấy là pháp ngôn thuyết và pháp như thật. Ngôn thuyết pháp là tùy theo tâm của chúng sinh mà nói những giáo lý phương tiện khác nhau. Pháp như thật là người tu hành lìa phân biệt các pháp do tâm hiện, không sa vào hí luận một, khác, cùng, không cùng; siêu việt hết thấy tâm, ý, ý thức; ở nơi cảnh giới của Thánh trí

tự chứng, lia các kiến chấp về nhân duyên, tương ứng; hết thấy ngoại đạo, thanh văn, duyên giác, những người sa vào nhị biên đều không thể biết được, ấy gọi là pháp như thật. Hai thứ pháp ấy, ông cùng các bồ tát đại hữu tình nên khéo tu học.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Ta nói hai thứ pháp
"Ngôn giáo" và " như thật"
Giáo pháp cho phạm phu
Thật pháp bậc tu hành

Lúc bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Có lần Như lai dạy rằng Lô ca gia đà (Lokàyatika - Thế luận) nói các chú thuật (mantrapratibhàna) chỉ thu được tài lợi chứ không được pháp lợi, vì không được pháp lợi nên không đáng gần gũi thừa sự cúng dường. Vì sao Thế Tôn dạy như vậy?

Phật dạy:

Đại huệ ! Các luận văn của Lô ca gia đà chỉ tô điểm lời văn làm mê cuồng kẻ phạm ngu, tùy thuận thế gian mà hư vọng nói, không đúng nghĩa, không xứng lý, không thể chứng nhập cảnh giới chân thật, không thể hiểu rõ hết thấy các pháp, thường sa vào nhị biên, tự mình đã mất chính đạo, lại còn khiến người khác mất, luân hồi qua các đường tà mãi mãi không ra được. Vì sao? Vì không hiểu các pháp do tâm hiện, chấp vào cảnh ngoài tăng thêm phân biệt. Cho nên ta nói thế luận trau dồi câu, lời, lý lẽ, thí dụ, chỉ lừa bịp kẻ ngu, không thể giải thoát được các hoạn nạn sinh, già, bệnh, chết, sầu khổ. Nay Đại huệ ! Thích đề hoàn nhân (Indra) rộng giải thích các luận, và chính ông cũng tạo nhiều bộ luận (and was

himself the author of a work on sound - Suzuki, p150). Kẻ Thế luận kia có một đệ tử hóa hiện làm thân con rồng đi đến cung trời Đế Thích, rồi lập một luận tôn (mệnh đề) và thách Đế Thích rằng: "Này Kiều thi ca, tôi cùng ông tranh luận, nếu ông thua, tôi sẽ phá xe một ngàn cấm của ông, nếu tôi thua, tôi sẽ cắt hết những cái đầu của tôi để chịu phạt. Nói xong, bèn dùng phương pháp biện luận đánh bại Đế Thích, phá xe một ngàn cấm. Đế Thích phải trở xuống lại cõi thế. Đại huệ ! Ngôn luận thế gian (lokàyatika) có đầy đủ nhân, dụ, đến có thể hiện hình làm rồng, dùng văn từ đẹp mà mê hoặc loài trời cùng A tu la, khiến họ chấp trước vào các kiến sinh, diệt v.v.. hướng chi là loài người. Bởi thế Đại huệ, ông không nên thân cận thừa sự cúng dường, vì những kẻ kia có thể làm sinh nhân khổ. Đại huệ ! Thế luận chỉ nói cảnh giới do thân chứng biết. Nay Đại huệ ! Thế luận có trăm ngàn câu lời, trong đời vị lai ác kiến trái nhau, tà chúng phân tán, tách ra thành nhiều bộ, mỗi bộ một lý thuyết riêng. Đại huệ ! Không phải các ngoại đạo khác có thể lập giáo, chỉ có Lô ca gia dùng trăm ngàn câu, rộng nói vô lượng luận cứ (reasonings) sai biệt, không phải lý như thật. Lại chính họ cũng không biết đây là pháp làm mê hoặc thế nhân.

Khi ấy Đại huệ Bồ tát nói:

Bạch Thế Tôn ! Nếu các luận do Lô ca gia tạo - đủ các văn tự nguyên nhân, thí dụ trau chuốt - không phải là pháp như thật, chỉ do Lô ca gia chấp trước vào lý thuyết của mình, nếu luận ấy gọi là ngoại đạo thì Thế Tôn cũng có nói các sự việc thế gian, nghĩa là có dùng các món văn, câu, ngôn từ mà rộng nói cho chúng hội trời, người ở khắp các cõi nước trong mười phương tụ đến, không phải là pháp của tự trí đã chứng được. Vậy thì Thế Tôn cũng nói đồng như ngoại đạo chẳng.

Phật dạy:

Đại huệ ! Ta không dạy thế luận (lokàyata) cũng không dạy đến, đi (àvavyrya). Ta nói các pháp không đến không đi (cf. S. I teach that which is not coming and going). Nay Đại huệ ! Đến, ấy là nhóm tụ, sinh trưởng. Đi, ấy là diệt, không đến không đi, ấy tức là không sinh không diệt. Vì sao? Vì ta không chấp vào hữu vô của ngoại pháp, vì biết chỉ do tự tâm, không thấy hai thủ, không sinh phân biệt cảnh giới của các tướng, nhập vào pháp môn không, vô tướng, vô nguyện mà được giải thoát. Đại huệ ! Ta nhớ có lần ta ở lại một nơi nào đó, có kẻ Thế luận bà la môn đến, thốt nhiên hỏi ta: "Cồ đàm ! Có phải hết thấy đều được tạo nên chăng?" Ta đáp: "Này bà la môn, nếu hết thấy được tạo ấy là thế luận (materialism) đầu tiên." Người ấy lại hỏi: "Tất cả đều không được tạo chăng?" Ta đáp: "Tất cả đều không được tạo, đây là thế luận thứ hai." Người kia lại hỏi: "Tất cả là thường chăng? Vô thường chăng? Sinh chăng? Không sinh chăng?" Ta đáp: "Đây là thế luận thứ sáu." Người kia lại hỏi: "Tất cả là một chăng? Là khác chăng? Là cùng (câu) chăng? Không cùng (bất câu) chăng? Tất cả đều do các nhân duyên mà sinh chăng?" Ta đáp: "Đó là Thế luận thứ mười một." Người kia hỏi nữa: "Hết thấy đều có thể giải thích (hữu ký - Vyāktra) chăng? Có linh hồn chăng? Có thế giới này chăng? Không có thế giới này chăng? Có giải thoát chăng? Không có giải thoát chăng? Tất cả đều là sát na (chóng qua - momentary) chăng? Không sát na chăng? Hư không, Niết bàn cùng phi trạch diệt (Aprati samkhyànirodha) là được tạo tác chăng? Không được tạo tác chăng? Có trung hữu (antābhava) chăng? Không có trung hữu chăng?" Ta đáp rằng: "Này bà la môn, tất cả đó đều là thế luận của ông, không phải thuyết của ta. Bà la môn ! Ta nói do các tập khí y"

luận từ vô thủ mà sinh ba cõi, không hiểu rõ chỉ do tự tâm thấy, còn ngoại pháp bị chấp thủ đó thật không thể nắm bắt (bất khả đắc). Theo thuyết ngoại đạo, thì linh hồn (ngã), căn, cảnh cả ba hòa hiệp sinh. Ta không nói có nhân, cũng không nói không nhân, chỉ y theo năng thủ sở thủ của vọng tâm mà nói duyên khởi, không phải cái mà ông cùng những người thủ trước nơi linh hồn có thể hiểu thấu." Đại huệ ! Hư không, Niết bàn cùng phi trạch diệt chỉ có con số 3, vốn không có thể tính, hưởng nữa là nói tác cùng phi tác (được tạo hay không được tạo). Đại huệ ! Khi ấy người thế luận bà la môn lại hỏi ta rằng: "Do vô minh, ái nghiệp làm nhân duyên mà có tam giới chăng? Hay là không nhân chăng?" Ta đáp: "Đây hai câu ấy cũng là thế luận. Này bà la môn ! cho đến có một chút gì động lưu phân biệt của tâm thức đối với ngoại cảnh đều là thế luận." Nay Đại huệ ! Khi ấy người bà la môn lại hỏi ta rằng: "Có gì không phải là thế luận chăng? Tất cả những luận từ các thứ văn, câu, nhân, dụ trau chuốt của ngoại đạo, không có gì là không do từ trong pháp của ta mà ra." Ta đáp: "Có. Không phải là những gì ông tin vào, chứ không phải là mọi người không chấp nhận; không phải không nói tương ứng với các thứ văn các nghĩa lý, cũng không phải không tương ứng" Người kia lại hỏi: "Có một luận nào không phải là thế luận mà được thế gian chấp thuận chăng?" Ta nói: "Có; nhưng không phải là cái mà ông cùng hết thấy ngoại đạo có thể biết. Vì sao? Vì (các ông) hư vọng phân biệt, chấp trước sự vật bên ngoài. Nếu hiểu được các pháp hữu, vô đều do tự tâm thấy, không sinh phân biệt, không ôm giữ ngoại cảnh, an trú trong cảnh "tự xứ" (cf. Suz.154) "tự xứ trú" thì không khởi phân biệt. Đây là pháp ta, không thuộc về người. Này bà la môn ! Nói tóm lại bất cứ chỗ nào tâm thức có qua, lại, diệt, sinh, có cầu

mong, bám víu, đối với sự vật có tham ái, đối với quan điểm có chấp trước, đều là thế luận của ông, không phải pháp ta." Ngày Đại huệ ! Kể thế luận bà la môn đã hỏi như thế, ta đã đáp như thế. Người kia không hỏi ta về thật pháp của ta, mà im lặng bỏ đi, nghĩ như vậy: "Sa môn Cù đà không có gì đáng tôn trọng, nói hết thấy pháp không sinh không tướng không nhân không duyên, chỉ do tự tâm phân biệt thấy, nếu hiểu được như thế thì không sinh phân biệt." Đại huệ ! Ông nay cũng hỏi ta nghĩa ấy: Vì sao một người gần gũi Thế luận chỉ được tài lợi, không được pháp lợi (Dharmasamgraha).

Đại huệ bạch:

Bạch Thế Tôn, tài và pháp mà Thế Tôn dạy ấy có nghĩa là gì?

Phật đáp:

Hay lắm ! Ông vì chúng sinh đời sau mà suy nghĩ nghĩa ấy. Ông hãy lắng nghe, lắng nghe. Ta sẽ nói cho ông. Đại huệ này, tài là cái gì có thể sờ được, nhận được, cầm nắm ôm giữ được, nắm được, khiến người ta bám víu ngoại cảnh, sa vào nhị nguyên, tăng trưởng tham ái, sinh lão bệnh tử buồn lo khổ não; ta và chư Phật gọi đó là tài lợi, do gần gũi thế luận mà thâm nhập. Sao gọi là pháp lợi? Ấy là hiểu rõ pháp chỉ là tâm, thấy được hai vô ngã, không nắm giữ tướng, không phân biệt; biết rõ các giai đoạn tu hành, liả tâm, ý, thức, được chư Phật lấy nước cam lộ rưới đầu, nhận và làm đầy đủ mười nguyện vô tận, được tự tại đối với tất cả pháp, đấy gọi là pháp lợi, vì không sa vào kiến chấp, hý luận, phân biệt nhị nguyên. Ngày Đại huệ! Thế luận của ngoại đạo khiến kẻ ngu sa vào hai bên là thường và đoạn. Chấp nhận thuyết vô nhân (Ahetuvàda) là thường kiến (Sàsvatadrsti); cho rằng các nhân đều hoại diệt là đoạn kiến (ucchedadrsti). Không thấy có sinh trú diệt, ta gọi

là được pháp lợi. Đấy là sự khác nhau giữa tài và pháp; ông cùng các bồ tát đại hữu tình hãy siêng quán sát.

Thế Tôn lại nói bài tụng:

Điều phục, nhiếp chúng sinh

Lấy giới hàng phục ác

Trí tuệ diệt kiến chấp

Giải thoát được tăng trưởng

Các tà thuyết ngoại đạo

Đều là luận thế gian

Vọng chấp tác, sở tác

Không thể tự chứng thành

Chỉ có thuyết của ta

Không chấp trước năng, sở

Nói ra cho đệ tử

Để chúng liả thế luận

Pháp năng thủ, sở thủ

Ngoài tâm không thể có

Cả hai do tâm hiện

Đoạn, thường bất khả đắc

Chỉ một mảy động tâm

Đó đều là thế luận

Người không khởi phân biệt

Mới thấy rõ tự tâm

"Đến" là do thấy có

"Đi" là do thấy "không"

Hiểu thấu rõ đến, đi

Không khởi sinh phân biệt

Hữu thường cùng vô thường

Được tạo, không được tạo

Cõi này và cõi khác

Đều là pháp thế gian.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, những pháp gì là Niết bàn mà các ngoại đạo phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ ! Niết bàn theo các ngoại đạo phân biệt đều không phù hợp với tướng của Niết bàn. Ông hãy lắng nghe, ta sẽ nói. Đại huệ ! Hoặc có ngoại đạo nói: Thấy các pháp vô thường nên không tham cảnh giới, uẩn giới xứ đều diệt, tâm tâm sở không hiện ra, không nhớ nghĩ cảnh quá, hiện, vị lai, như ngọn đèn tắt, như hạt giống hoại, như lửa đã tàn, không ôm giữ không dính mắc, không sinh các phân biệt... cho đó là Niết bàn. Nay Đại huệ ! Không phải vì thấy hoại mà gọi là Niết bàn.

Có người cho rằng Niết bàn là đi đến một nơi khác, chỗ lìa cái tướng về cảnh giới, như gió ngừng lại. Có người cho rằng Niết bàn là không thấy có người biết và pháp bị biết. Có người cho rằng Niết bàn là không khởi kiến chấp phân biệt thường, vô thường. Có người lại bảo: "Phân biệt các tướng làm phát sinh ra khổ", mà không biết tướng do tự tâm hiện. Vì không biết nên sợ hãi tướng, cầu cái vô tướng, sinh ham thích sâu xa (cái vô tướng), chấp đó là Niết bàn. Có người biết rõ các pháp nội, ngoại tự tướng cộng tướng trong quá khứ, hiện tại, vị lai đều có tự tính không hoại diệt, tướng đó là Niết bàn. Có người chấp rằng ta, người, chúng sinh và thọ mạng cùng hết thảy pháp không có gì hoại diệt, tướng đấy là Niết bàn. Lại có hàng ngoại đạo không trí tuệ, chấp có thần ngã (Prakti, primary substance), sĩ phu (supreme soul), "Thật", câu na (guna) xoay vần biến hóa làm ra muôn vật; cho đó là Niết bàn. Lại có ngoại đạo cho Niết bàn là chấm dứt phước cùng

phi phước. Có kẻ chấp không do trí tuệ mà các phiền não dứt. Có kẻ chấp Tự tại (Isvara) là đấng tác giả chân thật, là Niết bàn. Có kẻ chấp chúng sinh xoay vần sinh lẫn nhau, cho đó là nhân, ngoài ra không có nhân khác. Vì những kẻ ngu không hiểu rõ nên chấp đấy là Niết bàn. Có kẻ chấp rằng đạt đến đúng đường ấy là Niết bàn. Có kẻ chấp Niết bàn là khi có sự hòa hiệp giữa Câu na và chủ thể của câu na, giữa tính một và khác, cùng và không cùng. Có kẻ chấp mọi vật do tự nhiên sinh (Suz. dịch: Có kẻ cho Niết bàn là thấy mọi vật đều tồn tại do bản chất của riêng chúng.) như sắc lông sặc sỡ của chim khổng tước, hay cái bén nhọn của gai góc, hay chỗ sinh bầu vật thì có các thứ bầu, những vật như vậy do ai tạo đâu? Liền chấp tự nhiên sinh, lấy đó làm Niết bàn. Hoặc chấp hiểu rõ 25 đế (tattvas) là được Niết bàn. Lại có kẻ nói giữ được 6 hạnh gìn giữ chúng sinh là được Niết bàn. Lại có người cho rằng Thời sinh ra thế gian, vậy Thời tức là Niết bàn. Hoặc chấp các vật "có" là Niết bàn, hoặc chấp không vật là Niết bàn, lại có kẻ chấp mọi vật hữu, vô đều là Niết bàn, hoặc chấp các vật và Niết bàn không khác nhau, đấy là Niết bàn. Nay Đại huệ ! Lại có những người nói khác với những gì ngoại đạo nói, dùng nhất thiết trí và âm thanh của sư tử rống mà nói, hiểu thấu được cảnh duy tâm, không giữ cảnh ngoài, xa lìa bốn cú (ātuskotika), an trú nơi "như thật" (yathābhūta), không sa vào nhị nguyên, lìa năng thủ sở thủ, không rơi vào các lượng (đo lường), không bám trước chân thật, an trú nơi pháp hiện chứng của thánh trí, ngộ hai vô ngã, lìa hai phiền não, sạch hai chướng, lần lượt tu các địa Bồ tát, nhập vào Phật địa, được các định như huyễn v.v.. vĩnh viễn siêu việt tâm, ý, ý thức gọi là được Niết bàn. Nay Đại huệ ! Những ngoại đạo kia chấp trước hư vọng, không đúng lý, chấp những điều mà bậc trí lìa bỏ,

đều là đọa vào hai bên mà tưởng Niết bàn. Nơi đây không ở không ra, ngoại đạo kia đều do thuyết của mình mà sinh vọng giác, trái ngược với lý, không thành cái gì; chỉ khiến tâm ý dong ruỗi qua lại tán loạn, rối ráo không được Niết bàn. Ông và các Bồ tát nên xa lìa.

Thế Tôn nói bài tụng:

Ngoại đạo nói Niết bàn
Mỗi mỗi đều sai biệt
Đấy chỉ là vọng tưởng
Không phải phương giải thoát
Xa lìa các phương tiện
Không đến cảnh vô phược
Vọng sinh tưởng giải thoát
Mà thật không giải thoát
Các thuyết của ngoại đạo
Đều chấp thủ khác nhau
Họ không được giải thoát
Ngu si vọng phân biệt
Hết thấy ngoại đạo si
Vọng thấy tác, sở tác
Chấp trước luận hữu vô
Nên không được giải thoát
Phàm ngu ưa phân biệt
Không sinh trí chân thật
Ngôn thuyết gốc ba cõi
Chân thật nhân diệt khổ
Thí như bóng trong gương
Chỉ hiện mà không thực
Trong tập khí, gương tâm
Phàm ngu thấy có hai

Không hiểu duy tâm hiện
Nên khởi hai phân biệt
Nếu biết chỉ là tâm
Thì phân biệt không sinh
Tâm tức là các tướng
(nhưng) lìa tướng, sở tướng
Như kẻ ngu phân biệt
Tuy thấy mà không thấy
Ba cõi do phân biệt
Ngoại cảnh toàn không có
Vọng tưởng hiện các thứ
Kẻ phàm ngu không biết
Các kinh nói khác nhau
Chỉ khác trên danh tự
Nhưng lìa nơi ngữ ngôn
Thì không thể nắm nghĩa.

QUYỂN NĂM

CHƯƠNG III VÔ THƯỜNG

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! xin Thế Tôn giảng cho con tính tự giác của Như lai (Tathàgata), Ứng chính đẳng giác, khiến con cùng các Bồ tát đại hữu tình hiểu rành rẽ rồi tự giác ngộ, giúp người giác ngộ.

Phật dạy:

Đại huệ ! Như ông hỏi, ta sẽ nói cho ông.

Đại huệ nói:

Vâng, bạch Thế Tôn ! Đấng Như lai, ứng cúng chính đẳng giác là được tạo thành hay không được tạo thành, là quả hay nhân, là tướng (predicating) hay là sở tướng (predicated), là thuyết hay sở thuyết (an expression or what is expressed), là giác (knowledge) hay sở giác (that which is knowable...) tất cả những điều ấy, Như lai đều như thế hay đều không như thế?

Phật dạy:

Đại huệ ! Đấng Như lai ứng chính đẳng giác không phải tác (created) cũng không phải phi tác, không phải quả không phải nhân, không phải tướng không phải sở tướng, không phải thuyết không phải sở thuyết, không phải giác không phải sở giác. Vì sao? Vì những điều như thế đều bị mắc vào lỗi nhị nguyên. Nay Đại huệ ! Nếu Như lai là được tạo thành (tác) tức là vô thường, nếu vô thường thì hết thảy pháp được tạo tác đều là Như lai cả, điều ấy ta cùng chư Phật không chấp nhận. Nếu Như lai không được tạo tác tức là không có thể tính, thì

hóa ra tất cả những phương tiện tu hành (để chứng quả) thành không, vô ích, giống như sừng thỏ, con của thạch nữ, vì không do nhân tạo thành. Nếu không phải nhân không phải quả tức không có không không; nếu không có không không tức vượt ngoài tứ cú. Nói tứ cú nghĩa là chỉ thuận theo thế gian mà có ngôn thuyết. Nếu vượt ngoài tứ cú, chỉ có ngôn thuyết mà thôi thì khác nào con của thạch nữ. Đại huệ ! Con của thạch nữ chỉ có ngôn thuyết không ở trong tứ cú, vì không ở trong tứ cú nên không thể suy lường. Những người có trí tuệ nên biết như vậy đối với nghĩa của tất cả những lập luận về Như lai. Nay Đại huệ ! Như lai có nói "các pháp là vô ngã" (nirātmanah sarvadharmāh), vì trong các pháp không có tính ngã nên nói là vô ngã, chứ không phải là không có tự tính các pháp. Nên biết những cú nghĩa về Như lai cũng thế. Nay Đại huệ ! Thí như trâu không có tính ngựa, ngựa không có tính trâu, chứ không phải là không có tự tính. Hết thấy các pháp cũng vậy; không có tự tướng, không có mà có (phi phi hữu tức hữu ?), không phải là chỗ phạm phu có thể biết. Vì sao không biết? Vì phân biệt vậy. Hết thấy pháp không sinh, hết thấy pháp không tự tính, tất cũng như vậy. Nay Đại huệ ! Như lai và uẩn không khác, không không khác. Nếu không khác tức vô thường, vì các uẩn là được tạo. Nếu khác thì như hai sừng trâu có chỗ khác và cũng có chỗ không khác vậy. Vì hai sừng trông giống nhau nên không khác, cái ngắn cái dài nên có khác. Như sừng bên phải khác sừng bên trái, sừng trái khác sừng phải, ngắn dài không đồng sắc tướng cũng khác, nhưng cũng không khác. Uẩn, giới xứ v.v.. cũng vậy, hết thấy pháp đều như vậy. Đại huệ! Như lai ấy là y chỗ giải thoát mà nói, Như lai và giải thoát không khác cũng không không khác. Nếu khác, thì Như lai tức tương ứng với sắc tướng, mà tương ứng sắc tướng tức là

vô thường. Nếu không khác, thì lẽ ra không thấy các sai biệt trong những người tu hành nhưng thật thì có sai biệt, nên không phải là không khác.

Trí và sở tri (cái biết và pháp được biết) cũng thế, không khác cũng không không khác. Nếu không khác không không khác tức là không phải thường cũng không phải vô thường, không phải tác, không sở tác, không phải hữu vi cũng không phải vô vi, không phải giác không phải sở giác, không phải tướng không phải sở tướng, không phải uẩn không phải khác uẩn, không phải thuyết không phải sở thuyết, không phải một không phải khác, không phải cùng nhau không phải không cùng nhau. Vì nghĩa ấy nên siêu việt hết thấy suy lường. Vì siêu việt suy lường nên chỉ có trên danh tự, vì chỉ có trên danh tự nên không có sinh, vì không có sinh nên không có diệt, vì không có diệt nên như hư không. Nay Đại huệ! Hư không không phải tác (nhân) cũng không phải sở tác (quả). Vì không phải nhân không phải quả nên xa lìa phan duyên (Nirālambya), vì xa lìa phan duyên nên vượt ra ngoài hết thấy những pháp hí luận. Vượt ngoài hết thấy pháp hí luận ấy là Như lai. Như lai chính là thể Chính đẳng giác. Chính đẳng giác ấy là viễn ly tất cả căn, cảnh giới."

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Vượt ngoài căn suy lường
 Không phải quả hay nhân
 Tướng hay là sở tướng
 Tất cả đều xa lìa
 Uẩn, duyên, cùng chính giác
 Một, khác, không ai thấy
 Đã không có ai thấy
 Sao còn sinh phân biệt

Không phải tác, sở tác
 Không nhân, không không nhân
 Không uẩn, không lìa uẩn
 Cũng không lìa các vật
 Không phải có pháp thể
 Như phân biệt kia thấy
 Lại không phải là không
 Các pháp tính như vậy
 Đối có thành ra không
 Đối với "không" nên có
 Không đã không thể giữ
 Có cũng không nên nói
 Không rõ ngã vô ngã
 Chỉ chấp nơi danh từ
 Kể kia chìm nhị biên
 Hoại mình, hoại thế gian
 Nếu hay thấy pháp này
 Liền lìa hết các lỗi
 Đó gọi là chính quán
 Không hủy báng Đạo sư

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Như trong kinh Phật dạy đức Như lai không phải chịu sự sinh, diệt, và Thế tôn lại dạy Bất sinh bất diệt ấy cũng là một tên gọi khác để chỉ Như lai. Bạch Thế tôn! Xin Thế tôn chỉ dạy. Cái lẽ bất sinh bất diệt ấy tức là vô pháp (non-entity), sao lại nói đây là tên khác của Như lai. Như Thế tôn dạy : "Hết thấy pháp không sinh không diệt", nên biết đó tức là sa vào các kiến chấp hữu, vô. Nếu pháp không sinh tức không thể giữ, không có một chút pháp nào cả thì ai là Như lai? Xin Thế tôn giảng rõ.

Phật dạy:

- Hãy lắng nghe, ta sẽ nói. Nay Đại huệ! Ta nói Như lai không phải là vô pháp, lại không phải là thân nhận (nhiếp thủ) các pháp bất sinh bất diệt, cũng không đối đãi nhân duyên (để xuất hiện), cũng không phải là vô nghĩa. Ta nói vô sinh tức là một tên khác cho "pháp thân do ý sinh" (manomayadharmakàya) của Như lai. Hết thấy ngoại đạo Thanh văn Duyên giác, Bồ tát thất địa không rõ nghĩa ấy. Đại huệ! Thí như Đế thích (sakra), đất, hư không, cho đến chân tay, tùy theo mỗi vật, mỗi thứ đều có nhiều tên. Không phải vì có nhiều tên mà thành ra có nhiều thể, hay thành vô thể. Đại huệ! Ta cũng như thế, ở nơi thế giới Ta bà này, có ba a tăng kỳ trăm ngàn danh hiệu, những kẻ phàm ngu tuy nghe tuy nói mà không biết đấy là tên khác của Như lai. Trong số ấy có người hoặc nhận ta là Như lai, có người cho ta là bậc Vô sư (Svayambhù), hay đấng Đạo sư (Nàyaka), hay đấng Thắng đạo (Vinàyaka), Phổ đạo (Parinàyaka), hay Phật, hay Ngưu vương hay Phạm vương (Brahman), hay Tùy hữu (Visnu), hay Tự tại (Isvara), hay đấng Thắng giả (Pradhàna), hay đấng Ca tỳ la (Kapila), hay đấng Chân thật biên (Bhùtàn-ta), đấng Vô tận (Ariskta?), đấng Đoan tướng (Nemina?); hoặc có kẻ cho ta như là thần gió, thần lửa, hay đấng Câu tỳ la, hay mặt trăng, hay mặt trời, hay như vì vua, hay như tiên nhân, hay như đấng Thức ca (suka) hay như Nhân đà la (Indra), như sao, như sức mạnh lớn, như nước, như cái vô diệt, như cái không sinh, như Tính không, như Chân như (Tathatà), như Đế (satyatà), Thật tính (Bhùtatà), Thật tế (Shùtakoti), Pháp giới (Dharmadhātu), Niết bàn, thường trụ, Bình đẳng, Vô nhị, Vô tướng, Tịch diệt, Cụ tướng, Nhân duyên, Phật tính, Giáo đạo, Giải thoát, Đạo lộ, Nhất thế trí, Đấng Tối thắng (Jina), đấng Ý thành thân...

hết thấy những tên như thế, đây ba a tăng kỳ trăm ngàn danh hiệu, không tăng không giảm. Trong thế giới này cùng các thế giới khác, có những kẻ biết ta như trăng trong nước không vào không ra, nhưng hạng phàm ngu tâm bị chìm đắm nơi nhị biên không thể hiểu thấu, mà cũng tôn trọng cúng dường thừa sự, không khéo giải danh tự cú nghĩa, chấp ngôn giáo, mê muội đối với lẽ chân thật, cho rằng vô sinh vô diệt tức là không thể tính, mà không biết đấy là một danh hiệu khác của Phật như Nhân đà la, Đế kiệt la v.v.. Vì tin nơi ngôn giáo, mê muội chân thật, ở hết thấy pháp đều y theo lời (bhùta) mà nắm ý nghĩa (atrha), nên những kẻ phàm ngu kia nói: "Nghĩa chính là lời, nghĩa và lời không khác. Vì sao? Vì nghĩa không có thể tính (nên không thể khác với lời. Suz. 166). Kẻ ấy không hiểu rõ tự tính của ngôn âm; cho rằng ngôn tức là nghĩa, không có thể tính riêng biệt cho nghĩa. Đại huệ! Kẻ kia ngu si không biết rằng ngôn thuyết thì có sinh diệt, còn nghĩa thì không sinh diệt. Đại huệ! Hết thấy ngôn thuyết đều sa vào văn tự, còn nghĩa thì không (sa vào), vì lìa có và không, không sinh, không thể tính. Đại huệ! Như lai không nói pháp sa vào văn tự, vì hữu và vô của văn tự đều bất khả đắc. Đại huệ! Nếu có người nói những pháp sa vào văn tự, ấy là pháp hư dối. Vì sao? Vì tự tính của các pháp lìa văn tự. Cho nên, nay Đại huệ! Trong kinh ta nói: "Ta cùng chư Phật và Bồ tát không nói một chữ không đáp một tiếng nào. Vì sao? Vì hết thấy pháp lìa văn tự. Nhưng không phải là ta không thuận theo nghĩa mà phân biệt nói. Đại huệ! Nếu không nói thì giáo pháp phải đứt đoạn, giáo pháp đoạn đứt thì không có thanh văn, duyên giác, bồ tát, chư Phật. Nếu tất cả đều không thì ai nói pháp và nói cho ai? Bởi thế, Đại huệ này, Bồ tát đại hữu tình không nên chấp trước nơi văn tự, mà phải tùy nghi thuyết pháp. Ta cùng

chư Phật đều tùy những thứ phiền não, ưa muốn và hiểu biết không đồng của chúng sinh mà khai diễn cho chúng, khiến chúng biết các pháp đều do tâm hiện, không có cảnh ngoài, xả bỏ hai phân biệt, chuyển hóa tâm, ý thức; chứ không phải vì chúng mà nói pháp do thánh trí tự chứng (Su. có thêm một đoạn). Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình nên theo nghĩa, chớ theo văn tự, theo văn tự thì đọa vào ác kiến; chấp trước chủ trương của mình mà khởi ngôn thuyết, không thể hiểu rõ các pháp tướng văn từ chương cú, đã tự hại còn hại người, không thể khiến tâm người giải ngộ. Nếu khéo biết rõ hết thấy pháp tướng, văn từ cú nghĩa đều thông, thì có thể khiến tự mình thọ cái vui vô tướng, mà còn giúp người an trú đại thừa. Nếu khiến được người an trú đại thừa thì liền được hết thấy chư Phật Thanh văn Duyên giác cùng chư Bồ tát thâm nhận. Nếu được chư Phật, thanh văn... thâm nhận thì có thể thâm nhận hết thấy chúng sinh, có thể thâm nhận hết thấy chính pháp. Nếu nhiếp thọ được hết thấy chính pháp thì không làm đứt đoạn hạt giống Phật (Budhavamsa). Nếu không đoạn giống Phật thì được chỗ thù thắng tốt đẹp. Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình sinh chỗ tốt đẹp thù thắng, muốn chúng sinh an trú Đại thừa, dùng mười lực tự tại hiện các hình tướng, tùy căn cơ của họ mà nói pháp chân thật. Chân thật pháp ấy là không hai, không phân biệt, không đến không đi, hết thấy hí luận đều bật dứt. Cho nên, này Đại huệ! Thiện nam, thiện nữ không nên y lời mà chấp nghĩa. Vì sao? Vì pháp chân thật lìa văn tự. Đại huệ! Thí dụ có người dùng ngón tay chỉ sự vật, đứa bé con chỉ nhìn ngón tay không nhìn vật. Kẻ phạm phu ngu si cũng vậy, theo nơi ngón tay ngôn thuyết mà sinh chấp trước, thậm chí đến chết cũng không xả bỏ được ngón tay văn tự để nắm đặng nhất nghĩa. Đại huệ! Thí như con nít mới sinh đáng phải ăn đồ chín;

có người không biết rành cách nấu chín, mà cho nó ăn đồ sống tất phát cuồng loạn. Bất sinh bất diệt cũng thế, không tu phương tiện tất là không tốt. Vì thế hãy nên khéo tu phương tiện, chớ theo ngôn thuyết như nhìn đầu ngón tay. Đại huệ! Nghĩa chân thật vốn vi diệu tịch tịnh, ấy là nhân của Niết bàn. Ngôn thuyết thì cùng với vọng tưởng mà khiến người trôi lăn trong sinh tử. Đại huệ! Thật nghĩa là do nghe nhiều mà được, nghe nhiều là rành nghĩa không phải rành lời. Người rành nghĩa không theo ác kiến ngoại đạo, tự mình không theo, cũng khiến người không theo. Ấy gọi là nghe nhiều nơi nghĩa, kẻ muốn cầu nghĩa nên gần gũi hạng người này và xa lìa những kẻ chấp trước văn tự.

Đại huệ bồ tát đại hữu tình nương thần lực Phật mà bạch:

Bạch Thế tôn! Như lai diễn nói bất sinh bất diệt không có gì là kỳ lạ đặc biệt. Vì sao? Hết thấy ngoại đạo cũng nói đáng "Tạo tác tác giả" không sinh không diệt; Thế tôn cũng nói hư không Niết bàn cùng phi sát diệt (Amatisamkhyānirodha) là bất sinh bất diệt. Ngoại đạo nói đáng tác giả làm nhân duyên sinh ra thế gian, Thế tôn cũng nói vô minh ái nghiệp sinh ra các thế gian. Cả hai thuyết đều nói nhân duyên sinh, chỉ khác trên danh từ. Vì nhân duyên của các vật bên ngoài cũng thế. Cho nên thuyết của Phật và của ngoại đạo không có sai biệt. Ngoại đạo nói : "Vi trần, thắng diệu (pradhāna) Tự tại (Isvara), Sinh chủ (Prajāpati) v.v.. 9 thứ (Navadravya) như vậy là bất sinh bất diệt. Thế tôn cũng nói hết thấy pháp không sinh không diệt; có hay không đều bất khả đắc. Bạch Thế tôn! Các đại chúng không hoại, vì tự tính của chúng không sinh không diệt, lan khắp các cõi mà vẫn không mất tự tính. Bạch Thế tôn! Tuy phân biệt thì có biến đổi chút ít, song hết thấy những điều Như lai dạy không có gì là ngoại đạo không đã

nói rồi. Cho nên Phật pháp cũng giống như ngoại đạo. Nếu không giống thì xin Phật diễn bày cho con thuyết của Phật hơn ngoại đạo ở chỗ nào. Nếu không có sai biệt thì ngoại đạo tức là Phật; vì họ cũng nói bất sinh bất diệt vậy. Thế tôn thường dạy trong một thế giới không có nhiều Phật, nhưng theo đây thì có.

Phật dạy:

Đại huệ! Chỗ ta nói không sinh không diệt không đồng với bất sinh bất diệt của ngoại đạo, cũng không đồng với luận của họ về sinh và vô thường (dịch theo Sz.) Vì sao? Thuyết của ngoại đạo là có thật tính không sinh không biến đổi. Ta không sa vào hữu, vô như vậy. Pháp ta nói không hữu không vô, lìa sinh lìa diệt. Sao là phi vô? Vì như thấy các hình sắc huyễn mộng. Sao gọi là phi hữu? Vì tự tính của sắc tướng không phải có, nhưng nó đồng thời vừa được thấy vừa không được thấy, vừa được nắm giữ vừa không được nắm giữ. Cho nên ta nói hết thấy pháp không phải có không phải không. Nếu biết rõ tất cả chỉ do tự tâm thấy, thì liền an trú tự tính, không sinh phân biệt, các việc tạo tác ở thế gian sẽ đều chấm dứt. Phân biệt ấy là việc của phàm phu, không phải hiền thánh. Đại huệ! Vọng tâm phân biệt cảnh giới không thật, như người huyễn cùng người huyễn buôn bán ra vào trong thành Càn thất bà, tâm mê phân biệt cho là có thật. Những chuyện kẻ phàm ngu thấy như sinh bất sinh, hữu vi vô vi cũng thế, như người huyễn sinh, người huyễn diệt. Người huyễn thật ra không sinh không diệt. Các pháp cũng vậy, lìa sinh diệt. Nay Đại huệ! Kẻ phàm phu hư vọng khởi quan niệm sinh diệt, thánh nhân không vậy. Nói hư vọng nghĩa là không như pháp tính, khởi kiến chấp điên đảo. Điên đảo kiến là chấp pháp có thể tính, không thấy được chỗ vắng lặng. Vì không thấy vắng lặng nên không thể xa lìa

hư vọng phân biệt. Cho nên, này Đại huệ! Cái thấy vô tướng là thù thắng, không phải cái thấy có tướng. Tướng là nhân của sinh, nếu không có tướng tất không có phân biệt. Không sinh không diệt ấy là Niết bàn. Đại huệ! Nói Niết bàn ấy nghĩa là thấy chỗ "như thật" xa lìa các pháp tâm và tâm sở phân biệt, được thánh trí nội chứng của Như lai. Ta nói đây là Niết bàn tịch tịnh.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Để trừ chấp có sinh
Thành lập nghĩa không sinh
Ta nói luận vô nhân
Kẻ ngu không hiểu được
Hết thấy pháp không sinh
Cũng không là vô pháp
Như Càn thành, huyễn mộng
Tuy có mà không nhân
Không, vô sinh, vô tính
Có gì mà ta nói?
Lìa các duyên hòa hợp
Kẻ trí không hay thấy
Vì thế nên ta nói
Không vô sinh vô tính
Mỗi mỗi duyên hòa hợp
Chỉ hiện chứ không có
Phân tích không hòa hợp
Không như ngoại đạo thấy
Như mộng và tóc rũ ? (thùy phát)
Huyễn sự cùng Càn thành
Không nhân mà vọng thấy
Thế sự cũng như vậy

Chiết phục luận hữu nhân
 Bày rõ lý vô sinh
 Nghĩa vô sinh nếu còn
 Pháp nhãn thường không diệt
 Ta nói luận vô nhân
 Ngoại đạo đều sợ hãi
 Làm sao, và nhân đâu
 Lại vì sao mà sinh
 Hòa hiệp ở chỗ nào
 Mà lập vô nhân luận?
 Quán sát pháp hữu vi
 Không nhân không vô nhân
 Nên luận sinh diệt kia
 Do đó mà bị phá
 Vì vô nên không sinh
 Hay vì đối các duyên?
 Hay có tên không nghĩa
 Nguyên Phật vì con nói
 Vô pháp không bất sinh
 Cũng không phải chờ duyên
 Không phải tên của vật
 Cũng không tên, không nghĩa
 Không thuộc của ngoại đạo
 Thanh văn cùng Duyên giác
 Cùng Bồ tát thập trụ
 Ấy là vô sinh tướng
 Xa lìa các nhân duyên
 không có người năng tác
 Chỉ do tâm kiến lập
 Ta nói là vô sinh

Các pháp không nhân sinh
 Không không cũng không có
 Lìa năng sở, phân biệt
 Ta nói là vô sinh
 Ngoài tâm không có gì
 Lại lìa nơi hai tính
 Y tha và vọng kế
 (paratantra, parikalpita)
 Như thế chuyển sở y
 Đấy ta nói vô sinh
 Ngoại vật có cùng không
 Tâm không sở thủ gì
 Tất cả kiến đều đoạn
 Ta gọi là vô sinh
 Cú nghĩa "không, vô tính"
 Nghĩa nó đều như vậy
 Không vì không nói không
 Vô sinh nên nói không
 Nhân duyên cùng tụ hội
 Cho nên có sinh diệt
 Nếu nhân duyên phân tán
 Sinh diệt tất không có
 Nếu lìa các nhân duyên
 Thì tuyệt không có pháp
 Tính một cùng tính khác
 Do phạm ngu phân biệt
 (Vô hữu bất sinh pháp)
 Hữu, vô không sinh pháp
 Câu, phi cũng như vậy
 Chỉ trừ khi duyên hợp

Trong ấy thấy khởi diệt
 Theo tục giả ngôn thuyết
 Nói vòng móc nhân duyên
 Nếu lia vòng nhân duyên
 Nghĩa "sinh" (samkalà) bất khả đắc
 Ta nói chỉ vòng câu
 Không sinh nói bất sinh
 Là các lỗi ngoại đạo
 Phàm ngu không thể hiểu
 Là vòng xích nhân duyên
 Mà riêng có pháp sinh
 Ấy là luận vô nhân
 Phá hoại nghĩa câu tởa
 Như đèn hay chiếu vật
 Vòng xích nếu như thế
 Đấy tức lia vòng xích
 Mà riêng có các pháp
 Vô sinh tức vô tính
 Thể tính như hư không
 Là duyên sinh tìm pháp
 Là kẻ ngu phân biệt
 Lại có loại vô sinh
 Do bậc thánh chứng được
 Sinh kia không phải sinh
 Ấy là vô sinh hẳn
 Nếu biết cả thế gian
 Đều chỉ là vòng xích
 Và không gì khác hơn
 Kẻ ấy tâm được định.
 Vô minh cùng ái nghiệp

Là kèm tởa bên trong
 Các đại, bần, bánh xe
 Là câu tởa bên ngoài.
 Nếu nói có pháp khác
 Cũng do nhân duyên sinh
 Ngoài nghĩa vòng xích này
 Đây không phải giáo lý.
 Sinh pháp nếu phi hữu
 Ai nhận ra nhân duyên ?
 Vì các pháp sinh nhau
 Nên gọi là nhân duyên
 Tính cứng, ướt, ấm, động
 Do phàm ngu phân biệt
 Chỉ có duyên, không pháp
 Nên nói vô tự tính
 Như lương y trị bệnh
 Nguyên tắc không sai khác
 Nhưng vì bệnh không đồng
 Liệu thuốc có khác nhau
 Ta vì các chúng sinh
 Diệt trừ bệnh phiền não
 Biết căn cơ mạnh yếu
 Dẫn nói các pháp môn
 Phiền não không phải khác
 Mà sinh ra các pháp
 Chỉ có một đại thừa
 Bát chính đạo trong mát.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình bạch phật:

Bạch Thế tôn hết thấy ngoại đạo vọng nói vô thường; Thế tôn cũng nói các hành là vô thường, là pháp phải chịu sinh diệt. Thuyết ấy con không hiểu là tà hay chính? Vô thường có mấy thứ?

Phật dạy:

Đại huệ! Ngoại đạo nói có 7 thứ vô thường, không phải pháp của ta. Bảy thứ ấy là: 1. Có người cho rằng có sinh khởi rồi xả bỏ, gọi là vô thường, vì sinh rồi bất sinh nên nói là tính vô thường. 2. Lại có kẻ nói hình biến hoại là vô thường. 3. Có kẻ nói sắc là vô thường. 4. Có kẻ nói cái biến dị của sắc là vô thường. Hết thấy các pháp nối nhau không dứt, khiến cái thể tự nhiên biến đổi và diệt; như trước là sữa sau biến thành gia ua, sự biến dịch ấy tuy không thấy được song nó chính là yếu tố hủy diệt nằm ngay trong mọi sự vật. 5. Có kẻ nói các vật có ra là vô thường. 6. Có kẻ cho hữu phi hữu (existence, non-existence) là vô thường. 7. Có kẻ nói bất sinh là vô thường ở khắp trong mọi pháp. Trong số những quan điểm ấy, hữu phi hữu vô thường (Bhàvàbhàvànityatà), nghĩa là các tướng năng tạo sở tạo đều hoại diệt, còn tự tính của đại chúng thì bản lai không khởi. Bất sinh vô thường (Anutpàdànityatà) là các pháp thường, vô thường v.v.. đều không có. Như thế hết thấy đều không có gì sinh; cho đến phân tách thành vi trần cũng không thấy gì. Vì không sinh khởi nên nói là vô sinh. Đây gọi là "bất sinh vô thường". Nếu không hiểu nghĩa ấy tức sa vào nghĩa "sinh vô thường" của ngoại đạo, nghĩa là ở chỗ không phải thường không phải vô thường mà tự sinh ra phân biệt. Nghĩa ấy thế nào? Nghĩa là có một vật gọi là vô thường tự nó không bị hoại diệt, nhưng có thể hoại các pháp. Nếu không có cái vô thường hoại hết các pháp, thì rốt cuộc pháp sẽ bất diệt, thành không có (vô hữu) (như chiếc gậy hay hòn đá, hay như một

cái búa đập nát mọi vật khác mà tự nó thì không hoại, ở đây cũng vậy). Đại huệ! (đây là nghĩa của ngoại đạo nhưng) vô thường và hết thấy các pháp ta thấy trước mắt thì không thấy đâu là sai biệt năng tác sở tác, để nói được rằng đây là vô thường, còn đây là cái bị vô thường nó hoại diệt. Vậy thành ra năng tác sở tác đều thường cả mới phải, vì không thấy cái nhân khiến cho các pháp thành ra phi hữu. Đại huệ! Về các pháp bị hoại diệt thật ra có nhân, nhưng phiền một nỗi là không phải chỗ phạm ngu hiểu được. Đại huệ, nhân khác không thể sinh ra quả khác, nếu sinh được, thì hết thấy các pháp đều sinh lẫn nhau, pháp này pháp kia năng sinh sở sinh đều không khác nhau gì cả. Nhưng hiện thấy có khác. Làm sao dị nhân sinh dị quả? Đại huệ! Nếu có một pháp (objective existence) gọi là vô thường thì cũng đồng với cái sở tác (kết quả) và thành ra tự nó cũng vô thường, vì vô thường cho nên các pháp vô thường đây đều là thường cả. Đại huệ! Nếu tính vô thường ở trong các pháp, thì đáng cùng các pháp sa vào ba giai đoạn quá khứ, hiện tại, vị lai, cùng với sắc quá khứ mà diệt, cùng vị lai không sinh, hiện tại cùng hoại.

Các ngoại đạo cho rằng thể tính của bốn đại là không hoại, tức là bốn đại khác với sắc do bốn đại tạo, vì lìa khác với không khác; tự tính của nó cũng không hoại diệt. Đại huệ! Những pháp năng tạo, sở tạo trong ba cõi không có gì là không phải tướng sinh, trụ, diệt, làm sao có riêng một tính vô thường có thể sinh ra các vật mà tự nó không diệt? Thuyết cho rằng đầu tạo sau diệt nên gọi là vô thường (pràrambhavinivttryanityatà) cũng không vững, vì các đại chúng khác nhau không thể tạo lẫn nhau; không phải mỗi đại tự tạo, vì không có cái khác ở trong nó; cũng không cùng tạo vì trái nhau. Cho nên biết không phải "thủy - tạo vô thường"

Hình trạng hoại vô thường (tribhavacittamàtra) ấy là không phải hoại năng tạo cùng sở tạo nhưng hình trạng hoại. Nghĩa ấy thế nào? Ấy là chẻ tách "sắc" cho tới vi trần, chỉ diệt cái hình trạng dài ngắn v.v.. đã thấy. Chứ không diệt cái sắc thể năng tạo sở tạo. Kiến này sa vào số luận (Sàmkhyaavadà) "Sắc tức là vô thường" (Rùpam evà nityam) ấy có nghĩa hình trạng là vô thường, không phải tính tứ đại là vô thường. Nếu tính đại chủng cũng vô thường thì tất là không có thế giới. Không có thế giới nên biết ấy là sa vào kiến chấp của Thế luận thấy hết thấy pháp do tự tướng sinh chỉ có trên ngôn thuyết. Chuyển biến vô thường (Vikàràityatà) ấy là sắc chủng (rùpa) (hay hình thức) biến đổi chứ không phải đại chủng (tứ đại) biến đổi. Thí như lấy vàng làm các món trang sức, các món này có biến đổi nhưng vàng thì không. Đây cũng vậy. Đại huệ! Các kiến ngoại đạo như thế hư vọng phân biệt về vô thường. Họ nói như vậy: "Lửa không thể đốt cháy tự tướng của nó, mà chỉ phân tán ra. Nếu nó có thể thiêu đốt được, tức thì năng tạo sở tạo đều đoạn diệt." Đại huệ! Ta nói các pháp không "thường" không "vô thường". Vì sao? Vì không chấp pháp ngoài, vì ba cõi chỉ là tâm (Tribhavacittamàtra), vì không nói tới các tướng, vì các sai biệt của đại chủng tính đều không sinh không diệt, không có năng tạo sở tạo, vì năng thủ sở thủ đều do phân biệt khởi, vì biết hai tính thủ (năng sở) đúng như thật, vì hiểu rõ duy tâm hiện, vì lìa hai kiến chấp hữu vô của ngoại đạo, lìa kiến hữu vô nên không phân biệt năng tạo sở tạo. Đại huệ! Các pháp thế gian, xuất thế gian, và xuất thế gian thượng thượng chỉ là tự tâm, không thường, không vô thường; không hiểu rõ như thế sẽ sa vào hai biên kiến ngoại đạo. Đại huệ! Ngoại đạo không rõ biết ba pháp ấy do phân biệt nên khởi ngôn thuyết chấp trước tính vô thường. Đại huệ! Cảnh giới

ngữ ngôn phân biệt của ba pháp này không phải chỗ phạm phu biết được.

Thế tôn lại nói bài tụng:

Trước tạo rồi sau xả
 Hình trạng có chuyển biến
 Các sắc vật vô thường
 Ngoại đạo vọng phân biệt
 Các pháp không hoại diệt
 Tự tính đại thường trú
 Các kiến chấp ngoại đạo
 Nói thế là vô thường
 Các chúng ngoại đạo kia
 Đều nói : "Không sinh diệt"
 "Các tính đại tự thường
 Cái gì là vô thường?"
 Năng thủ và sở thủ
 Hết thấy đều là tâm
 Hai thứ do tâm hiện
 Không có ngã, ngã sở
 Các pháp như Phạm thiên
 Ta nói chỉ là tâm
 Nếu lìa xa nơi tâm
 Hết thấy không có được

CHƯƠNG IV HIỆN CHỨNG

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Xin vì con nói tướng "Nhập diệt thứ đệ tương tục" (Nirodhakramànusamdhilaksana) của hết thảy Thanh văn Duyên giác, khiến con cùng các Bồ tát đại hữu tình khéo biết tướng ấy khỏi bị mê hoặc bởi lạc thú "diệt tận định" (nirodhasukkasamàpatti), không sa vào lầm lẫn của nhị thừa, ngoại đạo.

Phật dạy:

Hãy lắng nghe, lắng nghe. Ta sẽ nói cho ông rõ. Nay Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình đến địa thứ 6, cùng Thanh văn Duyên giác nhập diệt định, Bồ tát địa thứ 7 niệm niệm thường nhập vì đã lìa bỏ quan niệm về tự tính của các pháp. Nhị thừa thì không thế. Nhị thừa còn hữu tác (something effect-producing), đọa năng thủ sở thủ; không đạt đến tướng vô sai biệt của các pháp; (họ chỉ nhờ) hiểu rõ tự tướng cộng tướng của pháp thiện, bất thiện mà vào diệt định, nên không hiện tiền thường nhập. Đại huệ! Bồ tát ở Bát địa, Thanh văn, Duyên giác, đã diệt các tướng phân biệt của tâm, ý, ý thức. Từ sơ địa cho đến lục địa, họ quán sát hết thảy ba cõi đều chỉ do tâm, ý, ý thức tự phân biệt khởi, lìa ngã, ngã sở, không thấy các tướng ngoài. Kẻ phàm ngu không biết được vì lầm lỗi huân tập từ vô thỉ đến nay. Từ nơi tự tâm biến ra tướng năng thủ sở thủ rồi sinh chấp trước. Đại huệ! Tam muội của bát địa Bồ tát đạt được cũng như Niết bàn của thanh văn Duyên giác, nhưng nhờ Phật lực gia trì nên Bồ tát ở trong tam muội không nhập Niết bàn, nếu không có sự gia trì ấy thì Bồ tát không hóa độ chúng sinh,

không hoàn thành Như lai địa, lại còn đoạn dứt giống Phật. Bởi thế nên Phật vì Bồ tát mà nói các công đức lớn không thể nghĩ bàn của Như lai, khiến họ rốt cuộc không nhập Niết bàn, Thanh văn Duyên giác tham đắm pháp lạc tam muội, ở trong đó sinh tưởng là Niết bàn. Đại huệ! Bồ tát thất địa khéo quán sát tâm, ý, ý thức, các chấp ngã, ngã sở, vô ngã của nhân, pháp, các tự tướng cộng tướng, sinh diệt, được chắc chắn rành rẽ về tứ vô ngại biện (catuhpratisamvid), ở trong tam muội mà được tự tại, dần vào các "địa" đầy đủ các Bồ đề phần. Đại huệ! Ta sợ các Bồ tát không hiểu rõ tự tướng, cộng tướng, không biết thứ lớp các địa mà phải sa vào ác kiến nên nói như vậy. Đại huệ! Thật ra không có gì sinh hay diệt; các địa lần lượt qua lại trong ba giới đều do tâm thấy, nhưng kẻ phàm ngu không hiểu rõ nên ta và chư Phật mới nói như vậy. Đại huệ! Thanh văn, Duyên giác cho đến Bồ tát ở Bát địa, vì pháp lạc tam muội làm say mê hôn ám, chưa hiểu rõ tất cả chỉ do tâm hiện, bị tự tướng cộng tướng ràng buộc che lấp tâm, dính mắc hai vô ngã, tướng đó là Niết bàn, không phải trí tuệ vắng lặng tịch diệt. Đại huệ! Các Bồ tát đại hữu tình khi thấy sự vui của Tam muội tịch diệt, thì liền nhớ đến bản nguyện đại bi, tu tập đầy đủ mười nguyện vô tận; vì lẽ ấy họ không nhập Niết bàn ngay; vì nhập Niết bàn thì không sinh quả, lìa năng thủ sở thủ; liễu đạt duy tâm, nơi hết thảy pháp không phân biệt, không sa vào tâm, ý, ý thức, vào các chấp trước tính, tướng của pháp ngoài. Tuy nhiên không phải là họ không khởi các chính nhân Phật pháp, tùy theo việc làm của trí tuệ mà khởi như vậy, được địa tự chứng của Như lai. Đại huệ! Thí như người chiêm bao thấy mình tìm hết cách để sang sông, nhưng chưa sang thì đã tỉnh ngủ. Tỉnh rồi suy nghĩ về những việc đã thấy, tự hỏi không biết đấy là thật hay vọng? Rồi lại tự nhủ rằng : "Không

thật cũng không vọng, như thế chỉ là những tập khí phân biệt của thấy nghe hay biết tích tụ lại, lia có và không, chỉ là những sự việc hiện trong ý thức lúc chiêm bao mà thôi." Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình cũng vậy, từ sơ địa cho đến thất địa, cho đến vào bát địa được vô phân biệt, thấy hết thấy pháp như huyền như mộng, lia năng thủ sở thủ, thấy công năng rộng lớn của tâm và tâm sở, siêng tu phật pháp, ai chưa chứng thì khiến được chứng, lia các vọng tưởng phân biệt của tâm, ý, ý thức, chứng "vô sinh nhẫn". Niết bàn mà Bồ tát chứng được ấy không phải là hoại diệt. Đại huệ! Trong đệ nhất nghĩa không có thứ lớp cũng không tương tục, xa lia hết thấy cảnh giới phân biệt, ấy gọi là pháp tịch diệt.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Các trụ cùng phật địa
 Duy tâm không ảnh tượng
 Đây là điều chư Phật
 Đã đang và sẽ nói
 Bảy địa đâu còn tâm
 Bảy địa không ảnh tượng
 Chín và mười còn trụ
 Trên đó chỉ ta được.
 Tự chứng và thanh tịnh
 Đây là địa của ta
 Thắng xứ của Ma hê (mahesvara)
 Sắc cứu cánh (Akanistha) trang nghiêm
 Thí như lửa lớn tụ
 Ánh sáng nó bùng phát
 Hóa hiện ra ba cõi
 Vui vẻ mà trong mát
 Có thể giới đang hóa

Nơi đây nói các thừa
 Đều là địa Như lai
 Thập địa cũng là sơ
 Sơ cũng là bát địa
 Cửu địa là đệ thất
 Thất địa lại như bát
 Đệ nhị là đệ tam
 Đệ tứ là đệ ngũ
 Đệ tam là đệ lục
 Không tương đầu thứ lớp

CHƯƠNG V NHƯ LAI THƯỜNG HAY VÔ THƯỜNG

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:
Bạch Thế tôn! Đức Như lai Ứng chính đẳng giác là thường hay vô thường?

Phật dạy:

Đại huệ! Đức Như lai Ứng chính đẳng giác không thường, cũng không vô thường. Vì sao? Vì cả hai quan niệm ấy đều lỗi. Sao là lỗi? Đại huệ! Nếu nói Như lai là thường, thì bị lỗi năng tác; hết thấy ngoại đạo nói năng tác là thường. Nếu Như lai là vô thường, thì bị lỗi sở tác, đồng với các uẩn có tướng (qualifying) và sở tướng (qualified), rốt cuộc sẽ đoạn diệt thành không có. Thế mà Như lai thì thật không đoạn diệt. Đại huệ! Nếu Như lai cũng vô thường như tất cả các vật được tạo tác như bình, áo v.v.. thì hóa ra bao nhiêu sự tu phước trí đều thành không, vô ích. Lại nữa, nếu vậy các pháp được tạo đều là Như lai cả, vì nhân không khác nhau. Cho nên Như lai không thường không vô thường. Lại, này Đại huệ! Như lai không phải thường; nếu là thường, thì như hư không không đợi nhân mới thành. Đại huệ! Thí như hư không không thường không vô thường. Vì sao? Vì lia các lỗi thường, vô thường, một, khác, cùng, không cùng (bothness, not-bothness - câu bất câu) v.v.. Lại nữa Đại huệ! Như lai không thường, nếu là thường, thì tức không sinh, đồng như sừng thỏ, sừng ngựa, sừng cá, sừng rắn v.v..

Tuy nhiên, này Đại huệ! Trong một nghĩa khác thì có thể nói Như lai là thường. Vì sao? Vì trí hiện chứng là thường pháp. Chứng trí là thường nên Như lai cũng thường. Đại huệ! Tự tính

của pháp, chỗ ở của pháp, và ngôi vị của pháp (pháp tính pháp trụ pháp vị) mà chư Phật chứng được, dù Như lai có hiện ra đời hay không, pháp ấy vẫn thường trụ không dời đổi, ở nơi các pháp sở đắc của hết thấy nhị thừa ngoại đạo, chứ không phải là không có gì. Tuy nhiên đây không phải điều phàm ngu biết được. Đại huệ! Như lai ấy là do pháp tính nội chứng thanh tịnh mà có tên gọi ấy, không phải do tập quán hư vọng về tâm, ý, ý thức, uẩn giới xứ mà có. Hết thấy ba cõi đều do hư vọng phân biệt sinh, Như lai không do hư vọng phân biệt sinh. Đại huệ! Nếu có hai (duality) thì có thường và vô thường. Nhưng Như lai không hai, vì chứng hết thấy pháp không sinh; cho nên không thường không vô thường. Đại huệ! cho đến có một chút nào ngôn thuyết khởi, đều sa vào lỗi thường hoặc vô thường. Bởi thế nên trừ tiệt hai cái "biết" phân biệt, chớ để chút nào còn sót.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài kệ:

Xa lia thường vô thường
Mà hiện thường vô thường
Thường quán Phật như thế
Không khởi sinh ác kiến
Nếu thường hoặc vô thường
Tu tập đều vô ích
Để trừ giác phân biệt
Không nói thường vô thường
Cho đến lập thuyết gì
Hết thấy đều lầm loạn
Nếu thấy do tự tâm
Thì không còn tranh cãi

CHƯƠNG VI SÁT NA PHẨM

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Xin vì con nói tướng sinh diệt của uẩn, giới, xứ. Nếu không có ngã thì ai sinh, sai diệt? Vì các phàm phu bám nơi sinh diệt, không cầu hết khổ, không chứng Niết bàn.

Phật dạy:

Đại huệ! Hãy nghe kỹ. Ta sẽ nói cho ông. Nay Đại huệ! Trong Như lai tạng có nhân thiện lẫn bất thiện, có thể tạo ra đời sống ở tất cả các cõi, như người đóng tuồng biến hiện các cõi, lìa ngã ngã sở, vì không biết thế nên ba duyên (cha, mẹ, và nghiệp) hòa hợp mà có quả sinh. Ngoại đạo không hiểu, chấp là có tác giả. Những gì do tập khí hư ngụy từ vô thủy tích tụ lại gọi là tạng thức, sinh ra thất thức là chỗ ở của vô minh, như biển lớn bỗng nổi ba đào mà thể tướng của nó (nước) vẫn liên tục thường trú, không gián đoạn. Tạng thức cũng thế, bản tính thanh tịnh lìa lỗi vô thường, lìa lý luận về ngã, còn bảy thất kia: ý, ý thức v.v.. thì niệm niệm sinh diệt; lấy vọng tưởng làm nhân, cảnh tướng làm duyên hòa hiệp mà sinh, không hiểu sắc v.v.. do tự tâm hiện, chấp trước danh tướng sinh khởi những lạc thọ khổ thọ. Danh tướng ràng buộc đã do tham mà sinh ra, lại sinh khởi tham hoặc làm nhân, hoặc làm duyên. Khi các thủ căn (sự chấp trước) diệt không còn tương tục sinh những phân biệt khổ lạc, thì hành giả hoặc được diệt định hoặc được tứ thiền, hoặc khéo thâm nhập các chân lý giải thoát, bèn vọng sinh tưởng mình đã giải thoát; mà kỳ thật chưa xả chưa chuyển được cái gọi là tạng thức ở trong Như lai tạng. Nếu không có tạng thức thì 7 thức kia đều diệt. Vì sao?

Vì tạng thức là nhân và duyên sinh ra các thức kia. Nhưng đây không phải là cảnh giới mà hàng tu hành theo ngoại đạo nhị thừa biết được; vì họ chỉ biết tính "nhân vô ngã" chỉ giữ tự tướng cộng tướng của uẩn giới xứ. Nếu thấy được 5 pháp, 3 tự tính của Như lai tạng, các pháp đều vô ngã, tùy thứ lớp các địa lần lần chuyển đổi tạng thức đến chỗ tịch diệt, thì sẽ không bị ác kiến ngoại đạo lay chuyển, an trú "bất động địa", được 10 thứ pháp lạc tam muội. Nhờ năng lực tam muội của chư Phật gia trì, hành giả quán sát các pháp bất tư nghì của Phật và nguyện lực xưa kia của mình, không trú nơi thật tế (biên giới của thực tại) và pháp lạc tam muội, được trí tự chứng, không giống như nhị thừa ngoại đạo; được 10 con đường dẫn đến giòng thánh, được thân ý sinh, lìa các hành nghiệp. Bởi thế, nay Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình muốn được thắng pháp, phải nên thanh tịnh Như lai tạng gọi là tạng thức. Đại huệ! Nếu không có Như lai tạng tên là tạng thức đó thì tất không có sinh diệt. Cho nên người tu hành tuy thấy pháp lạc của sự an trú trong cảnh nội giới mà vẫn không xả bỏ, đồng mãnh tinh tấn. Đại huệ! Tạng thức Như lai tạng ấy bản tính thanh tịnh, chỉ vì bị khách trần nhiễm ô mà thành bất tịnh. Hết tẩy nhị thừa ngoại đạo ức đoán mà khởi kiến chấp không thể biện chứng được. Như lai thì thấy rõ ràng phân minh ở nơi đó, như thấy trái am ma lật ở trong lòng tay (amalaka). Đại huệ! Ta vì Thắng man Phu nhân (Sṛimālādevī) cùng các Bồ tát Thâm diệu tịnh trí (sksmanipunavisudhabudhi-bodhisattva) mà nói Như lai tạng tên Tạng thức cùng 7 thức đồng khởi, khiến hàng Thanh văn thấy rõ pháp vô ngã. Nay Đại huệ! Cảnh giới nói cho Thắng man phu nhân nghe là cảnh giới thật, không phải cảnh của nhị thừa ngoại đạo. Đại huệ! Tạng thức Như lai tạng này là cảnh giới Phật, cũng là chỗ đi của những tịnh trí

Bồ tát như ông, những người hiểu biết theo nghĩa lý. Đây không phải là chỗ hiểu của hết thấy ngoại đạo nhị thừa chấp trước văn tự. Cho nên ông cùng các Bồ tát đại hữu tình ở nơi thức tạng của Như lai tạng nên siêng năng quán sát, chớ có mới nghe qua bèn tưởng là đủ rồi.

Bây giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Như lai tạng sâu xa
Gắn liền với bảy thức
Hai thứ chấp trước sinh
Hiểu rõ liền xa lìa
Do vô thỉ huân tập
Như bóng hiện trong tâm
Nếu quán sát như thật
Thì tướng cảnh không có
Kẻ ngu nhìn ngón chỉ
Thấy ngón không thấy trăng
Kẻ chấp trước văn tự
Không thấy lý của ta
Tâm như người đạo diễn
Mặt nạ kẻ làm hề
Sáu thức kia bầu bạn
Tạo tấn tuồng thế gian

Khi ấy Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Xin vì con nói các sai biệt của 5 pháp, 3 tự tính, 8 thức cùng 2 vô ngã. Con cùng các Bồ tát đại hữu tình biết rõ điều ấy rồi, dẫn tu các địa, đầy đủ các pháp Phật, đạt được quả vị tự chứng của Như lai.

Phật dạy:

Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nói. Nay Đại huệ! 5 pháp, 3 tự tính, 8 thức, 2 vô ngã ấy nghĩa là: danh (màna), tướng (mimitta), phân biệt (vikalpa), chính trí (sanyagnàna), như như (tathatà). Nếu người tu hành quán sát pháp này, thì được vào cảnh giới tự chứng của Như lai, xa lìa các kiến chấp thường đoạn, hữu vô v.v., được pháp lạc tam muội sâu xa. Đại huệ! Kẻ phàm ngu không hiểu 5 pháp, 3 tự tính, 8 thức, 2 vô ngã, nơi cảnh do tâm hiện thấy có ngoại vật mà khởi phân biệt. Thánh nhân không thế.

Đại huệ bạch Phật:

- Bạch Thế tôn! Vì sao không hiểu mà khởi phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ! Kẻ phàm ngu không biết danh chỉ là cái giả lập, tâm theo đó lưu động thấy các tướng, chấp ngã, ngã sở, nhiễm trước đối với sắc, che lấp chướng ngại thánh trí, khởi lên tham sân si, tạo tác ác nghiệp như tầm kéo kén, vọng tưởng tự trói buộc mình, đọa vào các nẻo của biển lớn sinh tử, như bánh xe đạp nước tuần hoàn không dứt, không biết pháp như huyễn như ảo tượng như trăng trong nước, chỉ do tự tâm hiện, do vọng phân biệt khởi, lìa năng thủ sở thủ cùng sinh, trú, diệt. (Nhưng kẻ phàm ngu lại) cho rằng do tự tại, thời tiết, vi trần, thắng tính mà sinh, vì họ chạy theo danh, tướng. Đại huệ! Trong đây "tướng" có nghĩa là cái do nhãn thức thấy gọi là sắc, do nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý thức mà có gọi là thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tất cả đó ta gọi là tướng; nghĩa là phân biệt đây là voi, ngựa xe, bộ hành, nam nữ v.v.. chứ không gì khác; làm rõ cái tướng của chúng. Ấy gọi là phân biệt. "Chính trí" là quán sát thấy rõ tính và tướng chỉ do hổ tương đối đãi mà có, không thật, chỉ là khách, nên thức tâm không khởi vì không đoạn không thường, không theo chỗ của ngoại đạo nhị thừa. Thế

gọi là chính trí. Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình dùng chính trí ấy quán sát danh tướng không hữu không vô, xa lìa hai ác kiến biên chấp là thêm và bớt. Danh tướng và thức xưa nay không khởi, ta nói pháp ấy là "như như". Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình an trú nơi như như được "vô chiếu hiện cảnh" (state of imagelessness), lên "hoan hỉ địa" (pramuditā) lìa các cõi của ngoại đạo, vào nơi pháp thuần thực của xuất thế pháp, biết hết thấy các pháp đều như huyễn, chứng pháp của Thánh trí tự chứng, lìa kiến chấp ước đoán, như thế lần lượt đến "pháp vân địa", khi đến pháp vân rồi sẽ được đầy đủ các lực tam muội, tự tại, thần thông đầy đủ Như lai. Khi thành Như lai rồi, sẽ vì chúng sinh mà hiện thân khắp nơi như trăng trong nước, tùy theo ưa muốn của chúng mà nói pháp, thân được thanh tịnh lìa tâm, ý, thức, mang áo giáp mười thế nguyện rộng lớn, đầy đủ thành tựu mười nguyện vô tận, ấy gọi là những điều Bồ tát đại hữu tình thâm hoạch được khi nhập "như như".

Bấy giờ Đại huệ lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn, ba tự tính là ở trong năm pháp, hay là có tướng riêng của chúng?

Phật nói:

Đại huệ! Ba tính, tám thức, hai vô ngã đều ở trong năm pháp. Trong số đó, danh và tướng là tính vọng kế (parikalpita; false imagination), vì vọng kế y nơi phân biệt tâm, tâm sở của danh tướng mà khởi lên đồng thời với danh tướng, như mặt trời và ánh sáng chiếu ra là tính duyên khởi. Chính trí và như như không thể hoại, nên gọi là tính viên thành (parinishpanna). Đại huệ! Khi phát sinh chấp trước đối với những pháp do tự tâm hiện, thì tám thức phân biệt khởi. Tướng sai biệt của các pháp đều không thực, chỉ là tính vọng kế (tướng tượng). Nếu bỏ được hai thứ ngã chấp, thì trí nhị vô ngã (nhân vô ngã và

pháp vô ngã) liền sinh. Đại huệ! Tất cả thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Như lai, các cấp bậc của thánh trí tự chứng, cùng tất cả pháp pháp đều bao gồm trong năm pháp này. Lại nữa, này Đại huệ! Trong năm pháp- tướng, danh, phân biệt, như như, chính trí- thì tướng nghĩa là những gì thấy được, như màu sắc, hình trạng v.v.. mỗi mỗi sai khác. Do các tướng ấy mà lập nên những tên gọi như cái bình là bình, không gì khác, gọi là danh. Bày ra các tên gọi, chỉ rõ các tướng tâm và tâm sở, ấy gọi là phân biệt. Tên gọi và tướng rốt ráo đều không, chỉ do vọng tâm phân biệt, quán sát như thế cho đến khi "cái biết" diệt, ấy gọi là như như. Đại huệ! Tướng (characteristics) của như như là chân thật, quyết định, rốt ráo, căn bản, tự tính, khả đắc. Ấy là tướng như như. Ta cùng các Phật tùy thuận (theo chúng sinh mà có) chứng nhập, như thật tướng của nó mà khai thị diễn nói. Nếu ai theo đó giải ngộ được, lìa chấp đoạn, thường, không sinh phân biệt, nhập cảnh giới tự chứng, ra khỏi cảnh giới của ngoại đạo nhị thừa, ấy gọi là chính trí. Đại huệ! Năm pháp, ba tính, tám thức, hai vô ngã này, tất cả Phật pháp đều bao gồm trong ấy. Đại huệ! Trong những pháp này ông nên lấy trí mà khéo thông, và khuyên người khác thông đạt. Thông đạt rồi thì nhất định không bị kẻ khác lay chuyển.

Bấy giờ Thế tôn nói bài tụng:

Năm pháp ba tự tính
Cùng với tám thứ thức
Và hai thứ vô ngã
Bao quát hết đại thừa
Danh, tướng cùng phân biệt
Gồm trong hai tự tính
Chính trí và như như
Ấy là tướng viên thành

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Như trong kinh nói, chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại số nhiều như cát sông Hằng. Ấy nghĩa là gì? Nên như lời mà hiểu, hay có ý nghĩa gì khác?

Phật dạy Đại huệ :

Không nên hiểu theo ngôn từ. Đại huệ! Chư Phật ba đời không phải số như cát sông Hằng. Vì sao? Sự tối thắng của Như lai siêu việt thế gian, không gì có thể sánh, không thí dụ gì có thể đạt tới, chỉ lấy ít phần làm thí dụ mà thôi. Ta vì hàng phàm phu ngoại đạo tâm ưa chấp trước thường, vô thường, ác kiến tăng trưởng sinh tử luân hồi, muốn chúng chán ghét xa lìa, phát sinh hy vọng thù thắng mà nói rằng: Phật dễ thành dễ gặp. Nếu nói Phật khó gặp như hoa Ưu đàm (udumbarapuspa) thì những kẻ kia liền thối chí không siêng năng. Bởi lẽ đó mà ta nói Phật ba đời nhiều như cát sông Hằng. Ta cũng có lần vì những người thọ sự giáo hóa của ta mà nói Phật khó gặp như hoa Ưu đàm. Đại huệ! Chưa ai từng thấy hoa Ưu đàm cũng không ai sẽ thấy, nhưng Như lai thì có người đã thấy và sẽ thấy. Đại huệ! Thí dụ như thế không nói lên được chính chân lý, chân lý là cảnh giới của thánh trí chứng được tự trong tâm mình, thế gian không sánh được, vượt ngoài các thí dụ, hết thấy phàm ngu không tin nhận nổi. Đại huệ! Như lai chân thật vượt qua các tướng do tâm, ý, ý thức quan niệm, không thể lập thí dụ về Như lai. Tuy nhiên đôi lúc cũng vì chúng mà nói rằng Như lai nhiều như cát sông Hằng cũng không mâu thuẫn. Đại huệ! Thí như cát sông Hằng bị cá, voi, ngựa dẫm đạp mà không sinh phân biệt, thường thanh tịnh không dơ, Thánh trí của Như lai cũng như cát sông Hằng, năng lực thần thông tự tại của Như lai cũng như cát ấy, dù bị bọn cá ngoại đạo đến nhiều loạn Phật vẫn không khởi niệm phân biệt. Vì sao? Vì

bản nguyện (pūrvapranīhitatva) của Như lai là lấy tam muội lạc để an khắp chúng sinh, như cát sông Hằng không ghét yêu không phân biệt. Đại huệ! Như cát sông Hằng, có đặc tính của đất, đến thời kiếp tận, tất cả đất đai đều bị thiêu hủy nhưng địa đại không bỏ tự tính, vì địa đại thường sinh đồng thời với hỏa đại. Những người ngu nói địa đại bị thiêu hủy nhưng kỳ thật không thiêu, vì hỏa là nhân của địa. Pháp thân của Như lai cũng thế, như cát sông Hằng, không bao giờ hoại diệt. Đại huệ, cũng như cát sông Hằng không có hạn lượng, ánh sáng của Như lai cũng vậy, vì muốn thành tựu vô lượng chúng sinh, nên chiếu khắp đại hội Phật. Đại huệ! Thí như cát sông Hằng ở luôn trong tự tính "cát" không biến thành các vật khác, Như lai cũng vậy, ở trong thế gian không sinh không diệt, vì cái nhân để thọ sinh đi các cõi đều bị đoạn diệt. Đại huệ! như cát sông Hằng lấy đi không thấy bớt bỏ vào không thấy thêm, chư Phật cũng thế, trí phương tiện khiến chúng sinh thành thực không tăng không giảm. Vì sao? Vì pháp thân của Như lai vốn không thân. Đại huệ! Cái gì có thân thì có hoại diệt. Pháp thân không thân nên không hoại diệt. Đại huệ! Như cát sông Hằng, dù có khổ công ép để lấy dầu suốt đời cũng không được, Như lai cũng thế, tuy vì chúng sinh mà phải chịu các khổ bức bách, vẫn không bao giờ khởi sân nhuế, không bỏ tướng pháp giới, không bỏ hương vị của pháp, không bỏ bốn nguyện ban bố hạnh phúc cho chúng sinh, vì Phật có đầy đủ đại từ, đại bi. Nếu ta không khiến cho tất cả chúng sinh vào Niết bàn thì tự ta cũng không vào Niết bàn. Đại huệ! như cát sông Hằng chảy theo nước, không phải nơi không có nước, Như lai cũng vậy, các pháp Như lai nói ra không có gì là không thuận theo giòng Niết bàn, vì thế mà nói chư Phật Như lai như cát sông Hằng.

Đại huệ! "Như lai" nói pháp không theo các đường; "đường" có nghĩa là hoại diệt, biên giới sơ khởi (pūrvakoti: bản tế) của sinh tử không thể biết. Đã không biết được thì làm sao nói "đường". Nay Đại huệ! "thú" có nghĩa là đoạn diệt, kẻ phàm ngu không biết.

Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật:

Nếu biên giới sơ khai (bản tế) của sinh tử không thể biết được, thì làm sao chúng sinh ở trong sinh tử giải thoát được?

Phật dạy:

Đại huệ! Khi nhân của tập khí hư dối từ vô thủy bị hoại diệt, biết rõ cảnh ngoài chỉ do tâm hiện, khi phân biệt được chuyển y, đấy gọi là giải thoát, chứ không phải là diệt. Cho nên không thể nói không có biên tế (endlessness). Đại huệ! "Không biên tế" chỉ một tên khác của phân biệt. Đại huệ! là tâm phân biệt, thì không có chúng sinh. Khi lấy trí quán sát các pháp trong ngoài, thì thấy tri cùng sở tri đều vắng lặng. Đại huệ! Hết thấy pháp đều do tự tâm phân biệt thấy, vì không hiểu rõ nên tâm phân biệt khởi, khi hiểu rõ thì tâm phân biệt diệt.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Quán sát các Đạo sư
 Ví như cát sông Hằng
 Không hoại cũng không đi
 Người ấy tất thấy Phật
 Ví như cát sông Hằng
 Là tất cả các lỗi
 Mà thường tùy theo giòng
 Phật thể cũng như vậy.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Xin giảng nói cho con tướng sát na hoại của hết thấy pháp. Những pháp nào gọi là có sát na?

Phật đáp:

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói. Đại huệ! Hết thấy pháp ấy là : thiện pháp (kusala), bất thiện pháp (akusala), hữu vi pháp (samskṛta), vô vi pháp (asamskṛta), thế gian pháp, xuất thế gian pháp, hữu lậu pháp, vô lậu pháp (anāsrava), hữu thọ pháp (upātta), vô thọ pháp (anupātta). Đại huệ! Nói tóm lại, năm thủ uẩn do nhân là tập khí của tâm, ý, ý thức mà tăng trưởng, kẻ phàm ngu ở nơi đây phân biệt là thiện, bất thiện. Bạc thánh hiện chứng pháp lạc tam muội gọi là thiện vô lậu pháp. Lại nữa, này Đại huệ! Thiện và bất thiện ấy là tám thức. Tám thức ấy là gì? Ấy là Như lai tạng gọi là Tạng thức, mạt na thức, ý thức và năm thức căn. Đại huệ! Năm thức cùng đi với ý thức, những tướng sai biệt thiện bất thiện xoay chuyển nối tiếp nhau không dứt, vô dị thể (alaya) sinh ra, sinh rồi liền diệt, vì không hiểu cảnh do tự tâm hiện nên khi diệt lại có một hệ thống 5 thức khác sinh khởi tiếp theo; ý thức hợp với năm thức ấy mà thu vào các hình tướng sai biệt, không giây nào dừng nghỉ, ta nói đấy là pháp sát na. Đại huệ! Như lai tạng gọi là tạng thức cùng đi với các tập khí của Mạt na và các thức kia, ấy là sát na pháp. Nhưng vô lậu tập khí không phải là sát na pháp. Đây không phải là điều những người theo sát na luận phàm phu có thể hiểu được. Những kẻ kia không biết vừa là sát na vừa không là sát na, nên chấp các pháp vô vi (unmade - asamskṛta) cũng hoại diệt như những pháp khác, đọa vào đoạn kiến. Đại huệ! chính năm thức tự chúng không bị lưu chuyển, không phải là nhân khổ lạc, cũng không là nhân Niết bàn. Như lai tạng thì cùng với nhân (tạo nghiệp) mà thọ khổ, vui có sinh diệt, bị bốn tập khí làm mê hoặc ngăn

che. Nhưng kẻ phàm ngu bị phân biệt xông đầy tâm thức không hiểu được nên sinh kiến chấp là sát na khởi. Đại huệ! Như vàng, kim cương, xá lợi của Phật, có tính chất đặc biệt không thể tổn hoại. Nếu các pháp chứng đắc có tính sát na diệt, thì thánh nhân lẽ ra không còn là thánh nhân. Nhưng sự thật là bậc thánh không bao giờ mất thánh cách. Như vàng, kim cương, dù trải qua hết kiếp vẫn không giảm cân lượng. Vì sao kẻ phàm ngu không nhận rõ chỗ thâm mật của lời ta nói, lại sinh tưởng sát na đối với tất cả pháp?

Đại huệ Bồ tát bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Thế tôn thường dạy nếu đầy đủ sáu pháp ba la mật, sẽ thành chính giác. Sao gọi là sáu pháp? Sao gọi là đầy đủ?

Phật dạy:

Đại huệ! Có ba thứ ba la mật khác nhau, ấy là thế gian, xuất thế gian, và xuất thế gian thượng thượng. Đại huệ! Thế gian ba la mật là phàm phu chấp ngã, ngã sở, chấp thủ nhị biên, cầu được thân ở các cõi, tham sắc thanh hương vị xúc, nên tu các hạnh ba la mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, thành tựu được thân thông, sinh vào cõi Phạm thế. Đại huệ! Xuất thế gian ba la mật là Thanh văn Duyên giác chấp trước Niết bàn, mong cầu hỷ lạc cho tự thân mà tu các ba la mật. Đại huệ! Xuất thế gian thượng thượng ba la mật là, Bồ tát đại hữu tình đối với hai pháp của tự tâm, biết rõ chỉ do phân biệt khởi, nên không sinh vọng tưởng, chấp trước, không ôm giữ sắc tướng. Vì muốn lợi lạc chúng sinh, Bồ tát thường tu bố thí Ba la mật. Đối với các cảnh giới không sinh phân biệt, ấy là tu thi la (sila), ba la mật. Thực hành nhẫn nhục không lúc nào khởi phân biệt, biết rõ tự tính năng thủ sở thủ, gọi là sẵn đề ba la mật. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, siêng

tu không biếng nhác, tùy thuận chân lý mà hiểu, không sinh phân biệt, ấy gọi là tỳ lê da ba la mật (tinh tấn). Không sinh phân biệt, không khởi kiến chấp Niết bàn theo ngoại đạo, là thiền ba la mật. Dùng trí quán sát mọi pháp, tâm không khởi phân biệt, không sa vào nhị biên, chuyển các thức sở y thành thanh tịnh (a revulsion takes place at the basis) mà không hoại nghiệp trước (while previous karma is not destroyed), được cảnh giới nội chứng của thánh trí, gọi là bát nhã ba la mật. Khi ấy Thế tôn lại nói bài tụng:

Ngu phân biệt hữu vi
 Không, vô thường, sát na
 Nghĩa sát na phân biệt
 Như sông, đèn, hạt giống
 Hết thấy pháp không sinh
 Tịch tịnh không sở tác
 Các tự tính đều là
 Ấy gọi là sát na
 Sinh không dừng liền diệt
 Không nói cho phàm ngu
 Pháp vô gián tương tục
 Phân biệt các cõi khởi
 Vô minh chính là nhân
 Tâm thức do đó sinh
 Khi sắc còn chưa đến
 Trung gian trú ở đâu
 Vô gián tương tục diệt
 Mà có tâm khác khởi
 Khi (tâm) không trú sắc
 Duyên vào đâu mà sinh
 Nếu duyên pháp mà khởi

Nhân ấy tất hư vọng
Nhân vọng, thể không thành
Sao lại sát na diệt?
Chính thọ của bậc tu
Kim cương, Xá lợi Phật
Cùng với Quan âm cung (abhàsvara)
Là những thứ bất hoại
Trí Như lai viên mãn
Chỗ tỳ kheo chứng đắc
Các pháp tính thường trú
Sao lại thấy sát na?
Cần thành, các tướng huyễn
Vì sao không sát na?
Đại chủng không thật tính
Sao lại nói năng tạo?

QUYỂN SÁU

CHƯƠNG VII PHẨM BIẾN HÓA

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Như lai vì cớ gì thọ ký cho các bậc A la hán rằng họ sẽ chứng Vô thượng chính đẳng chính giác? Vì cớ gì mà nói rằng chúng sinh không chứng pháp Bát Niết bàn cũng thành Phật? Lại cớ gì nói từ khi Như lai mới thành Phật đến khi nhập Niết bàn, trong thời gian đó Phật không nói một chữ nào? Lại nói Như lai thường trú trong định không giác không quán? Lại nói các phật sự đều là hóa tác. Lại nói các thức sát na biến hoại. Lại nói thân Kim cang thường theo hộ vệ. Lại nói giới hạn đầu tiên (primary limit - tiền tế) không thể biết, nhưng có thể biết tịch diệt. Lại nói có ma và các việc (nghiệp) của ma? Lại nói có dư báo, nói chuyện người con gái Bà la môn tên Chiên giá (Cancàmanavikà), người con gái ngoại đạo Tôn đà lợi (Sundarikà) cùng các chuyện (Phật) đi khát thực bát không trở về v.v.. Thế tôn đã có những nghiệp chướng như vậy (Kàrmavarana), làm sao thành được nhất thiết chủng trí (Sarvākāranatà)? Nếu đã thành bậc nhất thiết chủng trí rồi, thì tại sao không lìa được những lỗi ấy?

Phật dạy:

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói. Đại huệ ! Ta vì Niết bàn vô dư nên mật khuyến các Bồ tát cõi này và các cõi khác, những vị tu Bồ tát hạnh mà lại cầu Niết bàn Thanh văn, mật khuyến họ xả bỏ tâm ấy siêng tu hạnh lớn. Lại biến ra Hóa Phật và các

Hóa thanh văn mà thọ ký từng người, không phải pháp tính Phật làm việc thọ ký ấy. Đại huệ! Phật và nhị thừa không khác, do ở điểm rằng Phật và Thanh văn, Duyên giác đều cùng có một vị giải thoát là đoạn các hoặc chướng, không phải trí chướng (Jneyavarana). Trí chướng thì phải thấy pháp vô ngã mới được thanh tịnh. Phiền não chướng (klesavarana) thì khi thấy nhân vô ngã, ý thức liền xả. Ban đầu phải đoạn tập khí trong tạng thức thì sự giải thoát khỏi pháp chướng mới được vĩnh viễn thanh tịnh. Đại huệ! Ta y nơi pháp thường trú mà nói mật ngữ này, vì không khác với chư Phật đời trước và đời sau, cũng nói pháp đầy đủ văn tự như thế. Đại huệ! Cái biết chân chính của như lai không có vọng niệm, không đợi tư lự suy nghĩ rồi mới nói, vì Như lai từ lâu đã đoạn bốn tập khí, (kiến, dục, sắc, hữu- DG) lìa hai chết (phân đoạn tử và biến dị tử-DG), trừ hai chướng ngại (hoặc chướng và trí chướng- DG). Đại huệ! ý (mạt na) và ý thức của năm thức căn (nhãn nhĩ tỷ thiệt thân- DG), bảy thứ do tập khí làm nhân, ấy là tính sát na, không có vô lậu thiện và cũng không chịu luân hồi. Đại huệ! Như lai tạng chính là nhân của sinh tử lưu chuyển và Niết bàn, của khổ và lạc; kẻ ngu không biết quấy chấp là không. Đại huệ! các đức Như lai biến hóa mới thường được Kim cang lực sĩ theo hộ vệ, chứ không phải các đức Phật chân thật. Như lai chân thật vượt ngoài mọi giác quan và đo lường, nhị thừa ngoại đạo không biết được, an trú nơi pháp lạc hiện hữu và đã thành tựu trí nhãn. Bởi thế không cần được Kim cang lực sĩ hộ vệ. Tất cả hóa Phật đều không do nghiệp sinh, không phải Phật cũng không phải phi Phật. Thí như thợ gốm hòa các thứ lại mà làm các đồ vật, hóa Phật cũng thế; đầy đủ các tướng hiện ra để diễn nói pháp, nhưng vẫn không thể nói được cảnh giới do Thánh trí tự chứng mà có.

Lại nữa, Đại huệ! Các kẻ phàm ngu thấy sáu thức diệt mà chấp đoạn kiến, không hiểu rõ Tạng thức thì sinh chấp thường kiến. Đại huệ! Biên giới đầu tiên của vọng tâm phân biệt vốn không tự tính, bất khả đắc. Lìa phân biệt ấy liền được giải thoát, đoạn bốn thứ tập khí, lìa hết thấy lỗi lầm.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Tam thừa cùng không thừa
Không có Phật Niết bàn
Tất thọ ký thành Phật
Nói lìa các lỗi ác
Thành tựu trí cứu cánh
Cùng vô dư niết bàn
Để dụ kẻ hèn nhất
Theo mật ý kia nói
Trí sở đắc của Phật
Diễn nói đạo như thế
Ở đây không đâu khác
Nên Phật không Niết bàn
Các kiến, dục, sắc, hữu
Bốn tập khí như thế
Ý thức từ đó sinh
Tạng, Mạt na ở đó
Thấy ý thức, năm thức
Vô thường nên chấp đoạn
Mê ý, Tạng chấp thường
Tà trí gọi Niết bàn.

**CHƯƠNG VIII
CẤM ĂN THỊT**

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:
Bạch Thế tôn! Xin vì con nói các công đức và lỗi lầm của việc ăn thịt, không ăn thịt. Con cùng các Bồ tát biết nghĩa ấy rồi sẽ diễn nói cho chúng sinh ăn thịt ở hiện tại, vị lai bị các tập khí huân tập, và khiến họ bỏ vị thịt mà cầu vị pháp, đối với hết thảy mọi loài sinh lòng đại bi, thương như thương con một, ở địa vị Bồ tát, được vô thượng chính đẳng chính giác, hoặc tạm dừng ở nhị thừa rồi cuối cùng cũng thành vô thượng chính đẳng chính giác. Bạch Thế tôn! Những bọn Thế luận khởi kiến hữu vô, chấp trước đoạn, thường mà còn cấm không cho ăn thịt, hướng hồ đức Như lai Ứng chính đẳng giác, đây lòng đại bi, thế gian đều nương cậy, mà lại tự cho phép mình và kẻ khác ăn thịt hay sao. Hay thay! Đấng Thế tôn đầy đủ đại bi thương xót thế gian, thường xem chúng sinh như con một, nguyện xin Thế tôn giải nói cho con về những lỗi lầm và ác độc của sự ăn thịt và những công đức của sự kiêng thịt, khiến con cùng các Bồ tát nghe rồi phụng hành, rộng nói cho người.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát lại nói bài tụng:

Bồ tát đại hữu tình
Chí cầu Vô thượng giác
Rượu thịt cùng tội hành
Được ăn hay không được
Kẻ ngu tham ăn thịt
Hôi dơ không xiết kể
Đồng như ác thú kia

Làm sao mà ăn được
Kẻ ăn có lỗi gì
Không ăn có đức gì
Xin nguyện đấng Thế tôn
Vì con khai diễn hết

Khi ấy Phật dạy Bồ tát Đại huệ rằng:
Đại huệ! Hãy nghe, và khéo suy nghĩ. Ta sẽ phân biệt rõ cho ông thấy. Đại huệ! Có vô số lý do khiến Bồ tát thương xót không ăn thịt, ta chỉ nói đôi phần. Đại huệ! Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay không ngừng qua lại trong sinh tử luân hồi, không khỏi có lần làm cha mẹ anh em con cái lẫn nhau, hoặc làm bà con, bè bạn, đây tờ thân yêu... Sang đời khác họ sinh làm thân chim và thú, sao nữ đem ăn thịt? Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình xem chúng sinh như thân mình, nghĩ rằng thịt đều do có mạng sống mà ra, làm sao nữ ăn? Đại huệ! Bọn quỷ la sát v.v.. nghe ta nói thế này còn bỏ ăn thịt, hướng hồ những người thích pháp. Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình ở đâu cũng xem chúng sinh là thân thuộc, cho đến nghĩ như con một của mình, nên không ăn tất cả thịt. Đại huệ! những người bán thịt ở góc đường chợ búa hoặc lấy thịt chó ngựa người trâu bò v.v.. đem bán để cầu lợi, ế tạp như thế làm sao ăn được.
Đại huệ! Hết thảy các thứ thịt đều do máu huyết ô uế làm ra, người cầu trong sạch sao lại ăn dùng. Đại huệ! chúng sinh khi thấy những người ăn thịt thì sợ hãi, kẻ tu từ tâm sao lại ăn thịt. Đại huệ! Những thợ săn, Chiên đà la (Càndàla), những người bắt cá, lưới chim, chó thấy thì sủa, thú vật thấy thì bỏ chạy. Tất cả chúng sinh bay trên không chạy trên đất, sống dưới nước, trông thấy những người kia đều nghĩ : "Tên ấy trông như quỷ la sát, nay đến đây chắc để giết mình." Vì lo giữ mạng sống nên chúng đều chạy tránh. Người ăn thịt cũng vậy.

Cho nên Bồ tát vì tu hạnh từ không nên ăn thịt. Đại huệ ! Người ăn thịt thì thân thể hôi hám dơ bẩn, tiếng ác truyền khắp, hiền thánh, người tốt không thân gần, do vậy Bồ tát không nên ăn thịt. Đại huệ! Máu thịt là thứ mà tiên thánh không dùng, nên Bồ tát không ăn thịt. Đại huệ! Lại vì muốn gìn giữ tín tâm của chúng sinh, không để họ chê bai nhục báng Phật pháp, nên Bồ tát không ăn thịt. Đại huệ! Nếu đệ tử ta ăn thịt, thì người đời sẽ ôm lòng chê bai, nói: "Sa môn tịnh hạnh sao lại từ bỏ vị ăn của chư thiên mà cư xử như ác thú, ăn thịt đầy bụng đi khắp thế gian, khiến chúng sinh cảm thú hoảng sợ, phá hạnh thanh tịnh, lỗi đạo sa môn? Xem đấy đủ biết Phật pháp không có hạnh điều phục." Bồ tát thương chúng sinh, muốn giữ cho họ khỏi sinh tâm ấy, nên không ăn thịt. Đại huệ! Khi thịt người cháy thì hơi hôi xông lên, các thứ thịt nướng khác cũng vậy. Cũng cùng là thịt, sao lại có thứ ăn, có thứ không ăn. Cho nên những người vui đạo thanh tịnh không nên ăn thịt. Đại huệ! Các nam nữ thiện tín tu hành thanh tịnh ở dưới cây hay nơi vắng vẻ để an trú tâm từ, trì chú cầu giải thoát, hoặc cầu pháp Đại thừa, nhưng vì ăn thịt mà không đạt được các mục đích trên. Bởi thế Bồ tát muốn lợi mình lợi người không nên ăn thịt. Đại huệ! Người ăn thịt khi trông thấy thịt liền sinh lòng tham ăn ngon. Bồ tát thương nghĩ hết thấy chúng sinh như thân mình, làm sao thấy thịt mà nghĩ đến chuyện ăn được? Vì thế Bồ tát không nên ăn thịt. Đại huệ! Lại người ăn thịt thì chư thiên xa lánh, hơi miệng thường hôi, ngủ mộng bất an, tỉnh dậy lo sợ, bị ác quỷ dạ xoa hút mất tinh khí, lòng nhiều hoảng sợ, ăn không biết đủ, tăng trưởng bệnh, dễ sinh ghẻ lở, mụn nhọt, thường bị vi trùng đục khoét, không thể sinh tâm chán ghét muốn xa lìa thịt. Đại huệ! Ta thường nói : "Tỳ kheo ăn cái gì cũng nên nghĩ như ăn thịt

con." Các thức ăn khác còn thế, thì sao ta lại cho phép đệ tử ăn thịt được? Đại huệ! Thịt không tốt đẹp, không sạch, làm sinh các tội ác, phá hoại các công đức, bị chư thiên, thánh nhân xa lìa, sao ta lại cho phép đệ tử ăn thịt? Kẻ nào nói ta thuận cho ăn thịt chính là phỉ báng ta vậy. Đại huệ! Thức ăn sạch là lúa gạo, đậu, đại mạch, tiểu mạch, dầu mè, ván sữa, đường. Những loại như thế đều được chư Phật quá khứ cho phép ăn. Những thứ nên ăn ta nói đây là để cho những thiện nam tín nữ trong dòng họ ta, những kẻ có đức tin thanh tịnh, đã trồng căn lành từ lâu đời, không tham trước thân mạng tài sản, xót thương hết thấy như chính thân mình. Ta nói những vật nên ăn cho những người như vậy, chứ không phải cho những kẻ có thói quen độc ác, tính như hổ lang, lòng nặng dục vọng.

Đại huệ! Xưa có quốc vương tên Sư tử sinh (Simhasaydasa), ưa mùi vị thịt, ăn đủ thứ thịt đến cả thịt người, thần dân không chịu nổi nên làm phản. Cuối cùng vua phải mất nước, chịu khổ não lớn. Đại huệ! Thích đề hoàn nhân đã ở địa vị vua trời, do tập khí ăn thịt đời trước còn lại, nên biến làm chim ưng săn đuổi một con bò câu. Ta lúc ấy làm vua tên Thi tỷ (Sivin), thương xót bò câu nên tự cắt thịt mình để thế mạng cho nó.

Đại huệ! Tập khí còn lại của Đế Thích còn làm khổ chúng sinh, huống gì những kẻ ăn thịt thường xuyên không biết hổ thẹn. Ăn thịt đã tự hại còn hại người, vì thế Bồ tát không nên ăn thịt. Đại huệ! xưa có ông vua cỡi ngựa đi săn, ngựa sợ chạy vào núi hiểm, chốn không người ở, cũng không có lối ra. Vua gặp một sư tử cái cùng nó hành dâm sinh nhiều con. Trong số con có một trưởng giả rất giàu có tên Ban túc, về sau làm vua thống lĩnh 7 ức nhà, vì quen thói ăn thịt nên không phải thịt thì

không ăn. Ban đầu ăn thú vật sau đến ăn người, sinh con trai con gái đều là quỷ la sát, chết tái sinh làm sư tử, sài lang, cọp beo, chim điêu, chim thú v.v.. muốn cầu được thân người còn không được, nói gì đến cầu thoát sinh tử đạt Niết bàn. Đại huệ! Ăn thịt có vô lượng lỗi lầm tai hại như thế, nên chấm dứt ăn thịt sẽ được công đức lớn. Kẻ phàm ngu không biết những tổn hại của sự ăn thịt và lợi ích của không ăn. Bởi thế nay ta vì người mà nói rõ. Bất cứ cái gì là thịt đều không nên ăn. Đại huệ! Người ta sát sinh phần lớn là do có người ăn thịt, nếu không người ăn thì cũng không có việc giết; bởi thế ăn thịt cũng có tội như giết. Quái lạ cho người đời tham đắm vị thịt, thịt người còn ăn huống là thịt chim thú. Vì tham ăn ngon, chúng đặt ra đủ cách giăng lưới bày bẫy khắp nơi, loài dưới nước, loài ở trên đất, loài bay trên không đều bị giết hại, nếu không tự mình ăn thì cũng đem bán để lấy tiền.

Đại huệ! Thế gian có những kẻ không lòng thương xót, chuyên làm việc tàn bạo như quỷ la sát; khi thấy chúng sinh thân hình béo tốt là nghĩ đến thịt, và bảo "Con vật này ăn được đấy." Đại huệ! Thế gian không có thứ thịt nào không do mình giết hay người giết, lòng mình không nghĩ là nó bị giết (để có thể ăn được.) Do nghĩa này mà ta cho phép thanh văn ăn thứ thịt như thế. Đại huệ! Đời sau có những kẻ ngu si xuất gia trong pháp luật của ta, giăng quấy giới luật, làm loạn chính giáo, phỉ báng ta với lời nói ta cho phép ăn thịt và chính ta cũng đã từng ăn. Đại huệ! Nếu ta cho phép thanh văn ăn thịt, tức ta không phải người an trú tâm từ, người tu quán hạnh, người hành đầu đà, người đi nơi đại thừa; làm sao có thể khuyên thiện nam tín nữ nên xem chúng sinh như con một, nên dứt ăn tất cả thịt? Đại huệ! Có chỗ ta nói cho ăn ba thứ tịnh nhục, đấy là để dần dần cấm hẳn, khiến dễ tu học. Nay

trong kinh này, tất cả thịt của con vật tự chết hay bị giết, đều không được ăn. Đại huệ! Ta chưa bao giờ cho phép đệ tử ăn thịt, cũng không đang cho phép, cũng không sẽ cho phép. Đại huệ! Tất cả sự ăn thịt đối với người xuất gia đều là bất tịnh.

Đại huệ! Nếu có kẻ ngu si phỉ báng ta bằng cách nói Như lai cho phép ăn thịt và chính Như lai cũng đã có ăn, nên biết kẻ ấy bị ác nghiệp buộc ràng, sẽ bị đọa vào những chỗ không lợi lạc. Đại huệ! Các thánh đệ tử còn không ăn những thứ đoàn thực của phàm phu, huống gì thịt vốn là thức ăn dơ uest. Đại huệ! Thanh văn duyên giác bồ tát còn chỉ ăn pháp thực (dharmahàra) huống gì Như lai. Đại huệ! Pháp thân Như lai không phải là thân ô tạp. Như lai đã dứt trừ hết phiền não, tẩy sạch hết tập khí, khéo thanh lọc tâm tuệ, đại bi bình đẳng quán khắp chúng sinh như con một; há lại cho phép đệ tử thanh văn ăn thịt con ta sao? Huống nữa là tự ta ăn. Nói như vậy là chuyện không có.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Đều từng làm thân thuộc
Do các uest mà thành
Làm khiếp sợ chúng sinh
Nên không được ăn thịt
Tất cả các loại thịt
Hành tởi, các thứ rượu
Những vật bất tịnh ấy
Người tu hành lìa xa
Lại thường lìa đầu thoa
Cùng giường có thủng lỗ
Vì các côn trùng nhỏ
Trong đó rất sợ hãi

Ăn (thịt) sinh phóng dật
 Phóng dật sinh tà giác
 Tà giác sinh tham lam
 Bởi vậy không nên ăn
 Vì tà giác sinh tham
 Tâm bị mê vì tham
 Tâm mê tăng ái dục
 Sinh tử không giải thoát
 Vì lợi sát chúng sinh
 Lấy tiền ra mua thịt
 Cả hai đều ác nghiệp
 Chết đọa ngục gào thét
 Không thấy nghe nghi giết
 Ba thứ ấy gọi tịnh
 Vì thịt ấy không có
 Kẻ ăn ta quở trách
 Lại cùng ăn nuốt nhau
 Chết đọa vào ác thú
 hôi dơ và si cuồng
 Bởi thế không nên ăn
 thợ săn, chiên đà la
 Đồ tể, la sát bà
 Sinh trong các hạng ấy
 Là quả báo ăn thịt
 Đã ăn không hổ thẹn
 Đời đời bị si cuồng
 Chư Phật cùng Bồ tát
 Thanh văn đều nghi ghét

Tượng kiếp (Hastikakshya) cùng Đại vân (Mahamegha)

Niết bàn, ương quật ma (angulimàlika)

Cùng lăng già kinh này
 Ta đều bảo dứt thịt
 Trước nói kiến, văn, nghi
 Để dứt hết thủy thịt
 Vì ác tập cho nên
 Kẻ ngu vọng phân biệt
 Như tham ngăn giải thoát
 Các thịt cũng như thế
 Nếu người có ăn thịt
 Không thể vào thánh đạo
 Chúng sinh đời vị lai
 Nói ngu si về thịt
 Nói "đây tịnh không tội
 Phật cho chúng ta ăn."
 Tịnh thực còn (xem) như thuốc
 Như đói ăn thịt con
 Cho nên kẻ tu hành
 Biết lượng đi xin ăn
 Ăn thịt trái giải thoát
 Cùng trái biểu tượng thánh
 Khiến chúng sinh sợ hãi
 Cho nên không được ăn
 Kẻ an trú từ tâm
 Thường phải nên xa lìa
 Sư tử và hổ lang
 Ăn thịt sinh trong đó
 Nếu các thứ rượu thịt
 Hết thủy đều không dùng
 Sẽ sinh dòng hiền thánh
 Tịnh vượng, đủ trí tuệ

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ

QUYỂN VI

CHƯƠNG IX

ĐÀ LA NI

(Dhàranìparivatro nàma Navamah)

Phật dạy Đại huệ Bồ tát đại hữu tình:

Đại huệ ! Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai vì muốn ủng hộ người thọ trì kinh này, nên diễn nói chú lăng già. Nay ta cũng nói chú ấy, ông nên thọ trì.

Liên nói bài chú:

"Đát điệt tha, đổ tra, đổ tra, đổ tra, đổ tra, bát tra. bát tra, cát tra cát tra, a ma lệ, a ma lệ, tỳ ma lệ, tỳ ma lệ, nễ mế nế mế, hê mế hê mế, phược mế phược mế, cát lệ cát lệ, yết ra cát lệ, a tra mật tra, chiết tra đốt tra, kỳ nhã tra tát phổ tra, cát địa, lạt địa bặt địa, hê mế, hê mế, đệ mế, chiết lệ chiết lệ, bát lệ bát lệ, hạn đệ tỳ đệ, án chiết mãn chế, đồ trà rị đồ trà rị, bát trà rị, át kế át kế, hê mế hê mế, đồ đồ đồ đồ, lỗ lỗ lỗ lỗ, đồ đồ đồ đồ, hổ đồ hổ đồ, hổ đồ hổ, ta bà ha."

(Tadyathà tutte tutte vutte vutte patte patte katte katte amale amale vimale vimale nime nime hime hime vame vame kale kale atte matte vatte tuttle jnette sputte katte katte latte patte dime dime cale cale pace pace bandhe bandhe ance mance dutare dutare patare patare arkhe arkhe sarkhe sarkhe cakre cakre dine dine hime hime tu tu tu tu du du du du ru ru ru ru phu phu phu phu svàha)

Đại huệ ! Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam thiện nữ thọ trì đọc tụng, vì người khác mà nói đà la ni này, nên biết

những người ấy không bị tất cả người, phi nhân, quỷ thần v.v.. động tới. Nếu có người bỗng gặp chuyện dữ, mà tụng niệm cho người ấy 108 biến chú này, thì ác ma liền bỏ chạy. Đại huệ, ta lại nói cho ông Đà la ni này nữa. (Đức Phật liền nói bài chú):

Đát điệt tha, bát đầu ma đệ bệ, bát đầu mế hế, nê hế mế hế nê, lệ chủ la chủ lệ, hổ lệ hổ la hổ lệ, sáu lệ sáu lệ, bả lệ bả la bả lệ, sấn đệ tần đệ, bặt thệ mật đệ, ni la ca lệ, sa bà ha. (Tadyathà- padma padmadeve - hime hini hine - cu cule cule cule - phale phula phule - yule ghule yula yule - ghule ghula ghule - pale pala palemunce cchinde bhinde bhannje marde pramarde dikakare svàhà)

Đại huệ ! Nếu có thiện nam thiện nữ thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói đà la ni này, thì sẽ không bị trời, rồng, dạ xoa, nhân và phi nhân v.v.. cùng các ác quỷ thần làm hại. Ta vì muốn cấm chỉ các loài la sát mà nói thần chú này. Người trì chú này cũng như thọ trì tất cả bộ kinh Nhập lăng già vậy.

CHƯƠNG X
KỆ TỤNG - PHẦN THỨ NHẤT

Bấy giờ Thế Tôn muốn nói lại các nghĩa rộng trong tu đa la (kinh) này nên nói bài kệ:

Các pháp không chắc thật
Đều do phân biệt sinh
Vì phân biệt là không
Bị phân biệt không có
Do hư vọng phân biệt
Mà có các thức sinh
Tám, chín thức các món
Như sóng lớn trong biển
Tập khí thường tăng trưởng (1)

Tâm chuyển theo cảnh giới
Như sắt với nam châm
Tính chúng sinh sở y
Xa lìa các suy lường
Cùng lìa trí, sở tri
Chuyển y đặng giải thoát
Được như huyễn tam muội
Siêu quá nơi thập địa
Khi quán thấy tâm vương
Tưởng thức đều xa lìa
Khi tâm đã chuyển y
Ấy gọi là thường trụ
Ở nơi Liên hoa cung

Khởi ra các huyễn cảnh
Đã ở cung ấy rồi
Tự tại không dụng công
Lợi ích cho chúng sinh
Như mâu ngọc ma ni
Không hữu vi, vô vi
Chỉ trừ vọng phân biệt
Phàm ngu mê chấp giữ
Như thạch nữ mộng con
Nên biết rằng linh hồn
Uẩn, giới, các thứ duyên
Các kiến hữu, phi hữu
Đều không, vô tự tính
Ta dùng phương tiện nói
Nhưng thật không có tướng
Phàm phu vọng chấp giữ
Năng tướng cùng sở tướng
Tất cả biết cùng không
Tất cả không tất cả
Do phàm ngu phân biệt
Phật không giác tự, tha
Các pháp như mộng huyễn
Không sinh, không tự tính
Vì đều là tính không
Không có, bất khả đắc
Ta chỉ nói một tính
Lìa nơi vọng kế chấp
Tự tính không có hai
Chỗ làm của các Thánh
Như tứ đại bệnh suy

Khắp cõi thấy hoa đốm
 Cái thấy đó không thực
 Thế gian cũng như vậy
 Như huyễn hiện các tượng
 Cây cỏ cùng ngói sỏi
 Mà thật không có gì
 Các pháp cũng như vậy
 Không năng thủ sở thủ
 Không trói không bị trói
 Như huyễn như ảo tượng
 Như mộng như hoa đốm
 Nếu muốn thấy chân thật
 Hãy lìa phân biệt, thủ
 Nên tu quán chân thật
 Tất không Phật, không nghi
 Thế gian đồng như mộng
 Sắc, của cải đều thế
 Nếu thấy được như vậy
 là tối tôn trên đời
 Ba giới do tâm khởi
 Do mê hoặc thấy có
 Lìa vọng không thế gian
 Biết rồi chuyển nhiệm y
 Sở kiến của phàm ngu
 Vọng chấp có sinh diệt.
 Bậc trí quán như thật
 Không sinh cũng không diệt
 Thường hành "vô phân biệt"
 Xa lìa tâm, tâm pháp
 Trú trời sắc cứu cánh

Lìa các chỗ lỗi lầm
 Nơi đấy thành chính giác
 Đủ thần thông tự tại
 Cùng các định thù thắng
 Hóa hiện nơi thành này
 Hóa thân vô lượng ức
 Du khắp hết các cõi
 Khiến ngu phu được nghe
 Như hương, khó nghĩ lường
 Xa lìa đầu, giữa cuối
 Lại xa lìa hữu, vô
 Không nhiều mà hiện nhiều
 Không động mà biến khắp
 Nói trong thân chúng sinh
 Tính chân bị che lấp
 Mê hoặc thành huyễn có
 Không phải huyễn bị mê
 Do tâm mê hoặc nên
 Hết thấy đều thành có
 Vì chúng trói buộc nhau
 Tạng thức sinh thế gian
 Như thế các thế gian
 Chỉ có giả hiện bày
 Các kiến như thác chảy
 Có ra pháp và người
 Nếu biết được như thế
 Tức là chuyển sở y
 Làm con ta đích thực
 Thành tựu pháp tùy thuận
 Do ngu phu phân biệt

Pháp cứng, ẩm, ấm, động
 Giả danh không có thật
 Lại không tướng, sở tướng
 Thân hình và các căn
 Đều do tám vật thành
 Phàm ngu chấp sắc tướng
 Thân kia bị lao lung
 Phàm ngu vọng phân biệt
 Nhân duyên hòa hiệp sinh
 không rõ tướng chân thật
 Trôi lăn trong ba cõi
 Các chủng tử trong thức
 Hay hiện cảnh giới tâm
 Do phàm ngu phân biệt
 Vọng chấp nơi hai thủ
 Vô minh cùng ái nghiệp
 Các tâm do đó sinh
 Vì vậy ta biết rõ
 Đó là tính y tha
 Vọng phân biệt có vật
 Mê hoặc các tâm pháp
 Phân biệt kia đều không
 Mê vọng chấp là có
 Tâm bị các duyên buộc
 Sinh khởi nên chúng sinh
 Nếu xa lìa các duyên
 Ta nói không sở kiến
 Đã lìa hết các duyên
 Tự tướng và phân biệt
 Trong thân không sinh khởi

Ta gọi là vô vi
 Tâm sở chúng sinh khởi
 Năng thủ và sở thủ
 Sở kiến đều vô tướng
 Phàm ngu vọng phân biệt
 hiển thị A lại gia
 Tạng thức rất thù thắng
 Lìa năng thủ sở thủ
 Ta nói là chân như
 Trong uẩn không có người
 Không ngã, không chúng sinh
 Sinh chỉ là thức sinh
 Diệt chỉ là thức diệt
 Như tranh có cao thấp
 Tuy thấy mà không thật
 Các pháp cũng như vậy
 Tuy thấy mà không có
 Như thành càn thất bà
 Lại như bóng nắng lò
 Sở kiến thường như vậy
 Trí quán không thể có
 Nhân duyên cùng thí dụ
 Lấy đó mà lập tôn
 Càn thành, mộng, vòng lửa
 Ảo tượng, ánh mặt trời
 Nơi lửa, và mao luân
 Lấy đó làm ví dụ
 Để bày nghĩa vô sinh
 Thế phân biệt đều không
 Mê hoặc, như huyễn mộng

Thấy các loài không sinh
Ba cõi không sở y
Trong ngoài cũng như vậy
Thành tựu vô sinh hẳn
Được như huyễn tam muội
Cùng với Ý sinh thân
Đủ các món thần thông
Các lực và tự tại
Các pháp vốn vô sinh
Không, không có tự tính
Mê hoặc các nhân duyên
Nên nói có sinh diệt
Ngu phu vọng phân biệt
Lấy tâm hiện ra tâm
Cùng hiện các ngoại sắc
Mà thật không có gì
Như định lực quán thấy
Tượng Phật cùng khớp xương
Phân chẻ đến đại chủng
Giả bày ra thế gian
Thân, tài sản, chỗ ở
Ba pháp làm sở thủ
Ý thủ và phân biệt
Ba pháp làm năng thủ
Mê hoặc cùng vọng kế
Là phân biệt năng, sở
Chỉ theo văn tự, cảnh
Mà không thấy chân thật
Hành giả lấy tuệ quán
Các pháp không tự tính

Khi ấy trụ vô tướng
Hết thấy đều dứt bật
như lấy mực vẽ gà
Kẻ vô trí vọng thủ
Thật không có ba thừa
Phàm ngu không hiểu được
Nếu thấy các thanh văn
Cùng với bích chi phật
Đều là chỗ hóa hiện
Của Bồ tát đại bi
Ba cõi chỉ là tâm
Phân biệt hai tự tính
Chuyển y lìa nhân pháp
Ấy tức là chân như
Nhật nguyệt ánh đèn lửa
Đại chủng và ma ni
Không phân biệt tác dụng
Chư phật cũng như vậy
Các pháp như mao luân
Xa lìa sinh, trụ, diệt
Lại lìa thường, vô thường
Nhiễm tịnh cũng như thế
Như bôi thuốc vào mắt
Thấy đất thành sắc vàng
Mà thật trong đất kia
Vốn không có tướng vàng
Kẻ ngu cũng như vậy
Tâm mê loạn vô trí
Vọng chấp các pháp thật
Như huyễn như ảo tượng

Nên quán một chủng tử
 Cùng phi chủng đồng ẩn
 Một chủng hết thấy chủng
 Gọi các pháp của tâm
 Các chủng tử là một
 Chuyển y thành phi chủng
 Bình đẳng đồng pháp ấn
 Tất đều không phân biệt
 Tất cả những chủng tử
 Làm nhân cho các thức
 Sinh các sự phiền não
 Gọi là các chủng tử
 Quán tự tính các pháp
 Mê hoặc không bỏ đời
 Tính vật vốn vô sinh
 Biết rõ tức giải thoát
 Bạc định quán thế gian
 Các sắc do tâm khởi
 Vô tử tâm mê hoặc
 Thật không có sắc, tâm
 Như huyễn và Càn thành
 Mao luân và ảo tượng
 Không có mà hiện có
 Các pháp cũng như vậy
 Hết thấy pháp không sinh
 Chỉ do mê hoặc thấy
 Đã do mê vọng sinh
 Ngu vọng chấp có hai
 Do các thứ tập khí
 Sinh các làn sóng tâm

Nếu khi tập khí đoạn
 Sóng tâm không còn khởi
 Tâm duyên các cảnh khởi
 Như tranh nường vào vách
 Nếu ở giữa hư không
 Làm sao mà họa được
 Nếu duyên một ít phần
 Khiến tâm kia được sinh
 Tâm đã do duyên khởi
 Nghĩa duy tâm không thành
 Tính tâm vốn thanh tịnh
 Cũng như hư không lặng
 Đem tâm mà chấp tâm
 Do tập khí không khác
 Chấp trước tự tâm hiện
 Do tâm mà sinh khởi
 Sở kiến không ngoài tâm
 Nên nói rằng duy tâm
 Tạng thức gọi là tâm
 Tư lương lấy làm ý
 Hay rõ các cảnh giới
 Ấy tức gọi là thức
 Tâm thường là vô ký (avyāktra)
 Ý đủ hai thứ hành
 Hiện tại thức đầy đủ
 Các pháp thiện, bất thiện
 Tu chứng không nhất định
 Các địa vào cõi nước
 Vượt ra ngoài tâm lượng
 An trú không quả tướng

Các sở kiến hữu, vô
 Cùng với các món tướng
 Đều là do phàm phu
 Điên đảo vọng chấp trước
 Bạc trí lìa phân biệt
 Sự vật đã trái nhau
 Do tâm không sắc tướng
 Bởi thế vô phân biệt
 Các căn đều như huyễn
 Cảnh giới thì như mộng
 Năng tác cùng sở tác
 Hết thấy đều phi hữu
 Tục đế có tất cả
 Đệ nhất nghĩa tuyệt không
 Vô tính của các pháp
 Gọi là đệ nhất nghĩa
 Trong chỗ vô tự tính
 Nhân vì các ngôn thuyết
 Nên có các vật khởi
 Ấy gọi là tục đế
 Nếu không có ngôn thuyết
 Các vật khởi cũng không
 Trong tục đế không có
 Chỉ có lời, không sự
 Pháp điên đảo hư vọng
 Thật ra không có gì
 Nếu đảo là thật có
 Thì vô không tự tính
 Vì hữu không có tính
 Mà pháp điên đảo kia

Hết thấy các vật có
 đều là bất khả đắc
 Ác tập huân nơi tâm
 Hiện ra đủ các tướng
 Mê hoặc nói ngoài tâm
 vọng thủ các sắc hình
 Phân biệt vốn là không
 Nên phân biệt đoạn được
 Vô phân biệt sẽ thấy
 Thật tính, chứng chân không
 Vô minh huân nơi tâm
 Nên thấy các chúng sinh
 Như các voi ngựa huyễn
 Cùng cây lá và vàng
 Như kẻ bị đau mắt
 Mê hoặc thấy mao luân
 Phàm phu cũng như vậy
 Vọng thủ các cảnh giới
 Phân biệt, sở phân biệt
 Cùng người khởi phân biệt
 Chuyển, sở chuyển, nhân chuyển
 Do đó sáu giải thoát
 Do nơi vọng kế nên
 Không địa, không các đế
 Lại không có sát độ
 Hóa Phật và nhị thừa
 Tâm khởi hết thấy pháp
 Hết thấy xứ và thân
 Tâm tính thật vô tướng
 Vô trí thủ các món

Phân biệt mê hoặc tướng
 Gọi là y tha khởi
 Trong tướng có các tên
 Ấy là vì vọng kế
 Các duyên pháp hòa hợp
 Phân biệt thành danh, tướng
 Tất cả đều không sinh
 Gọi là viên thành thật
 Mười phương các sát độ
 Trong chúng sinh, Bồ tát
 Bao nhiêu pháp, Báo Phật
 Hóa thân cùng biến hóa
 Đều từ cực lạc giới
 Của Di đà mà ra
 Ở trong kinh Phương quảng
 Nên biết nghĩa bí mật
 Những gì Phật tử nói
 Cùng của Đạo sư dạy,
 Đều do Hóa thân nói
 Không phải Thật Báo Phật
 Các pháp không từng sinh
 Cũng không phải không có
 Như huyễn, lại như mộng
 Như hóa, như Càn thành
 Các pháp do tâm khởi
 Các pháp do tâm thoát
 Tâm khởi không cách khác
 Tâm diệt cũng như thế
 Vì chúng sinh phân biệt
 Các tướng hư vọng hiện

Duy tâm thật không cảnh
 Là phân biệt, giải thoát
 Do phân biệt, hí luận
 Tích tập từ vô thỉ
 Vì các ác tập huân
 Khởi cảnh hư vọng này
 Các pháp đều không sinh
 do tự tính vọng kế
 Y chỉ nơi duyên khởi
 Chúng sinh mê phân biệt
 Phân biệt không tương ứng
 Thì y tha cũng dứt
 Sở trú rời phân biệt
 Chuyển y tức chân như
 Chở vọng kế hư vọng
 Vọng kế tức không thật
 Mê hoặc vọng phân biệt
 Năng, sở thủ đều không
 Phân biệt thấy ngoại cảnh
 Ấy là tính vọng kế
 Do hư vọng kế ấy
 Duyên khởi tự tính sinh
 Tà thấy các ngoại cảnh
 Không cảnh chỉ do tâm
 Quán sát đúng như lý
 Năng, sở thủ đều diệt
 Cảnh ngoài thật không có
 Tập khí nhiễm ô tâm
 Mà chuyển có tự cảnh
 Khi diệt hai phân biệt

Trí tịnh thuộc chân như
 Khởi ra cảnh vô ảnh
 Cảnh thánh khó nghĩ bàn
 Do cha mẹ hòa hiệp
 Như gia ua trong bình
 A lại gia, ý đủ
 Khiến tăng trưởng xích, bạch
 Bế thi (pesi) và Trù bào (Ghanàrbuda)
 Các thứ uế nghiệp sinh
 Gió nghiệp tăng bốn đại
 sinh ra như trái chín
 Năm cùng năm và năm
 Sang khiếu có chín lỗ
 Móng, răng, lông đầy đủ
 Đủ rồi bèn sinh ra
 Mới sinh như phân trùng
 Lại như người tỉnh ngủ
 Mắt mở ra thấy sắc
 Phân biệt dần tăng trưởng
 Phân biệt quyết xong rồi
 Các môi răng hòa hiệp
 Bắt đầu phát nói năng
 Như giống chim anh vũ
 Thuận chúng sinh ý lạc
 Ta lập ra đại thừa
 Không phải chỗ ác kiến
 Ngoại đạo không thể thọ
 Thừa do ta tự chứng
 Không thể suy lường được
 Sau khi Phật diệt độ

Xin nói ai thọ trì
 Đại huệ ! Ông nên biết
 Sau khi ta Niết bàn
 Đời vị lai sẽ có
 Kể thọ trì pháp ta
 Trong xứ Nam Ấn độ
 Tỳ kheo danh đức lớn
 Quyết hiệu là Long thọ
 Hay phá luận hữu, vô
 Trong thế gian làm rõ
 Vô thượng đại thừa ta
 được sơ hoan hỉ địa
 Vãng sinh xứ an lạc
 Trong nghĩa lý duyên khởi
 Hữu vô đều không thành
 Trong duyên tướng tượng vật
 Phân biệt ra có, không
 Kiến ngoại đạo như vậy
 Xa lìa pháp của ta
 Danh tự của các pháp
 Đã nối nhau nhiều đời
 Tập (khí) quá khứ, hiện tại
 Xoay vần cùng phân biệt
 Nếu không nói ra tên
 Tất thế gian mê hoặc
 Vì muốn trừ mê hoặc
 Nên lập ra danh ngôn
 Kể ngu phân biệt pháp
 Mê hoặc nơi danh tự
 Mê hoặc các duyên sinh

Ấy là ba phân biệt
 Chấp bất sinh bất diệt
 Tự tính như hư không
 Tự tính vốn không có
 Đấy là tướng vọng kế
 Như huyễn, bóng, ảo tượng
 Mộng, bóng gương, vòng lửa
 Như tiếng vang, Càn thành
 Ấy là y tha khởi
 Chân như, không, bất nhị
 Thật tế cùng pháp tính
 (Bhùtakoti, Dharmatà)
 Đều không có phân biệt
 Ta nói là viên thành
 Ngữ ngôn thuộc về tâm
 Hư vọng sa nhị biên
 Tuệ phân biệt thật đế
 Là tuệ không phân biệt
 Nơi người trí mới hiện
 Nơi người ngu không hiện
 Cái hiện nơi trí ấy
 Hết thấy pháp không tướng
 Như chuỗi đeo vàng giả
 Kể ngu cho là vàng
 Các pháp cũng như vậy
 Ngoại đạo vọng suy lường
 Mọi pháp vô thủy chung
 Ở nơi tướng chân thật
 Thế gian đều vô tác
 Vọng kế không hiểu được

Các pháp trong quá khứ
 Vị lai cùng hiện tại
 Hết thấy pháp như thế
 Tất cả đều không sinh
 Do các duyên hòa hợp
 Nên nói có các pháp
 Nếu lia sự hòa hợp
 Không sinh cũng không diệt
 Mà các pháp duyên khởi
 Một, khác đều không có
 Lược nói là không sinh
 Nói rộng là không diệt
 Một đàng "bất sinh không"
 Một đàng là "sinh không"
 Bất sinh không là thắng
 Sinh không tất diệt hoại
 Chân như, không, thật tế
 Niết bàn cùng pháp giới
 Các thứ ý sinh thân
 Ta nói là dị danh
 Nơi các kinh luật luận
 Khởi phân biệt về tịnh
 Nếu không hiểu vô ngã
 Là theo lời, không nghĩa
 Chúng sinh vọng phân biệt
 Sở kiến như sừng thỏ
 Phân biệt tức mê hoặc
 Như thú khát đuối bóng
 Do nơi vọng chấp trước
 Mà khởi ra phân biệt

Nếu lia nhân vọng kế
 Tức không khởi phân biệt
 Đại phương quảng sâu xa
 Biết các cõi tự tại
 Ta vì Bồ tát nói
 Không phải vì thanh văn
 Ba cõi không, vô thường
 Xa lia ngã, ngã sở
 Ta vì các Thanh văn
 Nói tổng tướng như thế
 Không trước hết thấy pháp
 Đi một mình tịch tịnh
 Tư niệm Bích chi quả
 Ta vì duyên giác nói
 Thân là y tha khởi
 Mê hoặc không tự thấy
 Phân biệt tự tính ngoài
 Mà khiến tâm vọng khởi
 Nhờ chứng, nhờ gia trì
 Do sinh vào các loài
 Do có được trong mộng
 Ấy bốn thứ thần thông
 Thần thông được trong mộng
 Cùng do oai lực Phật
 Hay do sinh các loài
 Đều không phải "báo đắc"
 Do tập khí huân tâm
 Nên bóng tự-vật khởi
 Kể phàm ngu chưa hiểu
 Cho nên nói là sinh

do nơi vọng phân biệt
 Khi còn thấy ngoại tướng
 Thì còn tăng thêm vọng
 Vì không thấy tâm mê
 Vì sao nói có sinh
 Mà không nói sở kiến
 Khi không vật mà thấy
 Nói cho ai? Vì sao?
 Thể tâm vốn thanh tịnh
 Ý cùng với các thức
 Do tập khí thường huân
 Mà làm các uế loạn
 Tạng thức xa lia thân
 Ý bèn tìm đường nẻo
 Thức bày tự cảnh giới
 Thấy rồi tham nắm giữ
 Sở kiến đều do tâm
 Ngoại cảnh bất khả đắc
 Nếu tu quán như thế
 Xả vọng đạ chân như
 Cảnh giới của định chứng
 Nghiệp cùng oai lực Phật
 Ba thứ bất tư nghi
 Chỗ khó lường của trí
 Quá khứ, vị lai, ngã
 Hư không cùng Niết bàn
 Ta tùy thế tục nói
 Chân đế lia văn tự
 Nhị thừa cùng ngoại đạo
 Cùng y chỉ các kiến

Mê hoặc lý duy tâm
 Vọng phân biệt ngoại cảnh
 La hán, Bích chi Phật
 Cùng với trí giác Phật
 Chủng tử đã thành tựu
 Mộng thấy Phật quán đánh
 Huyền tâm tịch tịnh đến
 Vì sao nói hữu vô
 Ở đâu, nói cho ai?
 Cớ gì, nguyện Phật giải
 Vì kẻ mê duy tâm
 Ta nói huyền, hữu, vô
 Khi sinh, diệt tương ứng
 Tướng sở tướng bình đẳng
 Ý thức tên "Phân biệt"
 Cùng với năm thân thức
 Như bóng hình trôi chảy
 Từ tâm khởi chủng tử
 Nếu tâm cùng với ý
 Các thức thân không khởi
 Thì được ý sinh thân
 Lại được đến Phật địa
 Các duyên cùng uẩn, giới
 Tự tướng của nhân, pháp
 đều do tâm bày ra
 Như mộng cùng mao luân
 Quán thế gian huyền mộng
 Y chỉ nơi chân thật
 Chân thật lia các tướng
 Lại lia nhân tương ứng

Cảnh chứng của bậc thánh
 Thường trú nơi vô niệm
 Mê hoặc nhân tương ứng
 Chấp thế gian làm thật
 Hết thấy hí luận diệt
 Thì mê hoặc không sinh
 Mê theo pháp, phân biệt
 Si tâm thường hiện khởi
 Các pháp không, vô tính
 Nói thường hay vô thường
 Là kiến của "sinh luận" (utpàdavàdin)
 Không phải vô sinh luận (anutpàdavàdin)
 Nhất, dị, câu, bất câu
 Tự nhiên cùng tự tại
 Thời, vi trần, thắng tính
 Duyên, phân biệt thế gian
 Thức là giống sinh tử
 Có giống nên có sinh
 Như họa nương nơi tướng
 Biết rõ tức liền diệt
 Thí như thấy người huyền
 Mà có sinh tử huyền
 Phàm ngu cũng như vậy
 Do si có buộc, mở
 Hai thứ pháp trong, ngoài
 Cùng các nhân duyên kia
 Kể tu hành quán sát
 Điều trụ nơi vô tướng
 Tập khí không lia tâm
 Cũng không cùng với tâm

Tuy tập khí trời buộc
 Tướng tâm không sai khác
 Tâm như áo sắc trắng
 Bị tập ý thức nhiễm
 Cấu tập làm ô ướ
 Khiến tâm không hiện rõ
 Ta nói như hư không
 Không hữu cũng không vô
 Tạng thức cũng như vậy
 Hữu, vô đều xa lìa
 Nếu ý thức chuyển y
 Thì tâm lìa cấu loạn
 Ta nói tâm là Phật
 Đã rõ hết thấy pháp
 Đoạn dứt ba tướng tục
 Lại lìa nơi bốn cú
 Hữu, vô đều xa lìa
 Các hữu (bhava) thường như huyễn
 Bấy địa do tâm khởi
 Nên có hai tự tính
 Hai địa cùng Phật địa
 Chính là viên thành thật
 Dục, sắc, vô sắc giới
 Cùng với cõi Niết bàn
 Đều ở nơi thân này
 Đều là tâm cảnh giới
 Khi còn có sở đắc
 Thì còn mê hoặc khởi
 Nếu biết tự tâm khởi
 Thì mê hoặc không sinh

Ta lập hai thứ pháp
 Các tướng và thực chứng
 Dùng đủ thứ nguyên tắc
 Mà phương tiện lập thuyết
 Thấy các thứ danh, tướng
 Là mê hoặc, phân biệt
 Nếu lìa xa danh tướng
 Là tính tịch cảnh thánh
 Do phân biệt năng, sở
 Tất có tướng vọng kế
 Nếu lìa phân biệt kia
 Tự tính là chỗ thánh
 Tâm đã được giải thoát
 Là chân lý thường tồn
 Chủng tính và pháp tính
 Chân như lìa phân biệt
 Đã có thanh tịnh tâm
 Thì có tạp nhiễm hiện
 Không tịnh tức không nhiễm
 Là chân tịnh của thánh
 Thế gian do duyên sinh
 Tăng trưởng thêm phân biệt
 Quán nó như huyễn mộng
 Khi ấy tức giải thoát
 Các thứ ác tập khí
 Cùng với tâm hòa hiệp
 Chúng sinh thấy ngoại cảnh
 Không thấy pháp tính tâm
 Tâm tính vốn thanh tịnh
 Không sinh các mê hoặc

Mê do ác tập khởi
 Cho nên không thấy tâm
 Mê hoặc tức là chân
 Chân không ở chỗ khác
 Không nơi hành, phi hành
 Cũng không thấy nơi khác
 Nếu quán các hữu vi
 Xa lìa tướng, sở tướng
 Vì đã lìa các tướng
 Thấy thấy đều là tâm
 An trụ nơi duy tâm
 Không phân biệt ngoại cảnh
 Trụ sở duyên chân như
 Vượt quá ngoài tâm lượng
 Khi siêu đến tâm lượng
 Cũng siêu đến vô tướng
 Đã trú ở vô tướng
 Không thấy cả đại thừa
 Hành tịch, không dụng công
 Tịnh tu các đại nguyện
 Trí tối thắng vô ngã
 Vô tướng nên không thấy
 Hãy quán tâm sở hành
 Lại quán trí sở hành
 Quán thấy tuệ sở hành
 Nơi tướng không mê hoặc
 Khổ đế thuộc về tâm
 Tập là cảnh của trí (jnàna)
 Diệt, đạo và Phật địa
 Đều là cảnh của tuệ

Đắc quả và Niết bàn
 Cùng với tám thánh đạo
 Khi biết các pháp ấy
 Là trí Phật thanh tịnh
 Nhãn căn cùng sắc cảnh
 Không, minh và tác ý
 Nên khiến từ tạng thức
 Sinh nhãn thức chúng sinh
 Năng, sở thủ, thủ giả
 Mỗi thứ đều không có
 Không nhân vọng phân biệt
 Ấy là kẻ vô trí
 Danh, nghĩa không sinh nhau
 Riêng danh nghĩa cũng thế
 Do nhân, vô nhân sinh
 Đều không ngoài phân biệt
 Vọng nói trụ chân đế
 Tùy kiến giải bày nói
 Một tính, năm không thành
 Xa lìa nơi đế nghĩa
 Hí luận về hữu, vô
 Nên vượt các ma ấy
 Khi đã thấy vô ngã
 Không vọng cầu các cõi
 Chấp tác giả là thường
 Chú thuật hưng tranh luận
 Chân đế lìa ngôn thuyết
 Mà thấy pháp tịch tịnh
 Do nương vào tạng thức
 Mà có mạt na chuyển

Dựa vào tâm và ý
 Mà có các thức sinh
 Các pháp hư vọng lập
 Cùng tâm tính, chân như
 Định giả quán như thế
 Thông đạt tính duy tâm
 Quán ý cùng tưởng, sự
 Không nghĩ thường, vô thường
 Cùng với sinh, bất sinh
 Không phân biệt hai nghĩa
 Do nơi A lại gia
 Các thức đều sinh khởi
 Trọn không nơi một nghĩa
 Mà sinh hai món tâm
 Do thấy duy tự tâm
 Lìa không, lìa ngôn thuyết
 Nếu không thấy tự tâm
 Bị lưới tà kiến trói
 Các duyên không từng sinh
 Các căn không chỗ có
 Không tham, không uẩn, giới
 Tất không các hữu vi
 Vốn không các nghiệp báo
 Không tác không hữu vi
 Xưa nay không chấp trước
 Không buộc cũng không mở
 Pháp hữu, vô, vô ký
 Pháp, phi pháp, đều không
 Không thời, không Niết bàn
 Pháp tính bất khả đắc

Không Phật không chân đế
 Không nhân cũng không quả
 Không điên đảo, Niết bàn
 Không sinh cũng không diệt
 Lại không mười hai chi
 Biên, vô biên không có
 Hết thấy kiến đều đoạn
 Ta nói là duy tâm
 Phiền não nghiệp cùng thân
 Quả sở đắc của nghiệp
 Đều như huyễn như mộng
 Như Càn thất bà thành
 Vì trụ nơi duy tâm
 Nên thấy có đoạn thường
 Niết bàn không các uẩn
 Không ngã cũng không tướng
 Đã nhập vào duy tâm
 Chuyển y được giải thoát
 Do ác tập làm nhân
 Ngoài hiện ra đại địa
 Cùng với các chúng sinh
 Duy tâm không thấy gì
 Hình bóng, thân, tài sản
 Do tập chúng sinh hiện
 Tâm không là hữu, vô
 Tập khí khiến không rõ
 Cấu hiện ra trong tịnh
 Không phải tịnh trong cấu
 Như mây che hư không
 Tâm không hiện cũng thế

Tính vọng chấp nói có
 Nơi duyên khởi tất không
 Vì vọng kế mê chấp
 Duyên khởi không phân biệt.
 Không sở tạo đều (là) sắc
 Có sắc không sở tạo
 Mộng, huyễn, ánh, Càn thành
 Điều không phải được tạo.
 Nếu nơi pháp duyên sinh
 Nói thật cùng không thật
 Kẻ ấy tất tin theo
 Các kiến nhất cùng dị.
 Thanh văn có ba hạng:
 Nguyên sinh và biến hóa
 Và lia tham, sân si
 Từ chính pháp sinh ra.
 Bồ tát cũng ba hạng
 Chưa có các Phật tướng
 Vì nhớ nghĩ chúng sinh
 Mà hiện hình tướng Phật
 Các loại tâm chúng hiện
 Điều từ tập khí sinh
 Các loại hình và bóng
 Như sao, mây, trời, trăng
 Nếu đại chúng thật có
 Sẽ có "sở-tạo" sinh
 Vì đại chúng vô tính
 Nên không tướng năng, sở
 Đại chúng là năng tạo
 Địa thủy là sở tạo

Đại chúng vốn vô sinh
 Nên không sở-tạo-sắc
 Sắc giả, thật các thứ
 Cùng huyễn sở tạo sắc
 Sắc mộng, sắc Càn thành
 Sắc năng là thứ năm
 Năm hạng nhất xiển đề
 Năm chủng tính cũng vậy
 Ngũ thừa cùng phi thừa
 Niết bàn có sáu loại
 Các uẩn hai mươi bốn
 Các sắc có tám món
 Phật có hai mươi bốn
 Phật tử có hai loại
 Pháp môn trăm lẻ tám
 Thanh văn có ba hạng
 Các cõi Phật chỉ một
 Một Phật cũng như vậy
 Giải thoát có ba loại
 Tâm lưu chú có bốn
 Vô ngã có sáu thứ
 Sở tri cũng có bốn
 Xa lia nơi tác giả
 Cùng lia các lỗi kiến
 Trong tự chứng bất động
 Là vô thượng đại thừa
 Sinh cùng với bất sinh
 Có tám thứ chín thứ
 Một niệm cùng tiệm thứ
 Chứng đắc chỉ có một

Vô sắc giới tám thứ
 Thiên sai biệt có sáu
 Các Phật tử, Bích chi
 Xuất ly có bảy hạng
 Ba cõi tất không có
 Thường vô thường cũng không
 Tác nghiệp và quả báo
 Đều như chuyện trong mộng
 Chư Phật vốn không sinh
 Vì đệ tử Thanh văn
 Tâm thường không thấy được
 Các pháp đều như huyễn
 Nên ở nơi các cõi
 Từ Đâu suất nhập thai
 Sở sinh và xuất gia
 Không từ bào thai sinh
 Vì chúng sinh lưu chuyển
 Mà nói pháp Niết bàn
 Các đế cùng các cõi
 Tùy cơ khiến giác ngộ
 Thế gian, các châu, rừng
 Vô ngã, ngoại đạo, hành
 Thiên, thừa, A lại gia
 Quả, cảnh bất tư nghì
 Các loài tinh tú, trăng
 Các vua, các loài trời
 Loài Càn thát, dạ xoa
 Đều do nghiệp ái sinh
 Biến-dị-tử khôn lường
 Cũng cùng hiệp tập khí

Đến khi chết vĩnh tận
 Lưới phiên nào đã dứt
 Tiền lúa cùng vàng bạc
 Ruộng vườn và tôi tớ
 Voi ngựa và trâu dê
 Đều không nên nuôi giữ
 Không nằm giường có lỗ
 Không bôi bùn trát đất
 Bát bằng vàng, bạc đồng
 Đều không được nắm giữ
 Ứng khí (vỏ) ốc, pha lê
 Đất, đá, cùng bằng sắt
 Đầy một lượng Ma kiệt
 Tùy bát ta cho phép
 Thường mặc màu thanh tịnh
 Nhuộm các mảnh giẻ trắng
 Bằng phân trâu, bùn, lá
 Thành sắc áo ca sa
 Con dao dài bốn ngón
 Có hình nửa mặt trăng
 Dùng để cắt vải áo
 Kẻ tu hành được giữ
 Chớ học các kỹ thuật
 Lại không được mua bán
 Nếu cần, sai tịnh nhân
 Đấy là pháp ta dạy
 Thường giữ gìn các căn
 Khéo rõ nghĩa kinh luật
 Không giao thiệp người tục
 Ấy là bậc tu hành

Dưới cây trong hang núi
Nhà thô, trong mả mồ
Hang cỏ cùng đất trống
Kẻ tu hành nên trú
Trong mồ và chỗ khác
Ba y mang theo mình
Nếu khi thiếu áo mặc
Có kẻ cho nên nhận
Khi ra đi khát thực
Nhìn phía trước một tầm
Nhiếp niệm mà xin ăn
Cũng như ong hút mật
Chỗ có nhiều người nhóm
Có chúng tỳ kheo ni
Sinh sống với thế tục
Đều không nên khát thực
Các vua cùng con vua
Quan lớn, kẻ giàu sang
Kẻ tu hành khát thực
Đều không nên thân gần
Nhà có kẻ sinh và chết
Nhà bạn bè, bà con
Chỗ tặng ni hỗn tạp
Người tu hành không ăn
Trong chùa khói không dứt
Thường nấu các món ăn
Nếu vì mình mà nấu
Người tu hành không ăn
Hàng giả quán thế gian
Năng tướng cùng sở tướng

Đều xa lìa sinh diệt
Lại xa lìa hữu vô

QUYỂN BẢY

CHƯƠNG X KỆ TỤNG - PHẦN THỨ NHÌ

Nếu những bậc tu hành
 Không khởi các phân biệt
 Không lâu được tam muội
 Lực, thông, và tự tại
 Kẻ tu hành không nên
 Vọng chấp nhân, vi trần
 Thời, thắng tính, tác giả
 Duyên sinh ra thế gian
 Thế gian do phân biệt
 Các thứ tập khí sinh
 Kẻ tu hành hãy quán
 Các hữu như mộng huyễn
 Xa lìa kiến chấp thường
 Phủ định và xác định
 Thân, tài sản, chỗ ở
 Không phân biệt ba cõi
 Không nghĩ việc ăn uống
 Chính niệm đoạn thân trú
 Luôn luôn cung kính lễ
 Chư Phật và Bồ tát
 Khéo giải nghĩa kinh luật
 Pháp lý thú chân thật
 Năm pháp, hai vô ngã
 Lại tư duy tự tâm

Pháp nội chứng thanh tịnh
 Các địa cùng Phật địa
 Hành giả tu như thế
 Ngồi đài sen, (được) quán đảnh
 Du hành khắp các nẻo
 Chán ghét tất cả hữu
 Đến gò mả, chỗ tịnh
 Tu tập các quán hạnh
 Có vật không nhân sinh
 Vọng nói lìa đoạn, thường
 Lại nói lìa hữu, vô
 Vọng chấp là trung đạo
 Vọng chấp vô nhân luận
 Vô nhân là đoạn kiến
 Vì không rõ ngoại vật
 Phá hoại lý trung đạo
 Sợ sa vào đoạn kiến
 Không xả pháp sở chấp
 Vừa xác định phủ định
 Vọng nói là trung đạo
 Khi đã rõ duy tâm
 Xả lìa hết ngoại pháp
 Lại lìa vọng phân biệt
 Như thế hợp trung đạo
 Duy tâm, không có cảnh
 Không cảnh, tâm không sinh
 Ta và chư Như lai
 Nói đó là trung đạo
 Dù sinh hay không sinh
 Tự tính, không tự tính

Hữu và vô đều không
Không nên phân biệt hai
Không thể khởi phân biệt
Kẻ ngu nói giải thoát
Tâm không biết trí sinh
Sao đoạn được nhị chấp
Vì hiểu rõ tự tâm
Đoạn được hai sở chấp
Hiểu rõ nên đoạn được
Không phải không phân biệt
Biết rõ do tâm hiện
Phân biệt sẽ không khởi
Vì phân biệt không khởi
Tâm chân như chuyển y
Nếu thấy pháp khởi ra
Là các lỗi ngoại đạo
Niết bàn của bậc trí
Không phải là diệt hoại
Ta và chư Phật nói
Biết vậy sẽ thành Phật
Nếu lại thêm phân biệt
Tức là luận ngoại đạo
Không sinh mà hiện sinh
Không diệt mà hiện diệt
Biến khắp muôn ức chỗ
Liên hiện như trăng nước
Một thân làm nhiều thân
Đốt lửa cùng rưới mưa
Tùy cơ hiện trong tâm
Cho nên nói duy tâm

Tâm cũng là duy tâm
Phi tâm cũng tâm khởi
Thông đạt các sắc tướng
Tất cả đều duy tâm
Hình tướng Phật, thanh văn
Cùng hiện tướng Duyên giác
Và các hình sắc khác
Đều nói là duy tâm
Từ nơi vô sắc giới
Cho đến trong địa ngục
Vì chúng sinh hiện khắp
Đều do tâm làm nên
Các tam muội như huyễn
Cùng với thân ý sinh
Mười địa và tự tại
Đều do chuyển y thành
Kẻ ngu bị tướng chuyển
Theo thấy nghe hay biết
Tự phân biệt điên đảo
Bị hý luận làm động
Hết thấy không, vô sinh
Ta thật không Niết bàn
Hóa Phật ở các cõi
Nói tam thừa, nhất thừa
Phật có ba mươi sáu
Mỗi loại có mười hạng
Tùy tâm khí chúng sinh
Mà hiện ở các cõi
Pháp Phật ở thế gian
Cũng như tính vọng kế

Tuy thấy có đủ thứ
 Kỳ thực không có gì
 Pháp Phật là chân Phật
 Ngoài ra đều (là) Hóa Phật
 Tùy chủng tử chúng sinh
 Thấy hiện thân của Phật
 Vì mê hoặc các tướng
 Nên khởi ra phân biệt
 Phân biệt không khác chân
 Tướng bất (?) nơi phân biệt
 Tự tính cùng thọ dụng
 Hóa thân cùng Hiện hóa
 Ba mươi sáu vị Phật
 Đều do tự tính thành
 Do giống tập huân ngoài
 Mà sinh ra phân biệt
 Không giữ cái chân thật
 Mà giữ cái vọng chấp
 Mê hoặc do nội tâm
 Cùng duyên ở ngoại cảnh
 Chỉ hai thứ ấy khởi
 Không có duyên thứ ba
 Mê hoặc nương trong ngoài
 Mà có ra sinh khởi
 Sáu mươi hai, mười tám
 Nên ta nói là tâm
 Biết chỉ có căn, cảnh
 Tất lìa nơi ngã chấp (àtmagràha)
 Rõ tâm không cảnh giới
 Liền lìa được pháp chấp

Do nương nơi bản thức (àlaya)
 Mà có các thức sinh
 Do nương vào nội xứ
 Mà tự hình hiện ngoài
 Kể ngu thường phân biệt
 Hữu vi cùng vô vi
 Đều là bất khả đắc
 Như hoa đốm, mao luân
 Như thành Càn thất bà
 Như huyễn như ảo tượng
 Không có mà thấy có
 Duyên khởi pháp cũng thế
 Ta do ba thứ tâm
 Giả lập căn, cảnh, ngã
 Mà tâm, ý, thức kia
 Tự tính thật không có
 Tâm ý cùng với thức
 Vô ngã có hai thứ
 Năm pháp và tự tính
 Ấy là cảnh giới Phật
 Nhân tập khí là một
 Mà thành ra ba tướng
 Như lấy một màu hòa
 Tường vẽ thấy các hình
 Năm pháp hai vô ngã
 Tự tính, tâm, ý thức
 Ở trong chủng tính Phật
 Đều là bất khả đắc
 Xa lìa tâm, ý, thức
 Lại lìa nơi năm pháp

Và lìa nơi tự tính
 Đây là chủng tính Phật
 Nếu nghiệp thân ngữ ý
 Không tu pháp bạch tịnh
 Chủng tính tịnh của Phật
 Tất lìa nơi hiện hạnh
 Thần thông lực tự tại
 Tam muội, tịnh trang nghiêm
 Các thứ ý sinh thân
 Ấy chủng tính Phật tịnh
 Chỗ nội chứng vô cấu
 Xa lìa các tướng nhân
 Bát địa và Phật địa
 do Như lai tính thành
 Viễn hành cùng Thiên thế
 (Dùramgamà, Sàdhumatì)
 Pháp vân và Phật địa
 Đều là chủng tính Phật
 Ngoài ra đều nhị thừa
 Tâm Như lai tự tại
 Nhưng vì hàng ngu phu
 Tướng tâm có sai biệt
 Mà nói bảy thứ địa
 Địa thứ bảy không khởi
 Lỗi lầm thân ngữ ý
 Sở y địa thứ tám
 Như mộng thấy qua sông
 Địa thứ tám thứ năm
 Hiểu rõ công xảo minh
 Các Bồ tát hay làm

Vua trong các cõi hữu
 Kể trí không phân biệt
 Sinh hay là không sinh
 Không cùng với bất không
 Tự tính, vô tự tính
 Thấy chỉ là tâm lượng
 Mà thật bất khả đắc
 Vì hàng nhị thừa nói
 Đây thật, đây hư vọng
 Không phải vì Bồ tát
 Không nên nói phân biệt
 Hữu phi hữu đều không
 Cũng không tướng sát na
 Pháp giả, thật cũng không
 Ngoài tâm không có được
 Hữu pháp là tục đế
 Vô tính đệ nhất nghĩa
 Mê hoặc chỗ vô tính
 Ấy tức là thế tục
 Hết thấy pháp đều không
 Ta vì hàng phàm ngu
 Theo tục giả bày nói
 Nhưng đây không chân thật
 Các pháp do ngôn khởi
 Tất có nghĩa sở hành
 Khi thấy do ngôn sinh
 Thì các pháp không có
 Như lìa tướng không hoa
 Lìa hình cùng không bóng
 Nếu tạng thức thanh tịnh

Thì sống thức không sinh
 Nương pháp thân có báo
 Từ Báo khởi Hóa thân
 Đấy là Căn bản Phật
 Ngoài ra Hóa Phật hiện
 Không nên vọng phân biệt
 Không cùng với bất không
 Vọng chấp hữu và vô
 Lời nghĩa đều không có
 Kẻ phạm vọng phân biệt
 Đức, thật, trần làm sắc
 Một mảy trần không có
 Cho nên không cảnh giới
 Chúng sinh thấy tướng ngoài
 Đều do tự tâm hiện
 Cái bị thấy đã không
 Nên không có ngoại cảnh
 Như voi bị sa lũy
 Không thể nào di động
 Thanh văn trú trong định
 Chìm đắm cũng như thế
 Nếu thấy các thế gian
 Do tập khí làm nhân
 Hữu vô đều không thấy
 Pháp vô ngã, giải thoát
 Tự tính là vọng kế (parikalpita)
 Duyên khởi tức y tha (paritantra)
 Chân như là viên thành
 Trong kinh ta thường nói
 Tâm, ý cùng với thức

Phân biệt cùng biểu thị
 Tạng thức làm ba cõi
 Điều đồng nghĩa với tâm
 thọ mạng, hơi ấm, thức
 A lại gia, mạng căn (jīvitendriyā)
 Ý cùng với ý thức
 Điều đồng nghĩa "phân biệt"
 Tâm hay giữ được thân
 Ý (manas) xét đoán suy lường
 Ý thức cùng năm thức
 Rõ cảnh giới tự tâm
 Hoặc thật có ngã thể
 Khác uẩn cùng trong uẩn
 Nơi đó tìm ngã thể
 Rốt ráo không thể được
 Quán thế gian mỗi mỗi
 Các phiền não chính, phụ
 Đều do tự tâm hiện
 Lìa khổ được giải thoát
 Tâm trí thanh văn đạt
 Tịch tịnh trí duyên giác
 Trí tuệ của Như lai
 Sinh khởi vô cùng tận
 Thật không có sắc ngoài
 Chỉ do tự tâm hiện
 Phạm phu không hay biết
 Vọng phân biệt hữu vi
 Không biết cảnh giới ngoài
 Các thứ đều do tâm
 Kẻ ngu dùng nhân, dụ

Lập thành bốn cú nghĩa
 Bạc trí tất hiểu rõ
 Cảnh giới tự tâm hiện
 Không dùng tôn nhân dụ
 Lập ra các cú nghĩa
 Phân biệt, bị phân biệt
 Đều là tướng vọng kế
 Y chỉ nơi vọng kế
 Mà khởi thêm phân biệt
 Xoay chuyển nương lẫn nhau
 Đều do một tập khí
 Cả hai đều là khách
 Không (phải) tâm chúng sinh khởi
 Ở yên trong ba cõi
 Phân biệt tâm, tâm sở
 Tự cảnh giới hiện ra
 Là tự tính vọng kế
 Hình bóng cùng chủng tử
 Hợp thành mười hai xứ
 Sở y, sở duyên hợp
 Nói có vật được sinh
 Cũng như bóng trong gương
 Mắt lò thấy mao luân
 Tập khí che cũng thế
 Kẻ ngu khởi vọng kiến
 Nơi cảnh tự phân biệt
 Mà khởi thêm phân biệt
 Ngoại cảnh không thể có
 Như ngu không biết đây
 Lầm cho đây là rắn

Không hiểu tự tâm hiện
 Vọng phân biệt cảnh ngoài
 Như thế tự thể đây
 Tính nhất dị đều lia
 Chỉ vì tâm mê lầm
 Vọng khởi phân biệt đây
 Khi vọng kế phân biệt
 Tính vọng kế không còn
 Như các vật cũng vậy
 Chỉ do phân biệt sinh
 Sở kiến tuyệt phi hữu
 Từ vô thủ mê hoặc
 Khởi phân biệt hữu vi
 Pháp nào khiến mê hoặc
 Nguyên Phật vì con nói
 Các pháp không tự tính
 Chỉ do tự tâm hiện
 Không hiểu rõ tự tâm
 Cho nên phân biệt sinh.
 Như kẻ ngu phân biệt
 Vọng kế thật không có
 Có những cái khác thế
 Mà kẻ ngu không biết
 Những cái bậc thánh có
 Kẻ ngu không biết đến
 Nếu thánh cũng như phạm
 Thì thánh có hư vọng
 Vì tâm thánh vốn tịnh
 Nên không có mê hoặc
 Tâm phạm ngu không tịnh

Nên có vọng phân biệt
 Như mẹ bảo con thơ:
 "Thôi con đừng khóc nữa
 Trên trời có quả rơi
 Xuống nhiều cho con bắt"
 Ta vì chúng sinh nói
 Các thứ quả tướng tượng
 Khiến chúng vui ham theo
 Pháp thật lia hữu vô
 Các pháp trước không có
 Các duyên không hòa hợp
 Vốn không sinh mà sinh
 Tự tính vốn không có
 Pháp chưa sinh không sinh
 Lia duyên, không chỗ sinh
 Pháp hiện sinh cũng thế
 Lia duyên không thể có
 Quán thật chỉ duyên khởi
 Không hữu cũng không vô
 Không hữu vô cùng sinh
 Kẻ trí không phân biệt
 Kẻ ngu phu ngoại đạo
 Vọng nói tính nhất, dị
 Không hiểu lý duyên khởi
 Thế gian như huyễn mộng
 Đại thừa ta vô thượng
 Siêu việt nơi danh ngôn
 Nghĩa ấy rất rõ ràng
 Mà kẻ ngu không biết
 Thanh văn cùng ngoại đạo

Thuyết họ đầy xan lẫn
 Khiến nghĩa đều biến đổi
 Tất cả do vọng kể
 Các tướng cùng tự thể
 Hình trạng cùng với tên
 Bốn thứ ấy duyên nhau
 Mà khởi các phân biệt
 Chấp do Phạm, Tự tại
 Một thân (Suz. nhân) cùng nhiều thân
 Cùng nhật nguyệt vận hành
 Kẻ ấy không (phải) con ta
 Đầy đủ các Thánh kiến
 Thông đạt pháp như thật
 Khéo léo chuyển các tướng
 Đến bên kia bờ thức
 Dùng pháp giải thoát này
 Lia hẳn nơi hữu vô
 Cùng lia chỗ khứ, lai
 Đấy (là) con trong pháp ta
 Nếu sắc, thức chuyển diệt
 Các nghiệp bị hư hoại
 Tức là không sinh tử
 Cũng không thường, vô thường
 Nhưng khi chúng chuyển diệt
 Tuy xả ly sắc xứ
 Nghiệp vẫn ở tạng thức
 Lia lỗi lầm hữu vô
 Sắc thức tuy chuyển diệt
 Mà nghiệp không hoại mất
 Khiến ở trong các cõi

Sắc thức lại tương tục
 Nếu các chúng sinh kia
 Nghiệp đã khởi bị hoại
 Ấy là không sinh tử
 Lại không có Niết bàn
 Nếu nghiệp cùng sắc thức
 Đồng thời mà diệt hoại
 (Nếu) trong sinh tử có sinh
 Sắc, nghiệp sẽ không khác
 Sắc, tâm và phân biệt
 Không khác, không không khác
 Kẻ ngu nói diệt hoại
 Mà thật lia hữu, vô
 Duyên khởi cùng vọng kế
 Xoay vẫn không tương riêng
 Như sắc với vô thường
 Xoay chuyển sinh cũng thế
 Đã lia khác, không khác
 Vọng kế không thể biết
 Như sắc tính vô thường
 Vì sao nói có không
 Khéo đạt chỗ vọng kế
 Duyên khởi tất không sinh
 Do thấy chỗ duyên khởi
 Vọng kế tức chân như
 Nếu diệt tính vọng kế
 Tức là hoại pháp nhãn
 Bèn ở trong pháp ta
 Xác định cùng phủ định
 Các hạng người như thế

Thường hủy báng chính pháp
 Kẻ kia cùng phi pháp
 Diệt hoại pháp nhãn ta
 Bạc trí không giao thiệp
 Lại bỏ việc tỳ kheo
 Vì phá hoại vọng kế
 Nên xác định, phủ định
 Nếu theo sự phân biệt
 Khởi các kiến hữu, vô
 Họ như huyễn, mao luân
 Mộng, nắn cùng Càn thành
 Họ không học Phật pháp
 Không nên cùng ở chung
 Đã tự do hai biên (?)
 Lại còn phá người khác
 Nếu có bậc tu hành
 Quán nơi tính vọng kế
 Vắng lặng lia hữu vô
 Phật tử nên cùng ở
 Như thế gian có chỗ
 Sinh vàng, ngọc ma ni
 Chỗ kia không tạo tác
 Mà chúng sinh thọ dùng
 Nghiệp tính cũng như vậy
 Xa lia các thứ tính
 Nghiệp được thấy vốn không
 Mà vẫn sinh các nẻo
 Như chỗ thánh biết rõ
 Pháp đều không có gì
 Do kẻ ngu phân biệt

Pháp vọng kế phi không
 Vì kẻ ngu phân biệt
 Pháp ấy không có vậy
 Đã không hết thấy pháp
 Chúng sinh không tạp nhiễm
 Vì có pháp tạp nhiễm
 Bị vô minh, ái buộc
 Hay khởi thân sinh tử
 Các căn tất đầy đủ
 Nếu nói ngu phân biệt
 Pháp này đều là không
 Thì không các căn sinh
 Kẻ tu hành không chơn
 Nếu không có pháp này
 Vẫn làm nhân sinh tử
 Kẻ ngu không đợi tu
 Tự nhiên mà giải thoát
 Nếu không có pháp kia
 Phàm Thánh làm sao phân
 Lại tất không Thánh nhân
 Tu hành ba giải thoát
 Các uẩn cùng nhân, pháp
 Tự, cộng tướng sáu tướng
 Các duyên và các căn
 Ta vì Thanh văn nói
 Duy tâm và không nhân
 Các địa và tự tại
 Chân như tịnh nội chứng
 Ta vì Bồ tát nói
 Đời vị lai sẽ có

Kẻ mặc áo ca sa
 Vọng nói chỗ hữu, vô
 Hủy hoại chính pháp ta
 Pháp duyên khởi vô tính
 là lãnh vực chư Thánh
 Tính vọng kế không vật (Bhàva)
 Kẻ suy tính phân biệt
 Vị lai có kẻ ngu
 Các ngoại đạo Kiệt ma (Kanabhuj)
 Nói ra luận vô nhân (Asatkàryavàda)
 Ác kiến hoại thế gian
 Vọng nói các thế gian
 Đều do vi trần sinh
 Mà trần kia không nhân
 Chín món thật vật thường
 Do thật mà sinh thật
 Do đức mà sinh đức
 Pháp tính khác với đây
 Hủy báng nói không có
 Nếu vốn không mà sinh
 Thế gian có nhân đầu
 Sinh tử không nhân đầu
 Ấy là pháp của ta
 Hết thấy vật ba cõi
 Vốn không mà sinh ra
 Thì lừa, chó sinh sừng
 Đáng lẽ không nghi ngại
 Noãn sắc thức vốn không
 Mà nay mới có sinh
 Áo, mũ, đệm các thứ

Lẽ ra do bần sinh
 Trong vãi không có đệm
 Trong cây bồ cũng không
 Trong mỗi duyên sao không
 Đều sinh ra cái đệm
 Nếu mạng và thân kia
 Vốn không mà nay sinh
 Như ta đã nói trước
 Đấy là luận ngoại đạo
 Tôn ta nói trước kia
 Vì để ngăn ý ấy
 Khi ngăn ý ấy rồi
 Sau mới nói tên mình
 Sợ rằng chúng đệ tử
 Mê chấp tôn hữu vô
 Nếu ta vì kẻ ấy
 Trước nói luận ngoại đạo (tùthavàda)
 Ác tuệ Ca tỳ la
 Vì các đệ tử nói
 Thắng tính sinh thế gian
 (Bị cầu na) chuyển biến
 Vì các duyên không có
 Không đã sinh, hiện sinh
 Các duyên đã là không
 Không sinh không bất sinh
 Tôn ta lìa hữu vô
 Lại lìa các nhân duyên
 Sinh diệt và sở tướng
 Hết thấy đều xa lìa
 Thế gian như huyễn mộng

Nhân duyên đều vô tính
 Thường quán sát như vậy
 Phân biệt tuyệt không khởi
 Nếu quán được các hữu
 Như ảo tượng, mao luân
 Lại như Tâm hương thành
 Thường lìa hữu lìa vô
 Nhân duyên đều xả ly
 Khiến tâm được thanh tịnh
 Nếu nói không ngoại cảnh
 Mà chỉ có tâm thôi
 Không cảnh tức không tâm
 Làm sao thành duy thức (cittamàtra)
 Nếu có cảnh sở duyên
 Tâm chúng sinh khởi lên
 Không nhân tâm không sinh
 Làm sao thành duy thức
 Chân như cùng duy thức
 Là lãnh vực chúng Thánh
 Có danh ngôn không thật
 Không giải được pháp ta
 Do năng thủ sở thủ
 Mà tâm có sinh khởi
 Tâm thế gian như vậy
 Nên không là duy tâm
 Hình bóng, thân, tài, đất
 Như huyễn, do tâm sinh
 Tâm tuy phân làm hai
 Mà tâm không hai tướng
 Như dao không tự cắt

Như ngón không tự sờ
 Tâm không tự thấy mình
 Việc ấy cũng như vậy
 Không có hình tượng xứ
 Tất không y tha khởi
 Tính vọng kế cũng không
 Năm pháp hai tâm diệt
 Năng sinh và sở sinh
 Đều là tướng tự tâm
 Mật ý nói năng sinh
 Mà thật không tự sinh
 Các thứ cảnh hình trạng
 Nếu do tướng tượng sinh
 Hư không cùng sừng thỏ
 Đáng cũng thành cảnh tướng
 Tự cảnh do tâm khởi
 Cảnh ấy không phải vọng
 Nhưng cảnh vọng kế kia
 Là tâm không thể có
 Trong vô thí sinh tử
 Cảnh giới đều không có
 Tâm không có chỗ khởi
 Làm sao thành hình tượng
 Nếu vật không có (mà) sinh
 Sừng thỏ đáng cũng sinh
 Không thể vô vật sinh
 Mà khởi ra phân biệt
 Như bóng gương không có
 Thì trước kia cũng không
 làm sao trong vô cảnh

Mà tâm duyên cảnh khởi
 Chân như, không, thật tế
 Niết bàn cùng pháp giới
 Hết thấy pháp không sinh
 Ấy tính đệ nhất nghĩa
 Kể ngu sa hữu vô
 Phân biệt các nhân duyên
 Không thể biết các hữu
 Không sinh, không tác giả
 (Do) tâm vô thí làm nhân
 Duy tâm không có vật
 Đã không cảnh vô thí
 Tâm do đâu mà sinh?
 Vô vật mà sinh được
 Thì nghèo đáng là giàu
 Vô cảnh mà sinh tâm
 Nguyện Phật vì con nói
 Hết thấy đều không nhân
 Không tâm cũng không cảnh
 Tâm đã không chỗ sinh
 Là chỗ làm ba cõi
 Nhân các bình, áo, sừng
 Mà nói không sừng thỏ
 Cho nên không được nói
 Không có pháp nhân nhau
 Không nhân có mà không
 Cái không ấy không thành
 Có đối không cũng thế
 Xoay chuyển nhân nhau khởi
 Nếu y theo vài pháp

Mà có vài pháp khởi
 Ấy tức cái đã y
 Không nhân mà tự có
 Nếu vật có chỗ nương
 Chỗ nương cũng có nương
 Thì thành lỗi vô cùng
 Lại không có ít pháp
 Như nương các cây lá
 Hiện ra các huyễn tướng
 Chúng sinh cũng như vậy
 Nương sự hiện các vật
 Nương năng lực huyễn sư
 Kẻ ngu thấy huyễn tướng
 Nương nơi các cây lá
 Không huyễn nào có được
 Nếu y chỉ nơi sự
 Pháp ấy tức liền hoại
 Sở kiến đã không hai
 Còn chút nào phân biệt
 Phân biệt không vọng kể
 Phân biệt cũng không có
 Vì phân biệt là không
 Không sinh tử Niết bàn
 Do không (cái) bị phân biệt
 Phân biệt tất không khởi
 Làm sao tâm không khởi
 Mà có được duy tâm
 Ý sai biệt vô lượng
 Đều không pháp chân thật
 Không thật không giải thoát

Lại không các thế gian
 Như kẻ ngu phân biệt
 Sở kiến ngoài đều không
 Tập khí quấy đục tâm
 Như hình ảnh hiện ra
 Các thứ pháp hữu, vô
 Hết thấy đều không sinh
 Chỉ duy tự tâm hiện
 Xa lìa nơi phân biệt
 Nói các pháp do duyên
 Cho kẻ ngu, chẳng trí
 Tự tính tâm giải thoát
 Tịnh tâm lãnh vực thánh
 Số, thắng cùng lộ hình (nanga)
 Phạm chí (Vipra) và tự tại
 Đều sa vào vô kiến
 Xa lìa nghĩa tịch tịnh
 Không sinh, không tự tính
 Ly cấu, không như huyễn
 Phật xưa và Phật nay
 Vì ai nói như vậy
 Kẻ tịnh tâm tu hành
 Lìa các kiến, kể đạt
 Chư Phật vì họ nói
 Ta cũng nói như vậy
 Nếu tất cả do tâm
 Thế gian ở chỗ nào
 Nhân gì thấy đại địa
 Chúng sinh có đi lại
 Như chim bay trong không

Tùy phân biệt mà đi
 Không nương cũng không ở
 Như đạp đất mà đi
 Chúng sinh cũng như vậy
 Do nơi vọng phân biệt
 Đạo đi nơi tự tâm
 Như chim trong hư không
 Bóng thân, tài, quốc độ
 Phật nói chi tâm khởi
 Xin nói bóng chỉ (là) tâm
 Nhân gì, vì sau khởi
 Bóng thân, tài, quốc độ
 Đều do tập khí chuyển
 Lại nhân không như lý
 Phân biệt mà sinh ra
 Cảnh ngoài là tướng tượng
 Tâm duyên cảnh mà sinh
 Rõ cảnh chỉ là tâm
 Thì phân biệt không khởi
 Nếu thấy tính vọng kế
 Danh nghĩa không hòa hợp
 Xa lìa giác, sở giác
 Giải thoát các hữu vi
 Danh, nghĩa đều xa lìa
 Đây là pháp chư Phật
 Nếu lìa đó cầu ngộ
 Tất không giác tự tính
 Nếu thấy được thế gian
 Lìa năng giác, sở giác
 Khi ấy tất không khởi

Phân biệt danh, sở danh
 Do thấy được tự tâm
 Danh tự vọng tác diệt
 Không thấy được tự tâm
 Tất khởi lên phân biệt
 Bốn uẩn không sắc tướng
 Số bốn không có được
 Đại chủng tính khác tên
 Làm sao cùng sinh sắc
 Do lìa được các tướng
 Năng sở tạo không có
 Dị sắc riêng có tướng
 Các uẩn sao không sinh
 Nếu thấy được vô tướng
 Uẩn xứ đều xả ly
 Khi ấy tâm cũng ly
 Nên thấy pháp vô ngã
 Do căn cảnh sai khác
 Sinh ra tám loại thức
 Ở trong vô tướng kia
 Ba tướng ấy đều lìa
 Ý duyên A lại gia
 Khởi chấp ngã, ngã sở
 Cùng hai chấp của thức
 Biết rõ tất xa lìa
 Quán thấy lìa nhất, dị
 Ấy tức không bị động
 Lìa nơi ngã, ngã sở
 Hai thứ vọng phân biệt
 Không sinh không tăng trưởng

Lại không lâm (?) nhãn thức
 Đã lìa năng sở tác
 Diệt rồi không sinh lại
 Thế gian không năng tác
 Lại lìa tướng năng sở
 Vọng kế cũng duy tâm
 Ra sao xin Phật nói
 Tự tâm hiện các thứ
 Phân biệt các hình tướng
 Không hiểu do tâm hiện
 Vọng cho là ngoài tâm
 Vì không có trí giác
 Nên khởi ra vô kiến
 làm sao nơi tính hữu
 Mà tâm không sinh chấp
 Phân biệt không hữu, vô
 Nên nơi hữu không sinh
 Rõ sở kiến duy tâm
 Phân biệt tất không khởi
 Vì phân biệt không khởi
 Chuyển y không chỗ vương
 Đỉnh chỉ bốn tông kia
 Gọi là nhân pháp hữu
 Đây là phân biệt tên
 Chỗ lập đều không thành
 Nên biết nhân năng tác
 Cũng thành lập như thế
 Vì người thuyết năng tác
 Nói nhân duyên hòa hợp
 Vì ngăn lỗi chấp thường

Nói duyên là vô thường
 Kẻ ngu nói vô thường
 Mà thật không sinh diệt
 Không thấy pháp hoại diệt
 Mà vẫn có sở tác
 Trời, người, A tu la
 Quỷ, súc sinh, diêm la
 chúng sinh sinh trong đó
 Ta nói là lục đạo
 do nghiệp thượng, trung, hạ
 Mà thọ sinh trong đó
 Giữ gìn các thiện pháp
 Mà được thắng giải thoát
 Phật vì các tỳ kheo
 Nói các chỗ thọ sinh
 Niệm niệm đều sinh diệt
 Xin Phật vì con nói
 Sắc sắc không tạm ngừng
 Niệm niệm cũng sinh diệt
 Ta vì đệ tử nói
 Sinh diệt cũng như thế
 Phân biệt là chúng sinh
 Là phân biệt không có
 Ta vì nhân duyên ấy
 Nói các niệm niệm sinh
 Nếu lìa bám nơi sắc
 Không sinh cũng không diệt
 Duyên sinh không duyên sinh
 Vô minh cùng chân như
 Hai pháp nên có khởi

Không hai tức chân như
 Nếu duyên kia không duyên
 Sinh pháp có sai biệt
 Thường, vô thường, các duyên
 Có năng tác sở tác
 Đó tức đại Mâu ni
 Cùng chư Phật đã nói
 Có năng tác sở tác
 Không khác với ngoại đạo
 Ta vì Phật tử nói
 Thân là khổ ở đời
 Cùng là tập ở đời
 Diệt, đạo tất đều đủ
 Kẻ ngu vọng phân biệt
 Nên giữ ba tự tính
 Thấy có năng, sở thủ
 Thế cùng xuất thế pháp
 Ta trước quán đối đãi
 Nói thủ nơi tự tính
 Nay vì ngăn các kiến
 Không nên vọng phân biệt
 Tìm lỗi là phi pháp
 Lại khiến tâm không định
 Đều do hai thủ khởi
 Không hai tức chân như
 Nếu vô minh, ái, nghiệp
 Mà sinh ra các thức
 Tà niệm lại có nhân
 Ấy tức lỗi "vô cùng"
 Không trí nói các pháp

Có bốn thứ hoại diệt
 Vọng khởi hai phân biệt
 Pháp thật lìa hữu, vô
 Xa lìa bốn cú nghĩa
 Lại lìa nơi nhị kiến
 Hai thứ phân biệt khởi
 Biết rõ không sinh lại
 Trong bất sinh biết sinh
 Trong sinh biết bất sinh
 Vì pháp kia đồng đẳng
 Không nên khởi phân biệt
 Nguyên Phật vì con nói
 Lý ngăn ngừa hai kiến
 Khiến con cùng các chúng
 Thường không sa hữu, vô
 Không lẫn ngoại đạo luận
 Lại xa lìa nhị thừa
 Chỗ mà Phật đã chứng
 Chỗ con Phật không lui
 Giải thoát nhân phi nhân
 Cùng một tướng vô sinh
 Vì mê chấp dị danh
 Kẻ trí nên thường lìa
 Pháp do phân biệt sinh
 Như mao luân, huyễn ảo
 Ngoại đạo vọng phân biệt
 Thế do tự tính sinh
 Vô sinh cùng chân như
 Tính không và chân tế (bhùtakoti)
 Các thứ ấy đồng nghĩa

Không nên chấp là không
 Như lông có nhiều tên
 Tên Đế thích cũng thế
 Các pháp cũng như vậy
 Không nên chấp là không
 Sắc và không không khác
 Vô sinh cũng như thế
 Không nên chấp là khác
 Thành ra lỗi kiến chấp
 Vì phân biệt tổng, biệt
 Cùng với biến phân biệt
 Chấp trước các tự tướng
 Dài ngắn cùng vuông tròn
 Tổng phân biệt (samkalpa) là tâm
 Biến phân biệt (parikalpa) là ý
 Biệt phân biệt (Vikalpa) là thức
 Đều là tướng năng sở
 Trong pháp ta khởi kiến
 Cùng vô sinh ngoại đạo
 Đều là vọng phân biệt
 Lỗi lầm, đều không khác
 Nếu có người rõ được
 Pháp vô sinh ta nói
 Cùng cái vô sinh làm
 Người ấy hiểu pháp ta
 Vì muốn phá các kiến
 Vô sinh vô trú xứ
 Khiến biết hai nghĩa ấy
 Nên ta nói vô sinh
 Phật nói pháp vô sinh

Dù là hữu hay vô
 Tức đồng với ngoại đạo
 Luận vô nhân, bất sinh
 Ta nói là Duy tâm
 Xa lìa nơi hữu vô
 Dù sinh hay bất sinh
 Kiến ấy đều nên lìa
 Vô nhân nói không sinh
 Sinh tất chấp tác giả
 Tác tức lẫn các kiến
 Vô tức tự nhiên sinh
 Phật nói các phương tiện
 Chính kiến cùng đại nguyện
 Hết thấy pháp nếu không
 Thì sao thành đạo tràng
 Là năng thủ sở thủ
 Không sinh cũng không diệt
 Chỗ thấy pháp phi pháp
 Đều do tự tâm khởi
 Thuyết do Mâu ni nói
 Trước sau tự mâu thuẫn
 Vì sao nói các pháp
 Lại nói là không sinh
 Chúng sinh không thể biết
 Nguyện Phật vì con nói
 Được lìa lỗi ngoại đạo
 Cùng cái nhân điên đảo (Visamàhetu)
 Duy nguyện bậc Thắng thuyết
 Nói chỗ sinh và diệt
 Đều lìa nơi hữu vô

Mà không hoại nhân quả
 Thế gian sa nhị biên
 Bị các kiến mê hoặc
 Nguyên xin đấng Mắt xanh
 Nói thứ lớp các địa
 Thủ, sinh, cùng bất sinh
 Không rõ nhân tịch diệt
 Đạo tràng không chỗ được
 Ta cũng không nói gì
 Pháp sát na đều không
 Không sinh không tự tính
 Các Phật đã sạch hai
 Có hai tức thành lỗi
 Bị các kiến che lấp
 Phân biệt không phải Phật
 Tưởng tượng ra sinh diệt
 Nguyên vì chúng con nói
 Tích tập các hí luận
 Do hòa hiệp mà sinh
 Tùy chủng loại hiện ra
 Sắc cảnh đều đầy đủ
 Thấy các ngoại sắc rồi
 Bèn khởi ra phân biệt
 Nếu hiểu được chỗ ấy
 Tức thấy nghĩa chân thật
 Đều lia nơi đại chủng
 Các Phật đều không thành
 Đại chủng đã duy tâm
 Nên biết không gì sinh
 Tất thuận chủng tính thánh

Chớ phân biệt phân biệt
 Không phân biệt là trí
 Phân biệt nơi phân biệt
 Là hai, không Niết bàn
 Nếu lập tôn vô sinh
 Tất hoại cái huyễn pháp
 Nếu không nhân khởi huyễn
 Tổn giảm tự tôn mình
 Ví như bóng trong gương
 Tuy lìa tính một, khác
 Chỗ thấy không phải không
 Tướng sinh cũng như vậy
 Như Càn thành, vật huyễn
 Tức đối nhân duyên có
 Các pháp cũng như vậy
 tuy sinh mà không sinh
 Phân biệt nơi nhân pháp
 Mà khởi hai thứ ngã
 Đây chỉ thế tục nói
 Kẻ ngu không biết rõ
 Do nguyên và tập khí
 Tự lực và tối thắng
 Thứ năm pháp thanh văn
 Mà có các La hán
 Thời gian và hoại diệt
 Thắng giải cùng đối đời
 Bốn thứ vô thường ấy
 Ngu phân biệt, không (phải) trí
 Kẻ ngu đọa nhị biên
 Vi trần, tự tính (praktri), tác (Kàrapa)

Vì chấp tôn hữu, vô
 Không biết nhân giải thoát
 Đại chủng trái nghịch nhau
 Đâu hay khởi sắc tướng
 Chỉ là tính đại chủng
 Không có sắc sở tạo
 Lửa thiêu hoại sắc tướng
 Nước đắm chìm mọi vật
 Gió thổi phăng mọi sự
 Làm sao sinh các sắc
 Sắc uẩn và thức uẩn
 Chỉ có hai không năm
 Ngoài ra chỉ tên khác
 Ta nói là cừ oán
 Tâm, tâm sở (cittacaitta) sai biệt
 Mà khởi ra hiện pháp
 Phân tích các sắc tướng
 Chỉ tâm, không vật tạo
 Xanh trắng đối đãi nhau
 Tác sở tác cũng thế
 Sở sinh và Tính không
 Lạnh nóng, tướng sở tướng
 Cùng hết thấy hữu vô...
 Tưởng tượng, không có thật
 Tâm ý và sáu thức
 Cùng tương ứng lẫn nhau
 Đều nương tựa thức sinh
 Không một cũng không khác
 Số, tháng và Lộ hình
 Những kẻ chấp Tự tại

(Tàrkika, Isvarodita)
 Đều sa vào hữu vô
 Xa lìa nghĩa tịch diệt
 Đại chủng sinh hình (samthàna)
 tướng (àkriti)
 Không sinh ra đại chủng
 Ngoại đạo nói đại chủng
 Sinh đại chủng và sắc
 Ngoài các pháp vô sinh
 Ngoại đạo chấp tác giả
 Theo nơi tôn hữu, vô
 Kẻ ngu không biết rõ
 Tướng thanh tịnh chân thật
 Cùng ở với đại trí
 Chỉ cùng tâm tương ứng
 Không hòa hiệp với ý, (vv.)
 Nếu nghiệp đều sinh sắc
 Tất trái nhân các uẩn
 Chúng sinh đừng nên chấp
 Vô hữu trú vô sắc
 Nói sắc mà không có
 Thì chúng sinh cũng không
 Luận vô sắc là đoạn
 Các thức cũng không sinh
 Thức nương bốn chỗ trú
 Nói vô sắc sao được?
 Nội ngoại đã không thành
 Nên thức cũng không khởi
 Nếu thức chúng sinh (là) không
 Tự nhiên được giải thoát

Ấy là luận ngoại đạo
 Kẻ vọng kế không biết
 Hoặc có kẻ chấp trước
 Các uẩn có trung gian
 Như sinh cõi vô sắc
 Vô sắc làm gì có
 Sắc ở trong vô sắc
 Tức không thể thấy được
 Vô sắc tức trái tôn
 Không xe, người đi xe (thừa, thừa giả)
 Thức do tập khí sinh
 Cùng các căn hòa hiệp
 Tám thức trong sát na
 Đều không thể nắm giữ
 Nếu các sắc không khởi
 Các căn không phải căn
 Cho nên Thế Tôn nói
 Căn, sắc, Sát nị ca (Ksanika)
 Vì sao không rõ sắc
 Mà có thức sinh được?
 Vì sao thức không sinh
 Mà có thọ sinh tử
 Các căn cùng căn cảnh
 Thánh giả hiểu nghĩa ấy
 Kẻ ngu si vô trí
 Vọng chấp thủ danh kia
 Không nên chấp đệ lục
 Có thủ cùng không thủ
 Vì lia các lỗi lầm
 Bạc thánh không định thuyết

Các ngoại đạo vô trí
 Sợ hãi nơi đoạn thường
 chấp hữu vi vô vi
 Cùng ngã không sai khác
 Hoặc chấp ngã là tâm
 Hoặc là khác với ý
 Tính một có thể giữ
 Tính khác cũng như thế
 Nếu thủ đã quyết định
 Đặt tên tâm, tâm sở
 Chấp thủ ấy vì sao
 Không giải quyết "tính một"
 Có thủ cùng tác nghiệp
 Chứng đắc, nên thọ sinh
 Như do lửa mà thành
 Ý nghĩa giống, không giống
 Như khi lửa thiêu đốt
 Củi, vật đều cùng cháy
 Vọng chấp ngã cũng thế
 Vì sao không sở thủ
 Dù sinh hay không sinh
 Tâm tính thường thanh tịnh
 Chỗ lập ngã ngoại đạo
 Sao không lấy ví dụ?
 rừng mê hoặc của thức
 Vì vọng xa chân pháp
 Vì ưa thích ngã luận
 Mà tìm cầu bỉ thử
 Chỗ của trí nội chứng
 Tướng chân ngã thanh tịnh

Đấy tức Như lai tạng
 Ngoại đạo không biết được
 Phân tích các uẩn ra
 Năng thủ và sở thủ
 Nếu biết được tướng ấy
 Tức sinh trí chân thật
 Các kẻ ngoại đạo kia
 Ở trong vòng thức tạng
 Chấp Mạt na là ngã
 Không phải chỗ Phật nói
 Nếu rõ được chỗ này
 Giải thoát thấy chân đế
 Khiến tu các phiền não
 Đoạn trừ liền thanh tịnh
 Bản tính thanh tịnh tâm
 Chỗ chúng sinh cầu được
 Như lai tạng vô cấu
 Xa lìa biên, vô biên
 Bốn thức ở trong uẩn
 Như vàng, bạc trong quặng
 Gạn lọc thành tươi sạch
 Vàng bạc đều hiện rõ
 Phật không phải người, uẩn
 Chỉ là trí vô lậu
 Biết rõ thường tịch tịnh
 Là chỗ về của ta
 Bản tính thanh tịnh tâm
 Tùy phiền não, ý thấy
 Cùng với ngã tương ứng
 Nguyên Phật vì con nói

Tự tính thanh tịnh tâm
 Ý thấy là cái gì
 nghiệp tích tụ của nó
 Tọa nhiễm nên thành hai
 Ý thấy(v.v.), ngã, phiền não
 Làm nhiễm ô tịnh tâm
 Ví như nước trong kia
 Mà có các cấu bẩn
 Như áo được lìa dơ
 Cũng như vàng lìa quặng
 Áo, vàng đều không hoại
 Tâm lìa lỗi cũng thế
 kẻ vô trí tìm cầu
 Ống tiêu cùng loa trống
 Để tìm các tiếng hay
 Ngã trong uẩn cũng thế
 Như phụ nữ mang thai
 Tuy có, không thể thấy
 Ngã chân thật trong uẩn
 Vô trí không thấy được
 Như tinh túy trong thuốc
 Lại như lửa trong cây
 Ngã chân thật (kudgala) trong uẩn
 Vô trí không thấy được
 Không tính trong các pháp
 Cùng với tính vô thường
 ngã chân thật trong uẩn
 Vô trí không thấy được
 Các địa, tự tại, thông
 Quyền, danh, thắng, tam muội

Nếu không có chân ngã
 Những thứ ấy đều không
 Có người phá hoại nói:
 "nếu có, chỉ ngã ra"
 Bậc trí nên đáp rằng:
 "Phân biệt ấy là ngã"
 Kẻ nói không chân ngã
 Báng pháp, chấp hữu vô
 Tỳ kheo nên yết ma
 Trục xuất chỗ giao thiệp
 Thuyết chân ngã bưng thạnh
 Như lửa kiếp tận nổi
 Thiêu rừng rậm vô ngã
 Lìa các lỗi ngoại đạo
 Như tô, lạc, thạch mật
 Cùng các thứ dầu ăn
 Tất cả đều có vị
 Kẻ chưa nếm không biết
 Ở trong thân các uẩn
 Năm món tìm cầu ngã
 Kẻ ngu không hiểu được
 Trí thấy tức giải thoát
 Dụ do minh trí lập
 Còn không rõ được tâm
 Nghĩa chứa đựng trong đó
 Làm sao hiển hiểu rõ
 Tướng sai biệt các pháp
 Không rõ chỉ một tâm
 Kẻ suy lường vọng chấp
 Không nhân và không khởi

Bậc định quán nơi tâm
 Tâm không thấy được tâm
 Kiến do sở kiến sinh
 Sở kiến nhân gì khởi
 Họ ta Ca chiên diên (kàtyàyana)
 Ra khỏi Tịnh cư thiên (sùddhàvàsa)
 Vì chúng sinh nói pháp
 Khiến nhập Niết bàn thành
 Duyên nơi pháp bốn trú
 Ta cùng chư Như lai
 Trong ba nghìn quyển kinh
 Rộng nói Niết bàn pháp
 Dục giới và vô sắc
 Không ở đó thành Phật
 Cõi trời sắc cứu cánh (Rùpadhàtvakanisttha)
 Lìa dục được Bồ đề
 Cảnh giới không chuyển nhân
 Nhân chuyển được cảnh giới
 Kiểm bén trí bậc tu
 Cắt lìa phiền não kia
 Vô ngã làm sao có
 Các pháp huyễn hữu vi
 Kẻ ngu thấy chân như
 Sao nói không chân ngã
 Pháp đã làm, chưa làm
 Đều không nhân mà khởi
 Hết thấy đều vô sinh
 Kẻ ngu không hiểu được
 Pháp năng tác không sinh
 Sở tác và các duyên

Cả hai đều không sinh
 Làm sao chấp năng tác
 Kể vọng kể nói có
 Nhân trước sau đồng thời
 Dụ bình, các đệ tử
 Nói các vật sinh khởi
 Phật không là hữu vi
 Các tướng tốt đầy đủ
 Là công đức luân vương
 Đó không phải Như lai
 Phật lấy trí làm tướng
 Xa lìa các kiến chấp
 Lãn vực tự nội chứng
 Đoạn hết thảy lỗi lầm
 Diếc mù cùng ngọng câm
 Già, trẻ, ôm hờn oán
 Nhất là những kẻ ấy
 Không có phần phạm hạnh
 Tùy hảo ẩn là trời
 Tướng ẩn là Luân vương
 Cả hai đều phóng dật
 Chỉ hiện nơi người tu
 Sau khi ta chết rồi
 Sẽ có Tỳ da xá (Vyàsa)
 Kana (Kanàda) Lê sa bà (Rishabha)
 Kiếp tỳ la (Kapila) xuất hiện
 Một trăm năm sau ta
 Thuyết của Tỳ da xá
 Cùng luận Bà đa la (Bhàraka) v.v..
 Rồi có Bán trạch sa (Bàndava)

Kiều vi bà (Kaurava), La ma (Ràma)
 Lại có Mao cuồng vương (Mauri)
 Nan đà (Nanda) và Cúc đa (Gupta)
 Đến Miệt lợi xa vương (Mleccha)
 Sau đó đao binh khởi
 Rồi có thời hắc ám (Kaliyuga)
 Thời ấy các thế gian
 Không tu hành chính pháp
 Qua sau các thời ấy
 Thế như bánh xe lăn
 Lửa, mặt trời hòa hiệp
 Thiêu đốt ở cõi dục
 Lại lập các cõi trời
 Thế gian lại thành tự
 Các vương cùng bốn họ
 Các tiên cùng pháp hóa
 Vệ đà cùng tế tự
 Sẽ có pháp ấy thịnh
 Pháp đàm luận hí tiếu
 Trường hàng và giải thích
 Tôi nghe như vậy v.v..
 Mê hoặc nơi thế gian
 Các thứ y nhận được
 Nếu có thứ chính sắc
 Lấy bùn xanh phân trâu
 Nhuộm đi cho hủy màu
 Hết thảy các y phục
 Phải lìa tướng ngoại đạo
 Hiện tướng bậc tu hành
 Tướng oai nghiêm của Phật

(y phục phải nghiêm chỉnh)
 Cần phải buộc giây lưng
 Lọc nước rồi hãy uống
 Lần lượt mà khát thực
 Không đến chỗ phi xứ
 Sinh cõi trời thắng diệu
 Và sinh trong loài người
 Đủ các tướng quý báu
 Sinh trời và vua người
 Vua có bốn thiên hạ
 Pháp giáo trụ lâu đời
 Lên cao tột cung trời
 Do tham nên thối thất
 Thuần thiện (Ktrayuga) cùng ba thời
 Hai thời, thời cực ác
 Phật khác hiện thời thiện
 Thích ca ra đời ác
 Sau khi ta Niết bàn
 Tất đạt đa họ Thích
 Tỳ nữ (Visnu), Đại tự tại (Mahesvara)
 Các ngoại đạo cũng xuất
 Như vậy tôi nghe v.v..
 Điều Thích sư tử nói
 Đàm cổ (puravtra) cùng tiểu ngữ (Itihàsa)
 Tiên tỳ dạ sa nói
 Sau khi ta Niết bàn
 Tỳ nữ, Đại tự tại
 Các thuyết kia nói rằng:
 Ta làm nên thế gian
 Ta tên Phật ly trần (Viraja-jina)

Họ Ca đa diễn na (Kàtyàyana)
 Cha tên Thế gian chủ (Prajàpati)
 Mẹ hiệu là Cự tài (Vasumati)
 Ta sinh nước Chiêm bà (Campà)
 Ông nội trước của ta
 Do dòng mặt trăng sinh (Somavamsa)
 Nên hiệu là Nguyệt tạng (Somagupta)
 Xuất gia tu khổ hạnh
 Diễn nói ngàn pháp môn
 Thọ ký cho Đại huệ
 Rồi sau đó diệt độ
 Đại huệ truyền Đạt ma (Dharma)
 Đạt ma truyền Di cư lê (Mekhala)
 Di cư gặp thời ác
 Kiếp tận pháp sẽ diệt
 Ca diếp Câu lưu tôn
 Câu na hàm Mười ni
 Cùng ta ly trần cấu
 Đều sinh thời thuần thiện
 Khi thời thiện dần giảm
 Có đạo sư tên Huệ (Mati)
 Thành tựu đại đồng mãnh
 Giác ngộ được năm pháp
 Không phải nhị, tam thời
 Cũng không thời cực ác
 Chỉ trong thời thuần thiện
 Mới hiện đẳng chính giác
 Áo tuy không rách rưới
 Nhưng vải vụn vá thành
 Như lỗ đuôi Khổng tước

Không có ai xâm đoạt
 Hoặc hai ngón ba ngón
 Cách nhau mà may thành
 Nếu làm khác như thế
 Kẻ ngu sinh tham trước
 Chỉ giữ ba chiếc áo
 Thường tắt lửa tham dục
 Tắm trong nước trí huệ
 Ngày đêm ba thời tu
 Như phóng tên rất mạnh
 Tên rơi phóng tên khác
 Lại như hai đầu cân
 Thiện bất thiện cũng thế
 Nếu một hay sinh nhiều
 Tất có tướng dị biệt
 Kẻ cho hầy như ruộng
 Kẻ nhận hầy như gió
 Nếu một hay sinh nhiều
 Hết thấy không nhân có
 Nhân sở tác bị hoại
 Ấy là thuyết vọng kế
 Nếu thuyết của vọng kế
 Thêm dụ đèn, hạt giống
 Một mà sinh ra nhiều
 Chỉ tương tự, không nhiều
 Mè thì không sinh đậu
 Đậu nhỏ không (phải) giống lúa
 Sao nói một sinh nhiều
 Danh thủ (pàṇini) tạo Thanh luận (Sabhanātri)
 Quảng chủ tạo Vương luận

vọng thuyết theo thế luận
 Sẽ sinh trong phạm tạng
 Ca đa diên (Kātyāyana) tạo kinh
 (Tiên) Thọ bì (Yajñavalka)
 Câu lưu (Bhūdhuka) tạo thiên văn
 Thời ác thế sẽ có
 Chúng sinh các thế gian
 Nhờ phước được làm ma
 Đứng pháp cai trị thế
 Giữ gìn cho cõi nước
 Thanh nghị (Vāṭurika) cùng Xích đậu (Masurākṣha)
 Trắc tích (Kautilya) và Mã hành (Asvalayana)
 Những đại phúc tiên ấy
 Sẽ xuất hiện đời sau
 Tất đạt đa dòng Thích
 Bộ đa (Bhūtānta), ngũ Kế giả (Pancacudaka)
 Ngũ lực (Vāgbali) cùng Thông huệ (Medhāvīn)
 Cũng ra đời về sau
 Ta ở nơi rừng hoang
 Phạm vương đến cho ta
 Trần bì (Ajina), Tam kỳ trượng (dandakāsthā)
 Bác điều (Mekhalā) cùng quân trì (Cakramandala)
 Bậc đại tu hành này
 Sẽ thành đấng ly cấu
 Nói pháp chân giải thoát
 Tướng của các Mâu ni
 Phạm vương cùng phạm chúng
 Các trời cùng chúng trời
 Cho ta áo da nai
 Trở về cùng tự tại

Ta ở trong rừng cây
 Tứ thiên vương để thích
 Cho ta y phục đẹp
 Cùng với bát khát thực
 Nếu lập luận bất sinh
 Nhân ấy sinh rồi sinh
 Lập vô sinh như thế
 Chỉ là thuyết hư huyền
 Do vô thủ tích tập
 Vô minh nhân của tâm
 Sinh diệt nối tiếp nhau
 Phân biệt của vọng kế
 Tăng khu luận có hai
 Thắng tính cùng biến dị
 Trong thắng có sở tác
 Sở tác phải tự thành
 Thắng tính cùng với vật
 Câu na nói sai biệt
 Các món tác sở tác
 Biến dị đều không được
 Như thủy ngân trong sạch
 Bụi bẩn không thể nhiễm
 Tạng thức sạch cũng thế
 Nơi chúng sinh y chỉ
 Như các thứ rau hôi
 Vị muối và thai tạng
 Chủng tử cũng như thế
 Tại sao mà không sinh
 Tính nhất và tính dị
 Câu bất câu cũng thế

Không sở thủ mà có
 Không vô vi, hữu vi
 Trong ngựa không tính trâu
 Ngã trong uẩn cũng thế
 Chỗ nói vi, vô vi
 Điều không có tự tính
 Trong giáo lý tìm ngã
 Là ác kiến vọng cầu
 Không hiểu nên nói có
 Chỉ vọng thủ, không ngoài
 Ngã ở trong các uẩn
 Một, khác đều không thành
 Lỗi lầm kia rõ rệt
 Kẻ vọng kế không biết
 Như gương nước và mắt
 Hiện ra các thứ hình
 Xa lìa tính một, khác
 Ngã trong uẩn cũng vậy
 Hành giả tu chính định
 Kiến (darsana), đế (satya) cùng với đạo (màrga)
 Siêng tu ba thứ ấy
 Giải thoát các ác kiến
 Như ở trong khe cửa
 Thấy ánh chớp qua mau
 Pháp thiên biến cũng thế
 Không nên khởi phân biệt
 Phàm phu tâm mê hoặc
 Chấp Niết bàn có, không
 Nếu có được thánh kiến
 Như thật mà hiểu được

Nên biết pháp biến dị
 Xa lìa nơi sinh diệt
 Lại tìm nơi hữu vô
 Cùng với tướng năng sở
 Nên biết pháp biến dị
 Xa lìa luận ngoại đạo
 Lại lìa nơi danh, tướng
 Diệt ngã kiến bên trong
 Thân sung sướng cõi trời
 Thân bị khổ địa ngục
 Nếu không có trung hữu
 Các thức không thể sinh
 Nên biết trong các đường
 Các loại thân chúng sinh
 Loài sinh từ thai, trứng v.v..
 Đều do trung hữu sinh
 Lìa thánh giáo chính lý
 Diệt dục hoặc càng tăng
 Là cuồng thuyết ngoại đạo
 Kẻ trí không nên nói
 Trước nên rõ biết ngã
 Và các thủ phân biệt
 Không biết rõ phân biệt
 Như con người Thạch nữ
 Ta lìa xa nhục nhãn
 Dùng huệ nhãn thiên nhãn
 Thấy các thân chúng sinh
 Lìa các hành các uẩn
 Quán thấy trong các hành
 Có sắc tốt sắc xấu

Giải thoát, không giải thoát
 Có kẻ ở cõi trời
 kẻ thọ nhân các cõi
 Chỉ mình ta biết được
 Vượt chỗ thế gian biết
 Không phải cảnh suy lường
 Vô ngã mà tâm sinh
 Tâm ấy làm sao sinh
 Há không nói tâm sinh
 Như sông, đèn, hạt giống?
 Nếu không vô minh v.v..
 Tâm thức tất không sinh
 Lìa vô minh không thức
 Làm sao sinh tương tục
 Thuyết của kẻ vọng chấp
 Ba đời và phi thế
 Thứ năm không thể nói
 Chỗ các đức Phật biết
 Các hành, thủ, sở thủ
 Đều là nhân trí tuệ
 Không nên nói trí tuệ
 Gọi tên là các hành
 Vì có nhân duyên ấy
 Tất có pháp này sinh
 Không riêng có tác giả
 Đây là pháp ta nói
 Gió không thể sinh lửa
 Nhưng khiến lửa bùng dậy
 lại do gió lửa tắt
 Làm sao dụ cho ngã?

Chỗ nói vi, vô vi
 Đều lia nơi các thủ
 Sao kẻ ngu phân biệt
 Lấy lửa mà lập ngã
 Sức các duyên xoay vần
 Cho nên sinh ra lửa
 Nếu phân biệt như lửa
 Ngã ấy do ai sinh
 vì ý thấy làm nhân
 Các uẩn, xứ tích tụ
 Ông thương chủ vô ngã
 Thường với tâm cùng khởi
 Cả hai như mặt trời
 Xa lia năng, sở tác
 Lửa không thể thành lập
 Kẻ vọng kế không biết
 Chúng sinh, tâm, Niết bàn
 Bản tính thường thanh tịnh
 Nhiễm thói lỗi vô trí
 Không khác như hư không
 Các ngoại đạo tượng ngoại (Hastisayya)?
 Bị các kiến tạp nhiễm
 Ý thức làm che khuất
 Chấp lửa là thanh tịnh
 Nếu được như thật kiến
 Sẽ đoạn được phiền não
 Xả rưng rậm tà dụ (Drstàntagahana)
 Đến lãnh vực của Thánh
 Phân biệt thành khác nhau
 Giữa trí cùng sở trí

Kẻ ngu vì không biết
 Nói chỗ không nên nói
 Như ngu lấy gỗ khác
 Làm chiêm đàn (candanàgaru), trầm thủy
 Vọng chấp cùng chân trí
 Nên biết cũng như vậy
 Ăn xong cầm bát về
 Tẩy rửa cho sạch sẽ
 Súc miệng sạch các vị
 Nên tu hành như thế
 Nếu nơi pháp môn này
 Suy nghĩ đúng như lý
 Tịnh tín lia phân biệt
 Thành tựu định tối thắng
 Lìa chấp, ở nơi nghĩa
 Thành kim cang pháp đấng
 Phân biệt nơi hữu vô
 Cùng các lưới ác kiến
 Ba độc thấy đều lia
 Được tay Phật quán đánh
 Ngoại đạo chấp năng tác
 Mê phương hướng không nhân
 Sợ hãi thuyết duyên khởi
 Đoạn diệt, không thánh tính
 Các quả báo biến khởi
 Là các thức cùng ý
 Ý từ tạng thức sinh
 Thức nương Mạt na khởi
 Tạng thức khởi các tâm
 Như biển khơi sóng lớn

Do tập khí làm nhân
 Tùy duyên mà sinh khởi
 Sát na tướng nối nhau
 Chấp cảnh giới tự tâm
 Các món hình cùng tướng
 Ý căn và thức sinh
 Do ác tập vô thỉ
 Mà sinh tự ngoại cảnh
 Chỗ thấy chỉ là tâm
 Ngoại đạo không hiểu được
 Nhân kia và duyênkia
 Mà sinh ra các thức
 Cho nên khởi các kiến
 Trôi lăn trong sinh tử
 Các pháp như huyễn mộng
 Trăng đáy nước, Càn thành
 Nên biết hết thấy pháp
 Chỉ là tự phân biệt
 Chính trí nương chân như
 Mà khởi các Tam muội
 Thủ lăng nghiêm như huyễn
 Các Tam muội như thế
 Được nhập vào các địa
 Tự tại và thần thông
 Thành tựu trí như huyễn
 Được các Phật rưới đầu
 Thấy thế gian hư dối
 Khi ấy tâm chuyển ý
 Được vào hoan hỷ địa (Muditabhūmi)
 Các địa cùng Phật địa

Đã được chuyển y rồi
 Như ma ni nhiều mâu
 Lợi ích cho chúng sinh
 Tùy hiện như trăng nước
 Xa lìa kiến hữu, vô
 Cùng với câu, bất câu
 Siêu việt hạnh nhị thừa
 Lại siêu đệ thất địa
 Pháp hiện chứng bên trong
 Từng bậc mà tu tập
 Xa lìa các ngoại đạo
 Nên nói là đại thừa
 Nói pháp môn giải thoát
 Như sừng thỏ, ma ni
 Xả ly các phân biệt
 Lìa chết cùng biến dịch
 Giáo do lý mà thành
 Lý nhờ giáo mà rõ
 Nên y giáo, lý này
 Chớ lại thêm phân biệt.

HẾT

Phương Danh Phất Tử Ấn Tống Kinh Lăng Già

Đ.Đ. Thích Pháp Quang (Houston, TX)	\$100.00
Dương Thị Thất (Tampa, FL)	\$ 40.00
Kiều Công Minh (Orlando, FL)	\$200.00
Thái Tuyết Anh (San Jose, CA)	\$ 20.00
Trần Luân (Tuệ Quang, CA)	\$ 50.00
Đỗ Ngọc Như & Lê Nhụy (Tampa, FL)	\$200.00
Phạm Dũng & Huỳnh Thanh (Tampa, FL)	\$100.00
Charlin Nhiều (Houston, TX)	\$ 50.00
Vũ Uyên Diệu Hiền (California)	\$100.00
Đoàn Thị Tuyết Diệu Trâm (California)	\$200.00
Lưu Bộ Lâm (Los Angeles, CA)	\$ 50.00
Trần Cúc Diệu Hoa (Los Angeles, CA)	\$ 50.00
Bình (Florida)	\$ 20.00
Lê Thị Thanh Hoa (Florida)	\$100.00
Đỗ Lê Bảo Anh & Bảo Toàn (Florida)	\$ 50.00
Khưư Nghín (Florida)	\$ 30.00
Nguyễn Thị Liễu (Florida)	\$ 20.00
Ba Thị Chippean (Florida)	\$ 20.00
Diệu Hoa (Florida)	\$ 50.00
Nguyễn Thị Phụng (Florida)	\$ 20.00
Như Trung (Florida)	\$ 20.00
Diệu Xuân (Florida)	\$ 20.00
Tịnh Chơn (Florida)	\$ 20.00
Diệu Hiền (Florida)	\$ 30.00
Nguyễn Trinh Hiệp (Florida)	\$ 20.00
Đạm Văn Hên (Florida)	\$ 10.00
Tu Hà Trinh Loan (Florida)	\$ 10.00
Trịnh Khải Hoàng (California)	\$ 20.00

Hà Hiệp Long (California)	\$ 50.00
Bùi Đức Ngưu (California)	\$300.00

Chùa Tịnh Luật

31155 Bunting Rd., Waller TX 77484

Tel: 936-931-5427.

Email : tinhluattemple@mail.ev1.netIn tại nhà in **VIP Printing**

4702 W. First St.# C

Santa Ana CA 92703

Tel. 714-531-6381* Fax.714-531-2844

*** **Sách Ấn Tống** ***